Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Tục Biên

Quyển XVII

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Phụ: Họ Mạc
(Mậu Hợp 20 năm)

Thế Tông Nghị Hoàng Đế

Tên húy là Duy Đàm, con thứ năm của Anh Tông, ở ngôi 27 năm, thọ 33 tuổi.

Vua tuổi còn thơ ấu, tin dùng huân thần, nên dẹp yên được kẻ tiếm nghịch, khôi phục được cơ nghiệp cũ, làm nên thái bình. Công trung hưng còn gì lớn hơn thế nữa!

Vua sinh ngày tháng 11 năm Chính Trị thứ 10 [1567], được nuôi dưỡng ở xã Quảng Thi, huyện Thụy Nguyên. Khi Anh Tông chạy ra ngoài, vua còn thơ ấu nên không đi theo, được Tả tướng Trịnh Tùng đón về lập làm vua. Lấy ngày sinh làm Dương Nguyên thánh tiết.

Quý Dậu, [Gia Thái] năm thứ 1 [1573], (Mạc Sùng Khang năm thứ 8; Minh Vạn Lịch năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, Tả tướng Trịnh Tùng và các quan văn võ cùng tôn hoàng tử lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu, đại xá, **[1b]** ban dụ đại cáo, đại lược nói: Ta nghe thượng đế mở rộng công nuôi dưỡng muôn loài, tất ngay dịp xuân mà ban ân đức, vương giả giữ gìn buổi đầu tức vị, phải ra mệnh lệnh dụ bảo thần dân. Trên dưới hợp nhau, đồng lòng một chí. Nước nhà ta, nhân thời cơ mà mở vận, gây dựng nước bằng lòng nhân.

Một tổ khai sáng đầu tiên, các thánh kế nối sau mãi, truyền nhau chính thống đã hơn một trăm năm. Vừa rồi, gặp cơn vận ách, giềng mối rối tung. May nhờ lòng người còn theo, mệnh trời còn đó. Thánh phụ hoàng thượng ta là dòng dõi nhà vua, nối cơ đồ của tông tổ, khôi phục nghiệp lớn, trải hơn mười tám năm. Ngày 26 tháng 2, bị kẻ gian là bọn Cảnh Hấp, Đình Ngạn gièm pha, ly gián, đến nỗi xa giá phiêu giạt ra ngoài, thần dân trong nước không chỗ nương tựa. Ta là con thứ năm của hoàng phụ, đương tuổi thơ non nớt, nối nghiệp lớn khó khăn, **[2a]** chỉ sợ không cáng đáng nổi. Nhưng trên vâng mệnh trời yêu mến, dưới theo lòng người suy tôn, từ chối không được, nên vào ngày mồng một tháng giêng năm nay, ta đã lên ngôi, đặt niên hiệu là Gia Thái năm thứ 1[1], thực là nhờ được đại thần Tả tướng thái uý Trường quận công Trịnh Tùng và các quan văn võ đồng lòng giúp sức để dẹp yên xã tắc. Vậy ban chiếu mệnh 6 điều để các nơi gần xa được biết:

1. Người dân nào bị nạn binh lửa không còn tài sản gì đều được tha tạp dịch.

2. Dân nghèo xiêu giạt cho về quê cũ, và được tha thuế khoá, sai dịch.

3. Những người theo trộm cướp và những kẻ trốn tù, trốn tội nếu đến thú tội ở cửa quan thì được ân xá, tha tội.

4. Các nha môn trong ngoài nếu có người tù bị giam nào tội nhẹ thì thả cho ra.

[1] Gia Thái (1573 - 1577), sau lại đổi là Quang Hưng (1578 - 1599).

5. Các quan văn võ người nào có công thì cho thăng tước một bậc[1].

6. Con cháu các quan viên, người nào bị oan khuất, kìm hãm, thì cho làm bản tâu lên, **[2b]** sẽ tùy theo tài năng mà bổ dụng.

Các nha môn trong ngoài hãy kính theo đó mà thi hành.

Bấy giờ, Hồng Phúc Hoàng Đế[2] xiêu giạt ở Nghệ An, các hoàng tử Bách, Lựu, Ngạnh, Tùng đều theo đi. Tả tướng Trịnh Tùng sai bọn Nguyễn Hữu Liêu tiến quân đến thành. Vua tránh ra ruộng mía. Bọn Hữu Liêu quỳ lạy ở ruộng nói: "Xin bệ hạ mau trở về cung để yên lòng mong đợi của thần dân trong nước, bọn thần không có chí gì khác cả". Bèn đem 4 con voi đực đón vua trở về, sai bọn Bảng quận công Tống Đức Vi[3] theo hầu, ngày đêm cùng đi. Ngày 22, về tới huyện Lôi Dương. Hôm ấy vua băng. Bấy giờ Tả tướng Trịnh Tùng sai Tống Đức Vi ngầm bức hại vua rồi nói phao là vua tự thắt cổ. Dâng tôn hiệu là Anh Tông Tuấn Hoàng Đế.

> Bản kỷ nói: Anh Tông khởi thân từ hàn vi, vì là cháu xa đời của họ Lê, **[3a]** là dòng dõi của nhà vua, nhờ được Tả tướng Trịnh Tùng và các quan tôn lập làm vua thiên hạ, lo việc khôi phục gian nan. Sau tin dùng bọn tiểu nhân, nghe lời ly gián, khinh xuất đem ngôi áu xiêu giạt ra ngoài, hại tới thân mình. Lời kẻ tiểu nhân làm hỏng nước nhà của người ta, thực là quá lắm! Như thế há chẳng đáng răn sao!

Vua đã lên ngôi, phong Tả tướng thái uý Trường quốc công làm đô tướng, tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh, kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự. Mọi công việc nhà nước đều được tự xử quyết trước rồi sau mới tâu.

Lấy Thái phó Nhân quốc công Vũ Công Kỷ[4] làm hữu tướng, bọn Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Triều quận công Vũ Sư Thước, Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu đều làm thái phó. Trịnh Đỗ làm thái bảo Ngạn quận **[3b]** công, Hùng Trà hầu Hà Thọ Lộc là Lâm quận công. Lại sai sứ mang sắc thư vào Thuận Hoá phong Đoan quận công Nguyễn Hoàng làm thái phó, sai chứa thóc để sẵn dùng nơi biên ải. Còn tiền sai dư[5] thì hàng năm phải nộp 400 cân bạc, 500 tấm lụa.

Tháng 7, quân Mạc đánh dinh Yên Trường. Quan quân rút vào trong luỹ để tỏ là yếu. Hôm sau, giặc lại đắp thêm luỹ, định qua đò Đoạn Trạch. Tiết chế Trịnh Tùng tung binh thuyền chia đánh, phá tan, giặc liền tháo chạy về.

Tháng 10, sai Hữu tướng thái phó Nhân quốc công Vũ Công Kỷ đem quân bản bộ về trấn giữ Đại Đồng[6] để vỗ yên dân địa phương.

Bấy giờ Mạc Kính Điển đem Mạc Mậu Hợp trở về thành Thăng Long, sai quân làm doanh trại ở ngoài cửa Nam để ở.

[4a] Giáp Tuất, [Gia Thái] năm thứ 2 [1574], (Mạc Sùng Khang năm thứ 9; Minh Vạn Lịch năm thứ 2). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Vũ Văn Khuê đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Mạc Đình Dự 10 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Vũ Duy Hàn 13 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 6, họ Mạc sai tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện đem quân xâm lấn Nghệ An. Từ sông Cả trở về Bắc đều mất về họ Mạc. Hoàng quận công đánh nhau với giặc nhiều lần không được, thấy quân lính nhiều kẻ bỏ trốn, bèn làm vòng sắt khoá chân quân lính vào thuyền. Quân giặc đuổi đến, họ cũng

---

[1] Nguyên văn là chữ "thứ", theo chú thích ở Cương mục thì đáng lẽ phải là chữ "tư" (CMCB24, 2).

[2] Hồng Phúc Hoàng Đế: tức Lê Duy Bang.

[3] Tống Đức Vị: người xã Khoái Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.

[4] Vũ Công Kỷ: là con của Vũ Văn Mật, Kỷ người xã Ba Đông, huyện Gia Lộc, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

[5] Nguyên văn là "mỹ dư", in lẫn chữ "sai" thành chữ "mỹ". Tiền sai dư là tiền nộp hàng năm của các trấn cho triều đình.

[6] Đại Đồng: là trấn lỵ của trấn Tuyên Quang, nay là vùng thị xã Tuyên Quang, tỉnh Hà Tuyên.

không chịu đánh. Hoành quận công bèn bỏ thuyền lên chạy bộ. Đến châu Bố Chính, bị tướng Mạc là Nguyễn Quyện bắt sống đem về Kinh Ấp[1] rồi bị hại.

Mùa thu, tháng 7, Tiết chế Trịnh Tùng sai Thái phó Lai quốc công Phan Công Tích[2] và Tấn quận **[4b]** công Trịnh Mô đem quân cứu Nghệ An, chống nhau với tướng Mạc Nguyễn Quyện đến vài tháng. Sau bọn Quyện đem quân về Kinh, Công Tích cũng thu quân về Thanh Hoa.

Bấy giờ Tiết chế Trịnh Tùng nắm hết mọi quyền trong ngoài. Bọn Trịnh Vĩnh Thiệu, Trịnh Bách và Lương quận công ngầm mưu sát hại. Việc tiết lộ, đều bị bắt hạ ngục để xử tội. Bà phi của Thái Vương[3] là Nguyễn Thị ra sức cứu gỡ mới được khỏi tội, nhưng bị tước quyền (Bà phi của Thái Vương tức là mẹ của Tiết chế Trịnh Tùng).

Ngày 20, họ Mạc phong cho Mạc Kỳ, con trưởng của Ly Vương Mạc Lý Tốn làm Hưng Lễ Vương.

Ất Hợi, [Gia Thái] năm thứ 3 [1575], (Mạc Sùng Khang năm thứ 10; Minh Vạn Lịch năm thứ 3). Tháng giêng, ngày mồng 6, họ Mạc sai Kính Điển đem quân xâm lược Thanh Hoa, bọn Nguyễn Quyện đem quân xâm lược Nghệ An.

Bấy giờ, quân Mạc mạnh, tiến đến đâu, mọi người đều không dám chống lại, trốn xa vào núi rừng để tránh mũi nhọn của chúng. Kính Điển tự **[5a]** đem đại binh tiến đánh các sông ở Yên Định và Thuỵ Nguyên[4]. Lại chia quân cho bọn tướng Tây đạo Mạc Ngọc Liễn tiến đánh các huyện Lôi Dương và Đông Sơn[5]. Ngày hôm ấy, hai đạo quân đều tiến.

Tháng 8, Tiết chế Trịnh Tùng sai thái phó Vinh quận công Hoành Đình Ái thống suất bọn Nghĩa quận công Đỗ Diễn, Thạch quận công[6], Hùng quận công Phan Văn Khoái đem quân đi cứu [các huyện] Lôi Dương, Nông Cống, Đông Sơn, đóng quân ở núi Tiên Mộc[7]. Tiết chế tự dẫn đại quân Trung dinh, sai bọn Thái phó Triều quận công Vũ Sư Thước và Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu làm tiền đội đi tiên phong; Thái phó Vệ Dương hầu Trịnh Bách, Vĩnh Thọ hầu Trịnh Đồng, Quảng Diên hầu Trịnh Ninh, làm Tả đội; Thái phó Văn Phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Thái phó Ngạn quận công Trịnh Đỗ, Lương quận công, Bảng quận công Tống Đức Vị làm Hữu đội; bọn Lân quốc công Hà **[5b]** Thọ Lộc làm Hậu đội, đều tiến đến Chiêu Sơn[8] đóng quân. Mạc Kính Điển đem đại binh đánh ở Đông Lý[9], huyện Yên Định. Bọn Sư Thước và Hữu Liêu tung kỳ binh ra đuổi.

Tháng ấy, sai bọn thái phó An quận công Lại Thế Khanh, Tấn quận công Trịnh Mô, Lai quận công Phan Công Tích đem quân đến cứu Nghệ An, đánh nhau mãi với tướng Nam đạo của họ Mạc là Nguyễn Quyện không được. Quyện đem kỳ binh phục sẵn để đợi, đánh thắng luôn, bắt được Công Tích đem về.

Bính Tý, [Gia Thái] năm thứ 4 [1576], (Mạc Sùng Khang năm thứ 11; Minh Vạn Lịch năm thứ 4). Mạc Kính Điển lại đem quân xâm lược Thanh Hoa, tiến đánh sông Lam[10] ở huyện Thuỵ Nguyên. Sai

---

[1] Kinh ấp: tức kinh thành Thăng Long.

[2] Phan Công Tích: người xã Thái Xá, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An.

[3] Tức Trịnh Kiểm.

[4] Dịch theo nguyên văn. Cương mục chép là "thẳng tiến đến huyện Thuỵ Nguyên và huyện Yên Định (CMCB24, 6), chú thích của bản dịch cũ ghi là phía hữu ngạn hạ lưu sông Mã và tả ngạn hạ lưu sông Chu.

[5] Lôi Dương và Đông Sơn: hai huyện của Thanh Hoá bấy giờ, tức vùng trung lưu và hạ lưu.

[6] Bản dịch cũ ghi tên viên tướng này là Vương Trân.

[7] Thuộc xã Tiên Mộc, huyện Nông Cống, Thanh Hoá.

[8] Chiêu Sơn chưa rõ ở đâu.

[9] Đông Lý: tên xã, thuộc huyện Yên Định, Thanh Hoá.

[10] Đây là quãng sông Chu chảy qua huyện Thuỵ Nguyên, đối với Lam Sơn, chứ không phải là sông Lam ở Nghệ An.

tướng Tây đạo Mạc Ngọc Liễn đem quân tiến đánh sông Đồng Cổ[1] ở huyện Yên Định. Lại chia quân sai tướng Nam đạo Nguyễn Quyện xâm lược Nghệ An, đánh nhau với Tấn quận công Trịnh Mô đến hơn vài tháng. Sau Trịnh Mô nhiều lần đánh không được, trốn **[6a]** về Thanh Hoa, đến huyện Ngọc Sơn. Nguyễn Quyện nói: "Trịnh Mô đánh thua chạy về, rút quân không có hiệu lệnh, ta thế nào cũng bắt được nó". Bèn tự đốc quân đuổi tới Ngọc Sơn, bắt được Mô ở giữa đường đưa về Kinh ấp. Từ đấy, oai thanh của Nguyễn Quyện ngày một lừng lẫy, trở thành viên tướng danh tướng của họ Mạc. Các tướng hùng, tôi giỏi cả miền Giang đông[2] đều cho là mình không bằng.

Đinh Sửu, [Gia Thái] năm thứ 5 [1577], (Mạc Sùng Khang năm thứ 12; Minh Vạn Lịch năm thứ 5). Đặt Chế khoa chọn nhân tài. Cho bọn Lê Trạc Tú 3 người đỗ đệ nhất giáp Chế khoa xuất thân; bọn Hồ Bỉnh Quốc 2 người đỗ đệ nhị giáp đồng Chế khoa xuất thân.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Vũ Giới, Nguyễn Nhân Triêm, Phạm Gia Môn đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Lê Viết Thảng 5 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Trần Như Lâm 10 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Họ Mạc ra lệnh lấy quân hạng nhất, nhì, ba ở các huyện, **[6b]** mỗi người mang đủ 3 tháng lương ăn để chuẩn bị xâm lược Thanh Hoa.

Tháng 5, Tiết chế Trịnh Tùng hạ lệnh cho quan lại các xứ Thanh Hoa và Nghệ An đôn đốc dân các xã các huyện, hạn từ trước tháng 6 phải kịp thời cày cấy, không được để chậm, phòng khi quân đi qua, ảnh hưởng tới nghề nông.

Tháng 7, hạ lệnh cho dân cư các huyện dọc sông xứ Thanh Hoa[3], thu xếp của cải, gia súc, đưa vợ con vào lánh ở nơi hiểm yếu dưới chân núi để phòng quân giặc đến. Hạ lệnh cho các cửa biển và điểm tuần các nơi dọc đường đều đặt pháo hiệu. Nếu thấy quân giặc tới thì lập tức bắn một tiếng pháo hiệu làm tin, để cho cư dân nghe lệnh, sẵn sàng lánh đi chổ khác, không để quân giặc giết hại. Lại hạ lệnh cho vùng chân núi các huyện nếu thấy **[7a]** dân xã ven sông đưa trâu bò gia súc chạy đến với xã mình thì phải nghiêm ngặt tuần phòng, nếu có trộm cướp phải đem người đến cứu. Nếu không đến cứu, để mất mát tiền của súc vật của cư dân thì địa phương ấy phải chia nhau mà đền.

Tháng 8, Mạc Kính Điển xâm phạm sông Đồng Cổ. Tiết chế Trịnh Tùng đích thân đem đại binh ra cửa luỹ Khoái Lạc[4] chống lại. Quân Mạc đánh phá dinh Hội Thượng. Hoàng Đình Ái đem kỳ binh khiêu chiến. Nguyễn Hữu Liêu đem quân chặn phá giặc. Lại đánh nhau với quân Mạc ở Hà Đô. Tống Đức Vị ngã trên voi xuống suýt bị quân Mạc bắt sống. Trịnh Bách dồn nhiều binh tượng đến cứu thoát. Sau quân Mạc lại tiến đến Hà Đô. Bọn tướng Nam đạo Nguyễn Quyện đem quân phục ở phía ngoài đê chờ đợi, rồi sai Hoàng quận công (không rõ tên) cùng với bọn Lại Thế **[7b]** Mỹ đem quân khiêu chiến, tiến đến ngoài cửa luỹ Khoái Lạc. Thế Mỹ nhảy lên ngựa trước đến đánh. Quan quân dùng súng bắn chết dưới chân ngựa. Quân Mạc tan vỡ. Các quân tranh nhau dâng tai Thế Mỹ ở cửa quân. Thưởng công.

Tháng 9, Mạc Kính Điển đem quân về Kinh ấp. Quan quân cũng trở về dinh Yên Trường. Uý lạo ba quân.

Bấy giờ, ở Thanh Hoa mưa dầm nhiều, nước lụt đến 7 lần, lúa má bị hạn nhiều, dân đói to.

Họ Mạc sách phong Vũ Thị Hoành là con gái của thự vệ sự vệ Cẩm y Phú Sơn hầu Vũ Văn Khê làm chính phi.

Tháng 11, sao Chổi mọc, trỏ thẳng hướng đông nam, tua sáng dài đến 40 trượng, sắc hồng và tía ánh nhau, người người đều kinh hãi.

---

[1] Sông Đồng Cổ: khúc sông mã chảy qua địa phận xã Đan Nê, huyện Yên Định. Vì xã này có núi Đồng Cổ, trên núi có đền Đồng Cổ, nên gọi như vậy.

[2] Chỉ miền thuộc phạm vi của nhà Mạc, đối với Giang tây là miền thuộc phạm vi của vua Lê chúa Trịnh.

[3] Cương mục chú là các huyện Hậu Lộc, Nga Sơn, Yên Định (CMCB24).

[4] Luỹ Khoái Lạc: ở xã Khoái Lạc, huyện Yên Định, Thanh Hoá.

Tháng 12, ngày mồng 1, sao Chổi hết. Xuống chiếu đổi năm sau làm Quang **[8a]** Hưng năm thứ 1.

Mậu Dần, [Quang Hưng] năm thứ 1 [1578], (Mạc Sùng Khang năm thứ 13; Minh Vạn Lịch năm thứ 6). Tháng 2, ngày 21, Mạc Mậu Hợp bị sét đánh ở trong cung, bị bại liệt nửa mình, sau chữa thuốc lại khỏi, bèn đổi niên hiệu, lấy năm ấy làm năm Diên Khánh thứ 1.

Tháng 7, Mạc Kính Điển đem quân vào lấn các huyện ven sông xứ Thanh Hoa. Tiến đến Giang Biểu[1], Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Trịnh Bách đem quân vượt sông phục sẵn ở núi Phụng Công[2], đánh nhau to ở cầu Phụng Công. Quan quân tập trung súng bắn vào, quân Mạc chết không xiết kể. Kính Điển liền rút quân về Kinh ấp.

Vua lập hành tại ở sách Vạn Lại; lập đàn Nam giao ở ngoài cửa luỹ Vạn Lại.

[8b] Tháng 10, tướng Tây đạo của Mạc là Mạc Ngọc Liễn đem quân xâm lấn các châu huyện ở Tuyên Quang và Hưng Hoá, đến châu Thu và châu Vật[3]. Thái phó Nhân quận công Vũ Công Kỷ tung quân đánh lớn, quân Mạc thất bại rút về.

Kỷ Mão, [Quang Hưng] năm thứ 2 [1579], (Mạc Diên Thành năm thứ 2; Minh Vạn Lịch năm thứ 7). Tháng 7, Mạc Kính Điển lại đem quân vào xâm lấn Thanh Hoa, cướp phá vùng ven sông, đến sông Tống Sơn, phủ Hà Trung, đánh vào xã Chương Các. Tiết chế Trịnh Tùng sai Thái phó Nghĩa quận công Đặng Huấn đốc quân chống quân Mạc ở Thái Đường[4], sai Diễn quận công Trịnh Văn Hải làm tiên phong để khiêu chiến, đánh mạnh vào núi Kim Âu[5]. Đặng Huấn thúc quân tiến ngầm đến địa phương Tống Sơn, ra Mục Sơn ở sông Bình Hoà[6] chặn phía sau quân Mạc. Quân Mạc thua to phải rút về.

[9a] Tháng 9, Thái phó An quận công Lại Thế Khanh chết, tặng Khiêm quốc công.

Canh Thìn, [Quang Hưng] năm thứ 3 [1580], (Mạc Diên Thành năm thứ 3; Minh Vạn Lịch năm thứ 8). Nhà Mạc mở khoa thi Hội. Cho Đỗ Cung đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Đỗ Trực 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Thọ Xuân 20 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 5, Bảng quận công Tống Đức Vị chết. Đức Vị người xã Khoái Lạc, huyện Yên Định.

Tháng 7, Mạc sai bọn tướng Nam đạo Nguyễn Quyện, tướng Tây đạo Mạc Ngọc Liễn cùng viên tướng Hoằng quận công đem quân vào xâm lấn Thanh Hoa, cướp bóc tiền của, súc vật của dân cư các huyện dọc sông rồi rút về.

Tháng 8, lập khoa thi Hội. Cho bọn Nguyễn Văn Giai[7] 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Lê **[9b]** Quang Hoa 2 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 9, sao băng rất nhiều, tiếng vang như sấm sét. Lại có sao Chổi mọc.

Tháng 10, Mạc Kính Điển chết. Kính Điển là người nhân hậu, dũng lược, thông minh, tài trí, nhạy bén, hiểu đời, từng trải nhiều gian nan nguy hiểm, cần lao, trung thành, sinh được 9 người con trai: con trưởng là Kính Chỉ phong Đường An Vương phó tổng soái, con thứ là Kính Trực phong Trung Cẩn công Cẩm y vệ chưởng vệ sự, Kính Giản phong Huệ Thành công Chiêu vũ vệ chưởng vệ sự, Kính Tuân phong Dũng Nghĩa công, Triều đông vệ chưởng vệ sự, Kính Thận phong Đạt Lễ công, Kính Cung phong Đôn

---

[1] Giang Biểu: tên xã, thuộc huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá.

[2] Núi Phụng Công: tức dãy núi ở xã Phụng Công, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá.

[3] Châu Thu, Châu Vật: CMCB24 chép là châu Thu Vật, vùng đất tương đương với huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

[4] Thái Đường: tên xã, thuộc huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá.

[5] Kim Âu: tên xã, ở tả ngạn sông Lèn, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá.

[6] Mục Sơn: tên núi ở xã Bình Hoà, huyện Tống Sơn, nay là huyện Hà Trung, Thanh Hoá.

[7] Nguyễn Văn Giai: người Phù Lưu, huyện Thiên Lộc, sau là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Phùng Khắc Khoan cũng đỗ tiến sĩ ở khoa này. Bắt đầu từ khoa này, có lệ 3 năm một lần thi, nhưng chưa có thi Đình.

Hậu công, Kính Thể phong Khuông Phụ công, Kính Bang chưa được phong. Con gái 9 người: con trưởng là Ngọc Thụ phong Lương quận thượng chúa, con thứ là Ngọc Quán phong Nghi **[10a]** quận thượng chúa, Ngọc Tỷ phong An quận thượng chúa, Ngọc Diễm phong Dương quận thượng chúa, duy có con gái bé 3 tuổi chưa được phong. Con gái nuôi là Ngọc Uyển phong Tiên quận thượng chúa.

Tháng 12, ngày mồng 3, họ Mạc sai bọn Lương Phùng Thìn, Nguyễn Nhân An, Nguyễn Uyên, Nguyễn Khắc Tuy, Trần Đạo Vinh, Nguyễn Kính, Đông Uông, Vũ Cẩn, Nhữ Tông, Lê Đình Tú, Vũ Tĩnh sang nước Minh cống hàng năm.

Tân Tỵ, [Quang Hưng] năm thứ 4 [1581], (Mạc Diên Thành năm thứ 4; Minh Vạn Lịch năm thứ 9). Mùa thu, họ Mạc nghị bàn, trao cho viên phụ chính là Ứng Vương Mạc Đôn Nhượng[1] thống lĩnh binh quyền, sai gọi quân các đạo vào xâm lược các huyện ven sông ở Thanh Hoa. Đôn Nhượng liền đem quân vượt biển vào đến huyện Quảng Xương, đóng quân ở núi Đường Nang[2].

Tiết chế Trịnh Tùng tâu vua sai Hoàng Đình Ái thống lĩnh các tướng tiến quân chống giữ. **[10b]** Đình Ái hội họp các tướng, chia thành ba đạo: sai Nguyễn Hữu Liêu làm tiên phong, Đình Ái tự đốc suất đại quân làm chính đội, tiến quân đối trận với quân Mạc; bọn Trịnh Bính, Hà Thọ Lộc làm tả đội chống quân Nguyễn Quyện, bọn Trịnh Văn Hải làm hữu đội, chống quân Mạc Ngọc Liễn. Bọn Trịnh Đồng, Trịnh Ninh làm hậu đội. Hôm ấy đều tiến quân, đánh nhau to với quân Mạc. Quan quân nhuệ khí rất mạnh, người nào cũng một mình địch nổi trăm người, chém hơn 600 thủ cấp giặc, bắt sống tướng giặc là bọn Chấn quận công Nguyễn Công và Phù Bang hầu (không rõ tên) ở trận tiền. Quân giặc đại bại, tan vỡ tháo chạy. Đôn Nhượng và tướng sĩ các đạo sợ đến vỡ mật, thu nhặt tàn quân trốn về Kinh ấp. Quan quân toàn thắng khải hoàn, đến hành dinh dâng tù hơn vài trăm tên vừa tướng vừa quân. Chấn quận công Nguyễn Công là cháu gọi Nguyễn Hữu Liêu bằng cậu. **[11a]** Tiết chế Trịnh Tùng tha tội cho, trao về cho Hữu Liêu vỗ về nuôi dưỡng, sau lại phong làm Tung quận công. Còn Phù Bang hầu và mấy trăm người bị bắt đều cấp cho cơm áo thả về quê quán. Mọi người đều thầm cảm ơn to. Từ đấy binh uy lừng lẫy. Quân Mạc không dám dòm ngó nữa, cư dân Thanh Hoa, Nghệ An mới được yên nghiệp.

Năm ấy, Mạc Mậu Hợp bị bệnh thông manh mờ mắt, tìm thầy thuốc giỏi trong khắp nước chữa liền mấy năm, bệnh khỏi, mắt lại sáng ra.

Nhâm Ngọ, [Quang Hưng] năm thứ 5 [1582], (Mạc Diên Thành năm thứ 4; Minh Vạn Lịch năm thứ 10). Tháng 1, ngày 26, họ Mạc sai Hộ bộ thượng thư kiêm Quốc tử giám tế tửu Vịnh Kiều bá Hoàng Sĩ Khải và bọn Nguyễn Năng Nhuận, Nguyễn Lễ, Vũ Văn Khuê, lên địa đầu Lạng Sơn đợi lệnh đón tiếp sứ thần là bọn Lương **[11b]** Phùng Thìn trở về.

Mùa hạ, tháng 5, mưa đá lớn ở sách Vạn Lại, cục đá to bằng quả dưa, lúa má đều bị gãy nát.

Năm ấy, thưởng công đánh trận ở Đường Nang. Lấy Hoàng Đình Ái làm thiếu uý, Nguyễn Hữu Liêu làm Tây quân đô đốc phủ chưởng phụ sự, Trịnh Đỗ[3] làm Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc, Hùng quận công (không rõ tên) làm thái bảo, bọn Trịnh Đồng, Trịnh Ninh đều làm đô đốc thiêm sự, Diễn quận công (không rõ tên) làm Tây quân đô đốc phủ hữu đô đốc, Ngô Cảnh Hựu làm Bắc quân đô đốc phủ hữu đô đốc, còn những người khác đều được phong theo thứ bậc khác nhau.

[12a] Tháng 6, tướng Mạc là Phù Nghĩa hầu Nguyễn Đình Luân về theo, ban tước Trà quận công.

Bấy giờ, ở xã Đông Hồi, huyện Huỳnh Lưu, Nghệ An có tảng đá trắng to, không biết ở đâu tới, từ dưới nước ở cửa biển nhảy lên đất phẳng, cách mép nước 15 trượng thì dừng lại. Người địa phương cho là linh dị, lập đền thờ.

---

[1] Mạc Đôn Nhượng: Là con út của Mạc Đăng Dung.

[2] Núi Đường Nang: theo CMCB24 thì núi nàyở thôn Nang, xã Hưng Lễ, huyện Quảng Xương, Thanh Hoá.

[3] Trịnh Đỗ: là con Trịnh Kiểm.

Tháng 9, Vịnh Kiều bá Hoàng Sĩ Khải và Lang trung Bùi Tòng Củ của họ Mạc bàn cấp cho Thái bảo trước là Gia quốc công Nguyễn Thám 50 mẫu ruộng thế nghiệp.

Các nho thần ở Giang Đông dâng biểu lên họ Mạc, nói xin bỏ cường thần để tôn họ vua, đại ý nói: Hiện nay, đương lúc cứu vớt kẻ lìa tan, bề tôi nghĩa phải thuận theo[1], sớm tối không rời chỗ vua ở, trước sau không phụ ơn chúa. Thế mà Nguyễn Quyện kia, là nanh nọc gian tà, là tiểu nhân phản phúc, **[12b]** không hổ thẹn việc cha hắn phản quốc, lại nịnh hót vua ta khi về triều.

Kế sách hiện nay, cố nhiên phải võ gắn với văn, tướng võ cùng mưu với tướng văn, miền bắc thì cùng bàn mưu lược với Kế Khê hầu, phía tây thì chung tâm sức với Ngạn quận công. Dựa vào hai, ba bậc hào kiệt ấy, đồng lòng nhất trí, giữ lấy giang sơn hiểm yếu này mà cùng hưởng phú quý, thì sẽ thấy kỷ cương triều đình lại được chỉnh đốn, ngôi báu đế vương lại được vững vàng, con cháu nhà vua trăm đời nối truyền mãi mãi.

Quý Mùi, [Quang Hưng] năm thứ 6 [1583], (Mạc Diên Thành năm thứ 6; Minh Vạn Lịch năm thứ 11). Thi Hội các sĩ nhân trong nước. Cho bọn Nguyễn Nhân Chiêm 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân; Lê Văn Thông đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Nguyễn Tuấn Ngạn đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Đào Tông 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Đức Mậu 14 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

[13a] Tháng 6, ngày 18, Thái phó Nghĩa quận công Đặng Huấn chết, tặng Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc chưởng phụ sự, Thái uý Nghĩa quốc công.

Tháng 7, quân Mạc xâm phạm Thanh Hoa, cướp bóc các huyện ven sông. Tiết chế Trịnh Tùng sai quân đánh lớn ở ngoài cửa biển, đuổi quân Mạc đi rồi trở về. Từ đó, quân Mạc không dám vào xâm pạm nữa, nhân dân các xứ Thanh Hoa và Nghệ An mới được nghỉ ngơi.

Bấy giờ Trấn Yên nước Ai Lao cống hiến sản vật địa phương.

Tháng 10, Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất đại quân ra vùng Sơn Nam Hạ lộ, đánh dẹp các huyện Yên Mô, Yên Khang[2], thu lấy thóc lúa rồi rút về.

Tướng Đông đạo của họ Mạc là Kỳ quận công Nguyễn Viết Kính theo về triều đình, được ban tước Đông quận công.

[13b] Giáp Thân, [Quang Hưng] năm thứ 7 [1584], (Mạc Diên Thành năm thứ 7; Minh Vạn Lịch năm thứ 12). Tháng giêng, Phủ tiết chế lại xuất quân đánh dẹp các huyện Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khang, lại tiến quân đi tuần huyện Phụng Hoá, phủ Thiên Quan[3]. Thế quận công Ngô Cảnh Hựu vì để quân nửa đường về trước nên bị biếm 2 tư.

Tháng 9, ngày mồng 4, Trịnh Cối chết ở bên Mạc. Trước đây, Cối đầu hàng họ Mạc, được ban tước Trung Lương hầu, sau được thăng lên Trung quận công. Đến đây chết. Họ Mạc sai người đến điếu tế; lại sai quân đưa linh cữu, cho người nhà, mẹ và vợ con đem về chôn. Tiết chế Trịnh Tùng cũng sai người đón tiếp linh cữu về quàn ở bên hữu núi Quân Yên, huyện Yên Định, đặt lễ cúng tế, dâng biểu tâu vua tha tội cho Cối, tặng thái phó Trung quốc công, cho con cái là bọn Trịnh Sâm để tang.

[14a] Họ Mạc lấy Lại bộ thượng thư chưởng bộ sự kiêm Đông các đại học sĩ tri kinh diên sư tham dự triều chính Thái bảo Luân quận công Giáp Trừng làm Sách quốc công; viên trung quan người huyện Yên Lạc là Hào quốc công làm An quốc công, tướng Tây đạo là Ngạn quận công Mạc Ngọc Liễn làm Đà quốc công, tướng Nam đạo là Thạch quận công Nguyễn Quyện làm Thường quốc công, Trung Nghĩa Miện quận công (không rõ tên) làm Tây quân đô đốc phủ tả đô đốc Hoàng quận công.

---

[1] Nguyên văn: "Thời phương chửng hoán, nghĩa hiệu tòng khôn". Hoán và Khôn là hai quẻ của Kinh Dịch, đại ý nói: Hiện nay, đương lúc ly tán gian nguy như điềm quẻ Hoán, phải làm theo phương sách mềm dẻo, hoà thuận của quẻ Khôn.

[2] Yên Mô, Yên Khang: tên hai huyện, đều thuộc tỉnh Ninh Bình.

[3] Phủ Thiên Quan: sau là huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Tháng 10, vùng Thuỵ Nguyên và Yên Định ở Thanh Hoa động đất hơn 50 dặm.

Tướng Nam đạo của họ Mạc là Nam Dương hầu Trần (không rõ tên) theo về, được ban tước Bàn quận công.

Họ Mạc sai bọn Nguyễn Doãn Khâm, Nguyễn Vĩnh Kỳ, Đặng Hiển, Nguyễn Năng Nhuận, Vũ Sư Tích, Nguyễn Lễ sang tuế cống nhà Minh.

[14b] Ất Dậu, [Quang Hưng] năm thứ 8 [1585], (Mạc Diên Thành năm thứ 8; Minh Vạn Lịch năm thứ 13).

Tháng giêng, Tiết chế Trịnh Tùng[1] tự đốc suất đại quân đi dẹp vùng biên giới phía tây, từ đường Thiên Quan, đánh phá các huyện Mỹ Lương, Thạch Thất, Yên Sơn[2]. Quân tiến tới núi Sài Sơn[3] thì rút về, để lại viên tỳ tướng là Chiêu quận công ở chợ Quảng Xá[4]. Quân Mạc đuổi theo kịp, Chiêu quận công chết tại trận, quân Mạc lấy được 1 con voi.

Tháng 2, Tiết chế Trịnh Tùng bàn đem quân về.

Tháng 6, họ Mạc lại định vào ở trong thành Thăng Long. Bèn bàn sửa đắp thành trì, làm nhiều công việc xây dựng, nung ngói gạch, một năm thì xong. Lấy năm sau làm Đoan Thái năm thứ 1.

Tháng 10, ngày 12, Sách quốc công của họ Mạc là Giáp Trừng trí sĩ.

Tháng 12, Phủ tiết chế đem quân ra vùng Sơn Nam, đánh dẹp miền Gia Viễn, Phụng Hoá rồi rút về.

[15a] Sách quốc công của họ Mạc là Giáp Trừng chết.

Bính Tuất, [Quang Hưng] năm thứ 9 [1586], (Mạc Đoan Thái năm thứ 1; Minh Vạn Lịch năm thứ 14). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Nguyễn Giáo Phương đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Phạm Minh Nghĩa 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Văn Tảo 17 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 5, lụt lớn.

Tháng 6, họ Mạc sắp đặt xa giá dời vào thành Thăng Long, ở tại chính điện, nhận lễ chầu mừng của các quan. Lễ xong, thăng bọn Mạc Ngọc Liễn và Nguyễn Quyện đều làm thái bảo, Hoằng quận công làm Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc.

Ngày 25, vùng Thanh Hoa trời không mưa gió mà nước sông Mã bỗng dâng **[15b]** cao, thành Tây Đô bị ngập, ở ngoài sông, nước xoáy, chảy xiết như bắn, cây cối lấp cả sông, các nhà ven sông phần nhiều bị trôi ra biển.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 2, lụt lớn. Đêm ngày Quý Mão, mặt trăng có quầng đỏ, bóng sáng lờ mờ, sắc như phun máu. Các nhà chiêm tinh đoán là tai biến ấy ứng vào điềm bậc phi hậu chết. Ngày 25, lại lụt to. Trong 1 năm, lụt đến 7 lần.

Tháng 8, ngày mồng 5, sấm động trái thì.

Đại hạn.

Ngày 13, Thái quốc phu nhân là Trương Thị Ngọc Lãnh[5] chết.

---

[1] Nguyên văn mất bốn chữ " Tiết chế Trịnh Tùng".

[2] Thạch Thất: tên huyện, thuộc tỉnh Sơn Tây cũ, nay là tỉnh Hà Tây.

[3] Núi Sài Sơn: còn gọi là Chùa Thầy, thuộc huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

[4] Chợ Quảng Xá: thuộc huyện Yên Sơn, xưa là huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây, nay thuộc huyện Quảng Oai, Hà Tây. CMCB24 ghi là chợ Hoàng Xá.

[5] Tức bà phi của Trịnh Kiểm.

Ngày 17, dinh Yên Trường cháy lớn. Khi ấy, gió to, lửa mạnh, cháy lan cả phủ dinh, trại quân, giải vũ, phố xá đến vài nghìn nhà. Mây sắc đỏ che kín mặt trời, khói đen đầy trời, từ giờ Ngọ đến giờ Thân lửa mới tắt. Bà phi của Thái Vương là Nguyễn Thị Ngọc Bảo bị chết cháy, Tiết chế Trịnh Tùng **[16a]** ở lánh chỗ khác để tang. Truy tôn là Minh Khang Thái Vương Thái Phi.

Ngày 23, Thái bảo Hùng quận công chết.

Ngày 28, trong dinh Yên Trường nổi cơn lốc lớn đến hai dặm, người ngã, nhà tốc, đá bay cát cuộn, gãy cây sụt ngói.

Tháng 9, ngày mồng 3, nước to, mưa dầm hàng tuần. Ngày mồng 9, lại nước to. Ngày 18, mưa dứt. Năm ấy vùng Thanh Hoa mất mùa.

Tháng 10, trời lại mưa dầm suốt hơn hai tuần không ngớt, núi ở các huyện sụt lở lung tung.

Đinh Hợi, [Quang Hưng] năm thứ 10 [1587], (Mạc Đoan Thái năm thứ 2 - Minh Vạn Lịch năm thứ 15). Tháng giêng, họ Mạc sai sửa chữa tầng ngoài thành Thăng Long và sửa sang các đường phố.

[16a] Tháng 2, họ Mạc hạ lệnh cho các xứ trong nước phải đắp luỹ đất và trồng tre, trên từ sông Hát, xuống tới sông Hoa Đình huyện Sơn Minh, kéo dài đến vài trăm dặm để đề phòng quân đến.

Tháng 3, ngày 11, giờ Thìn, trời bỗng nhiên có tiếng kêu. Bấy giờ núi Trác Bút[1] ở huyện Vĩnh Phúc có tảng đá lớn cao 1 trượng, chân đá ăn sâu vào lòng đất đến hơn 4 thước, vô cớ trồi lên trên mặt đất rồi dời đến chỗ khác.

Tháng ấy, ở xã Trường Xá, huyện Yên Định, nước trong giếng tự nhiên sôi lên, đục ngầu đến 3 hôm, sau lại trong như cũ. Những nhà chiêm tinh đoán rằng ứng vào điềm chết một viên đại tướng.

Tháng 5, Thái phó Vệ Dương hầu Trịnh Bách có tội bị xử giảo.

Trước đây, Bách cùng dòng họ với Trịnh Tùng, từng cùng với Lê Cập Đệ bày mưu định hại Trịnh Tùng. Mưu bị tiết lộ, Cập Đệ bị giết **[17a]** Bách được tha tội nhưng vẫn có lòng bất mãn, nuôi ngầm những người yêu thuật, phù thuỷ, lại mưu chôn mộ cha vào đất cấm. Việc phát giác, bị xử giảo.

Tháng 7, nước sông dâng cao.

Tháng 8, ngày rằm Nhâm Thân, đêm có nguyệt thực.

Tháng 9, ngày mồng một Đinh Hợi, nhật thực.

Hạ lệnh cho xứ đầu nguồn ở các huyện lấy 500 cây gỗ làm cọc, chia cắm ở các cửa biển để phòng thuyền giặc vào cướp và làm kế chống giữ.

Tháng 10, ngày Ất Hợi, cầu vồng đỏ xuất hiện ở phương khôn[2]. Tháng ấy, Tiết chế Trịnh Tùng đem quân đánh phá các huyện Gia Viễn, Yên Hoá, Phụng Hoá thuộc các phủ Trường Yên, Thiên Quan, đánh dẹp đến chợ Rịa[3], sai làm cầu phao, cả phá dinh của Tân quận công (không rõ tên) của họ Mạc.

[17b] Tháng 11, quân ra phía tây nam, đến huyện Mỹ Lương. Họ Mạc sai tướng Tây đạo là Mạc Ngọc Liễn đem quân ra huyện Ninh Sơn[4] để đánh vào phía tả; lại sai tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện đem quân ra huyện Chương Đức, vượt sông Do Lễ[5] đánh vào bên hữu. Khi Quyện đến sông Do Lễ thì chia quân phục sẵn ở con đường nhỏ dưới chân núi để đợi quan quân tới, định cắt đứt con đường chở lương của cánh quân sau. Kế sách đã định như thế, nhưng Tiết chế Trịnh Tùng biết được, bèn chia quân

---

[1] Núi Trác Bút: thuộc xã Đa Bút, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Huyện Vĩnh Lộc thời ấy gọi là huyện Vĩnh Phúc.

[2] Phương khôn tức phương tây nam.

[3] Chợ Rịa: ở gần huyện lỵ Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

[4] Ninh Sơn: hay Yên Sơn, tức là huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây cũ, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

[5] Sông Do Lễ: ở xã Do Lễ, huyện Chương Đức, nay thuộc huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây.

để lại cho bọn Lân quận công Hà Thọ Lộc, Thế quận công Ngô Cảnh Hựu bảo vệ quân chở lương ở phía sau. Trước hết, sai Đại tướng Vĩnh quốc công Hoàng Đình Ái đem quân ngầm rút nhanh về để giữ Thanh Hoa, lại sai Thái phó Dương quốc công Nguyễn Hữu Lưu, Thái bảo Trịnh Đỗ cùng bọn thiếu bảo Trịnh Đồng, Trịnh Ninh mỗi người đều đem quân ra đường phía tả để cầm cự với quân của Mạc Ngọc Liễn, **[18a]** chống giữ để chia cắt thế địch. Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất đại quân ra đường phía hữu để tiến đánh Nguyễn Quyện. Quân hai bên giao chiến, quan quân thắng lớn. Quyện tự liệu không thể chống nổi, liền rút quân mà chạy, quân mai phục cũng vỡ chạy, tranh nhau qua sông, bị chết đuối rất nhiều. Quan quân chém được vài trăm thủ cấp giặc, truy đuổi bọn rút chạy đến nửa ngày đường mới dừng quân. Từ đó, Quyện sợ uy thế quan quân, nếu có gặp, thì lánh cho xa, không dám giao chiến nữa. Ngọc Liễn sai người dò biết quân Quyện đã thua, cũng lui quân chạy dài. Hôm sau, quan quân từ Đốn Thuỷ, tiến đóng ở Hoàng Sơn, lại tiến đánh Yên Sơn, và Thạch Thất[1]. Quân đi đến đâu là đánh tan đó, lấy được của cải, trâu bò gia súc nhiều không kể xiết.

Tháng 12, tiết chế Trịnh Tùng bàn với các tướng thu quân và hạ lệnh rút về. Quân đi theo **[18b]** đường cũ, qua Thiên Quan trở về. Quân đi đến đâu, không mảy may xâm phạm của dân.

Họ Mạc đổi niên hiệu Đoan Thái thành Hưng Trị năm thứ 1.

Mậu Tý, [Quang Hưng] năm thứ 11 [1588], (Mạc Hưng Trị năm thứ 1; Minh Vạn Lịch năm thứ 16). Tháng 2, họ Mạc thấy quan quân mỗi ngày một mạnh, liền bàn định kế đánh giữ. Hạ lệnh cho quân dân các huyện trong bốn trấn đắp thêm ba lớp luỹ ngoài thành Đại La ở Thăng Long, bắt đầu từ phường Nhật Chiêu[2] vượt qua Hồ Tây, qua cầu Dừa[3] đến cầu Dền[4] suốt đến Thanh Trì, giáp phía tây bắc sông Nhị Hà, cao hơn thành Thăng Long đến vài trượng, rộng 25 trượng, đào 3 lớp hào, đều trồng tre, dài tới mấy mươi dặm để bọc lấy phía ngoài thành.

Trước đây, Đông quận công của họ Mạc là Phạm Viết Kính người huyện Tứ Kỳ theo về triều đình, được cấp cho **[19a]** binh dân tổng Châu Xuyết, huyện Hoằng Hoá và cho theo quân đi đánh giặc. Viết Kính cai trị rất nghiêm khắc, dân đều sợ hãi, nhiều người ca thán. Dân địa phương dâng biểu tố cáo.

Tháng 4, Phủ tiết chế đem quân ra đánh các huyện Yên Mô, Yên Khang, dẹp yên dân miền ấy rồi về.

Tháng 5, tảng đá lớn ở núi Trác Bút lở, dài đến vài trượng.

Tháng 6, có con chim lớn cao 4 thước 5 tấc, lông trắng, mỏ đỏ, chân đỏ sa xuống địa phận làng Phù Chẩn, huyện Thuỵ Nguyên.

Ngày 11 tháng ấy, sao Thái Bạch mọc ngang trời, mặt trời, mặt trăng có hai quầng, suốt tháng không tan, sương mù xuống nhiều, đại hạn, lúa má chết khô, nhân dân xiêu tán.

Tháng 11, Tiết chế Trịnh Tùng bàn đem đại binh ra ải Phố Cát[5], đánh các huyện của phủ Trường Yên và Thiên Quan. Quân tới Yên Mô, Yên Khang, thu được rất nhiều trâu bò, gia súc và của cải của giặc **[19b]** rồi vượt sông Chính Đại[6], đến luỹ trại Dương Vũ[7] đóng quân. Sau một tuần, Phủ tiết chế giả cách rút quân về, để lại kỳ binh và voi ngựa mai phục ở sau dinh rồi đốt doanh trại để dụ giặc. Quân giặc quả nhiên bỏ không trại sách, tranh nhau lên trước đuổi đánh. Quân phục bỗng nổi dậy đánh úp, chém được mấy trăm thủ cấp giặc. Tướng giặc là bọn Tân quận công, Quỳnh quận công (đều không rõ tên) chỉ thoát

[1] Quốc Oai và Thạch Thất là hai huyện thuộc tỉnh Sơn Tây cũ.

[2] Nhật Chiêu: nay là xã Nhật Tân, ngoại thành Hà Nội.

[3] Theo CMCB 24, thì cầu Dừa thuộc phường Thịnh Quang ở Hà Nội.

[4] Cầu Dền: nay là ô Cầu Dền, gần Bạch Mai, Hà Nội.

[5] Cương mục chép là cửa ải Trường Cát, Phố Cát nay thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá (CMCB 24, 20).

[6] Sông Chính Đại: theo Cương mục thì sông Chính Đại ở trang Chính Đại, huyện Tống Sơn, Thanh Hoa (CMCB 24, 20).

[7] Trại Dương Vũ: thuộc xã Dương Vũ, huyện Yên Khánh.

được thân mình. Tiết chế Trịnh Tùng thu quân rút về. Đến núi Tam Điệp[1] hạ lệnh cho các quân đi lấy cây gỗ lim lớn, dài 30 thước, cứ 300 người làm 1 tốp, đến kỳ đem cắm ở cửa biển Linh Trường. Những cọc gỗ ấy đều dùng dây sắt khoá lại.

Tháng 12, ngày 28, nước sông Vãn Hà[2] ở Thuỵ Nguyên tự nhiên sắc đỏ như máu chảy đến hơn 1 dặm.

[20a] Kỷ Sửu, [Quang Hưng] năm thứ 12 [1589], (Mạc Hưng Trị năm thứ 2; Minh Vạn Lịch năm thứ 17). Tháng giêng, ngày mồng 2, có con vượn lớn xuất hiện ở huyện Vĩnh Phúc, người thôn Bạch Thạch bắt được.

Tháng ấy, ngày 14, sao Huỳnh Hoặc phạm vào sao Cang.

Ngày 15, mặt trăng phạm vào sao Tuế. Đại hạn. Gạo kém. Dân nhiều người xiêu tán.

Tháng 5, ngày 15, có khí mây thành quầng trên mặt trời, như hình con trâu phục.

Tháng 6, ngày mồng 7, giờ Dậu, rất nhiều sao băng

Tháng 7, ngày 16, giờ Sửu, có nguyệt thực ở phương bắc trăng bị ăn quá nửa rồi lại tròn.

Nước lụt.

Mùa đông, Tiết chế Trịnh Tùng đích thân đốc suất đại quân đi đánh dẹp các huyện Yên Khang.

Thi Hội các cử nhân trong nước. Cho bọn Lê Nhữ Bật, Lương Trí đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Lương Khiêm **[20b]** Hanh, Lê Đình Túc đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Phạm Y Toàn 17 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bấy giờ, họ Mạc lại bàn cử binh, sai Mạc Đôn Nhượng thống suất vệ sĩ và quân bốn trấn, định ngày cùng tiến đến địa phận Yên Mô, hẹn giao chiến với quan quân. Tiết chế Trịnh Tùng bàn với các tướng rằng: nay họ Mạc đem hết đại binh tới, chỉ cốt giao chiến với ta để quyết một trận sống mái. Quân địch nhiều, quân ta ít, thế mạnh yếu khác nhau. Nhưng ta đã ở vào đất hiểm, hẳn giặc không làm gì được. Binh pháp có nói: một người giữ chỗ hiểm, ngàn người không địch nổi, là thế đó. Ta nên giả cách rút quân, để dắt chúng vào chỗ hiểm. Nó tất khinh ta, đem hết quân đuổi theo. Ta dùng trọng binh đánh úp, ắt sẽ phá được **[21a]**. Canh ba đêm ấy, Tiết chế Trịnh Tùng sai Nguyễn Hữu Liêu đem 1 vạn 5 nghìn quân tinh nhuệ và 200 cỗ khinh kỵ, đi ngầm trong đêm tối tới vùng chân núi tìm các hang động, khe suối và những nơi có lau sậy mà mai phục để đợi giặc, hẹn nghe thấy ba tiếng súng lệnh thì quân phục nổi dậy hết. Hữu Liêu đem quân đi rồi, lại sai Trịnh Đỗ, Trịnh Đồng, Trịnh Ninh đem quân chặn hậu. Hạ lệnh các quân cứ theo như trận đồ mà lần lượt rút lui. Nếu thấy giặc đuổi tới, thì vừa đánh vừa chạy. Đến chỗ quân mai phục, nghe thấy ba tiếng súng lệnh thì chuyển quân hậu thành quân tiền, mỗi cánh quân chia đội ngũ, cờ xí ra hai bên tả, hữu, theo đúng thứ tự trong trận đồ. Các tướng nhận lệnh xong, đều trở về doanh trại của mình, chỉnh đốn binh tướng để đợi giặc. Lại sai Ngô Cảnh Hựu đem quân chở lương thực, thu nhặt rút trước vào núi Tam Điệp để tỏ cho giặc biết là lui quân về. Lại sai đại dinh của Trung quân, chuyển hậu đội **[21b]** thành tiền đội, lần lượt rút về, đến núi Tam Điệp thì đóng quân lại. Tiết chế Trịnh Tùng cũng đốc suất đại quân lên đường. Hôm ấy, tướng Mạc sai người lên đỉnh núi quan sát, thấy quan quân kéo về, cười nói rằng: "Nó thấy quân ta tới, tự biết là ít không địch nổi nhiều, đã rút về trước, tất để lại Hoàng Đình Ái chặn hậu. Các tướng sĩ của ta, người nào có thể dấn mình ra sức đuổi kịp quân địch, nếu bắt sống tướng giặc hoặc bắt được voi là công hạng nhất, khi về triều ta sẽ tâu cho thăng trật và trọng thưởng. Tướng Mạc tự cậy quân nhiều, hăng hái tranh nhau tiến trước, không nghĩ gì đến người theo sau, đua nhau đuổi đến chỗ hiểm ở núi Tam Điệp. Nghe thấy ba tiếng súng lệnh, phục binh nhất tề nổi dậy. Tiết chế Trịnh Tùng tung đại quân ra, bốn mặt hăng hái đánh vào, đúng theo hiệu lệnh, hàng quân không sai lạc. Chém được hơn 1000 thủ cấp, bắt sống được hơn 600 người. Quân giặc tan vỡ

---

[1] Núi Tam Điệp: tức là đèo Ba Dội ở giữa Thanh Hoá và tỉnh Ninh Bình, trên đường quốc lộ số 1.

[2] Sông Vãn Hà: sông thuộc xã Vãn Hà, ngay ở lỵ sở phủ Thiệu Hoá trước.

[22a] chạy dài. Các tướng Mạc run sợ, đều thu nhặt tàn binh trốn về Kinh ấp. Quan quân toàn thắng, đem quân về Thanh Hoa.

Tháng 12, Tiết chế Trịnh Tùng sai các tướng đem hơn 600 quân giặc bị bắt tới nộp, sai cởi trói, vỗ về yên ủi cấp cho cơm áo rồi thả hết cho về quê quán để tỏ đức hiếu sinh. Họ hàng của quân lính bị bắt nghe thấy thế, đều đội công đức như trời đất, cảm ơn sâu như cha mẹ.

Canh Dần, [Quang Hưng] năm thứ 13 [1590], (Mạc Hưng Trị năm thứ 3; Minh Vạn Lịch năm thứ 18). Bấy giờ, nhà Trung nghĩa tướng Hoằng quận công của họ Mạc chứa giấu phu nhân của Đường An Vương Mạc Kính Chỉ. Việc bị phát giác, Hoằng quận công và phu nhân đều bị giết.

[22b] Tháng 7, ngày mồng 1, nhật thực.

Sao Thái Bạch phạm vào phía sau mặt trăng chỉ cách độ một ngón tay. Năm ấy, trộm cướp rất nhiều.

Tân Mão, [Quang Hưng] năm thứ 14 [1591], (Họ Mạc đổi niên hiệu Hưng Trị thành Hồng Ninh năm thứ 1; Minh Vạn Lịch năm thứ 19). Tháng 3, sao Chổi vận hành theo hướng tây bắc. Tháng 3 nhuận, ngày 13, cầu vồng đỏ vắt suốt trời. Mặt trời có hai quầng, khí trắng lồng nhau ở ngoài quầng.

Tháng 5, ngày rằm Bính Tuất, có nguyệt thực về phương tốn[1], mặt trăng bị ăn gần hết, sau một giờ lại tròn.

Tháng 12, Tiết chế Trịnh Tùng lại bàn ra quân. Bèn sai bọn Diễn quận công Trịnh Văn Hải, Thái quận công Nguyễn Thất Lý đem quân thuỷ, bộ đi trấn giữ những nơi hiểm yếu ở các cửa biển, Thọ quận công Lê Hoà kiêm coi võ sĩ trong ngoài bốn vệ theo hầu canh **[23a]** giữ ngự dinh. Đến kỳ tiến quân,điều động sai khiến các quân, chia thành 5 đội, cùng một lúc tiến phát. Đội thứ nhất là dinh tả khu, bọn Thái phó Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu và Kỳ quận công Trịnh Ninh đem quân tinh nhuệ cùng tướng sĩ các dinh cơ Trung nghĩa, gồm 1 vạn người làm tiên phong đi trước. Đội thứ hai là dinh hữu khu gồm bọn Thái uý Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Vĩnh quận công Trịnh Đồng và voi ngựa cùng 1 vạn quân. Đội thứ ba là dinh tiền khu gồm Thái bảo Ngạn quận công Trịnh Đỗ và 1 vạn giáp binh, voi ngựa. Đội thứ tư là đại dinh trung khu, Tiết chế Trịnh Tùng đích thân đốc suất 2 vạn binh mã của Trung quân. Đội thứ năm gồm bọn Lân quận công Hà Thọ Lộc và Thế quận công Ngô Cảnh Hựu cùng đốc suất quân chở lương làm hậu quân. Không chia thời khắc, quân từ Tây Đô đi ra theo đường huyện Quảng Bình[2], qua phủ Thiên quan, đào núi, mở đường, **[23b]** luồn cây xuyên rừng, vượt sông chui hang, đi gấp hơn 10 ngày, đến núi Mã Yên[3] ở đầu địa giới Sơn Tây thì đóng quân lại. Hiệu lệnh rất rõ ràng, quân sĩ đều vâng mệnh, chỉnh đốn đội ngũ. Ngày hôm sau, qua núi Mường Động đất Thanh Xuyên[4]. Hạ lệnh cho các quân sau khi thu lương gạo thì đến Ma Nghĩa[5]. Quân đi đến đâu, giặc đều như cỏ bị gió lướt, không đến mười ngày đã dẹp yên các huyện Yên Sơn, Thạch Thất, Phúc Lộc[6], Tân Phong[7], rồi đóng dinh ở Tốt Lâm[8].

Ngày Nhâm Tý 21, ban đêm, mặt trăng phạm vào sao Tuế. Bấy giờ, họ Mạc bàn cử hết đại binh, thúc gọi binh mã 4 trấn[9], 4 vệ[1], 5 phủ[2] quân, được độ hơn 10 vạn, hẹn đến ngày 16 tháng ấy đến hội

---

[1] Phương tốn: tức phương đông nam.

[2] Huyện Quảng Bình: sau đổi thành Quảng Địa, rồi Quảng Tế. Nay là phần tây bắc của huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

[3] Núi Mã Yên: thuộc huyện Yên Sơn, sau là huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây, nay thuộc huyện Quảng Oai, tỉnh Hà Tây.

[4] Thanh Xuyên: tên huyện, tương đương với hai huyện Thanh Sơn, Thanh Thuỷ thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

[5] Ma Nghĩa: tên huyện, sau là huyện Tùng Thiện, tỉnh Sơn Tây cũ, nay là Hà Tây.

[6] Phúc Lộc: sau là huyện Phúc Thọ.

[7] Tân Phong: sau là huyện Tiên Phong, nay thuộc huyện Quảng Oai. Các huyện Yên Sơn (sau là Quốc Oai), Thạch Thất, Phúc Lộc, Tân Phong đều thuộc tỉnh Sơn Tây cũ, nay là Hà Tây.

[8] Tốt Lâm: chưa rõ ở đâu.

[9] Bốn trấn là Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương và Sơn Tây.

quân ở Hiệp Thượng, Hiệp Hạ[3] để quyết chiến. Sai Mạc Ngọc Liễn đốc suất các tướng sĩ binh mã Tây đạo; Nguyễn Quyện đốc suất tướng sĩ binh mã Nam đạo, bọn Ngạn quận công, Thuỷ **[24a]** quận công chỉ huy binh mã Đông đạo; bọn Đương quận công, Xuyên quận công chỉ huy binh mã Bắc đạo; bọn Khuông Định công[4], Tân quận công chỉ huy binh mã 4 vệ. Mạc Mậu Hợp đích thân đốc suất binh mã của chính dinh; hậu đội thì trong có các tông thất họ Mạc và các tướng túc vệ ở Đông đạo đi sau tiếp chiến.

Ngày 27, chia đường cùng tiến. Đến địa phận xã Phấn Thượng[5], hai bên đối trận với nhau, dàn bày binh mã. Họ Mạc sai bọn Khuông Định công và Tân quận công đốc thúc binh mã bốn vệ làm tiền đội đi tiên phong, dinh tướng Tây đạo làm binh mã cánh hữu, dinh tướng Nam đạo làm binh mã cánh tả; dinh tướng hai đạo Đông và Bắc làm binh mã hậu đội. Bốn đội quân khua chuông đánh trống nhất tề tiến lên. Mạc Mậu Hợp đích thân đốc chiến.

Tiết chế Trịnh Tùng nghe tin, ngay ngày hôm ấy chia quân, sai tướng sĩ dinh hữu khu **[24b]** tiến lên khiêu chiến. Lại chọn 400 quân thiết kỵ xông lên trợ chiến. Hạ lệnh cho các dinh cơ phải theo đúng sự chỉ huy. Quân hai bên đón đánh nhau giáp lá cà suốt từ giờ Mão đến giờ Tỵ[6], nhuệ khí tăng bội phần. Tiết chế Trịnh Tùng cầm cờ chỉ huy, ba quân theo lệnh, cố sức đánh, chém được Khuông Định công và Tân quận công tại trận. Họ Mạc thấy thế quân không địch nổi, liền hạ lệnh án binh bất động. Giờ Thân[7] Tiết chế Trịnh Tùng đích thân đốc chiến, chỉ huy ba quân, quân bên tả đánh vào cánh tả của giặc, quân bên hữu đánh vào cánh hữu, rất có kỷ luật. Tướng sĩ hăng hái, gươm giáo rợp trời, đồng thanh gắng sức, thề phá tan giặc. Thế rồi bắn ba phát súng lệnh, quan quân không ai không một người địch trăm người, thế như chẻ tre, truy đuổi giặc chạy dài. Quân Mạc kinh hoàng, cánh quân tả không kịp trông cánh hữu, quân sau không kịp nhìn quân trước, binh lính tuy đông nhưng cờ xí lộn xộn, hàng **[25a]** ngũ đã rối loạn, quan quân nhân thế đánh tan. Các quân thừa thắng đuổi dài đến Giang Cao, chém được hơn 1 vạn thủ cấp, máu chảy khắp đồng, thây chết thành núi, cướp được khí giới và ngựa nhiều không kể xiết. Mạc Mậu Hợp sợ đến vỡ mật, xuống thuyền vượt sông mà chạy. Tàn quân tranh nhau xuống thuyền, người trong thuyền sợ thuyền đắm, lấy gươm chặt đứt tay rơi xuống sông chết đến quá nửa, còn lại thì đứa nào đứa nấy đều chạy trốn. Duy có tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện lánh xa nên được an toàn. Mạc Mậu Hợp trốn về Kinh ấp. Gặp ngày gần tối, Tiết chế Trịnh Tùng đóng quân lại ở Hiểm Sơn.

Ngày 30, Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất các dinh tiến quân đến chợ Hoàng Xá, đóng lại 1 tháng, hạ lệnh cho quân các dinh vượt sông Cù[8] phá huỷ hào luỹ của giặc, san thành đất bằng. Chiều hôm ấy, Tiết chế Trịnh Tùng bàn rằng: Nên nhân cái uy thế sấm sét không kịp bịt tai này **[25b]** mà đánh lấy thì dễ như nhặt hạt cải. Bèn tiến quân, sai Nguyễn Hữu Liêu đem 5000 quân tinh nhuệ và voi khoẻ cùng ngựa bọc sắt, đến giờ Dần, thẳng tiến đến đóng ở cầu Cao tại góc tây bắc thành Thăng Long, phóng lửa hiệu, bắn liền bảy phát, thiêu đốt nhà cửa, khói lửa khắp trời. Trong thành sợ hãi rối loạn. Mạc Mậu Hợp sợ hãi cuống quít, bỏ thành chạy trốn. Đêm hôm ấy, già trẻ gái trai thành trong thành ngoài, tranh nhau xuống thuyền qua sông, thuyền đắm, chết đuối đến hơn 100 người. Đến sáng, Hữu Liêu lại thu quân về hành dinh. Gặp ngày tết Nguyên đán, uý lạo tướng sĩ, hẹn phải thu phục kinh thành. Ba quân vui mừng phấn khởi, đều nguyện báo ơn nước. Bấy giờ, đảng Mạc tuy còn chưa dẹp hết, nhưng thanh thế quan quân càng ngày càng lừng lẫy.

---

[1] Bốn vệ là Hưng quốc, Chiêu vũ, Cẩm y và Kim ngô.

[2] Năm phủ là Trung quân, Đông quân, Tây quân, Nam quân, Bắc quân.

[3] Hiệp Thượng, Hiệp Hạ: tên hai xã thuộc huyện Quốc Oai.

[4] CMCB 24, 24: chép là Khuông quận công.

[5] Phấn Thượng: sau là xã Tảo Thượng, nay là xã Ngọc Tảo, huyện Tùng Thiện, tỉnh Hà Tây.

[6] Khoảng từ 6 giờ đến 12 giờ sáng.

[7] Khoảng từ 16 giờ đến 18 giờ.

[8] Sông Cù: đoạn sông Hát chảy qua xã Cù Sơn.

Nhâm Thìn, [Quang Hưng] năm thứ 15 [1592], (Mạc Hồng Ninh năm thứ 2; Minh Vạn Lịch năm thứ 21). Mùa xuân, ngày mồng 3, Tiết chế Trịnh Tùng **[26a]** sai quan lập đàn sắm lễ, trai giới làm lễ tế trời đất, Thái Tổ Cao Hoàng Đế và các vị hoàng đế của bản triều, cùng các vị linh thần núi sông, các danh tướng xưa nay trong nước. Khấn rằng: "Thần là Trịnh Tùng gượng gánh trọng trách của nước nhà, lạm cầm quyền lớn đánh dẹp, vâng mệnh đánh kẻ phản nghịch để cứu dân, nghĩ rằng sinh linh xã tắc triều Lê bị kẻ gian thần phản nghịch là họ Mạc giết vua, cướp nước, tội ác rất sâu, ngược dân, dối thần, hoạ đầy oán chứa. Để sinh linh phải lầm than đã gần 70 năm, mà nguyên do gây hoạ loạn, há chịu cùng đội trời chung. Xin các thánh hoàng đế tiên triều, soi xét lòng thần, diệt bọn giặc phản nghịch cho dân được yên, để khôi phục cõi đất của triều Lê".

[26b] Khấn xong, ngày hôm ấy, mây mù quang hết, mặt trời rực sáng. Tiết chế Trịnh Tùng hội các tướng bàn việc tiến quân và cáo dụ rằng: "Cái thế chẻ tre không thể bỏ lỡ. Huống chi, ta vâng mệnh đi đánh kẻ trái phép, vốn để yên dân. Các tướng nên răn cấm tướng sĩ, nghiêm ngặt nhắc lại ước thúc, chấn chỉnh đội ngũ, hiệu lệnh rõ ràng, tin thực. Quân đi đến đâu, không được mảy may xâm phạm của dân, không được cướp bóc dân lành, của cải không phải của giặc thì không được lấy bậy. Quân đi có kỷ luật thì giặc dễ phá".

Bèn hạ lệnh cho các dinh nhổ trại tiến đến bờ phía tây sông Ninh Giang[1]. Quân đi đến đâu, không mảy may xâm phạm của dân, chợ không thay đổi quầy hàng, mọi người đều yên ổn như cũ, già trẻ, trai gái tranh nhau đem trâu dê, cơm rượu, hương hoa đầy đường, đón tiếp vương sư, hàng phục trước cửa quân mà nói: Trước kia bị sương mù che khuất, ngày nay **[27a]** được thấy trời xanh, vui khắp trời đất. Rồi đến đóng quân ở Ninh Giang, dựng đồn bày trận, vững như thành sắt. Bàn hạ lệnh rằng: Tướng sĩ các doanh cơ, phải theo ba điều mà răn cấm các quân: 1. Không được tự tiện vào nhà dân lấy củi, hái rau; 2. Không được cướp bóc của cải, chặt phá hoa màu; 3. Không được hiếp dâm đàn bà con gái và giết người vì thù riêng. Nếu ai vi phạm thì chém rao cho mọi người biết. Ba quân nghe lệnh, đều nghêm chỉnh đội ngũ, không dám xâm phạm. Trăm họ vui theo, đều nói rằng từ đời Tam đạo về sau, nay mới lại thấy quân nhân nghĩa như thế. Người theo về đông như đi chợ. Những người có gan dạ có tri thức, đều vui vẻ đến cửa quân để phục vụ.

Ngày mồng 5, Tiết chế Trịnh Tùng đốc quân vượt sông, tiến đến chùa Thiên Xuân[2]. Gần đến cầu Nhân Mục[3], Mạc Mậu Hợp sợ quá, bỏ thành Thăng Long vượt sông Nhị Hà đến bến Bồ **[27b]** Đề, ở tại Thổ Khối[4], để lại các đại tướng chia giữ các cửa trong thành.

Ngày mồng 6, tiết chế Trịnh Tùng đốc quân qua sông Tô Lịch đến cầu Nhân Mục, đóng quân ở núi Xạ Đôi[5]. Bèn chia quân bày trận, các đạo cùng tiến, hẹn ngay ngày hôm ấy đánh phá thành Thăng Long để lấy công đầu. Bèn sai tướng dinh tả khu là bọn Nguyễn Hữu Liêu và Trịnh Ninh đem 1 vạn binh tượng đánh phá đường Cầu Dừa tiến thẳng đến cửa Tây; tướng dinh hữu khu là bọn Hoàng Đình Ái và Trịnh Đồng đem 1 vạn 500 binh tượng đánh phá đường Cầu Dền, tiến thẳng đến cửa Nam Giao. Tướng sinh tiền khu là Trịnh Đỗ đem các cơ trung quân và bọn Thuỵ Tráng hầu hợp binh tượng hơn 1 vạn 2000 người đánh phá Cầu Muống tiến thẳng đến cửa Cầu Gỗ[6]. Chia sai các tướng đã xong, mỗi người đều nhận lệnh sẵn sàng tiến phát. Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất binh **[28a]** tượng đại dinh gồm 2 vạn 5000 người làm hậu đội, tiến đến Hồng Mai[7] đóng quân. Bèn hạ lệnh rằng: Bài binh bố trận đã xong, tất cả cờ

[1] Sông Ninh Giang: khúc sông Đáy chảy qua xã Ninh Sơn, gần chùa Trầm.

[2] Chùa Thiên Xuân: ở xã Thanh Xuân, huyện Thanh Oai (CMCB 24, 28).

[3] Cầu Nhân Mục: tức Công Mọc, ở phía tây Hà Nội.

[4] Thổ Khối: tên xã, thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[5] Xạ Đôi: nghĩa là Gò Bắn, ở khu Giảng Võ, Hà Nội.

[6] Cửa Cầu Gỗ: ở khoảng phố Cầu Gỗ, quận Hoàn Kiếm (Hà Nội) ngày nay.

[7] Hồng Mai: sau đổi là phường Bạch Mai. Nay là phố Bạch Mai, Hà Nội.

xí không được giăng bậy, chiêng trống không được đánh càn. Ba quân nghe lệnh đều cuốn cờ im trống, ngồi yên để chờ đợi.

Bấy giờ, Mạc Mậu Hợp tuy đã sang sông, nhưng còn cậy có sông Cái, có chuẩn bị từ trước. Sai tướng Tây đạo Mạc Ngọc Liễn đem quân bản đạo cố thủ từ cửa Bảo Khánh về phía tây đến phường Nhật Chiêu; bọn Bùi Văn Khuê, Trần Bách Niên đem quân bốn vệ giữ cửa Cầu Dừa, qua cửa Cầu Muống đến thẳng cửa Cầu Dền, chia dinh thứ, ngày đêm đóng cửa cố thủ trong thành Đại La để chống giữ. Tướng Nam đạo Nguyễn Quyện đem quân giữ từ Mạc Xá trở về đông, ứng cứu quân các đạo. Quân hai đạo Đông và Bắc đều thuộc quyền Quyện.

Mạc Mậu Hợp **[28b]** tự tay đốc suất thuỷ quân, dàn hơn 100 chiếc thuyền giữ sông Nhị Hà để làm thanh viện. Nguyễn Quyện đem quân đến dinh, đặt quân phục ở ngoài cửa Cầu Dền để đợi, dàn súng lớn Bách Tử[1] và các thứ hoả khí để phòng bị.

Bấy giờ Tiết chế Trịnh Tùng phát ba tiếng súng lệnh, các tướng kéo cờ đánh chiêng gióng trống, đến khi nghe bảy hồi tù và thì đội ngũ chỉnh tề, giáo mác sáng quắc, tiến lên đánh phá. Từ giờ Tỵ đến giờ Mùi chưa phân thắng bại. Tiết chế Trịnh Tùng thấy quân hai bên đánh nhau to, người người cùng khoe mạnh đua hùng, bắn ngã sĩ tốt, lại thêm sắc trời thảm đạm, mây mù lúc đọng lúc tan, gió lạnh trời rét, quân lính xô xát, tiếng súng rung trời, trống chiêng dậy đất, bóng cờ kín nội, giáo mác như mây. Tiết chế Trịnh Tùng đốc quân thúc đánh, cầm cờ chỉ huy, chỉ tiến không cho lùi, cứ theo trận đồ mà tiến. Quan quân sức bội, khí tăng, tả xung **[29a]** hữu đột, tranh nhau xông pha tên đạn, phá luỹ leo thành, đua nhau lên trước phá cửa luỹ. Bọn Văn Khuê, Bách Niên tự liệu sức không chống nổi, quân tự tan vỡ tháo chạy. Mạc Ngọc Liễn cũng sợ mất mật bỏ trốn. Quan quân thừa thắng đuổi tràn đến tận sông. Phóng lửa đốt cung điện và nhà cửa trong thành, khói lửa kín trời. Tiết chế Trịnh Tùng thúc voi ngựa và quân lính đánh phá cửa Cầu Dền, thế quân như tự trời xuống. Quân Mạc tan vỡ, quân mai phục của Nguyễn Quyện chưa kịp nổi dậy, bị chết hết ở ngoài cửa Cầu Dền. Quyện cùng kế, định liều mạng chạy trốn, nhưng tiến, lui đều không còn đường nào, trong ngoài đều là quan quân mà cửa luỹ lại bị lấp. Con của Quyện là Bảo Trung, Nghĩa Trạch và thủ hạ, tinh binh cố sức đánh, đều chết tại trận. Quyện trí cùng lực kiệt, chạy về bản dinh, bị quan quân bắt sống đem dâng trước cửa quân. **[29b]** Tiết chế Trịnh Tùng cởi trói cho Quyện, đãi theo lễ tân khách, tuyên dụ uý lạo, nói tới ân nghĩa nuôi dưỡng của tiên vương, không nỡ giết hại. Quyện thẹn đỏ mặt, phục xuống và tự than rằng: "Tướng thua trận không thể nói mạnh được. Trời đã bỏ họ Mạc thì người anh hùng cũng khó ra sức". Tiết chế Trịnh Tùng khen câu nói ấy.

Ngày hôm ấy, quân Mạc xác chết gối lên nhau, lấp đầy hào rãnh, máu chảy trôi chày. Chém đến hơn mấy nghìn thủ cấp giặc, tướng Mạc bị chết đến mấy chục viên. Khí giới chất như núi. Cung điện, nhà cửa ở kinh thành tiêu điều sạch không. Mạc Mậu Hợp kinh hoàng sợ hãi, thu nhặt tàn quân giữ sông Cái để cố thủ. Tiết chế Trịnh Tùng đem quân đến bờ sông, gặp khi trời đã về chiều, liền nói rằng: Binh pháp có nói: Giặc cùng chớ đuổi. Bèn thu quân dừng lại đóng doanh trại theo như trận đồ.

Ngày 15, hạ lệnh cho các quân san phẳng luỹ đất đắp thành Đại La dài đến mấy ngàn **[30a]** trượng, phát hết bụi rậm gai góc, cày lấp hào rãnh, phá đến thành đất bằng, không mấy ngày là xong. Đây là mưu của Nguyễn Quyện để làm kế hoãn binh cho họ Mạc.

Bấy giờ quan quân lừng lẫy, dân chúng miền tây nam đều thu về. Hễ đánh dẹp đến đâu, đều hàng phục được cả. Từ sông Nhị về tây, đều lấy được hết. Từ sông Nhị về đông dân cũng theo gió mà hướng về. Mạc Mậu Hợp từ đấy rất sợ hãi, ăn không nuốt trôi, nằm không yên gối, không dám ngó đến phía tây sông Nhị nữa.

Tháng 3, Tiết chế Trịnh Tùng tiến quân đến huyện Chương Đức, đóng dinh ở sông Do Lễ[2], sai làm cầu phao cho quân qua sông. Lại chia quân đi đánh dẹp các huyện Thanh Trì, Thượng Phúc, Phú Xuyên. Tiết chế Trịnh Tùng đốc quân đánh dẹp các huyện Từ Liêm, Đan Phượng, sau đến Phúc Lộc, Tiên

---

[1] Súng lớn Bách Tử: có lẽ là loại máy bắn đạn ria.

[2] Sông Do Lễ: khúc sông Đáy chảy qua xứ Do Lễ, huyện Chương Đức.

Phong, đánh dẹp **[30b]** các huyện Ma Nghĩa, Yên Sơn, Thạch Thất, rồi về. Tháng ấy, Tiết chế Trịnh Tùng bàn đem quân về theo đường Ứng Thiên, Thiên Quan, đến cửa khuyết tâu công toàn thắng. Vua mừng lắm, bàn thăng thưởng huân tước.

Thi Hội các cử nhân trong nước. Cho Trịnh Cảnh Thuỵ và Ngô Trí Hoà đỗ tiến sĩ xuất thân; Ngô Trí Tri[1] đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Phạm Hữu Năng 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Hữu Đức 13 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân[2].

Tháng 6, ngày 12, giờ Tý, có nhiều sao băng.

Tháng 7, ngày mồng 6, lụt thình lình, nước sông chảy tràn, gò đống bị ngập, đạo Thanh Hoa lúa má mất mùa.

Ngày 15, lại bị lụt. Dân miền tây nam cũng bị đói kém.

[31a] Tháng 8, ngày Mậu Tý mồng 1, giờ Nhâm Tuất, có nhiều sao băng sắc đỏ, dài 5 trượng, sáng như luồng điện, chiếu vào nhà người rồi sa xuống đất; có tiếng kêu như sấm lớn.

Mạc Mậu Hợp ngày càng buông tuồng du đãng, tửu sắc bừa bãi. Bấy giờ người vợ của Sơn quận công Bùi Văn Khuê là Nguyễn Thị Niên có chị ruột là bà hậu của Mậu Hợp, thường ra vào trong cung. Mậu Hợp thấy có sắc đẹp, trong bụng thích lắm, liền ngầm mưu dụ giết Văn Khuê để cướp lấy vợ ông ta.

Văn Khuê biết chuyện, liền đem quân bản bộ tự động bỏ về huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, đóng quân ở đấy không ra nữa. Mậu Hợp cho gọi hai, ba lần không được, bèn sai tướng đem quân đến hỏi tội Khuê (Nguyễn Thị Niên là con gái thứ ba của Nguyễn Quyện).

Tháng 10, Bùi Văn Khuê một mặt lấy quân để chống quân Mạc, một mặt sai con[3] chạy đến hành dinh Thanh Hoa, vào lạy bẩm xin theo mệnh đầu hàng, quỳ khóc nói: Cha thần là Bùi **[31b]** Văn Khuê bị họ Mạc ngầm sai quân đến bức hại, sai thần thay mặt cha thần đến mạo tội xin theo về triều đình, cúi mình hàng phục xin cầu đường sống, ghi xương khắc cốt không quên, trọn đời cảm phục ân đức. Nay đội đức lớn, xét rõ lòng thành thì xin cho một lữ tới cứu thân hèn mọn. Nếu oan trời rủ đến phương xa thì cha thần xin làm kẻ dẫn đường, muốn chết cũng không dám chối, để báo đáp tấc công.

Tiết chế Trịnh Tùng nghe nói cười rằng: Văn Khuê về hàng, đó là trời cho ta được chóng thành công. Đất đai của bản triều có thể định ngày mà thu phục.

Thế rồi, cùng với các tướng, bàn việc dấy binh, dâng biểu tâu lên vua. Sai Hoàng Đình Ái thống lĩnh tướng sĩ các dinh cơ đi trước cứu Văn Khuê. Khi quân đến xứ Bái, Đính[4], huyện Gia Viễn, Văn Khuê thấy có quân đến cứu, liền đem quân tử đệ bản bộ 3 nghìn người ra đón tiếp, lạy rạp ở trước quân. Đình Ái **[32a]** lại sai Văn Khuê đem quân bản bộ giữ bến đò Đàm Giang[5]. Họ Mạc biết Văn Khuê đã đầu hàng, lại có đại quân đến cứu, liền lui về giữ sông Thiên Phái[6].

Ngày 28, Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất đại quân ra phủ Trường Yên. Văn Khuê đem quân đến chào, khóc và lạy dưới cờ. Tiết chế Trịnh Tùng khen thưởng và uý lạo, ban tước Mỹ quận công, sai đem binh mã thuyền ghe tản bộ đi tiên phong chống nhau với quân Mạc. Họ Mạc sai viên tướng người tông thất là Nghĩa quốc công tiết chế quân Nam đạo, hẹn ngày tiến đánh. Khi quân đến bến đò sông Đàm Xá thì Tiết chế Trịnh Tùng sai cơ Tả hữu súng phục quân ở ven sông để bắn giết. Lại sai các quân làm cầu

---

[1] Ngô Trí Tri: là con Ngô Trí Hoà, hai cha con đỗ cùng khoa.

[2] Bản dịch cũ không có đoạn này.

[3] Theo Cương mục thì người con này tên là Bùi Văn Nguyên (CMCB24, 30).

[4] Bái và Đính: là tên hai xã thuộc huyện Gia Viễn.

[5] Bến đò Đàm Giang: tên cũ là đò Đàm Gia, ở xã Điểm Xá, huyện Gia Viễn.

[6] Sông Thiên Phái: khúc sông Đáy làm ranh giới hai huyện Ý Yên và Phong Doanh thuộc tỉnh Nam Định cũ, chảy ra cửa Liêu.

phao qua bến đò Đàm Giang, nhưng bị sóng gió phá gãy, hai ngày chưa xong, vì thế mới hạ lệnh cho ba quân tranh thủ qua sông Hoàng Xá[1] đến núi Kiềm Cổ[2] ở Yên Quyết mà đóng dinh.

[32b] Tướng Nam đạo của Mạc là Nghĩa quốc công đóng quân ở sông Thiên Phái, giữ bến đò Đoan Vĩ[3], lệnh thúc binh dân các huyện Đại Yên[4], Ý Yên đắp luỹ đất ở bờ sông chống cự, thả chông tre hai bên bờ sông để phòng giữ quan quân qua sông.

Tiết chế Trịnh Tùng sai Văn Khuê ngầm kéo theo thuyền ra cửa sông để đánh ở thượng lưu, sai cơ Tả hữu súng đến bắn ở ven sông để đánh ở hạ lưu, sai voi ngựa, quân lính qua sông đánh mạnh vào trung lưu để thu lấy thuyền giặc trên sông.

Nghĩa quốc công của họ Mạc trở tay không kịp, bỏ thuyền chạy trốn, quân lính tan vỡ tháo chạy. Quan quân thu được 70 chiếc thuyền và khí giới nhiều không kể xiết. Nghĩa quốc công thu nhặt tàn quân trở về Kinh ấp, giữ bãi Tự Nhiên. Quan quân làm cầu phao qua sông, đóng dinh ở huyện Ý Yên, sau tiến quân đến huyện Bình Lục, đóng quân ở cầu Lấp[5]. Tướng Mạc là Trần Bách Niên **[33a]** đem quân tới hàng; được ban tước Định quốc công. Bấy giờ các tướng Nam đạo của Mạc đầu hàng đến hơn 10 người. Nhân đó, hạ lệnh trong quân không được mảy may xâm phạm của dân, các xóm ngõ ở dân gian nếu không có việc không được tự tiện vào, ai vi phạm thì trị theo quân pháp. Do đó, cả xứ Sơn Nam, dân chúng đều yên ổn như cũ, mọi người đem giỏ cơm bầu nước ra đón vương sư, trai gái già trẻ không ai không ngưỡng mộ ơn đức.

Tháng 11, ngày mồng 4, Tiết chế Trịnh Tùng tiến quân đến bãi Tinh Thần[6] huyện Thanh Oai đóng dinh. Hiểu dụ rằng: Nhân dân các xứ tây nam đều là dân của triều ta, từ lâu mắc phải chính lệnh tàn ngược của họ Mạc. Từ nay về sau, ta cho các ngươi đều được đổi mới, sửa bỏ tệ cũ. Bọn các ngươi cứ yên ở làm ăn, không được sợ hãi. Quân đi có kỷ luật, một lòng thương dân.

Dân **[33b]** xiết bao vui mừng, người khoẻ mạnh xin đi theo quân, người già yếu đều ca hát nhảy múa đầy đường.

Ngày 14, quân ra cửa sông Hát tiến theo cả hai đường thuỷ, bộ. Tướng Mạc là Mạc Ngọc Liễn dàn thuyền để chống cự, cắm cọc gỗ ở cửa sông Hát, đắp luỹ đất trên bờ sông làm thế hiểm vững. Quan quân tiến đánh phá được. Ngọc Liễn bỏ thuyền lên bộ chạy đến chân núi Tam Đảo, tướng tốt đều tự bỏ thuyền chạy lên bờ. Quan quân qua sông, lấy được thuyền bè khí giới nhiều không kể xiết. Thừa thắng đuổi dài đến tận cửa Nam thành Thăng Long, đóng quânở bến Sa Thảo[7], lấy được thuyền lớn, thuyền nhỏ hàng nghìn chiếc.

Đêm ấy, Mậu Hợp trốn chạy về huyện Kim Thành, trấn Hải Dương. Tông tộc họ Mạc đều bỏ trốn. Các tướng Mạc lũ lượt kéo đến cửa quân đầu hàng. Tiết chế Trịnh Tùng truyền lệnh cho các dinh đóng quân ở bến Sa **[34a]** Thảo. Ngăn cấm quân sĩ không được cướp bóc, để dân được yên nghiệp. Dân các phủ huyện Thuận An, Tam Đới, Thượng Hồng[8] phía bắc sông Nhị đều xin đầu hàng. Tiết chế Trịnh Tùng

---

1 Sông Hoàng Xá: thuộc huyện Gia Viễn, giáp huyện Kim Bảng.

2 Kiềm Cổ: tức là Kẽm Trống, trên sông Yên Quyết, một khúc của sông Đáy ở xã Nam Kinh, huyện Thanh Liêm.

3 Bến đò Đoan Vĩ: ở xã Đoan Vĩ, huyện Thanh Liêm, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

4 Huyện Đại Yên: sau là huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

5 Cầu Lấp: nguyên văn là Tắc Kiều.

6 Bãi Tinh Thần: sau là xã Tinh Thần, huyện Thanh Oai, ngày nay thuộc tỉnh Hà Tây.

7 Bến Sa Thảo: nguyên văn là "Sa Thảo tân", có chỗ lại chép là "Thảo tân", có thể hiểu là Bến Cỏ, có thể là vùng ga Hàng Cỏ, Hà Nội ngày nay.

8 Thuận An: nay thuộc tỉnh Bắc Ninh. Tam Đới: gồm tỉnh Vĩnh Yên cũ và huyện Phù Ninh, sau thuộc tỉnh Phú Thọ. Thượng Hồng: phần tây bắc tỉnh Hải Dương.

hạ lệnh vỗ yên. Đảng cướp ở Thái Nguyên là Liêm quận công (không rõ tên) cũng đem đồ đảng bản bộ 5000 người về hàng.

Ngày 25, Tiết chế Trịnh Tùng tiến quân đến xứ Hải Dương đuổi dẹp bè lũ họ Mạc. Hạ lệnh trong quân rằng: Quân đi đến đâu, không được cướp bóc dân lành, hiếp dâm đàn bà con gái. Quân đều nghe lệnh, dân đều vui mừng, mở cửa đón tiếp. Khi đến huyện Phù Dung[1], đóng quân ở Liễu Kinh, sai Tả thuỷ dinh là Thái quận công Nguyễn Thất Lý đốc suất bọn Tiền thuỷ quân Bùi Văn Khuê và Đường quận công, Trực quận công (đều không rõ tên) cùng với các cơ Nội thuỷ, **[34b]**, 300 chiến thuyền đánh phá huyện Kim Thành. Họ Mạc bỏ thành chạy trốn, quân trước, quân sau không tiếp ứng được nhau, bỏ hết cả thuyền bè. Quan quân thu được vàng bạc, của cải và đàn bà con gái nhiều không kể xiết. Quân Hải Dương chạy trốn tán loạn. Quan quân bắt được thái hậu của họ Mạc đem về. Đến bến Bồ Đề, thái hậu họ Mạc vì lo buồn mà chết.

Mạc [Mậu Hợp] lập con là Toàn làm vương, sai coi việc nước, đổi niên hiệu là Vũ Anh năm thứ 1, rồi tự làm tướng đốc quân chống lại triều đình.

Tháng 12, ngày mồng 1, giờ Mão, trong mặt trời có hai điểm đen hình như con quạ.

Ngày mồng 3, bấy giờ Phủ tiết chế chia quân cả phá bọn Mạc Kính Chỉ ở xã Tân Mỹ, huyện Thanh Hà. Chém được đầu giặc và thu được 50 chiếc thuyền, cùng ngựa và khí **[35a]** giới nhiều không kể xiết. Các phủ Hạ Hồng, Nam Sách, Kinh Môn[2], nhà cửa, cung thất bị thiêu huỷ gần hết.

Bấy giờ dư đảng của Mạc là Phố quận công, Thuỷ quận công, Miện quận công, Lũng quận công, Hào quận công, Thuỵ quận công, Lương quận công, Nghĩa quận công (đều không rõ tên) và bọn Lại bộ thượng thư Phúc quận công Đỗ Uông[3], Lễ bộ thượng thư Hồng Khê hầu Nhữ Tông, Công bộ thượng thư Đồng Hàng[4], Lại bộ tả thị lang Vĩnh Sơn hầu Ngô Vĩ, Hộ bộ tả thị lang Ngô Tháo[5], Đông Các học sĩ Ngô Cung, Tự khanh Nguyễn Cận, Sơn Nam thừa chính sứ Đàm Văn Tiết[6], Hải Dương thừa chính sứ Phạm Như Dao đều đến cửa quân hàng phục. Tiết chế Trịnh Tùng hạ lệnh tiến quân đến xã Tranh Giang, huyện Vĩnh Lại[7] đóng dinh vài ngày rồi về Kinh.

Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Trà quận công Phạm Văn Khoái, Liêm quận công, Vũ quận công **[35b]** đem 3000 bộ binh, 2 con voi đánh dẹp sông Phố Lại. Ba tướng chia nhau đánh dẹp các huyện Yên Dũng, Vũ Ninh[8].

Bấy giờ Mạc Mậu Hợp bỏ thuyền đi bộ, đến một ngôi chùa ở huyện Phượng Nhỡn ẩn nấp ở đấy 11 ngày. Quan quân đến huyện Phượng Nhỡn, có người trong thôn dẫn đường đưa quan quân vào chùa bắt được Mạc Mậu Hợp đem đến dinh quân. Vũ quận công sai người lấy voi chở cùng với hai kỹ nữ về Kinh sư dâng tù, bêu sống 3 ngày rồi chém ở bến Bồ Đề, gửi đầu về hành tại Vạn Lại ở Thanh Hoa, đóng đinh vào hai mắt bỏ ở chợ.

Trước đây, tông thất họ Mạc là Hùng Lễ công Mạc Kính Chỉ trốn ở Đông Triều. Đến đây, lại thu nhặt tàn quân chiếm cứ huyện Thanh Lâm[1], tiếm ngôi ở xã Nam Gián, huyện Chí Linh, đặt niên hiệu là

---

[1] Phù Dung: sau là huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên cũ, nay thuộc huyện Phù Tiên, tỉnh Hải Hưng.

[2] Phủ Hạ Hồng: gồm các huyện Tứ Kỳ và Vĩnh Lại; phủ Nam Sách: gồm các huyện Thanh Lâm (sau là Nam Sách), Chí Linh, Tiên Minh (sau là Tiên Lãng); phủ Kinh Môn: gồm các huyện Giáp Sơn và Đông Triều.

[3] Đỗ Uông: người Đoàn Lâm, huyện Gia Lộc, đỗ bảng nhãn khoa Bính Thìn (1556) đời Mạc.

[4] Đồng Hàng: người Triều Dương, huyện Chí Linh, đỗ hoàng giáp, khoa Kỷ Mùi (1559) đời Mạc.

[5] Ngô Tháo: người xã Đàn, huyện Thọ Xương (nay thuộc Hà Nội), đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1571) đời Mạc.

[6] Đàm Văn Tiết: người Lãm Sơn, huyện Quế Dương (nay thuộc tỉnh Hà Bắc), đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1580) đời Mạc.

[7] Huyện Vĩnh Lại: gồm huyện Ninh Giang của tỉnh Hải Dương và một phần huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Kiến An cũ. Xã Tranh Giang thuộc huyện Ninh Giang sau này.

[8] Huyện Vũ Ninh: sau đổi là Võ Giang và huyện Yên Dũng, đều thuộc tỉnh Hà Bắc ngày nay.

Bảo Định, lại đổi là **[36a]** Khanh Hựu. Từ đấy, tông thất họ Mạc là bọn Mạc Kính Phu, Mạc Kính Thành, Mạc Kính Thân và trai gái lớn nhỏ vài trăm người đều hưởng ứng. Các văn thần võ sĩ cũ của họ Mạc rủ nhau theo về. Làm tạm hành tại, yết bảng chiêu mộ dân đinh. Chỉ trong chốc lát các huyện đều hưởng ứng, quân có đến 7 vạn người.

Trước đó, Mạc Mậu Hợp sai con trưởng là Toàn quyền coi việc nước, tiếm đặt niên hiệu là Vũ An. Đến khi Mậu Hợp bị bắt, lòng người không phục, lại về theo Mạc Kính Chỉ. Mạc Toàn bỏ trốn, lại bị quan quân bắt được. Khi ấy, Mạc Kính Chỉ chiếm cứ huyện Thanh Lâm, chia đặt nội ngoại tả hữu, cát cứ các huyện để chống lại quan quân.

Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Nguyễn Thất Lý, Bùi Văn Khuê, Trần Bách Niên, Nguyễn Nga đem quân ập tới. Kính Chỉ đem quân đánh úp trên sông. Thấy Lý không kịp đánh, chết **[36a]** tại trận. Nguyễn Nga bị thương ngã xuống thuyền, quân lính cứu gấp thoát được. Bọn Văn Khuê, Bách Niên đều tan vỡ tháo chạy. Quân lương khí giới đều mất về tay giặc. Từ đây, Hải Dương, Kinh Bắc lại quy phụ Kính Chỉ.

Ngày 27, Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Thái uý Hoàng Đình Ái, Thái bảo Trịnh Đỗ, Trịnh Đồng, Trịnh Ninh đốc suất bộ binh và voi ngựa các dinh tiến đánh Mạc Kính Chỉ, đóng quân ở huyện Cẩm Giàng, đặt đồn ở dọc sông để chống cự. Lại sai Thái uý Nguyễn Hữu Liêu tổng đốc thuỷ quân, tiến đến huyện Thanh Lâm, cùng với Đình Ái trong ngoài dựa nhau để cứu viện quan quân ở Cẩm Giàng. Mạc Kính Chỉ đem hết quân chiếm giữ Thanh Lâm, lấy một dải sông dài chia cách nam bắc, dàn quân liền suốt để chống đánh. Ngày thì giăng cờ, đêm thì bắn súng, trong khoảng hàng tháng, quân hai bên cầm cự nhau, không được lúc nào cởi giáp. Kính **[37a]** Chỉ thúc quân đắp thêm hào luỹ ở ven sông Thanh Lâm để giữ.

Ngày 25, Tiết chế Trịnh Tùng hạ lệnh cho các dinh cơ dời cả hành dinh Thảo Tân vào ở phường Phúc Lâm phía nam thành Thăng Long.

Trở lên, kỷ này phụ chép họ Mạc tiếm ngôi, bắt đầu từ năm Đinh Hợi [1527], Mạc Đăng Dung tiếm ngôi, đặt niên hiệu là Minh Đức năm thứ 1; truyền 5 đời, đến năm Nhâm Thìn [1592], Hồng Ninh năm thứ 3, Mạc Mậu Hợp bị bắt. Lại tiếp từ năm Quý Tỵ [1593], Hùng Lễ công tự xưng Khang hựu năm thứ 1, cho đến lúc mất, trước sau gồm 67 năm. Lời sấm nói: Họ Mạc được năm Hợi, mất nước năm Hợi. Xem Đăng Dung cướp ngôi năm Đinh Hợi, đến Mậu Hợp mất nước năm Quý Hợi[2], quả có ứng nghiệm.

Quý Tỵ, [Quang Hưng] năm thứ 16 [1593], (Năm này họ Mạc mất; Minh Vạn Lịch năm thứ 21). Tháng giêng, ngày mồng 9, Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất **[37b]** đại quân qua sông Nhị sang phía đông, ngày đêm đi gấp, thẳng lối Thanh Lâm mà tiến.

Ngày 12, đóng dinh ở Cẩm Giàng, đại hội các tướng bàn chia quân tiến theo cả hai đường thuỷ bộ, vượt sông, đánh gấp. Sai Thận nghĩa dinh phó đô tướng, hữu tướng, Thái uý Vinh quận công Hoàng Đình Ái và Tráng nghĩa dinh phó đô tướng, thái uý Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu thống lĩnh tướng sĩ các dinh cơ thuỷ bộ tiến đến huyện Thanh Lâm.

Bấy giờ, quân của Mạc Kính Chỉ không dưới 6, 7 vạn người, đem hết ra giữ huyện Thanh Lâm, cách bờ nhờ sông làm thế hiểm cố, đóng dinh, đặt trại, dàn trống giăng cờ. Nhưng quân ô hợp, chưa qua huấn luyện. Tiết chế Trịnh Tùng truyền phát súng lệnh, thúc quân qua sông để đánh phía thượng lưu. Hoàng Đình Ái qua sông chỗ hạ lưu để đánh phía sau. Nguyễn Hữu Liêu đem thuỷ quân vây **[38a]** kín bốn mặt, đón chặt lối chạy. Hôm ấy, bốn phương tám mặt đều phát súng lệnh, ba quân đua sức dồn đánh, như cuốn chiếu đuổi dài.

---

[1] Huyện Thanh Lâm: sau là huyện Nam Sách của tỉnh Hải Dương.

[2] Năm Quý Hợi: là năm 1623. Sau khi Mạc Mậu Hợp chết, họ Mạc còn chiếm giữ được mấy tỉnh phía bắc. Đến khi Mạc Kính Khoan trốn chạy vào rừng núi năm 1623, thì thế lực họ Mạc trên thực tế đã bị xoá bỏ.

Kính Chỉ và họ hàng trai gái đều trốn vào rừng núi. Quan quân đuổi đến các huyện Đông Triều, Chí Linh, dò bắt được bọn An Sơn Vương Mạc Kính Thành, Hoàng Lương công Mạc Lý Hữu, Quận công Trần Việt, Bùi Chỉ, Tán lý Nguyễn Nhân Triêm, đều đem chém hết. Còn thì chém thủ cấp giặc, thu được thuyền ghe khí giới nhiều không kể xiết.

Ngày 13, tiến đến Chí Linh. Phủ tiết chế lại chia quân đuổi dò.

Ngày 14, bắt được Kính Chỉ ở thôn Tân Manh, huyện Hoành Bồ, xứ Yên Quảng (có thuyết nói là bắt được ở chùa Lôi Âm, huyện Đông Triều) và bọn Mạc Kính Phu, Mạc Kính Thận, Mạc Kính Giản, Mạc Kính Tuần, Phù Nịnh Vương, Hoàng Lễ công, Hùng Lượng công (đều không rõ tên), cả bọn Vũ An Vương Mạc **[38b]** Toàn, Cao quận công. Tu Vũ hầu, thu được vàng bạc, của báu và hai quả ấn đồng. Lại dò được bọn thượng thư Mai Công, Nguyễn Doãn Khâm, Nguyễn Khắc Kính, Lại Mẫn, Nguyễn Khắc Tuy, Nguyễn Triệt, Nguyễn Minh Bích, Nguyễn Lễ, Đô ngự sử Trịnh Quang Tán, Tả thị lang Vương Văn Hội, Hoa Hữu Mô, Vương Bạt Tuỵ, Nguyễn Hiển Tích, Nguyễn Nhữ Tiếp, Phạm Cung, Hữu thị lang Phạm Tri Chỉ, Đặng Hài, Nguyễn Diễn, Phạn Phạm, Lê Viết Thảng, Thừa chính sứ Đoàn Thế Bạt, Nguyễn Phong Quắc, Đỗ Hiển, Tự khanh Ngô Áng, Đông các Đỗ Trực, Phan Tông, Tham chính Trần Khánh Khuê, Phủ doãn Nguyễn Tránh, Đô cấp sự trung Hoàng Kỳ, Nguyễn Tuấn Ngạn, Nguyễn Hằng, Giám sát ngự sử Lê Thế Lộc, Phạm Điểm Tuần, Vũ Sâm, Phạm Tòng Mệnh, Đỗ Diễn, Lê Kim Bảng, Hoàng Vụ Bản, Nguyễn Nhân Phúc, Cấp sự trung Trịnh Khắc Thận, Vương Thì Trung, Nguyễn **[39a]** Đỉnh, Doãn Đàm, Trần Văn Tảo, Hàn lâm Nguyễn Dụng, Hoàng Đĩnh, Phạm Nhữ Năng, Hiến sát sứ Phạm Tự Khiêm, Phó sứ Nguyễn Nho, Trần Phi Nhõn, Tham nghị Lê Hồng, Nguyễn Dũng, đoán sự Nguyễn Thạc Đức, Nguyễn Tấn, đều giải đến nộp ở cửa quân. Phủ tiết chế bèn thu quân về Kinh.

Ngày 27, các tướng đưa bọn tông phái họ Mạc bắt được nộp ở cửa dinh. Tiết chế Trịnh Tùng sai đem ra chém cả ở Thảo Tân, sai người đem đầu Mạc Kính Chỉ đến hành tại Vạn Lại ở Thanh Hoa dâng dưới cửa khuyết.

Tháng 2, Tiết chế Trịnh Tùng sai tướng hiệu tả hữu là bọn Trà quận công Nguyễn Đình Luân, Liêm quận công Lưu Trản đem tinh binh đánh dẹp các huyện Lục Ngạn, An Bác[1]. Bấy giờ, bọn đầu sỏ đảng giặc là anh em Tú Cục, Tú Tiết đem hơn 1.000 đồ đảng tới hàng, **[39b]** sau lại manh tâm mưu khác. Bọn Đình Luân, Lưu Trản bắt được giết chết cả. Dư đảng chúng sợ hãi tan vỡ trốn vào rừng núi.

Trước đây, Ứng Vương của họ Mạc là Mạc Đôn Nhượng chạy trốn đến huyện An Bác, sợ hãi quá thành bệnh mà chết, người nơi ấy chôn tại cạnh chùa.

Tháng 3, Mạc Ngọc Liễn trốn lên phương bắc, ngầm tìm người tông thất họ Mạc, tìm được người con của Mạc Kính Điển là Đôn Hậu Vương Mạc Kính Cung ở châu Văn Lan, lập làm người nối nghiệp họ Mạc, đặt niên hiệu là Càn Thống năm thứ 1.

Bấy giờ, nhiều người còn giữ hai lòng, chưa quy phục hết, nghe Kính Cung lập lên, liền rủ nhau theo về. Bấy giờ có mấy chục dư đảng của họ Mạc phiến hoặc lòng người, tụ tập thành bọn, cướp bóc các châu huyện, chia nhau chiếm cứ các nơi. Từ sông Nhị trở lên bắc, binh đao hết nơi này đến nơi khác, khói lửa không lúc nào ngớt, quần hùng ẩn náu, **[40a]** giặc cướp lăng loàn. Bọn lớn kết thành ba chục đảng, bọn nhỏ cũng không dưới mấy chục nhóm. Đô Ninh ở Chân Định[2] (trở xuống đều không rõ tên), tự xưng là Kiến quốc công, chiếm giữ phủ Kiến Xương[3]; Ất Kỹ tự xưng là Cương quốc công, chiếm giữ huyện Cẩm Giàng; Thái quốc công chiếm giữ huyện Gia Phúc; Hoa quốc công chiếm giữ phủ Khoái Châu; Nghiêm quốc công chiếm giữ huyện Tứ Kỳ; Khánh quốc công chiếm giữ huyện Sơn Dương[4]; Đức quốc công chiếm giữ huyện Hạ Hoa[5]; Mỹ Thọ hầu chiếm giữ huyện Thanh Ba; Uy Vương Mạc Kính Dụng chiếm

---

[1] An Bác: sau là huyện Sơn Động, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Chân Định: tên huyện, tương đương với huyện Kiến Xương cũ, nay thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

[3] Phủ Kiến Xương: là vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình ngày nay.

[4] Huyện Sơn Dương: nay thuộc tỉnh Tuyên Quang.

[5] Huyện Hạ Hoa: sau là huyện Hạ Hoà, nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

giữ Thái Nguyên, Tráng Vương Mạc Kính Chương chiếm giữ huyện Thiên Thi; Nghĩa quốc công chiếm giữ phủ Tân Hưng[1]; Văn quốc công chiếm giữ huyện Tam Dương; Cẩm quốc công chiếm giữ huyện Thanh Trì; Trung quốc công chiếm giữ huyện Phổ Yên; Phúc quốc công chiếm giữ huyện Hữu Lũng. Bọn lớn thì hơn vài nghìn người, bọn nhỏ thì 7, 8 trăm người. Đến đâu dân cũng hưởng ứng.

Ngày 21, đảng nguỵ ở các nơi đều dấy binh tiến ra sông Nhị, đến bến Bồ Đề, **[40b]** đốt phá cầu phao ở Bát Tràng. Thế là nhân dân các huyện ở hai xứ Hải Dương, Kinh Bắc đều dựng cờ hưởng ứng theo giặc.

Ngày 23, Tiết chế Trịnh Tùng sai các tướng chia quân qua sông đánh phá, chém được hơn vài nghìn thủ cấp, bọn đảng nguỵ tan chạy, các châu huyện đều dẹp yên cả.

Ngày 25, viên thổ quan ở Đại Đồng là Hoà Thắng hầu Vũ Đức Cung[2] đem hơn 3.000 quân bản bộ về Kinh thú tội, quy phục triều đình, dâng 10 mâm vàng bạc châu báu, một pho tượng bằng bạc thay mình, 2 bình hoa bạc, 1 lư hương bạc, 1 đôi hạc bằng bạc, 30 con ngựa tốt, đến cửa dinh lạy chào. Tiết chế Trịnh Tùng dâng biểu tâu thăng làm Bắc quân đô đốc phủ hữu đô đốc, Thái bảo Hoà quận công, hiệu là An Bắc dinh.

Bấy giờ, **[41a]** Tiết chế Trịnh Tùng sai thợ xây dựng cung điện, làm hành tại ở phía tây nam thành Thăng Long, phía bắc Cầu Dừa, tức là chổ Cẩm Đình trước, 1 tháng làm xong. Rồi sai các đại thần và các quan văn võ sắm bày cờ xí, chỉnh đốn binh tượng, để chuẩn bị đón thánh giá.

Lúc ấy, vua từ hành tại Vạn Lại, tháng 3 thì khởi hành, qua thành Tây Đô, tiến thẳng theo đường Quảng Bình ra Thiên Quan, qua các huyện Mỹ Lương, Chương Đức, đi 1 tháng đến huyện Thanh Oai thì đóng quân. Tiết chế Trịnh Tùng đem các quan văn võ đến huyện Thanh Oai đón rước thánh giá, cử nhã nhạc cùng đi về Kinh.

Tháng 4, ngày 16, vua lên chính điện, nhận lễ chầu mừng của trăm quan. Đại xá thiên hạ.

Ban chiếu rằng: Thượng đế sinh ra muôn vật, tưới móc mưa sau cơn sấm sét tung trời; đức vua vỗ trị tám phương, **[41b]** ban ơn trạch sau buổi tung hoành uy vũ. Lẽ không có khác, lời phải ban ra. Nhà nước ta, Thái Tổ Cao Hoàng Đế ứng mệnh trời, thuận lòng người, thừa thời cơ mở vận, theo nghĩa lớn dẹp hung tàn, được thiên hạ rất chính đáng, quy mô dựng nước đã rộng lớn lại lâu dài. Thái Tông Văn Hoàng Đế nối lời dạy bảo, xướng suất kẻ dưới; Nhân Tông Tương Hoàng Đế rạng công người trước, rõ đức sáng xưa; Thánh Tông Thuần Hoàng Đế sáng lập pháp chế, mở ra muôn đời văn minh; Hiến Tông Duệ Hoàng Đế kê xét điển chương, chấn chỉnh bốn phương dường mối.

Mọi điển chương pháp độ để giữ cơ nghiệp đã tường tận và đầy đủ cả rồi. Các đời truyền nối, mưu lớn công to, mở mang, phò tá, đều theo lẽ chính, người sau có thể giữ mãi đời đời.

Từ khoảng năm Quang Thiệu, Thống Nguyên, nửa đường gặp phải vận bĩ, bị nghịch thần Mạc Đăng Dung cướp ngôi. Nhưng chính thống của Tiên vương hãy còn, ơn sâu ở lòng người **[41a]** chưa hết. Trang Tông Dụ Hoàng Đế dấy nghĩa quân để dẹp loạn. Trung Tông Vũ Hoàng Đế dựng tổ nghiệp để cứu dân. Kịp đến hoàng khảo ta là Anh Tông Tuấn Hoàng Đế, trời phú cho đức cương nghị, anh minh; chí những muốn dẹp yên tiếm loạn. Còn việc dực phù nhật nguyệt, chỉnh đốn càn khôn thì nhờ ở công đức của Minh Khang Thái Vương, công nghiệp trung hưng thực bắt đầu từ đó. Trẫm nối theo công xưa, tóm giữ quyền lớn, lúc nào cũng nghĩ đến việc tiêu diệt kẻ thù, khôi phục trung nguyên, mới đặc sai Đô tướng tiết chế các xứ thuỷ bộ chư định, kiểm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự tả tướng thái uý Trường quốc công Trịnh Tùng, nắm cả đại binh, đánh giết đảng Mạc. Tháng 12 năm ngoái, bắt được cháu của tên nghịch tặc Đăng Dung là nguỵ Hồng Ninh Mạc Mậu Hợp, đã xử theo quân pháp. Tháng giêng năm nay, bắt được nguỵ Hùng Lễ công tiếm xưng **[42b]** Khang Hựu, lại đã hành hình. Còn dư nghiệt như bọn nguỵ Đường An Vương, nguỵ Hùng Lượng Công, nguỵ Huệ Thành Công, nguỵ An Sơn Vương, nguỵ Phù Ninh Vương, nguỵ Dũng Nghĩa công đều đã giết cả. Tội ác của nghịch tặc đã xử, mối

[1] Phủ Tân Hưng: gồm phần đất các huyện Hưng Hà, Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày nay.

[2] Vũ Đức Cung: là con của Vũ Công Kỳ, cháu của Vũ Văn Mật.

giận của thần người được nguôi. Việc đó dẫu là do anh linh của tiên tổ trên trời ngầm giúp, cũng là nhờ công lao của đô soái khuông phò dựng lại và công sức của tướng sĩ vâng mệnh siêng cần, cho nên mới làm nên nghiệp lớn, lấy lại được đô thành xưa này. Bờ cõi đất đai của nhà nước rộng lớn như cũ; pháp chế chính lệnh của triều đình đương lúc canh tân. Trẫm nghĩ rằng thiên hạ là thiên hạ của tổ tông, nhân dân là nhân dân của tông tổ, bị khổ về sự tàn ngược của giặc đã lâu, đương mong ta tìm phương vỗ trị. Nay ta cầm quyền coi dân buổi mới, nên ban ra ơn huệ cho đến khắp mọi người. Định lấy **[43a]** ngày 16 tháng này năm này vào giờ Dần, sẽ ngự ra chính điện ở Kinh thành, đại xá thiên hạ, để ban sức hoá buổi mới lên ngôi, thể theo đạo trời, để thoả lòng dân mong chờ thịnh trị. Quan lại và dân chúng các ngươi, thảy đều nghe cho biết.

Khi ấy, xét công ban thưởng, gia phong Hoàng Đình Ái làm hữu tướng thái uý Vinh quốc công; Nguyễn Hữu Liêu là thái uý Dương quốc công; Trịnh Đỗ làm thái phó; Trịnh Đồng, Trịnh Ninh đều làm thái bảo; Lê Bách làm thiếu uý Bản quận công; Hà Thọ Lộc làm thiếu uý; Ngô Cảnh Hựu, Trịnh Văn Hải đều làm thiếu bảo; Lại bộ thượng thư Nguyễn Mậu Tuyên làm thiếu phó Quỳnh quận công. Những người còn lại đều được gia thăng chức tước theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 5, Thái phó Đoan quận công Nguyễn Hoàng từ Thuận Hoá đích thân đem tướng sĩ, voi **[43b]** ngựa, thuyền ghe về Kinh lạy chào, đem sổ sách về binh lương, tiền, lụa, vàng bạc, châu báu, kho tàng của hai trấn Thuận Hoá và Quảng Nam dâng nộp.

Tiết chế Trịnh Tùng dâng biểu tâu cho Hoàng làm Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc chưởng phủ sự thái uý Đoan quốc công, sai tổng đốc tướng sĩ bản dinh và thống lĩnh 300 chiếc thuyền lớn nhỏ của thuỷ quân các xứ Nam đạo đi đánh giặc biển ở các xứ Sơn Nam và Hải Dương.

Trước đây, nguỵ Kiến quốc công dấy quân chiếm giữ phủ Kiến Xương đắp luỹ đất trên bờ sông phía đông, từ các huyện Dương Hà, Vũ Tiên xuống đến Chân Định. Nghĩa quốc công dấy quân chiếm giữ huyện Thanh Lan[1], đều tụ họp đến vài vạn quân, cắm cọc gỗ ở các xứ cửa sông Hoàng Giang[2] để chống lại quan quân. Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn tướng Nam đạo là Bùi Văn Khuê và Trần **[44a]** Bách Niên đem quân đi đánh, hơn một tháng không phá nổi.

Đến đây sai Nguyễn Hoàng thống lĩnh các dinh thuỷ binh đi đánh. Khi đến nơi, Hoàng sai lấy hoả khí và súng lớn bắn đồng loạt, phá tan luỹ giặc. Bọn giặc sợ chạy. Quan quân thừa thắng đuổi theo, chém đến hàng vạn tên, bắt sống tướng giặc đem chém[3]. Các phủ Tiên Hưng, Kiến Xương bình được cả. Sau bọn nguỵ Tráng Vương Mạc Kính Chương, Thái quốc công, Hoa quốc công, Nghiên quốc công, Cẩm quốc công, Cường quốc công, Đông quốc công đều chiếm giữ vùng Hải Dương. Tiết chế Trịnh Tùng lại sai Nguyễn Hoàng đem quân đi tiễu trừ thu bắt. Hoàng đánh phá dẹp yên được hết, bắt sống rất nhiều tướng nguỵ, chém được quân giặc nhiều không kể xiết. Nguỵ Cương quốc công chạy lên bờ; nguỵ Tráng Vương Mạc Kính Chương và Thái quốc công chạy vào **[44b]** Yên Quảng. Hai xứ Hải Dương, Sơn Nam cũng dẹp yên dần. Chỉ còn nguỵ Càn Thống Mạc Kính Cung và Mạc Ngọc Liễn cùng bọn giặc nguỵ Thứ vương[4], Khánh Vương Mạc Kính Khoan, Yên Dũng Vương, Đường quốc công, Đức quốc công, Đông quốc công, Văn quốc công, Trung quốc công, Phúc quốc công mà thôi.

Tháng 6, Tiết chế Trịnh Tùng sai các tướng đem quân chia giữ các phủ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Khoái Châu, Thuận An, Từ Sơn. Lại ra lệnh cho dân xiêu tán ở các huyện trở về nguyên quán yên nghiệp.

Tháng 7, ngày mồng 2, sao Chổi xuất hiện ở phương đông, vận hành theo hướng đông bắc.

Bấy giờ, con của Mạc Ngọc Liễn là Quận Lập và bọn Sơn Đông hầu, Phù Cao hầu trước đã quy thuận, đến đây Sơn Đông và Phù Cao lại mưu phản trốn đi. Quận Lập bị giết.

---

[1] Huyện Thanh Lan: một phần của huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình ngày nay.

[2] Sông Hoàng Giang: khúc sông Hồng ở phía trên Nam Định, khoảng ngã ba Tuần Vường.

[3] Theo Cương mục, thì Nguyễn Hoàng đánh Mạc Ngọc Liễn ở Vĩnh Lại, đánh Vũ Đức Cung ở Đại Đồng (CMCB25).

[4] Thứ vương có nghĩa là vua thứ hai.

Tháng 10, Thái bảo Hoà quận công Vũ Đức Cung tự xin về trấn giữ đất Đại Đồng để **[45a]** phòng giặc cướp, Tiết chế Trịnh Tùng cho đi.

Tháng 11 nhuận, ngày mồng 4, Nguyễn Quyện chết ở trong ngục. Trước đây, con Quyện là Nhuệ quận công Nguyễn Tín, Thọ Nham hầu Nguyễn Trù và con của Phù Hưng hầu Nguyễn Phủ là bọn Đô Mỹ, Văn Bảng, Nam Dương, An Nghĩa, Nhân Trí (đều không rõ tên) thấy vua Mạc bị bắt, bèn chịu khuất quy thuận. Đến đây mưu phản, việc bị phát giác. Bọn Nguyễn Tín, Đô Mỹ, Văn Bảng, Nhân Trí đều bị giết. Bọn Nam Dương, An Nghĩa, Thọ Nham lại trốn đi theo nguỵ.

Giáp Ngọ, [Quang Hưng] năm thứ 17 [1594], (Minh Vạn Lịch năm thứ 22). Tháng giêng, Mạc Ngọc Liễn đem Mạc Kính Cung đến chiếm cứ huyện An Bắc.

Tiết chế Trịnh Tùng sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái đem quân đi đánh.

Tháng 2, Đình Ái đốc quân đánh phá huyện An Bác, bắt sống nguỵ Vạn Ninh Vương, Nghiêm quốc **[45b]** công và dư đảng, đều chém hết. Ngọc Liễn chạy sang phủ Tư Minh xưng thần với nhà Minh. Sau Đình Ái đem quân về đến huyện Yên Dũng bắt được nguỵ Phúc quốc công rồi về.

Năm này, các xứ Kinh Bắc, Thái Nguyên, Lạng Sơn can qua rối động. Khánh Vương Mạc Kính Khoan chiếm giữ huyện Đại Từ, Thứ vương chiếm giữ Thái Nguyên, An quận công chiếm giữ huyện Phổ Yên, Đông quốc công chiếm giữ huyện Lục Ngạn, Yên Dũng Vương chiếm giữ huyện Vũ Nhai, Việt quốc công chiếm giữ huyện Sơn Dương. Quan quân đến thì giặc giải tán, đi rồi giặc lại tụ họp, các quận huyện đều khổ vì chúng.

Bấy giờ nhà Minh hay sai người sang dò la sự tình, hầu như không ngày nào là không có. Miền dưới Hải Dương và Sơn Nam, giặc cướp nổi lên nhiều, dân địa phương ngày đêm không yên.

Ở Đại Đồng, Hoà quận công Vũ Đức Cung từ sau khi về trấn, ngầm chứa hai lòng, **[46a]** ngầm thông tin đi lại với Mỹ Thọ[1] của giặc, bí mật sai người xâm lược các huyện ở đầu nguồn Trấn Sơn, đánh phá các huyện Thanh Ba, Hạ Hoa. Lại dời dân cư huyện Đông Lan và Tây Lan[2] vào ở Đại Đồng. Tiết chế Trịnh Tùng sai thái uý Nguyễn Hữu Liêu đem quân đến đánh đuổi, bắt được Mỹ Thọ rồi về.

Tháng 3, ngày rằm, nguyệt thực, trời mưa to.

Ngày 22, vua sai Nguyễn Hoàng mang kim sách gia phong Minh Khang Thái Vương làm Minh Khang Nhân Trí Vũ Trinh Hùng Lược Thái Vương.

Lời kim sách nói: Đại thần lập nên công to, muôn dân trông đợi; triều đình truy phong điển lớn, phải ghi công đầu. Đã chọn ngày tốt ban ra, lại tạc sách vàng rực rỡ. Nay Suy trung dực vận hiệp mưu đồng đức phụ quốc kiệt tiết đôn hậu minh nghĩa công thần đặc tiến khai phủ kim tử **[46b]** vinh lộc đại phu kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sứ Thái quốc công đặng Minh Khang Nhân Trí Thái Vương Trịnh Kiểm vốn là đường kiều họ lớn[3], hoàn quyển dòng sang[4]. Buổi đầu ứng theo cờ nghĩa, sửa kinh luân giềng mối buổi gian truân; một phen thu lại cõi xưa, định hưng phục quy mô khi phò tá. Đối với Tiên vương, công tốt có nhiều; xét đến con nối, nghiệp lớn càng rõ. Có khác gì Tây Bình[5] cả nhà trung nghĩa, xã tắc được yên; Phần Dương[6] dựng lại quốc gia, thiên hạ công nhất. Phúc trước đến nay

---

[1] Mỹ Thọ: tức Mỹ Thọ hầu, tên tước.

[2] Huyện Đông Lan và Huyện Tây Lan: thuộc phủ Đoan Hùng, trấn Sơn Tây bấy giờ.

[3] Đường Kiều: đường là cây cam đường. Thiệu Bá con Chu Văn Vương, khi tuần hành các nước phương Nam thường ngồi nghỉ dưới gốc cây cam đường, đời sau gọi quan to, tước cao là "đường phong". Kiều là cây to, bóng cả, cũng ví người làm quan to.

[4] Hoàn quyển: hoàn là ngọc hoàn khuê của tước công cầm khi vào chầu vua; quyển là loại áo cổn. Hoàng quyển ví quan cao tước trọng.

[5] Tây Bình: tức Tây Bình Vương, tước của Lý Thạnh đời Đường. Lý Thạnh giúp Đường Đức Tong dẹp loạn Chu Thứ. Con Thạch là Lý Tổ dẹp đất Hoài Tây, bắt Ngô Nguyên Tế.

[6] Phần Dương: tức Phần Dương quận vương, tước hiệu của Quách Tử Nghi. Tử Nghi dẹp loạn An Lộc Sơn và Sử Tư Minh, xây dựng lại quốc gia cho Đường Huyền Tông.

rực rỡ, hiệu mới nên được tôn sùng. Đặc sai Suy trung dực vận đồng đức công thần đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân Trung đô đốc phủ tả đô đốc chưởng phủ sự thái uý Đoan quận công thượng trụ quốc Nguyễn Hoàng mang kim sách tiến phong làm Suy trung dực vận hiệp mưu đồng đức phụ quốc kiệt tiết đôn hậu minh nghĩa **[47a]** công thần thượng tướng Minh Khang Nhân Trí Vũ Trinh Hùng Lược Thái Vương. Mong lâu bền mãi mãi, để cho con cháu được vinh hiển lâu dài. Hãy kính theo đó.

Sai bọn Nguyễn Mậu Tuyên đem sắc chỉ truy tặng gia phong Thái tể thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim là Chiêu Huân Phụ Tiết Tĩnh Công.

Tháng 4, ngày Kỷ Mậu mồng 1, nhật thực, trời mưa.

Đại hạn.

Ngày 28, Hữu tướng Hoàng Đình Ái đem quân đánh phá huyện Hữu Lũng[1], chém được nguỵ Phúc quận công, lấy đầu truyền về Kinh sư.

Viên hàng tướng đất Thái Nguyên là Địch nghĩa dinh Liêm quận công (không rõ tên), bắt được nguỵ Hoành Mỹ công **[47b]** (không rõ tên). Vĩnh quận công đem dư đảng chạy đến huyện Võ Nhai.

Ngày 11, Mạc Kính Cung lấy Mạc Ngọc Liễn làm thái phó đem quân chiếm giữ núi Yên Tử[2], đánh cướp huyện Vĩnh Lại, đi đến đâu nhiều người theo về. Tiết chế Trịnh Tùng sai Nguyễn Hoàng đem thuỷ quân tiến thẳng đến Hải Dương đánh tan. Ngọc Liễn chạy về huyện An Bác, sau chiếm giữ châu Vạn Ninh[3].

Tháng ấy, sao Kim đi trái độ.

Hạn, cầu đảo được mưa.

Mạc Kính Cung và đảng nguỵ trốn sang ở Long Châu[4] của nhà Minh, đến đây hay **[48a]** đem người Long Châu về cướp các châu ở Lạng Sơn. Tiết chế Trịnh Tùng sai quân họp với quân ba ty Lạng Sơn đánh đuổi. Đảng nguỵ chạy về Long Châu.

Tháng 6, người xã Vũ Lăng, huyện Tiên Minh[5] là Vũ Đăng dấy binh chiếm giữ huyện Siêu Loại, tụ tập bè đảng, tự xưng là La Bình năm thứ 1. Tiết chế Trịnh Tùng bắt được đem chém.

Nguỵ Tín Vương (không rõ tên) dấy binh chiếm giữ huyện Vũ Nhai, sai Ninh quốc công nguỵ (không rõ tên) đem quân chống đánh ở Thái Nguyên.

Việt quốc công nguỵ tự mặc áo hoàng bào dấy binh chiếm giữ huyện Tam Dương[6] cướp bóc dân địa phương. Tiết chế Trịnh Tùng sai phó tướng Bạt quận công Phạm Doãn Sinh đem quân bản bộ trấn giữ huyện Tam Nông để giữ yên dân Hưng Hoá.

[48b] Tháng 7, ngày mồng 2, Phò mã[7] đô uý thái phó Đà quốc công Mạc Ngọc Liễn đem quân chiếm giữ châu Vạn Ninh, bị ốm chết. Con là bọn phò mã Sơn Đông chạy sang Long Châu phụ theo Mạc Kính Cung.

Khi Ngọc Liễn sắp lâm chung, có di chúc để lại khuyên Mạc Kính Cung rằng: "Nay khí vận nhà Mạc đã hết, họ Lê lại phục hưng, đó là số trời. Dân ta là dân vô tội mà để phải mắc nạn binh đao, sao lại

---

[1] Huyện Hữu Lũng: nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

[2] Núi Yên Tử: ở huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

[3] Châu Vạn Ninh: sau là phủ Hải Ninh, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

[4] Long Châu: thuộc tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc.

[5] Huyện Tiên Minh: sau là huyện Tiên Lãng, nay thuộc thành phố Hải Phòng.

[6] Huyện Tam Dương: nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

[7] Nguyên văn mất hai chữ "phò mã".

nỡ thế! Bọn ta nên tránh ra ở nước khác, chứa nuôi uy sức, chịu khuất đợi thời, xem khi nào mệnh trời trở lại mới có thể làm được. Rất không nên lấy sức chọi sức, hai con hổ tranh nhau tất có một con bị thương, không được việc gì. Nếu thấy quân họ đến thì ta nên tránh, chớ có đánh nhau, nên cẩn thận mà giữ là hơn. Lại chớ nên mời người Minh vào **[49a]** trong nước ta mà để dân ta phải lầm than đau khổ, đó cũng là tội lớn không gì nặng bằng". Đến đây thì chết.

Tráng Vương Mạc Kính Chương của họ Mạc cùng với Thái quốc công nguỵ đem quân đến cướp bóc các huyện Thanh Hà, Tứ Kỳ. Lại quốc công người huyện Vĩnh Lại mưu phản cũng đem quân bản huyện đi theo. Bấy giờ nhân dân các huyện ở Hải Dương mất mùa to, đói kém đến ăn thịt lẫn nhau, chết đói đến một phần ba.

Tháng 8, Hữu tướng Hoàng Đình Ái đem quân đánh phá Lạng Sơn. Nghiêm quốc công nguỵ ra hàng, vẫn bị giết.

Tháng 9, nguỵ Uy Vương Mạc Kính Dụng sai bè lũ là bọn Xuân Sơn hầu và Văn quốc công đem quân đánh úp Thái Nguyên. Tướng quy thuận là Liêm quốc công bị chết trận. Tiết chế **[49b]** Trịnh Tùng sai Thái uý Nguyễn Hoàng đem quân đánh phá ở Vũ Nhai, dẹp yên rồi đem quân về.

Tháng 10, Tiết chế Trịnh Tùng sai Thái uý Nguyễn Hoàng thống lĩnh thuỷ quân, Thái uý Nguyễn Hữu Liêu đốc suất bộ binh, hai đường tiến thẳng đến Đại Đồng, đánh phá dinh của Hoà quận công Vũ Đức Cung, chia quân đằng trước, đằng sau đánh ập lại. Đức Cung đem bọn con em chạy về Nghĩa Đô. Hai tướng đem quân về.

Thái uý Nguyễn Hữu Liêu tung kỳ binh đánh trại của bọn Xuân Sơn hầu và Văn quốc công, phá được, bắt được 3 con voi, đốt doanh trại, nhà cửa rồi về.

Tháng 12, tên nguỵ Vũ Đức Cung ở Đại Đồng sai người dâng nộp vàng bạc, của báu và ngựa, **[50a]** về Kinh vào chầu, thú tội xin tha. Vua y cho.

Lập phủ Thái Vương ở phường Phúc Lâm, sai dời hành tại đến bên tả cửa Nam của thành.

Bấy giờ, các huyện ở Thái Nguyên vẫn bị bọn Uy Vương nguỵ Mạc Kính Dụng chiếm giữ, Lạng Sơn vẫn bị bọn Mạc Kính Cung, Mạc Kính Khoan chiếm giữ, những nơi chúng chiếm bị cướp bóc, nhân dân địa phương quá nửa không được về làm ruộng, đồng ruộng bị bỏ hoang.

Ất Mùi, [Quang Hưng] năm thứ 18 [1595], (Minh Vạn Lịch năm thứ 23). Tháng giêng, bấy giờ vua bị bệnh phong không coi chầu được. Xuống chiếu miễn chầu cùng các lễ yết, lễ giao tự.

Tháng 2, Tiết chế Trịnh Tùng sai tướng hiệu các dinh đóng 50 chiến thuyền.

Tháng 3, thi Hội các cử nhân trong nước ở bến Thảo Tân. Cho Nguyễn Thực và Nguyễn Viết Tráng đỗ tiến **[50b]** sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Đức Mậu 4 người đỗ tiến sĩ đồng xuất thân.

Tiết chế Trịnh Tùng cho đóng xe hai bánh, trang sức bằng ngọc ngà, trên xe làm mui sơn, hai bên xe khắc lan can bằng ngà, bốn vách sơn then, thếp vàng. Lại làm thang nhỏ để lên xe. Trước xe đặt một đòn ngang, sai bốn lực sĩ đẩy. Kiểu xe này do Thái uý Nguyễn Hoàng sáng chế.

Sao Kim, sao Mộc mọc chung vào vùng sao Thất.

Sai thu tiền đại tập[1] của các xứ trong nước để dùng vào việc nước.

Xuân Sơn [hầu] nguỵ tự xưng là Nghĩa quốc công, sai người bắt trộm một con voi công đem về châu Cảm Hoá[2].

Tháng 4, Tiết chế Trịnh Tùng sai chỉ huy sứ, Trung Tín hầu (không rõ tên) cùng với tổng binh Thái Nguyên là Đức Trạch hầu Lại Thế Quý đem quân đến châu Cảm Hoá, gặp **[51a]** Uy Vương nguỵ

---

[1] Tiền đại tập: tiền chi dùng cho kỳ hội quân lớn.

[2] Châu Cảm Hoá: tương đương với các huyện Ngân Sơn và Na Rì tỉnh Bắc Cạn ngày nay.

Mạc Kính Dụng và bọn Xuân Sơn [hầu], Sơn Đông [hầu]. Thế Quý tung quân ra đánh, chém được 600 thủ cấp, lại lấy được 1 con voi đực, 10 con ngựa và quân nhu khí giới rồi về.

Bấy giờ, người ở đầu nguồn xứ Thanh Hoa là thái phó nguỵ Cương quốc công (không rõ tên) nổi quân chiếm giữ miền trên huyện Quỳnh Lưu, xứ Nghệ An, cướp bóc cư dân. Quân trấn thủ Thanh Hoa là bọn Hà Thọ Lộc, Trịnh Văn Hải gọi quân đi đánh phá được, bắt được đồ đảng của giặc, đều giết hết.

Tháng 5, hạ lệnh cho các dinh cơ kê khai các công thần dốc lòng ra sức, trước sau bảo toàn được chiến công, định thành ba bậc, tâu công để xét ban thưởng. Lệnh ra hai ba lần, rồi lại ỉm đi không thi hành.

Bấy giờ nhân dân mất mùa, đói to, lại thêm ôn dịch, người chết xác gối lên nhau.

[51b] Tháng 6, ngày 12, Xuân Sơn [hầu] nguỵ cùng với những người huyện Phổ Yên là bọn nguỵ Tấn quận công (từ đây trở xuống đều không rõ tên). Thắng quận công, Quế quận công tập hợp được 500 quân cướp bóc huyện Tam Dương. Khi ấy, huyện quan đem nhiều binh dân, chặn đón đường hiểm yếu, chém được 46 thủ cấp của bọn nguỵ Tấn, Thắng, Quế, Xuân Sơn [hầu] chỉ thoát được thân mình.

Hạn.

Ngày 22, giờ Thân, hai mặt trời cùng mọc.

Ngày 24, tổng binh Thái Nguyên là Nghiêm quận công Trịnh Duy Tinh chém được Nghĩa quốc công nguỵ Đỗ Điền và bè lũ ở Thái Nguyên. Bây giờ Lại quận công nguỵ tự xưng là Ly quốc công, cha con cùng đem đảng giặc từ Yên Quảng thâm nhập Hải Dương, cướp bóc các huyện ở ven sông, đến huyện Đông Triều đánh úp dinh trấn thủ, Lăng quận công (không rõ tên) bị hại.

[52a] Tháng 7, Xuân Sơn [hầu] nguỵ tự xưng là Bảo quốc công, đem đảng giặc đánh cướp huyện Phổ Yên. Tiết chế Trịnh Tùng sai quân đi đánh phá, bắt được 4 con ngựa, 1 quả ấn đồng, bọn giặc chạy tan. Lại sai Lại Thế Quý đem quân đánh phá các xứ Thái Nguyên, Cao Bằng, bắt được tướng giặc là bọn Kỳ Sơn Vương, Phúc Vương (đều không rõ tên) đều giết cả.

Ngày Giáp Ngọ 13, trời không mây mà có sấm, bỗng sét đánh vào cột cung điện. Đêm ấy, mặt trăng lại đi vào vùng sao Tâm, sau thành quầng ở sao Tuế.

Ngày Giáp Thìn 13, đại hội các quan văn võ tuyên thệ ở phố bên tả cửa Nam thành Thăng Long.

Ngày 25, Xuân Sơn [hầu] nguỵ về hàng, đến Kinh sư xin chịu tội, giao về cho tướng bản thuộc, sau bắt giết.

Sao Hoả phạm vào vùng sao Mão, đến hết năm không về khu vực mình.

[52b] Sai Nghị quận công Nguyễn Duy Nhất giữ huyện Kim Động[1].

Tháng 8, hạ lệnh đại điểm duyệt quân lính ở Thảo Tân, số quân được hơn 12 vạn.

Đại hạn, từ tháng 8 đến hết năm không mưa, đến tháng 2 năm sau mới mưa, lúa má chết khô, mùa màng mất hết, nhân dân đói to.

Tháng 9, hạ lệnh đặt quân khám xét hình ngục, để xử đoán các án đáng ngờ trong nước. Lấy hai viên quan văn là Ngô Tháo và Nguyễn Hoành Từ, võ quan là Lê Chẩn là chức ấy, ban cho ấn công sai. Sau lại đặt thêm 3 viên nữa, nhưng đều không giữ được đúng luật pháp, nên lại bãi bỏ chức ấy.

Tháng 10, sai sửa chữa điện Tây Kinh.

Bấy giờ, bề tôi cũ của họ Mạc là Hàn lâm học sĩ Nguyễn Thì Dự người huyện Đông Ngàn, tự xưng là thái bảo Lễ quận công, tiếm đặt hiệu cho con là Thuận Trị **[53a]** Vương, dấy quân chiếm giữ huyện

[1] Kim Động: tên huyện, thuộc tỉnh Hưng Yên.

Lục Ngạn, đón chặn đường hiểm yếu ở Lạng Sơn giết viên tổng binh bản xứ là Lang quận công (không rõ tên), cướp đoạt 1 con voi và tài vật.

Tháng 11, Tiết chế Trịnh Tùng sai Kế quận công Phan Ngạn đem các cơ thuỷ quân, 300 chiến thuyền và 1 con voi đến trấn giữ huyện Thanh Lâm trấn Hải Dương, Trịnh Văn Chương giữ huyện Vĩnh Lại, Nguyễn Đình Luân giữ huyện Cẩm Giàng, Hải quận công (không rõ tên) giữ huyện Đường An, Vương Trân giữ huyện Siêu Loại.

Tháng 12, trộm cướp nổi lên khắp nơi, đốt nhà giết người, cướp bóc của cải gia súc.

Bính Thân, [Quang Hưng] năm thứ 19 [1596], (Minh Vạn Lịch năm thứ 24). Tháng giêng, ngày mồng 2, Tráng Vương nguỵ Mạc Kính Chương dời ra đóng ở Yên Quảng, chiếm giữ xã Hương Lan châu Vạn Ninh, sai tướng là Lỵ quốc công người Vĩnh Lại, Thái quốc công người Gia Phúc (đều không rõ tên), các con em dòng họ Mạc là bọn Mạc Vĩ, Mạc Lý đem 80 chiếc thuyền chiến lớn nhỏ **[53b]** đánh vào các huyện Tứ Kỳ, Vĩnh Lại.

Ngày mồng 3, đến sông ở các huyện Thanh Lâm, Thanh Hà, đánh nhau với quân của Phan Ngạn từ giờ tý đến giờ ngọ, kịch chiến trên sông.

Bấy giờ Phan Ngạn ngựa chưa kịp đóng yên, quân chưa kịp mặc giáp mà thuyền giặc đã đến cửa dinh, quân lính đều luống cuống, cùng ra với Phan Ngạn để chống cự chỉ có 45 người thôi. Viên tướng người Giao Thuỷ là Lễ quận công thấy thế giặc mạnh, tự liệu quân ít, sức không chống nổi, tự đem quân của thuyền mình lui trước.

Phan Ngạn cho là nhát sợ, chém chết rao cho mọi người biết. Thế là ai nấy đều liều chết cố đánh. Lại được một đội thuyền nhẹ ở Tây Chân[1] xông đến. Tướng giặc ngờ có quân cứu viện đến, liền tự tan vỡ, bỏ thuyền nhảy xuống sông trốn chạy. Phan Ngạn bèn vẫy các thuyền lớn nhỏ của quân mình, nhất tề xông lên kịch chiến ở giữa dòng, chém tướng giặc là bọn Lỵ **[54a]** quốc công, Thái quốc công, An quận công, Thuỵ quận công (đều không rõ tên) và hơn 20 viên tỳ tướng, chém được 2298 thủ cấp giặc, thu được thuyền bè khí giới nhiều không kể xiết, bắt sống được mấy viên tướng giặc là bọn Hào quận công (không rõ tên). Đảng giặc đều tan về quê quán.

Ngay hôm ấy, giải tướng giặc là Hào quận công đến cửa quân. Phan Ngạn tự mình cởi trói và dỗ rằng: Ngươi muốn sống hay muốn chết. Nếu muốn sống thì ta dùng ngươi làm hướng đạo, bắt được Tráng Vương thì ta tha tội chết cho ngươi. Hào quận công bèn xin đưa đường, dẫn quân đi gấp theo đường biển ra Quảng Yên bắt Tráng Vương để lo báo đáp. Phan Ngạn nghe xong, sai chọn thuyền nhẹ và mấy trăm quân tinh nhuệ, cùng 5 chiếc thuyền chiến, tự mặc áo giáp khắp mình, giấu Hào quận công ở trong thuyền.

[54b] Ngày mồng 4, Ngạn bàn với các tướng rằng: Việc binh quý ở thần tốc. Ta lấy quân chiến thắng, thừa thế chẻ tre, nếu một trận đánh hai lần thắng, thì đó là trời giúp cho ta thành công lớn, có thể so cùng các danh tướng đời xưa. Tôi mong các tướng sĩ nghe lệnh hãy đồng tâm hiệp lực để lập công danh, tiễu trừ giặc nguỵ thì công của bọn ta không gì to bằng.

Các tướng đều nói: Xin tuân lệnh.

Hôm ấy, Ngạn chọn các tráng sĩ, giả làm sắc áo và cờ của quân Kính Chương. Ngạn tự làm tiền đội, các thuỷ quân lục tục tiến theo. Đêm hôm ấy, Ngạn tự đi thuyền nhẹ, xông trước vào hai lần cửa. Người giữ cửa hỏi, trả lời rằng: Ta là binh thuyền của Hào quận công, nhân thắng trận, bắt được tướng giặc là bọn Kế quận công giải về trước dâng nộp vương ta. Do đấy, vào được các lớp cửa mà thẳng tiến, 3 ngày đêm thì đến **[55a]** xã Hương Lan, châu Vạn Ninh. Khi sắp đến gần thuyền Kính Chương, Kính Chương ngỡ là Hào quận công thắng trận trở về liền ra đón. Ngạn thét: Ta là Kế quận công đây, bọn ngươi nên mau mau chịu trói để khỏi bị gươm đao.

Kính Chương nghe nói, trở tay không kịp, liền bỏ thuyền chạy lên bờ, chạy đến giữa bãi cát thì bị quan quân bắt được, cùng với vợ cả vợ lẽ 20 người, chém 40 tên đồ đảng. Bấy giờ quân lính phần nhiều

---

[1] Tây Chân: tên huyện, sau là huyện Nam Chân, nay là huyện Nam Ninh, tỉnh Hà Nam.

tranh nhau lấy của cải của giặc, để dư đảng giặc tản mác chạy trốn được vào rừng núi. Quân Ngạn đã thu được toàn thắng, một lần đánh thắng hai trận liền, quân lính vui mừng, khải hoàn về Kinh giải nộp.

Mạc Kính Chương ở dưới cửa khuyết. Hôm ấy, Tiết chế Trịnh Tùng ban thưởng chiến công, ban cho Phan Ngạn 1 bài vàng, 10 cân vàng ròng. Lại thưởng cho các tướng sĩ đã chấp hành mệnh lệnh 300 cân bạc, **[55b]** đặt yến tiệc lớn để khao thưởng.

Bấy giờ bề tôi họ Mạc lắm quỷ kế, tố cáo với nhà Minh rằng: Quân nhà Lê chính là họ Trịnh tranh cường, dấy binh đánh giết bề tôi thần phục của thượng quốc cùng con cháu họ Mạc, thực không phải là quân trung hưng của con cháu nhà Lê. Vì thế, nhà Minh nhiều lần sai sứ qua cửa Trấn Nam Giao[1], mang điệp văn sang nước ta hẹn đến cửa quan hội khám xem có thực là con cháu nhà Lê hay không.

Ngày 29, sai bọn Hộ bộ thượng thư kiếm Đông các học sĩ Thông quận công Đỗ Uông và Ngự sử đài đô ngự sử Nguyễn Văn Giai làm quan hầu mệnh đến cửa Trấn Nam Giao trước, trao đổi điệp văn thư từ với viên Tả giang binh tuần đạo Trần Đôn Lâm, lời lẽ phần nhiều khiêm tốn. Sau lại sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái **[56a]** đem quân tiếp đến Lạng Sơn làm hậu ứng. Sai tộc mục[2] là hoàng huynh Lê Ngạnh, Lê Lựu và bọn Công bộ thị lang Phùng Khắc Khoan cùng mang con ấn của An Nam đô thống sứ ty và hai tờ kiểu ấn mực của quốc vương An Nam trước, 100 cân vàng, 1000 lạng bạc cùng mấy chục kỳ lão lên cửa Trấn Nam Giao để chờ hội khám.

Tháng 2, ngày mồng 1, Tả giang ninh tuần đạo, đề hình án sát sứ ty phó sứ Trần Đôn Lâm gửi điệp văn đòi vua phải đích thân đến cửa Trấn Nam Giao để hẹn hội khám.

Ngày mồng 5, vua đích thân đốc suất bọn Hữu tướng Hoàng Đình Ái, Thái uý Nguyễn Hoàng, Nguyễn Hữu Liêu, Thái phó Trịnh Đỗ và các tướng sĩ, binh tướng gồm hơn 1 vạn đến cửa Trấn Nam Giao hẹn ngày hội khám. Bấy giờ nhà Minh dây dưa thoái thác, đòi lấy người vàng, ấn vàng **[56b]** theo lệ cũ, không chịu đến khám, thành ra quá kỳ hạn.

Tháng 3, vua trở về Kinh.

Mùa hạ, tháng 4, hạ lệnh cho phủ, huyện, tổng, xã các xứ trong nước, nơi nào phải trải binh lửa, nhân dân xiêu tán, thì cho về làm ăn, tha phu dịch 3 năm. Nhưng quan địa phương phần nhiều nhũng nhiễu, hà khắc bạo ngược, dân nhiều người vẫn phải xiêu tán, chưa được an cư lạc nghiệp.

Hạ lệnh duyệt tuyển binh lính nguyên ngạch mới và cũ. Người nào có công đã được trao chức tước thì miễn, người nào tuổi già sức yếu thì sa thải, người nào sức vóc mạnh khoẻ thì bổ sung cho đủ ngạch binh.

Ngày rằm, nguyệt thực.

Bấy giờ đại hạn, thóc lúa vụ chiêm đều không thu được, đầm phá khô cạn, cây cỏ úa vàng, hoa không kết trái. Trộm cướp quần tụ trong dân gian, bọn lớn đến 7, 8 trăm đứa, bọn nhỏ cũng không dưới vài trăm, ngày đêm đốt phá **[57a]** nhà cửa, cướp đoạt của cải gia súc, thuỷ bộ không thông, đường sá bế tắc, dân đói nhiều, chết đến quá nửa.

Tháng 5, Thái bảo Hoà quận công Vũ Đức Cung tự dời dinh Đại Đồng về ở Nghĩa Đô.

Tháng này, sai viên hàn lâm quy thuận là Phạm Hồng Nho cùng với thừa chính sứ Thanh Hoa là Lễ Cung nam Hồ Bỉnh Quốc đi khám đạc đất bãi dâu xứ ấy để định ngạch thuế.

Mùa thu, tháng 7, bấy giờ trời không mưa gió mà nước sông Lô tự dâng tràn đến hơn một tuần.

Sao Chổi xuất hiện, vận hành theo hướng tây bắc.

Sai sửa làm các điện thái miếu ở trong thành Thăng Long.

---

[1] Cửa Trấn Nam Giao: Nguyên văn "Trấn Nam Giao quan" tức Trấn Nam quan, nay là Hữu Nghị quan.

[2] Tộc mục: người đầu mục của họ. Ở đây là họ vua.

Ngày Nhâm Ngọ 17, rước **[57b]** thần vị của Thái Tổ Cao Hoàng Đế và liệt thánh hoàng đế vào điện Thái Miếu thành Thăng Long để cúng tế quanh năm.

Tháng 8, ngày Giáp Thìn mồng 9, giờ Nhâm Thân, nước ở sông hồ, đầm ao, giếng thơi bỗng dưng sôi động, một giờ mới yên.

Tháng này, hạn, mật đảo có mưa.

Tháng 8 nhuận, ngày mồng 1, nhật thực.

Bấy giờ sai thợ đúc 2 tượng người vàng và bạc, đều cao 1 thước 2 tấc, nặng 10 ân, lại đúc 2 đôi bình hoa bạc, 5 chiếc bình hương nhỏ bằng bạc, lại sắm sẵn lụa thổ quyến và các vật cống để phòng sang sứ phương bắc.

Mùa đông, tháng 11, ngày 25, Phạm Hàng, người xã Thi Vụ, huyện Đại Yên, tự xưng là **[58a]** Thiên Nam chiêu thảo đô nguyên suý, ngày 27 vào chiếm giữ núi Đam Khê, huyện Yên Mô, đánh phá các xã gần đấy, đến đâu mọi người đều theo phục, hơn 1 tháng đã được hơn 1 vạn quân. Từ đó các phủ Trường Yên, Lỵ Nhân, giặc cướp đều nổi dậy, trở ngại nhiều cho người qua lại mà dân binh các xã Đồi Thượng phần nhiều theo đảng giặc. Cha con Lễ Giang hầu cũng dốc lòng theo phục. Tiết chế Trịnh Tùng sai Mỹ quận công Bùi Văn Khuê đem quân cùng với viên thổ quan Yên Mô là Lương quận công Nguyễn Thể đi đánh bắt được Phạm Hàng giải về Kinh chém.

Tháng 12, ngày mồng 4, viên tướng trấn thủ Thanh Hoa là Thiếu bảo Diễn quận công Trịnh Văn Hảo chết. Tặng Thái bảo.

Tháng này, sai bọn Hộ bộ thượng thư kiêm Đông các học sĩ Thông quận công Đỗ Uông **[58b]** làm quan hầu mệnh, cùng với Quảng quận công Trịnh Vĩnh Lộc mang hai người vàng người bạc và các vật cống tới thành Lạng Sơn để đợi nhà Minh hội khám. Bấy giờ viên thổ quan Long Châu của nhà Minh nhận nhiều của đút lót của bọn họ Mạc, vì thế vào bè với chúng mà thoái thác, nên việc không xong, lại vừa gặp tết Nguyên đán, bọn Đỗ Uông, Vĩnh Lộc lại trở về Kinh.

Đinh Dậu, [Quang Hưng] năm thứ 20 [1597], (Minh Vạn Lịch năm thứ 2). Tháng 2, ngày mồng 10, sai viên phủ doãn Phụng Thiên sửa lễ trâu rượu tế miếu Minh Khang Thái Vương.

Ngày 19, sai bọn quan hầu mệnh Đỗ Uông và Nguyễn Văn Giai lại lên cửa Trấn Nam Giao thăm dò tin tức nhà Minh. Sai tướng Bắc đạo Thuần quận công Trần Đức Huệ cùng với bọn Hội quận công, Hoành quận công (đều không rõ tên) đem quân hộ tống. Khi đến thành Lạng Sơn **[59a]** đóng dinh thì bọn nguỵ Phúc Vương và Cao quốc công (đều không rõ tên) đem quân đến đánh cướp, giết Hội quận công tại trận. Bọn Thuần quận công và Hoành quận công đem quân chạy thoát. Khi trở về Kinh đều bị tước binh quyền. Bọn Đỗ Uông, Nguyễn Văn Giai vào chiếm giữ vách núi được thoát.

Tháng 3, Nguyễn Đương Minh người huyện Yên Phong tự xưng là Phúc Đức năm thứ 2[1] đem người trong huyện dấy quân đánh cướp các huyện bên. Hôm ấy, Hữu tướng Hoàng Đình Ái sai thuộc tướng đánh bắt được, đem chém, bắt được 4 tên đồ đảng giải đến cửa dinh, cũng chém cả.

Bấy giờ, ở vùng Sơn Tây, trời mưa ra máu.

Tháng này, nhà Minh lại sai viên quan uỷ nhiệm là Vương Kiến Lập tới nước ta đòi lễ cống và giục hội khám. Điệp văn tới Kinh sư, triều đình nghị bàn việc khởi hành.

Ngày 28, vua đích thân đốc suất bọn Hữu tướng Hoàng **[59b]** Đình Ái, Thái uý Nguyễn Hoàng, Nguyễn Hữu Liêu, Thái phó Trịnh Đỗ cùng 7, 8 viên tả hữu đô đốc và 5 vạn binh tướng, đem theo cả viên quan uỷ nhiệm của nhà Minh Vương Kiến Lập cùng đi, lên cửa Trấn Nam Giao ở Lạng Sơn.

Tháng 4, ngày mồng 10, vua chỉnh đốn binh tượng, qua cửa Trấn Nam Giao, cùng với quan nhà Minh là bọn Tả giang tuần đạo sát phó sứ Trần Đôn Lâm và quan các phủ Tư Minh, Thái Bình, các châu

[1] Dịch theo nguyên văn. Bản dịch cũ ghi là "Phúc Đức năm thứ 1".

Long Châu, Bằng Tường tỉnh Quảng Tây cử hành hội khám. Trong lễ giao tiếp, hai bên đều vui vẻ mừng nhau. Từ đấy, hai nước Nam Bắc lại trao đổi với nhau.

Sai Công bộ tả thị lang Phùng Khắc Khoan làm chánh sứ, Thái thường tự khanh Nguyễn Nhâm Thiêm làm phó sứ sang tuế cống nhà Minh và cầu phong.

Khắc Khoan đến Yên Kinh, vừa gặp tiết Vạn Thọ của vua Minh, dâng 30 bài thơ lạy mừng. Anh vũ điện đại học sĩ **[60a]** thiếu bảo kiêm thái tử thái bảo Lại bộ thượng thư nhà Minh là Trương Vị đem tập thơ Vạn Thọ ấy dâng lên. Vua Minh cầm bút phê rằng: Người hiền tài ở đâu mà không có. Trẫm xem thơ, thấy hết lòng trung thành của Phùng Khắc Khoan, rất đáng khen ngợi. Liền sai đưa xuống khắc in để ban hành trong nước. Khi ấy, sứ Triều Tiên là Hình tào tham phán Lý Toái Quang viết tựa cho tập thơ.

Bấy giờ, cha con Dũng quận công Nguyễn Khắc Khoan là thổ quan ở huyện Minh Nghĩa liên kết với đảng nguỵ, tụ tập bọn gian ác, định làm loạn ở Kinh ấp. Ban đêm, chúng thường nổi lửa đốt phá phố phường. Việc phát giác, quan quân bắt được 3 cha con Khắc Khoan và 24 tên đồ đảng ở ngoài cửa Nam thành Thăng Long, tìm được ấn gỗ, cờ chiêng, khí giới và **[60b]** sắc mệnh đem về nộp. Tiết chế Trịnh Tùng sai đem đốt hết, chém chết cha con Khắc Khoan và đồ đảng, lấy đầu đem bêu.

Ngày 20, vua về Kinh sư. Xa giá đến Yên Thường. Tiết chế Trịnh Tùng thân hành rước lạy ở Yên Thường, đi theo ngự giá về cung. Vua ra coi chầu. Tiết chế Trịnh Tùng thân đem các đại thần và các quan văn võ làm lễ lạy mừng.

Hạ lệnh duyệt tuyển binh lính. Chọn người khoẻ mạnh bổ vào ngạch lính, những người già yếu thì lựa thải ra. Nhưng xét duyệt đã được mấy năm mà chưa từng thấy thải người nào, đến nỗi kẻ già yếu người người chết trong quân ngũ.

Tháng 5, hạn, lúa đậu chết khô.

Ngày 20, vua mật đảo trong cung cấm, lại dựng đàn ở Cầu Muống, thành Đại La, để hợp tế các linh thần núi sông mới được mưa.

[61] Bấy giờ, có người xã Ngải Cầu, huyện Từ Liêm, là Nguyễn Minh Trí, trước cùng bạn với nguỵ Khắc Khoan, cha con dấy binh chiếm giữ vùng Minh Nghĩa, nguỵ xưng là Đại Đức năm thứ 3. Thái uý Nguyễn Hữu Liêu bắt được cha con Minh Trí, đều đem chém cả.

Bấy giờ, Vạn quận công Nguyễn Hữu Lực coi giữ huyện Thanh Miện. Hữu Lực cai trị chú trọng khoan thư, công bằng, dân đều kính phục, giặc không dám xâm phạm, trong cõi được yên, dân được an cư lạc nghiệp.

Tháng 6, ngày mồng 4, viên tướng quy thuận người Sơn Nam là Định quận công Trần Bách Niên chết.

Tháng này, không có gió mưa mà nước sông Lô bỗng dâng tràn cuồn cuộn. Năm này trước thì đại hạn, sau thì lũ lụt, lúa đồng tổn thất nhiều, mất mùa luôn, dân nhiều xiêu tán.

Mùa thu, tháng 7, Thái uý Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu chết, thọ 60 tuổi, tặng **[61b]** Dương quốc công.

Ngày 15, cháu họ Nguyễn Hữu Liêu là Trung quận công Nguyễn Công lại ốm chết.

Sao Huỳnh Hoặc và sao Tuế cùng ở trong cung độ sao Tất, chỉ cách nhau một ngón tay.

Ra lệnh trong cả nước, mọi vật dụng đều phải tuỳ theo chức phẩm cao hay thấp mà dùng, không được tiếm vượt.

Hạ lệnh duyệt các hạng quân dân, đinh tráng người tứ chiếng[1] để định quán tịch cũ.

[1] Nguyên văn "Tứ chính" tức 4 trấn Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây. Người tứ chiếng là người 4 trấn này trú ngụ ở kinh thành Thăng Long.

Bấy giờ người huyện Tống Sơn là Thắng quận công Mai Cầu coi giữ huyện Thần Khê có chính tích tốt, dân nhiều người ái mộ bảo cử, được thăng làm tổng binh Thuận Hoá.

Tháng 8, viên tướng địa phương huyện Đông Ngàn là Thuần quận công Trần Đức Huệ và con là Trần Đức Trạch tự xưng là Sầm quận công, mưu làm phản, cùng với viên tướng địa phương ở Yên Thế là cha con Thế quận công Dương Văn Cán đều đem con em đang đêm trốn đi theo đảng nguỵ. Tiết chế Trịnh Tùng chia quân, sai con là **[62a]** Chưởng Cẩm y vệ Hùng Lương hầu Trịnh Đào đem quân đi đánh, chém được đồ đảng. Bọn Đức Trạch, Văn Cán đem con em chạy dài.

Bấy giờ dân tứ chiếng khổ vì phải cắt cỏ voi, lại bị quan địa phương quấy nhiễu, không chịu nổi, nhiều người theo đảng nguỵ cướp bóc trong dân gian.

Bấy giờ, các tướng địa phương ở Hải Dương là Thuỷ quận công (không rõ tên) người huyện Thuỷ Đường, Lễ quận công (không rõ tên) người huyện Nghi Dương đều đem quân làm phản, bắt người cướp của ở các huyện xứ Hải Dương, đánh úp giết chết tướng tuần thú là Hoa Kiều hầu (không rõ tên) và quan huyện ấy. Lại có anh em Quỳnh quận công và Thuỵ quận công (đều không rõ tên) ở huyện Tân Minh, tụ tập đồ đảng, đi đến đâu cũng ức hiếp cướp bóc dân chúng, cùng liên kết với bọn Thuỷ quận công, Lễ quận công, có đến vài nghìn quân. Nhân dân các huyện ở Hải Dương **[62b]** sợ chúng tàn ngược, đều phải tuân theo cả.

Tháng 11, ngày 20, Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Đô đốc đồng tri Hoà quận công Nguyễn Miện, Mỹ quận công Bùi Văn Khuê, Kế quận công Phan Ngạn đem thuỷ quân gồm 50 chiếc thuyền ra Hải Dương đánh phá đảng nguỵ, khởi ành ngay hôm ấy. Nguyễn Miện một mình tự kiêu khinh địch, tự cho là bọn giặc tàn chẳng đáng lo, không bàn bạc với các tướng, tự mình đem 4 chiếc binh thuyền bản bộ, khinh suất xông thẳng vào trong trận, đến chỗ giặc mai phục, gặp thuyền giặc. Hào quận công sai bắn súng lớn vào giặc. Lễ quận công bị trúng đạn chết ở trong thuyền. Giặc ở trong thuyền mặc áo của Lễ quận công thúc quân đánh bừa, lại đâm chết Hào quận công tại trận. Quân hai bên đánh giết lẫn nhau, quan quân bị chết cũng đến hơn 80 **[63a]** người, quân lính đều chạy. Gặp quân của Bùi Văn Khuê tiếp đến, quân giặc bỏ thuyền lên bờ chạy tan. Văn Khuê lấy được thủ cấp của Nguyễn Miện rồi về. Sau Văn Khuê lại đem quân lùng tìm, lấy được đầu của Lễ quận công đem về Kinh dâng nộp, sai đem bêu 3 ngày. Tiết chế Trịnh Tùng xét thưởng cho Văn Khuê 10 cân vàng, thăng chức thiếu bảo.

Tháng này, hạ lệnh cho các xứ trong nước dựng trường thi hương để chọn kẻ sĩ.

Tháng 12, bọn nguỵ Trần Đức Trạch đóng quân ở huyện Đại Từ, sai người bắt trộm 1 con voi đực của nhà nước. Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Quảng quận công Trịnh Vĩnh Lộc, Phụng quận công Trịnh Hữu Dung, An Nham hầu Nguyễn Trấn, An Toàn hầu Nguyễn Quang Đăng, Quỳnh Dương hầu Nguyễn Kim Quy đem quân đuổi kịp, bắt được đem chém, bắt cả vợ con đem về.

[63b] Mậu Tuất, [Quang Hưng] năm thứ 21 [1598], (Minh Vạn Lịch năm thứ 28). Tháng giêng, ngày 16, ban bố bào cáo đại xá thiên hạ. Hết thảy bọn trộm cướp, tù trốn đều được ân xá, thuế khoá bỏ thiếu lâu năm đều được tha miễn.

Tháng 2, xuống chiếu thăng Công tử Trịnh Tráng làm Bình quận công, sai đốc suốt binh mã để phòng giặc cướp.

Tháng 3, hạn, gió tây bắc thổi nhiều, lúa má cỏ cây chết khô.

Tiết chế Trịnh Tùng sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái đem quân đánh dẹp huyện Lục Ngạn, bắt được con của Hùng Lễ [công][1] là Mạc Kính Luân và 35 con ngựa cùng khí giới trở về.

Tiết chế Trịnh Tùng lại sai Thái uý Nguyễn Hoàng đem thuỷ quân đi đánh dẹp xứ Hải Dương đánh phá cha con và bè lũ Thuỷ quận công. Thuỷ quận công chạy vào huyện Thuỷ Đường chiếm giữ lũng núi. Quan quân trở về. Thuỷ quận công sai bọn bè đảng là quận Thuỵ, quận Quỳnh xâm lược các huyện Thanh Lâm, Thanh **[64a]** Hà, duyệt lấy đinh tráng nơi đó, biên chế vào đội ngũ làm lính, dân nhiều người trốn chạy.

---

[1] Hùng Lễ công là tước hiệu của Mạc Kính Chỉ.

Tháng 4, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Cho bọn Nguyễn Thứ, Nguyễn Duy Thì, Lê Bật Tứ đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Khắc Khoan, Nguyễn Kiệm đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Đại hạn. Từ tháng giêng đến tháng này mới có mưa.

Tiết chế Trịnh Tùng sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái thống lĩnh các quân bộ, và bọn Thái bảo Trịnh Ninh ra đánh dẹp huyện Đông Triều rồi tiến quân đánh miền bắc huyện Thuỷ Đường. Lại sai Thái uý Nguyễn Hoàng thống lĩnh thuỷ quân cùng bọn Thiếu bảo Bùi Văn Khuê ra đánh dẹp xứ Hải Dương rồi tiến quân đánh vào phía nam huyện Thuỷ Đường. Lại chia sai bọn Chấn quận công, Hải quận công, **[64b]** Kế quận công, Tráng quận công đem các cơ Nội thuỷ đi kinh lược các huyện Thanh Lâm, Thanh Hà, ra huyện Kim Thành để chặn phía trên huyện Thuỷ Đường. Hôm ấy, cả ba đạo cùng lên đường một lúc. Nguyễn Hoàng sai tướng sĩ bản dinh xông trước vào phá lũng núi huyện Thuỷ Đường, quân lính tranh nhau lên trước, bắt được Thuỷ quận công nguỵ, đảng giặc tan vỡ. Quân các đạo tiến lên, thu bắt thuyền ghe của giặc. Bọn [quận] Quỳnh, [quận] Thuỵ đem con em trốn ra, định chạy về huyện Tiên Minh. Đến nửa đường, gặp quân của Bùi Văn Khuê đánh tới; quân hai bên hỗn chiến trên sông, từ giờ Thìn đến giờ Thân, quân giặc sức kém tan vỡ tháo chạy. Văn Khuê thúc quân thừa thắng đuổi đánh, bắt được [quận] Thuỵ nguỵ ở trong thuyền, chém hơn trăm thủ cấp, [quận] Quỳnh nguỵ đem dư đảng chạy về Yên Quảng.

Ngày 24, quan quân về Kinh, đem tù là [quận] Thuỷ nguỵ, **[65a]** và quận Thuỵ dâng nộp. Thưởng công xong, đem bọn Thuỷ quận công và Thuỵ quận công chém ở Cầu Dền, bêu thủ cấp chúng.

Tháng 5, Việt quốc công ở Sơn Dương chết, quân không có chỉ huy, các tướng trấn giữ Sơn Tây là bọn Thanh quận công Đặng Kính và Giao quận công Nguyễn Hữu Giai tiến quân đánh đuổi, chém vài nghìn thủ cấp, bắt được 10 con ngựa trở về.

Tháng này, hạ lệnh cho Bùi Văn Khuê đốc suất binh đinh hai huyện Tân Minh và An Dương, sai đem quân đi trấn giữ để yên dân phương ấy; Tráng quận công Nguyễn Nga giữ huyện Thanh Lâm, Hoa Dương hầu Vương Châu giữ huyện Gia Viễn.

Năm này đại hạn.

Tháng 7, ngày Kỷ Hợi, trời mưa nhỏ vài ngày.

Tháng 8, hạn.

Con Hùng Lễ [hầu] họ Mạc là Kính Dụng họp đảng ở huyện An Bác, nguỵ xưng là Uy Vương. Sau bị thua luôn, thiếu ăn, bèn mưu dụ giết viên thổ quân là Phú Lương hầu (không rõ tên) để cướp lấy đất đai **[65b]** và dân chúng. Phu Lương [hầu] biết, mưu ấy không thành. Mạc Kính Dụng tự đem con em đến bức. Phú Lương [hầu] dùng mẹo đánh lừa, sai vợ con ra đón hàng, thú tội rằng: "Đại vương quyền cao, binh thế lớn, những người theo hầu phục dịch lại gan dạ oai hùng. Chồng thiếp chỉ là một người nhà quê, chưa từng thấy việc binh thế này bao giờ, nghe tin quân của đại vương tới, kinh hoàng sợ hãi, sai thiếp đi thay, xin đại vương đóng quân yên trại ở ngoài cõi, hạ lệnh nghiêm cấm, chỉnh đốn binh sĩ, cố thủ dinh trại, phòng giữ cẩn thận. Quân của triều đình có đến thì chống lại. Rồi sau đại vương tự chọn lấy tay chân thân cận, chẳng qua độ mươi người, theo thiếp vào nhà, đến nơi thì thiếp lập tức dẫn chồng vào lạy chào rồi sẽ dâng nộp đất đai và dân chúng".

Uy Vương nghe nói mừng lắm, lập tức chọn lấy 40 người chân tay và con em thân cận **[66a]** tự vào trong thôn nhà Phú Lương hầu. Phú Lương hầu sai quân canh giữ, đóng kín các cửa ải, rồi từ trong nhà ra đón tiếp, lạy quỳ trước mặt mà nói: "Thần ở cõi xa xôi hẻo lánh, binh ít, lương đủ. Đại vương đến đây có thể tạm yên thân, nuôi quân, chứa sức, thừa thời đợi lúc, chiêu mộ châu huyện, thu thập quân lính thì có thể phục hưng sự nghiệp trước kia. Nay thần có một chỗ lũng núi, đã xa lại sâu hiểm, đại vương chỉ nên đem vài người thân cận vào chiếm giữ chỗ núi sâu ấy, thần sai người nhà cung cấp hầu hạ, còn các tướng hiệu tả hữu khác đều hãy tạm ở nhà thôn của thần để thần cấp dưỡng rồi sẽ tính việc sau này.

Uy Vương nghe xong, tự đem 4, 5 người tay chân vào chiếm giữ chỗ lũng núi. Phú Lương hầu lập tức giết hết 40 con em của Uy Vương, không cho tiết lộ để Uy Vương biết. Phú Lương hầu mật **[66b]** sai người chạy báo ngay về Kinh sư, xin quân cứu viện, bắt giải Uy Vương. Bấy giờ, Tiết chế Trịnh Tùng

sai bọn Đô đốc Lâm quận công, Quảng quận công, Hoa Dương hầu đem quân đến thôn nhà Phú Lương hầu, quả nhiên bắt được Uy Vương đem về Kinh sư. Sau xét công, thăng thưởng Phú Lương hầu chức tổng binh.

Tháng 9, hạn. Bấy giờ, liền mấy tháng hạn to, lúa mạ chết khô. Vua bèn mật đảo ở trong cung, lại hợp tế các thần ở Cầu Muống mới được mưa.

Ngày mồng 6, Dương Văn Cán ở huyện Yên Thế sai vợ đem 2 con ngựa và 2 con trâu về Kinh thú tội. Vua y cho, sai về bảo chồng ra thú sẽ tha tội cho.

Viên giám sinh người xã Chi Nê, huyện Chương Đức là Nguyễn Thì Đam, tự xưng nguỵ hiệu là Binh bộ thượng thư Lâm Tuyền hầu. **[67a]** Bấy giờ đã bắt được đưa về giam ở Kinh, sau lại trốn thoát.

Hạ lệnh cho huyện Quảng Đức[1] mở cục làm giấy, làm loại giấy khổ to, kiểu mới nộp quan, không được bán riêng. Bấy giờ, người ta hay làm giả lệnh thị, cho nên có việc cấm này để phòng kẻ gian. Lại hạ lệnh cho thừa ty và phủ huyện các xứ nếu thấy người của quan trên sai xuống có mang thiếp thị thì phải xét thực là giấy kiểu mới mới được y lệ thừa hành, nếu không phải thì bắt nộp trị tội.

Hạ lệnh cho các quan phủ, huyện, xã duyệt tuyển dân đinh trong hạt, người nào từ 18 tuổi trở lên mà sức vóc khoẻ mạnh thì biên bổ làm lính để tăng số quân. Song phép duyệt tuyển nhiều sự nhũng nhiễu, dân khổ không chịu nổi.

Tháng 10, hạ lệnh cho các xứ Thanh Hoa, Nghệ An, Thuận Hoá, Quảng Nam dựng bãi duyệt tuyển, đợi **[67b]** duyệt tuyển đinh tráng để bổ vào ngạch binh. Nhưng gặp buổi hết năm, chưa làm lại thôi.

Ngày 13, Tiết chế Trịnh Tùng dâng biểu tâu sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái thống lĩnh binh tượng cùng bọn Thái bảo Trịnh Đồng, Thiếu bảo Trịnh Bách, Đô đốc Lê Văn Hoan, Chỉ huy sứ Trần Tộ đem hơn 1 vạn quân đi đánh dẹp đảng nguỵ ở Lạng Sơn. Sai Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Vỹ làm qua đốc thị. Lại sai Thái phó Trịnh Đỗ thống lĩnh binh tượng cùng bọn Thạch quận công Vương Trân, Thao quận công Trần Chấn, Tổng binh Thái Nguyên Đức Trạch hầu Lại Thế Quý đem quân đánh dẹp đảng nguỵ ở Thái Nguyên. Lại sai bọn Thanh quận công Đặng Kính, Giao quận công Nguyễn Hữu Giai đi đánh dẹp bọn giặc ở các huyện Sơn Dương, Đương Đạo[2]. Lại sai Bạt quận công Phạm Doãn Sinh trấn giữ các con đường hiểm yếu ở Lâm Thao[3] để giữ yên dân hạt Hưng Hoá[4].

[68a] Ngày 17, cha con Thế quận công Dương Văn Cán đến Kinh xin hàng, được tha tội.

Ngày 23, bọn Đặng Kính, Nguyễn Hữu Giai đem quân đến huyện Đương Đạo, đánh phá giặc ở Thượng Lan[5]. Phù Cao [hầu] nguỵ bỏ trại chạy vào châu Đại Man[6]. Kính tung quân đuổi theo, chém được tướng nguỵ là bọn Phù Vệ, Triều Ba, bắt được ngựa, ấn đồng, chiêng, cờ, khí giới rất nhiều rồi về.

Tháng này, thổ quan ở Cao Bình[7] là Tổng binh đồng tri Dũng quận công Hà Ích đem quân đánh phá giặc ở châu Định Hoá[8], chém được Trung quốc công nguỵ (không rõ tên) và 35 thủ cấp của đồng bọn, bắt được 30 con ngựa giải về Kinh dâng nộp.

---

[1] Huyện Quảng Đức: bấy giờ là huyện phụ quách của thành Thăng Long, sau là huyện Vĩnh Thuận, nay thuộc Hà Nội.

[2] Huyện Đương Đạo: có lẽ là phần đông bắc huyện Sơn Dương, tỉnh Hà Tuyên ngày nay.

[3] Phủ Lâm Thao: bấy giờ thuộc Trấn Sơn Tây, gồm các huyện Sơn Vi (sau là Lâm Thao), Thanh Ba, Hoa Khê (sau là Cẩm Khê), Hạ Hoa (sau là Hạ Hoà), Tam Nông, đều thuộc tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.

[4] Hưng Hoá: bấy giờ là một trấn tương đương với tỉnh Hoàng Liên Sơn ngày nay.

[5] Thượng Lan: có lẽ nằm ở huyện Đoan Hùng ngày nay.

[6] Châu Đại Man: nay là huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

[7] Cao Bình: nay là tỉnh Cao Bằng.

[8] Châu Định Hoá: nay là huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 28, hạ lệnh thắt cổ giết Mạc Kính Dụng ở chợ Cửa Đông.

Tháng 11, ngày mồng **[68b]** 4, thổ quan huyện Đương Đạo là Vệ Nghĩa hầu Tống Thì Chiếu đem quân đánh phá nguỵ Mạc chém được Phù Thắng hầu nguỵ (không rõ tên) và 15 thủ cấp đồ đảng, bắt được 1 con ngựa và rất nhiều khí giới.

Ngày mồng 6, Hữu tướng Hoàng Đình Ái đến thành Lạng Sơn, sai đô đốc Lâm quận công Trần Phúc đem hơn 1.000 quân đánh phá giặc ở châu Thoát Lãng[1]. Bấy giờ, quân của Mạc Kính Cung từ Long Châu về Thất Tuyền[2], sai Vạn quốc công nguỵ (không rõ tên) chống giữ. Trần Phúc tung quân đánh lớn, chém chết con của Vạn quốc công, bắt được vợ con và đồ đảng, đốt dinh trại, quân giặc tan vỡ. Bọn Phúc thừa thắng đuổi dài, thẳng đến dinh của Kính Cung. Kính Cung sai Phúc Vương đem vợ con lương thực rút trước vào Long Châu[3]. Đến nửa đường, gặp quân mai phục của con trưởng Trần Phúc **[69a]** là Nghĩa Tráng hầu Trần Thiết nổi dậy đánh. Phúc Vương và quân lính tranh nhau cướp đường chạy vào Long Châu.

Phúc Vương ngoảnh lại bảo Trần Thiết: Có Càn Thống Vương[4] còn ở đằng sau; nếu ngươi định đuổi bọn ta, Càn Thống Vương đến đây thì e rằng bọn người đều trở thành quỷ dưới suối vàng cả.

Trần Thiết nghe thế, không dám đuổi nữa, sai các con em thu nhặt tiền của rồi về.

Kính Cung thấy quân Trần Phúc tiến đánh, liền sai tướng là bọn Bàn quận công, Thắng quận công (không rõ tên) đem quân chặn hậu, chống nhau với quân Trần Phúc. Kính Cung tự đem quân nhổ trại ngầm lui về phía sau. Trần Phúc thấy tướng nguỵ chống lại, tung quân ra đánh, chém được bọn Thắng, Bàn tại trận, bọn còn lại tan vỡ tháo chạy. Kính Cung bèn đem mấy nghìn tướng sĩ chạy vào Long Châu, lại gặp quân mai phục của Trần Thiết đón đánh ở đường hiểm. Kính Cung **[69b]** tự đốc suất đại quân xông vào đánh. Bấy giờ, Trần Thiết quân ít, không địch nổi, bèn vứt bỏ những của cải đã lấy được, nhổ đội chạy thẳng về Cao Bình. Quân Kính Cung vội vã vượt sông rút đi. Sau quân Trần Phúc tiến đến, bắt được con trai thứ hai của Kính Cung mới 12 tuổi. Khi ấy, quân của Kính Cung đã đi xa, Trần Phúc sai thu quân về Lạng Sơn, nghị bàn với Hữu tướng thái uý Vinh quốc công trở về Kinh, đem con trai của Kính Cung dâng nộp.

Lấy Hộ bộ thượng thư Thông quận công Đỗ Uông làm thiếu bảo.

Tháng này, Thái phó Trịnh Đỗ tiến quân đánh các địa phương Cảm Hoá, phủ Thông Hoá[5], trấn Thái Nguyên.

Sai Tổng binh Lại Thế Quý đánh dẹp xứ Cao Bằng. Quân đến núi Tam Lộng, Thế Quý không biết liệu thế giặc. Bọn giặc đem người Man các động bốn mặt đánh kẹp lại, Thế Quý thua to, **[70a]** chạy ba ngày ba đêm đến núi Thượng Tư, bị giặc bắt được một con voi công, còn anh em Thế Quý bị thương nhiều chỉ chạy thoát thân. Trịnh Đỗ thấy đánh không lợi, bèn bàn đem quân về, Triều đình luận tội, tước binh quyền của Thế Quý.

Mưa dầm.

Tháng 12, ngày mồng 3, hạ lệnh thắt cổ giết con thứ hai của Mạc Kính Cung ở bên hữu Cửa Đông.

Ngày mồng 6, Tiết chế Trịnh Tùng sai quan hầu mệnh là bọn Đỗ Uông chuẩn bị nghi chú, lễ vật đến cửa Trấn Nam Giao đón tiếp Bắc sứ.

---

[1] Châu Thoát Lãng: nay là huyện Thoát Lãng, tỉnh Lạng Sơn, ở phía nam huyện Tràng Định.

[2] Thất Tuyền: tên châu, nay là huyện Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Long Châu: thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[4] Càn Thống Vương: tức Mạc Kính Cung.

[5] Phủ Thông Hoá: gồm huyện Cảm Hoá, châu Bạch Thông nay đều thuộc tỉnh Bắc Cạn.

Trước đây, sứ thần là bọn Phùng Khắc Khoan mang vật cống cùng người vàng thay thân mình, trầm hương, ngà voi đến Yên Kinh, dâng biểu xin theo lễ cống. Vua Minh xem biểu rất mừng, lại xuống chiếu phong vua làm An Nam đô thống sứ ty đô thống sứ, quản hạt đất đai nhân dân nước Nam, và ban cho một quả ấn **[70b]** An Nam đô thống sứ ty bằng bạc, sai bọn Phùng Khắc Khoan mang sắc thư về nước. Khắc Khoan bèn dâng biểu rằng: Chủ của thần, họ Lê là dòng dõi của An Nam quốc vương, giận nghịch thần họ Mạc tiếm ngôi, cướp nước, không chịu được mối thù ngàn năm, mới nằm gai nếm mật, lo thu phục lại cơ nghiệp của tổ tông để nối theo dấu cũ của tông tổ. Họ Mạc kia vốn là bề tôi của họ Lê nước An Nam, giết vua, cướp nước, thực là tội nhân của thượng quốc, mà lại ngầm xin chức Đô thống. Nay chủ của thần không có tội như họ Mạc, mà lại phải nhận chức như họ Mạc là nghĩa thế nào, xin bệ hạ xét cho".

Vua Minh cười nói: "Chủ của người tuy không ví như họ Mạc, nhưng vì mới lấy lại được nước, sợ lòng người chưa yên, hãy cứ nhận đi, sau sẽ gia phong tước vương cũng chưa muộn gì. Ngươi hãy **[71a]** kính theo, chớ có từ chối".

Khoan liền bái nhận ra về. Trước đây, Khắc Khoan qua cửa quan vào tháng 4 năm Vạn Lịch thừ 25, đến tháng 10 tới Yên Kinh bái yết vua Minh, ngày mồng 6 tháng 12 từ biệt vua Minh về nước, trước sau cộng 1 năm lẻ 4 tháng, đường đi sứ mới thông.

Ngày 15, Khắc Khoan về đến cửa Trấn Nam Giao, quan Tả giang nhà Minh sai viên quan uỷ nhiệm Vương Kiến Lập đem công văn đến Kinh sư. Tiết chế Trịnh Tùng sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái và Thái bảo Trịnh Ninh sửa soạn nghi vệ đón tiếp sứ Minh Vương Kiến Lập và bọn Khắc Khoang.

Ngày 25, vua qua sông sang bến Bồ Đề bái lạy chiếu thư đón sứ Minh về nội điện. Tiết chế Trịnh Tùng cùng với các đại thần văn võ vào nội điện triều yết. Khi tuyên đọc sắc thư xong, thấy quả ấn ban cho nói là bằng bạc **[71b]** mà lại là đồng, bèn cùng với văn võ đại thần bàn gửi thư phúc đáp trách nhà Minh, do vên quan uỷ nhiệm của nhà Minh là Vương Kiến Lập mang về nước đệ tâu vua Minh.

Thổ quan nhà Minh nhận hối lộ của Mạc Kính Cung, lại đệ tâu vua Minh cho Kính Cung được giữ đất Thái Nguyên và Cao Bằng.

Kỷ Hợi, [Quang Hưng] năm thứ 22 [1599], (Minh Vạn Lịch năm thứ 27). Tháng giêng, ngày 28, Thiếu phó Quỳnh quận công Nguyễn Mậu Tuyên chết, thọ 82 tuổi. Mậu Tuyên là người xã Thịnh Mỹ, huyện Lôi Dương.

Ngày 28, Mỹ quận công Bùi Văn Khuê giải nộp quận Thuỵ nguỵ, sai đem giết.

Tháng 2, bấy giờ viên giám sinh người Chi Nê, huyện Chương Đức là Nguyễn Thì Thầm, nguỵ xưng là thượng thư Lễ quốc công; người làng Man Nhuế, huyện Thanh Lâm nguỵ xưng là Thiếu bảo An quốc công; người Phúc Lộc nguỵ xưng là **[72a]** Trung quận công; họp quân ở vùng Yên Lãng. Bình quận công Trịnh Tráng sai người đi bắt giải về Kinh sư. Sai đem chém hết.

Lại bộ hữu thị lang Nguyễn Hoàng Từ chết.

Đại lý tự khanh Trần Phúc Hựu chết.

Ngày 27, lấy Công bộ tả thị lang Phùng Khắc Khoan làm Lại bộ tả thị Lang, phong Mai Lĩnh hầu.

Tháng 3, quan Tả giang nhà Minh Trần Đôn Hựu lại sai Vương Kiến Lập mang ngựa tốt, đai ngọc, mũ xung thiên sang cho Tiết chế Trịnh Tùng, xin kết tình láng giềng và gửi hai tấm thiếp, trong viết 8 chữ "Quang hưng tiền liệt, định quốc nguyên huân" (Quang phục nông nghiệp xưa, công đầu định nước). Tiết chế Trịnh Tùng đối đãi rất hậu, sai người hộ tống về nước.

[72b] Tháng 4, ngày mồng 7, có nhiều sao băng xuống nội điện hành tại, một góc điện Kính Thiên bị sập.

Tấn phong Đô tướng tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự Tả tướng Thái uý Trường quốc công Trịnh Tùng làm Đô nguyên suý tổng quốc chính thượng phụ Bình An Vương. Sai bọn Tư thiện giám Lê Văn Huệ chọn ngày làm lễ sách phong.

Lời sách văn như sau: Vương giả dựng ngôi ban phúc, giữ đạo công rộng lớn, công bằng; bề tôi giúp nước lập công, phải hậu lễ tôn nghiêm cao quý.

Chọn ngày tốt hợp, ban sách vẻ vang. Suy trung dực vận kiệt tiết tuyên lực công thần đô tướng tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự Tả tướng Thái uý Trường quốc công Trịnh Tùng, uy vọng lớn như núi cao, bóng cả, đấng võ văn của nhà nước triều đình. **[73a]** Bày mưu đặt kế yên xã tắc, công cao sáng tỏ giữa trời; giữ tín giảng hoà nước láng giềng, sách giỏi giữ êm ngàn cõi. Công đã ngất cao trong vũ trụ, vị phải đứng đầu khắp thần liêu. Đặc sai Thái tể Vĩnh quốc công Hoàng Đình Ái đem sách vàng tấn phong làm Đô nguyên suý tổng quốc chính thượng phụ Bình An Vương. Lại ban ngọc tản[1] làm vật báu lưu truyền; lại cấp ruộng nương để rộng thêm phong ấp. Mong hãy thận trọng chức vị, luôn luôn giữ phép triều đình; sửa sang đức nhân, đời đời hưởng ơn vua quý. Vương hãy kính theo.

Ngày 21, mở yến hội lớn.

Ngày 26, bàn định luật lệnh.

Năm này, đại hạn từ tháng 3 đến tháng 6. Bấy giờ, trời không mưa, lúa má chết khô.

Ngày 13, vua cùng Bình An Vương đến xứ Xạ Đôi lập đàn cầu đảo, sau mới **[73b]** được mưa.

Ngày 16, giờ Dậu, nguyệt thực.

Tháng 7, tướng trấn thủ Thanh Hoa là Thiếu uý Lân quận công Hà Thọ Lộc chết. Sai quan khâm sai duyệt tuyển xứ ấy là bọn Lê Văn Hoan, Lê Văn Thực thay làm chức ấy. Sổ tuyển duyệt thì sai người đệ về Kinh dâng nộp.

Bấy giờ Vũ Đức Cung ở Đại Đồng làm phản, tiếm xưng Long Bình Vương, sai tướng thủ hạ là bọn Nhuệ quận công đem quân của châu Đại Man đánh các động núi ở châu Bạch Thông, đất Thái Nguyên, bức thu thuế mỏ bạc. Bấy giờ, Bình An Vương sai bọn Hải quận công, Quảng quận công, Phụng quận công đem quân tiến đánh, lại sai tướng trấn thủ Vệ Nghĩa hầu Tống Thì Chiếu dẫn đường đi đánh phá giặc.

Tháng 8, ngày 16, có lệnh chỉ cho trưởng quan các dinh và cai quan các cơ, đội rằng: **[74a]** Các đội trưởng và thứ đội trưởng ở các dinh, cơ, viên nào có hạng công thần hết lòng cố sức và bền nghĩa theo quân, lâu ngày có công, thì hãy khai rõ họ tên, chú rõ từng mục địa chỉ, chức tước, hạn đến trung tuần tháng này đệ nộp, đợi duyệt định làm bản gửi cho nha môn phụ trách thăng bổ các chức để đền đáp công lao.

Ngày 23, sao Thái Bạch phạm vào sao Thái Ất.

Ngày 24, giờ Sửu, vua băng.

Bấy giờ, Bình An Vương cùng với triều thần bàn là thái tử không thông minh mẫn tiệp, bèn lập con thứ là Duy Tân. Định ngày 27 tháng này lên ngôi ở hành tại. Đại xá. Đổi niên hiệu.

Xuống chiếu rằng: Trẫm nghĩ, trời đất sinh ra muôn loài là đức, tất chuyển hoá, vận hành âm dương **[74b]** để tỏ rõ vi dưỡng dục[2]; Đế vương nắm giữ ngôi cả dùng nhân, phải giáo huấn, phúc lành ban khắp, cho sáng ngời đạo lớn chí công. Lẽ mầu không khác, lời đẹp phải ban. Nước nhà ta, trời cho người theo, thần truyền thánh nối. Kế mưu, sự nghiệp chính đáng vẹn toàn, kỷ cương, mối giềng tận tường đầy đủ. Những gì để lại cho đời sau thực đã sâu xa lắm! Đức Hoàng khảo ta nối rộng công lớn, ở ngôi 23 năm, gặp khi mỏi mệt, đem việc nước phó thác cho trẫm. Trẫm đương khi đau xót, thương nhớ khôn nguôi. Song coi xã tắc là trọng, tạm nén tình riêng, gượng theo công luận, đã lên nối nghiệp lớn vào ngày 27 tháng này năm này, sang năm sẽ đổi niên hiệu. Trẫm tự nghĩ, đương khi tuổi còn trẻ thơ, nối nghiệp gian nan to lớn, cáng đáng những lo không nổi, giúp đỡ cần phải có người. Thực nhờ đức

[1] Ngọc tản: một loại thìa bằng ngọc dùng trong xe tế lễ.

[2] Nguyên văn là "... dĩ thần tính dục chi cơ". Bản dịch cũ dịch là "... để cơ phát dục thiêng liêng". Chúng tôi cho là chữ "thần" ở câu này vốn là chữ "hiển" bị khắc nhầm. "Dĩ hiển tính dục chi cơ..." là để đối với "dĩ thị đại công chi đạo" ở dưới.

sáng suốt khuông phủ của Chủ suý thượng phụ Bình An Vương **[75a]** và sức giúp rập bổ khuyết của các huân cựu đại thần và các quan tả hữu thân cận, mới mong có thể nối được cơ nghiệp tốt lành, rạng tỏ lời dạy đời trước, trên đáp lòng trời, dưới thoả ý dân, để nối dài phúc lớn của tông xã đến ức muôn năm không dứt. Nay trẫm coi nước trị dân, chính là lúc bốn phương mong được ban ơn hưởng phúc. Phải nên dựng đạo, dạy dân, ban ơn, xuống phúc, để cùng với thiên hạ chấn chỉnh buổi đầu. Sẽ lấy sang năm làm Thận Đức năm thứ 1. Nay đương buổi đầu coi việc nước, nên rộng ban ơn cho bốn biển, có những điều mở rộng ân ban, công bố trước thiên hạ như: Ban tước hiệu và ruộng đất cho công thần, gia phong cho các vị thần trong tự điển[1], tha những thuế còn bỏ phiếu, thương xót chiếu cố dân xiêu tán mới trở về, xét thực tình những người trước đã nhận chức nguỵ để trả lại của cải khi trước, cùng là các quan trong ngoài được ban ân, thăng cấp, và các bọn dũng sĩ, sinh đồ, xã trưởng, quan viên tử tôn, đều được **[75b]** ban thưởng theo thứ bậc khác nhau.

Ôi, sang sửa buổi đầu, nghĩa lớn Xuân Thu nhất thống, nay xem hiện tượng rõ ràng, hưởng vận nước gồm cả Ân, Hạ số năm, hợp phúc dài lâu to lớn. Bá cáo xa gần, thảy đều nghe biết".

Ngày 25, bộ Lễ ra bảng yết thị rằng: Đại Hành Hoàng Đế chầu trời, thần dân trong nước phải chiếu theo thứ bậc để tang mà tuân hành. Còn Thượng phụ là bậc huân vương, và là trọng thần của xã tắc, không cùng ngang hàng với các quan, nên để tang 100 ngày. Các thân vương và các quan văn võ, từ quận công trở lên, mà dự ban chầu (nếu theo quân dinh thì không câu nệ) cùng các viên ở triều đường (từ ngũ phẩm trở lên), các viên coi một phương diện ở ngoài nên để tang 3 năm. Quan võ từ tước hầu, bá để ngũ phẩm trở lên (nếu theo quân dinh thì không câu nệ); Nội giám ty từ lục phẩm **[76a]** trở xuống, văn giai từ thủ lính các bộ, các tự, các phủ huyện và hiệu quan trở lên (nếu theo quan dinh thì không câu nệ) để tang 1 năm. Võ giai từ lục phẩm trở xuống, văn giai từ bát cửu phẩm có dự triều yết để tang 9 tháng. Các hộ sĩ, vệ sĩ, hiệu sĩ án lại, hoa văn để tang 5 tháng. Vợ các quan viên dự hàng mệnh phụ để tang 1 năm, không dự hàng mệnh phụ để tang 100 ngày, đều cấm trang sức. Các ấm quan, tụng quan, được cất nhắc mà chưa có chỗ bổ và các quan tạp lưu để tang 5 tháng. Xá nhân, văn thuộc, quan viên tử tôn, tướng thần, xã trưởng, cùng thổ tù, phụ đạo và người làng vua, dân trong Kinh kỳ đều để tang 100 ngày. Dân chúng các xứ trong nước để tang 27 ngày. Cấm hết âm nhạc và mặc dùng các thứ lụa màu, châu ngọc, vàng bạc. Con trai con gái lấy vợ lấy chồng thì con cái nhà quan viên hoãn 100 ngày, thứ dân 27 ngày; đều bắt đầu từ ngày nhận được lệnh này.

[76b] Hôm ấy, giờ Sửu, sao băng rất nhiều, dài như tấm lụa, khi sa xuống đất, có tiếng kêu như sấm lớn.

Tháng 9, ngày 20, sai tướng sĩ rước linh cữu của Đại Hành Hoàng Đế về sơn lăng.

---

[1] Tự điển: sổ ghi các vị thần được nhà nước chính thức công nhận và cho thờ cúng. Các vị thần không nằm trong tự điển của dâm thần.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Tục Biên

Quyển XVIII

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Kính Tông Huệ Hoàng Đế

Tên húy là Duy Tân, con thứ của Thế Tông, ở ngôi 20 năm, thọ 32 tuổi, băng táng ở lăng Hoa Loan.

Vua tướng mạo hùng vĩ, nối ngôi giữ nghiệp mà trong nước bình yên. Nhưng lại riêng nghe mưu gian, đến nỗi có việc chẳng lành, thực rất đáng thương.

Canh Tý, Thận Đức năm thứ 1 [1600], (Từ tháng 11 trở về sau là Hoằng Định năm thứ 1; Minh Vạn Lịch năm thứ 28). Mùa hạ, tháng 5, nước to.

Bấy giờ, Thái uý Đoan quốc công Nguyễn Hoàng ngầm sai bọn Kế quận công Phan Ngạn, Tráng quận công Ngô Đình Nga, Mỹ quận công Bùi Văn Khuê mưu phản.

Bình An Vương cùng các quan đương bàn việc đánh dẹp, Hoàng muốn kế của mình trôi chảy, giả vờ xin đem quân đuổi đánh, rồi đốt hết doanh trại, trốn về Thuận Hoá[1]. Bấy giờ trong nước loạn lạc, lòng người dao động, Vương bèn hộ vệ **[1b]** hoàng thượng trở về [Tây Đô] để lo giữ đất căn bản.

Khi ấy, bọn Phan Ngạn, Ngô Đình Nga, Bùi Văn Khuê đem quân phụ trợ theo họ Mạc, chiêu an các thành thị. Rồi Ngạn ngờ Văn Khuê có mưu khác, liền sai người bắn chết Văn Khuê ở giữa sông. Ngạn tự xưng là Tiết chế Sinh quốc công, Đình Nga tự xưng là Thái bảo Hoa quận công, em Ngạn (không rõ tên) tự xưng là Tiền bộ dinh Quỳnh quận công, dùng niên hiệu Càn Thống[2] của họ Mạc trong các bản yết thị hoặc lệnh cấm.

Vợ Văn Khuê là Nguyễn Thị Niên muốn báo thù cho chồng, khóc bảo quân lính của chồng rằng: "Người nào dốc sức đền ơn, giết được Ngạn sẽ có trọng thưởng". Ngạn nghe thế giận lắm.

Tháng 6, ngày mồng 1, Ngạn đem quân đến Hoàng Giang đánh nhau. Quân của vợ Văn Khuê bắn chết Ngạn ở giữa sông.

Bình An Vương sai Thiêm đô ngự sử Gia Lộc tử Lê Nghĩa Trạch đem thư cho thái uý Đoan quốc công Nguyễn Hoàng ở Quảng Nam.

[2a] Thư viết: "Bậc đại thần, nghĩa phải cùng vui, cùng buồn với nước. Cậu đối với nước mà nói, thì là bề tôi huân cựu đời đời, đối với nhà mà nói, thì là tình nghĩa chí thân. Mới rồi, họ Mạc tiếm nghịch, vận nước gian truân, tiên tổ là Thái tể Hưng Quốc Chiêu Huân Tĩnh công (Hưng Quốc công Nguyễn Kim là ông ngoại của Bình An Vơng, cho nên cũng gọi là tiên tổ) đầu tiên khởi xướng đại nghĩa, giúp Trang Tông Hoàng Đế trong lúc gian nan, sửa lại danh phận. Tiên tổ mất đi, tiên khảo là Minh Khang Thái Vương[3] giữ trọng trách của nước, thấy cậu là người ruột thịt, trao cho hai xứ Thuận, Quảng. Cậu từ khi

[1] Bọn Phan Ngạn chiếm giữ cửa Đại Yên, tức cửa Liêu sau này. Hoàng nhân thể, xin đem quân bản bộ đi dẹp loạn, rồi thừa cơ, theo đường biển trở về Thuận Hoá, nhưng còn để lại ba người con để làm con tin.

[2] Càn Thống (1593 - 1625) là niên hiệu của Mạc Kính Cung.

[3] Tức Trịnh Kiểm.

nhận được mệnh lệnh, vỗ yên dân địa phương, thực là có công. Tiên khảo chầu trời, cháu giữ binh quyền, vẫn để cậu giữ chức cũ. Nhiều lần gửi thư giục cậu dốc thu tiền thuế, vận tải lương thực để giúp việc chi dùng của nhà nước, cậu thường lấy cớ đường biển gian nan hiểm trở để từ chối. Đến khi Kinh thành đã lấy lại, thiên hạ đã yên **[2b]** cậu mới ung dung theo về. Triều đình ưu đãi, cho coi một phủ Hà Trung và bảy huyện miền trên trấn Sơn Nam, trao cho chức Hữu tướng, có ý mong cậu và tả tướng Vinh quốc công Hoàng Đình Ái giúp rập hai bên tả hữu để hoàn thành sự nghiệp trung hưng[1], để vỗ yên dân chúng nước Nam. Mới rồi, bọn nghịch thần Phan Ngạn, Bùi Văn Khuê, Ngô Đình Nga manh tâm phản bội, nổi quân làm loạn, cháu đương cùng với cậu trù tính việc binh, truy quét đảng nghịch, chẳng ngờ cậu không đợi mệnh, tự tiện bỏ về, làm dao động lòng dân địa phương. Không biết đó là bản ý của cậu, hay là nghe lầm gian kế của bọn phản nghịch. Nay Bùi Văn Khuê, Phan Ngạn đánh lộn lẫn nhau, và đều đã bị giết cả. Thế mới biết đạo trời sáng rõ; tai hoạ không kịp trở gót, chắc cậu cũng biết cả rồi. Việc đã như thế, nếu cậu quả biết tỉnh ngộ ra, hối lại lỗi trước, nghĩ đến công nghiệp của tiên tổ, **[3a]** nên sai người mang thư đến hành tại lạy trình, rồi đốc nộp tiền thuế để cung việc chi dùng của nhà nước thì lấy công trừ lỗi, triều đình đã có pháp điển, mà công lao ngày trước của cậu lại được toàn vẹn, huân danh sự nghiệp bao đời, bền lâu mãi mãi. Nếu không thế, thì lấy thuận đánh nghịch, triều đình hùng binh đã có cớ rồi, danh tiết của cậu sẽ ra làm sao? Cậu trong việc quân thường vẫn lưu ý đến kinh sử, xin hãy nghĩ kỹ, đường để hối hận về sau".

Nghĩa Trạch vào trong cõi, do biết Hoàng vốn là người đa mưu, liền bỏ chiếu thư vào ống, giấu ở bụi rậm ngoài đồng rồi sai xá nhân chuyển báo. Hoàng nghe tin Nghĩa Trạch tới, lập mưu cướp chiếu thư, làm nhục sứ gả. Đêm sai dũng sĩ đến chỗ trọ cướp hết hòm xiểng đem về, thấy không có chiếu thư, lại sai tới đốt hết cả quán trọ. Hoàng **[3b]** cho là giấy tờ đều bị cháy hết trong đám lửa rồi. Hôm sau, Hoàng thân dẫn tướng tá chỉnh đốn voi ngựa, nghi vệ ra đón, trông thấy Nghĩa Trạch hai tay bưng thư đi đến, lấy làm kinh ngạc, bảo với tướng tá rằng: "Trời sinh chủ tướng, triều đình có người giỏi". Từ đấy, không có ý ngấp nghé gì nữa.

Người địa phương miền đông là nguỵ Uy Vũ hầu (không rõ tên) thống xuất 300 binh thuyền đạo đó, tự xưng là Hải Dương đại tướng. Người họ Mạc là nguỵ Kỳ Huệ Vương chiêu mộ quân ở Sơn Nam, tự xưng là Nam thổ tiết chế.

Bấy giờ, mẹ Mạc Mậu Hợp nguỵ xưng là Quốc mẫu, lên thay ngôi báu. Người tông thất họ Mạc và dư đảng khi trước tránh vào rừng núi, đến đây cùng với con trưởng của Mậu Hợp (không rõ tên) đều đến kính lạy chào. Mẹ Mậu Hợp sai người đi đón Kính Cung, tự ban ân thưởng, trên từ quan viên, dưới đến thứ dân, không kể **[4a]** công lao mới hay cũ, đều phong làm các chức đô chỉ huy sứ, đồng trị, thiêm sự, tả hữu hiệu điểm.

Mùa thu, tháng 7, Kính Cung khởi hành từ cửa quan, đến Thị Cầu, huyện Vũ Ninh, bọn Ngô Đình Nga đều đem quân huyện mình ra đón. Kính Cung đều cho giữ chức cũ. Thế rồi, quan viên tướng sĩ trong nước cùng rước Kính Cung tới Kinh sư.

Bấy giờ, vua ở Thanh Hoa, lưu Trấn quận công Trịnh Lân ở lại hộ giá, sai Thượng phụ Bình An Vương đem quân ra đóng ở xứ Bái Đính. Quân Vân nguỵ (không rõ tên) đến hàng, hạ lệnh tha tội cho.

Tháng 8, tiến quân ra phủ Trường Yên. Bắt được mẹ Mậu Hợp ở thành Trung Đô[2]. Thuyền ra cửa sông Hát, tiến thẳng đến Kinh. Quân Mạc thua to, chết đuối nhiều không kể xiết. Từ đấy thu phục hết Kinh thành.

Vài ngày sau, em Phan Ngạn là quận Quỳnh ra thú, cũng tha tội cho. **[4b]** Bấy giờ, tướng Tây đạo nguỵ là quận Nhai (không rõ tên), quận Cao (không rõ tên) đóng quân ở mạn Nhật Chiêu. Ban đêm, đại quân bí mật tiến đến dinh Nhật Chiêu. Quận Nhai sợ chạy. Thu được 40 chiếc thuyền và 7 con voi, đem dâng ở cửa dinh. Vương mừng lắm.

---

[1] Nguyên văn là "tế trung thiên chi nghiệp", ở đây, hẳn là khắc in sai chữ "hưng" thành chữ "thiên". Nên sửa là "tế trung hưng chi nghiệp".

[2] Trung Đô: tức là thành Thăng Long.

Tháng 9, bắt được Ngô Đình Nga ở sông Thiên Đức[1] dâng nộp ở cửa dinh, sai đem chém. Uy Vũ hầu và Nam Dương hầu nguỵ (đều không rõ tên) đem 200 chiếc thuyền đến xứ Ông Mạc[2], huyện Thanh Trì giao chiến với quan quân, thua to; Uy Vũ hầu chạy ra chiếm giữ cửa biển.

Ngăn cấm việc mua bán muối.

Mùa đông, tháng 10, Bình An Vương sai Hải quận công Nguyễn Đình Luân đem quân đi đánh phương Nam. Thuyền đến cửa sông Hoàng Giang[3], giao chiến với Nam Dương hầu, bị thua chạy, bỏ lại hơn 40 chiếc thuyền, thu quân trở về Kinh sư. Vương nổi giận, liền bãi chức của Luân.

[5a] Tháng 11, đại xá, đổi niên hiệu, lấy năm ấy làm Hoằng Định năm thứ 1.

Bắc cầu phao qua sông Cái ở bến Ông Mạc.

Tháng 12, giết Vạn quận công (không rõ tên) ở Thảo Tân.

Mạc Kính Cung chạy đến huyện Kim Thành, sai quận Nam (không rõ tên)[4] giữ huyện Nam Xang, lập doanh trại thuỷ bộ, ngày đêm tuần hành phòng giữ. Quận Nam giết Uy Vũ hầu để cướp lương thực. Các tướng ở Sơn Tây là bọn quận Nhai, quận Cao lánh về ở Đại Đồng, bị viên thổ quan ở đó ngầm đánh thuốc độc giết chết.

Tân Sửu, [Hoằng Định] năm thứ 2 [1601], (Minh Vạn Lịch năm thứ 29). Mùa xuân, tháng giêng, đại quân của Bình An Vương tiến phát, giao chiến với đảng giặc là Nam Dương [hầu][5]. Tiền phong của quan quân là Chấn quận công (không rõ tên) chết tại trận. Vừa khi quận Nam và quận Nga của giặc đều chết, quan quân đại thắng, thu được thuyền bè, phụ **[5b]** nữ, trâu bò súc vật và tiền của kể hàng nghìn đem về Kinh.

Bêu hai thủ cấp của quận Nam và quận Nga ở Trường Yên để thị uy. Sau lại bắt được em của quận Nam là quận Tào và quận Vị đem nộp ở cửa quân, đều chém cả. Hạ lệnh chiêu an, dân chúng vui vẻ thuận phục.

Tháng 3, Bình An Vương sai quân đi dẹp miền Hải Dương. Mạc Kính Cung nghe tin, bỏ cả binh mã mà chạy. Đại quân đến nơi, đốt hết doanh trại rồi về.

Mùa hạ, tháng 4, bắt được quận Dũng nguỵ đem giết. (Quận Dũng người huyện Thanh Trì).

Trời mưa đá.

Tháng 5, sửa đắp đê đường từ huyện Chương Đức đến huyện Mỹ Lương để đón rước xa giá.

Mùa thu, tháng 8, vua từ Thanh Hoa tiến về Kinh sư, ngự lên chính điện. Có điềm rồng vàng.

[6a] Mùa đông, tháng 11, bắt đầu mở [lại] khoa thi Hương chọn học trò.

Tháng 12, sai Đăng quận công Nguyễn Khai đem quân đi dẹp các vùng Sơn Nam, Kinh Bắc. Đến tháng 2 năm sau trở về Kinh.

Nhâm Dần, [Hoằng Định] năm thứ 3 [1602], (Minh Vạn Lịch năm thứ 30). Mùa xuân, tháng 2, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Đăng 10 người. Đến khi thi Đình, vua ngự điện Kính Thiên, thân hành ra đầu đề văn sách. Cho bọn Nguyễn Đăng 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Cung 8 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

---

[1] Sông Thiên Đức: tức sông Đuống ngày nay.

[2] Xứ Ông Mạc: tức là ô Đống Mác ngày nay.

[3] Cửa sông Hoàng Giang: nay là ngã ba Tuần Vường hay ngã ba Vàng.

[4] Theo Cương mục q.31 thì quận Nam là Nguyễn Dụng (chính tên là Nguyễn Nhiệm, vì tránh huý của Tự Đức, nên chép là Dụng), con Nguyễn Miễn. Cha Miễn là Nguyễn Thiến, đầu hàng chúa Trịnh năm 1550. Sau khi Thiến chết, Nguyễn Miễn cùng anh là Nguyễn Quyện lại trở về với họ Mạc.

[5] Nam Dương: tức Nam Dương hầu là tước phong của Nguyễn Nhiệm, có chỗ còn gọi là quận Nam.

Tháng 2 nhuận, viên thổ tướng Đại Đồng là Thuần quận công (không rõ tên) về hàng.

Tháng 3, trời mưa đá.

Mùa hạ, tháng 4, bắt được Huệ Vũ Vương nguỵ đóng cũi giải về Kinh sư đem chém.

Tháng này, ngày 15, có nguyệt thực[1].

Mùa thu, tháng 8, Bình An Vương duyệt quân ở Thảo Tân.

Quý Mão, [Hoằng Định] năm thứ 4 [1603], (Minh Vạn Lịch năm thứ 31). Mùa xuân, tháng 3, trong mặt trăng có 3 điểm đen.

[6b] Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, có nhật thực.

Có người huyện Thanh Miện đang đêm vào trong điện ngồi lên ngai rồng, sai đem chém.

Bấy giờ, Bình An Vương ngờ Đăng quận công Nguyễn Khai có bụng khác, sai nội giám Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm cùm trói lại, tra xét không có tang chứng, sau một năm thì tha.

Giáp Thìn, [Hoằng Định] năm thứ 5 [1604], (Minh Vạn Lịch năm thứ 32). Mùa xuân, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Đặng Duy Minh 7 người. Đến khi thi Điện, cho bọn Nguyễn Thế Tiêu 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Đặng Duy Minh 5 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bính Ngọ, [Hoằng Định] năm thứ 7 [1605], (Minh Vạn Lịch năm thứ 34). Sai chánh sứ Lê Bật Tứ, phó sứ Nguyễn Dụng và Nguyễn Khắc Khoan sang nhà Minh dâng lễ tạ ơn. Lại sai hai sứ bộ gồm bọn chánh sứ Ngô Trí Hoà và Nguyễn Thực **[7a]**, các phó sứ Phạm Hồng Nho, Nguyễn Danh Thế, Nguyễn Úc, Nguyễn Duy Thì sang tuế cống nhà Minh.

Đinh Mùi, [Hoằng Định] năm thứ 8 [1607], (Minh Vạn Lịch năm thứ 35). Mùa xuân, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Ngô Nhân Triệt 5 người. Đến khi thi Điện, cho Lưu Đình Chất đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Ngô Nhân Triệt đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mậu Thân, [Hoằng Định] năm thứ 9 [1608], (Minh Vạn Lịch năm thứ 36). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 3, mặt trời có hai lớp quầng.

Năm ấy, trong nước bị đói. Mùa thu, mùa đông thóc gạo quá đắt, nhiều người chết đói.

Canh Tuất, [Hoằng Định] năm thứ 11 [1610], (Minh Vạn Lịch năm thứ 38). Mùa xuân, thi Hội các nhân sĩ trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Tiến Dụng 7 người. Đến khi thi Đình, cho Nguyễn Văn Khuê đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn **[7b]** Tiến Dụng 6 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa đông, tháng 10, Hộ bộ tả thị lang Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ khai với Bình An Vương về việc thứ nhất là lập thế tử, dự trao binh quyền để cố kết lòng người; việc thứ hai là xử trí bọn phiên trấn mạnh để thống nhất chế độ: "Bậc vương giả coi cả nước là một nhà, bên giường nằm, lẽ nào để cho kẻ khác nằm ngáy? Nay các xứ Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Nam, Thuận Hoá vốn là bờ cõi của Tiên vương, thế mà lâu năm chứa tệ, để mặc cho họ ngoan ngạnh. Nếu không xử trí, sợ thành mối lo sau này. Nay thánh thượng gắng chí anh hùng, trăm trận trăm thắng mà lấy được cả thiên hạ. Tướng tá đông như mây vần, quân sĩ dũng mãnh, kỹ thuật tinh nhuệ. Ngựa uống thì nước sông cạn, mài dao thì đá núi lở, thuyền chiến nghìn chiếc, voi khoẻ hàng trăm. **[8a]** Quân tinh nhuệ trong nước đều họp cả ở Kinh sư mà nuông giặc không đánh, thế là nuôi hổ để mối lo về sau vậy. Ngày xưa, Đường Hiến Tông nghe lời bàn của Hoàng Thường, lấy pháp độ mà kiềm chế phiên trấn, rồi làm nên công nghiệp trung hưng. Từ đời Đường đến nay há lại không còn những lời trung thành nào để trình lên nữa hay sao? Kính xin quyết đoán thi hành. Cơ nghiệp ức vạn năm vô cùng của nước nhà là do ở đấy".

Tân Hợi, [Hoằng Định] năm thứ 12 [1611], (Minh Vạn Lịch năm thứ 39). Mùa đông, tháng 10, ngày 16, núi Tản Viên bị lở đến hơn 12 trượng. Ngày 18, ở huyện Yên Việt[1], trời mưa máu suốt một ngày một đêm.

---

[1] Bản dịch cũ không ghi sự kiện này.

Nhâm Tý, [Hoằng Định] năm thứ 13 [1612], (Minh Vạn Lịch năm thứ 40). Mùa thu, tháng 8, Ngự sử đài thiêm đô ngự sử Phương Tuyền bá Nguyễn Duy Thì cùng giám sát ngự sử 13 đạo là bọn Phạm Trân khải lên Bình An Vương rằng:

"Dân là gốc của nước, đạo trị nước chỉ là yên dân mà **[8b]** thôi. Lại nghĩ rằng trời với dân cùng một lẽ, lòng dân vui thích tức là được ý trời rồi. Cho nên người giỏi trị nước, yêu dân như cha mẹ yêu con, thấy họ đói rét thì thương, thấy họ lao khổ thì xót, cấm hà khắc bạo ngược, ngăn thuế khoá bừa bãi, để cho dân được thoả sống mà không còn tiếng sầu hận oán than. Thế mới là biết đạo trị nước, biết cách sai dân. Nay thánh thượng để ý tới dân, thi hành một chính sách cốt để nuôi dân, ban ra một mệnh lệnh, cũng nghiêm răn nhiễu dân. Lòng yêu dân đó, thực là lượng cả của trời đất, cha mẹ vậy. Nhưng kẻ thừa hành thì chưa biết thể theo đức ý của bề trên, chỉ chăm làm điều hà khắc bạo ngược, đua nhau xa xỉ, coi một huyện thì làm khổ dân một huyện, coi một xã thì làm khổ dân một xã, mọi việc nhiễu dân, không điều gì không làm, **[9a]** khiến dân trong nước, con trai thì không có áo, con gái thì không có váy, tiệc hát xướng không còn, lễ cưới xin không đủ, sống nuôi chết đưa không trông cậy vào đâu, ăn uống chi dùng hàng ngày mọi bề đều thiếu, dân mọn nghèo hèn cho đến sâu bọ cỏ cây đều không sống nổi. Vì thế, cảm động đến đất trời, khiến cho lòng trời ở trên không thuận, tai hoạ lũ lụt tràn ngập quá mức thường, chắc là có quan hệ với chính sự hiện nay, há chẳng nên sợ hãi, tu tỉnh, nghĩ đến tội lỗi gây nên thế sao? Nếu biết thi hành chính sách bảo vệ dân thì dưới thuận lòng người, trên hợp ý trời, và chuyển tai hoạ thành điềm lành, lúa được mùa luôn, người người no đủ, trong nước thái bình, cơ nghiệp ức muôn năm của nước nhà từ nay cũng do đó mà bền vững lâu dài vậy".

Mùa đông, tháng 10, thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng bắt được Tiêu quốc [công] nguỵ ở núi Thiên Kiện **[9b]** (Tiêu quốc [công] người xã Bất Đoạt, huyện Kim Bảng).

Quý Sửu, [Hoằng Định] năm thứ 14 [1613], (Minh Vạn Lịch năm thứ 41). Mùa xuân, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Bùi Tất Thắng 7 người. Đến khi thi Đình, cho bọn Nguyễn Tuấn 7 người đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa hạ, tháng 4, sai hai đoàn sứ bộ gồm chánh sứ Lưu Đình Chất và Nguyễn Đăng, cùng phó sứ Nguyễn Đức Trạch, Hoàng Kỳ, Nguyễn Chính, Nguyễn Sư Khanh sang tuế cống nhà Minh.

Tháng 5, ngày rằm, có nguyệt thực.

Tháng 8, sai thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng đi dẹp các xứ Yên Quảng để mở rộng bờ cõi. Đi đến đâu, nhân dân quy phụ đến đấy. [Trịnh Tráng] để lại thuộc tướng trấn giữ rồi về.

[10a] Mùa đông, tháng 11, sai triều thần chia nhau đi các xứ xét hỏi nỗi đau khổ của dân gian. Người phiêu giạt thì tha tạp dịch ba năm để về yên cư phục nghiệp.

Giáp Dần, [Hoằng Định] năm thứ 15 [1514], (Minh Vạn Lịch năm thứ 42). Mùa hạ, tháng 6, sắc phong các vương tôn là Trịnh Trượng làm Liêm quận công, Trịnh Tạc làm Vinh quận công, Trịnh Đồ làm Hương quận công, Trịnh Bảng làm Hội quận công, Trịnh Trân là Phổ quận công, Trịnh Liêm làm Lãng quận công, Trịnh Thức làm Luân quận công, Trịnh Lệ làm Hoà quận công.

Mùa thu, tháng 9, phong vương tử là Trịnh Lệ làm Quỳnh quận công. Lấy Hình khoa đô cấp sự trung Nguyễn Hữu Tác làm tham chính Hải Dương.

Mùa đông, tháng 11, có tiếng sấm.

[10b] Ất Mão, [Hoằng Định] năm thứ 16 [1615], (Minh Vạn Lịch năm thứ 43).

Mùa xuân, tháng 2, quan triều đường là bọn Nguyễn Lễ dâng khải trình bày thói tệ đương thời gồm 8 điều. Bình An Vương khen nhận, đặc cách ban thưởng rất hậu.

Tháng 3, ngày mồng 1, có nhật thực.

---

[1] Huyện Yên Việt: sau là huyện Việt Yên, nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

Ngày 28, giờ Thân, nước đầm các xã Hoằng Liệt, Thịnh Liệt bỗng dưng khô cạn, sau 5 khắc lại đầy như cũ.

Mùa thu, tháng 8 nhuận, sai bọn Thái uý Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên cùng với bọn Hình bộ thượng thư kiêm Đông các học sĩ Mỹ Khê hầu Nguyễn Lễ đón tiếp sứ thần trở về.

Bính Thìn, [Hoằng Định] năm thứ 17 [1616], (Minh Vạn Lịch năm thứ 44). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 26, có nguyệt thực.

Tháng ấy, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Vũ Miễn 4 người. Đến khi thi Đình, cho bọn Lê Trí Dụng đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 2, lấy Lại bộ hữu **[11a]** thị lang Xuân Dương bá Nguyễn Danh Thế làm Hộ bộ tả thị lang; Công bộ hữu thị lang Lễ Xuyên bá Nguyễn Khắc Khoan làm Hình bộ tả thị lang; Ngự sử đài thiêm đô ngự sử Phương Tuyền bá Nguyễn Duy Thì làm phó đô ngự sử. Lại bàn công đi sứ, thăng tự khanh Nhân Lĩnh bá Lưu Đình Chất làm Lại bộ hữu thị lang; Phúc Nham bá Nguyễn Đăng làm Hộ bộ hữu thị lang, đều gia tước hầu; Tham chính Đường Xuyên tử Nguyễn Chính làm Thái bộc tự khanh, tước bá.

Tháng 3, ngày 27, thăng Thự vệ sự Đông Dương hầu Nguyễn Văn Tộ làm Miện quận công, Hoa Dương hầu Vương Châu làm Phó quận công.

Mùa thu, tháng 9, bọn Hộ bộ tả thị lang Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ và Lại bộ hữu thị **[11b]** lang Nhân Lĩnh hầu Lưu Đình Chất dâng khải lên Bình An Vương rằng: Lòng trời nhân ái, tất tỏ điềm trong khiển trách bảo ban, nếu không biết tự sửa mình thì trời lại xuất hiện tai biến khác thường để cảnh cáo, răn đe. Qua đó đủ biết lòng trời nhân ái vào người làm vua đã đến hết mức vậy. Khoảng tháng 5 tháng 6 năm nay, đương mùa cày cấy, trời đã làm hạn hán, nhà nông thất vọng. Nay ngày tháng 8, lúa má đương làm đòng, trời lại giáng đại hạn khắp cả mọi nơi. Một năm hai lần hạn, tai dị xuất hiện liền liền, dân thôn quê bao người ta oán, chắc là có quan hệ đến chính sự hiện nay mà xảy ra như thế. Nay nghe có lệnh thúc các huyện, xã xứ Thanh Hoa theo từng hạng tuyển thêm binh lính. Sợ rằng bây giờ không phải là lúc duyệt tuyển. Nếu lệnh ấy thi hành thì những người quyền thế cai quản cũng theo thế mà bắt chước, lại tuyển bổ thêm, dân **[12a]** chịu sao nổi? Kính xin lấy lòng kính trời thương dân, tạm dừng việc đòi thêm lính để làm điều nhân chính. Như thế thì đẹp lòng dân, được ý trời, khí hoà đem đến điềm lành, mưa móc thuận thời, lúa má tươi tốt, nhân dân được hưởng phúc lành no đủ, thế nước vững vàng như bàn thạch, Thái Sơn, mà con cháu được hưởng phúc mãi không cùng.

Đinh Tỵ, [Hoằng Định] năm thứ 18 [1617], (Minh Vạn Lịch năm thứ 45). Mùa xuân, tháng giêng, ngày rằm, có nguyệt thực.

Lấy Lang trung Bùi Bỉnh Di làm giám sát ngự sử đạo Yên Quảng vì cớ là cả họ trung nghĩa, trước sau vẹn tiết. Lại lấy Lang trung Đỗ Thế Long làm giám sát ngự sử đạo Quảng Nam và cha Long có công với nước cho nên cất nhắc.

Mùa thu, tháng 7, ngày 15, có bão lớn, nước lụt tràn ngập, thóc lúa mất **[12b]** hết.

Ngày 16, có nguyệt thực.

Gia phong Lại bộ thượng thư chưởng lục bộ sự kiêm Ngự sử đài đô ngự sử Lễ quận công Nguyễn Văn Giai làm thiếu phó.

Tháng 9, bấy giờ lúa đương chín, có bão to, nước mặn vỡ vào, dân gần biển bị hại nhiều.

Xứ Sơn Tây có nhiều sâu lúa.

Mậu Ngọ, [Hoằng Định] năm thứ 19 [1618], (Minh Vạn Lịch năm thứ 46). Mùa xuân, tháng giêng, ngày rằm, có nguyệt thực.

Tháng 2, sai Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng đem thuộc tướng là bọn Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên, Lễ quận công Nguyễn Văn Giao, Bạt quận công (không rõ tên), Hữu quận công Tạ Thế Phúc, Đặng quận công Nguyễn Khải, Phụ quận công Nguyễn Hắc cùng với Đốc thị Lễ bộ tả thị lang Phương Lan hầu Nguyễn Thực; lại sai Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân đem thuộc tướng là bọn Cống quận **[13a]** công Hoàng Đình Phùng, Luân quận công Trịnh Thúc, Phổ quận công Trịnh Trân, Lãng quận

công Trịnh Liêm cùng với Đốc thị là Phó đô ngự sử Phương Tuyền bá Nguyễn Duy Thì, chia thành hai đạo tiến quân hợp đánh Khánh Vương họ Mạc[1] và bọn Trí Thuỷ nguỵ. Đảng giặc nghe tin, đều trốn xa.

Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng mật sai Phú Lộc hầu (không rõ tên) chém được Lập quận công nguỵ.

Tháng 3, sai Thái bảo Trấn quận công Trịnh Lâm đem bọn thuộc tướng là bọn Lộc quận công (không rõ tên), Hội quận công Trịnh Bảng đi đánh đảng nguỵ ở Vũ Nhai. Lấy Hình bộ tả thị lang Lễ Xuyên bá Nguyễn Khắc Khoan làm đốc thị. Lại sai thêm 1.000 tướng sĩ dinh Tả quân và 1.000 tướng sĩ dinh Tiền quân cùng tiến đánh. Đảng giặc nghe tin đều sợ hãi **[13b]** tan vỡ.

Mùa hạ, tháng 4, bấy giờ lúa rất tốt, bèn chia sai bồi đắp đê điều các xứ để phòng nạn lụt.

Tháng ấy, núi Đồng Cổ ở xã Đan Nê thượng, huyện Yên Định bị lở. Sai quan đến cáo tế.

Ngày 2, giờ Dần, có sao Chổi mọc ở phương tây nam, hình như tấm lụa đỏ.

Ngày 28, giờ Dậu, có ngôi sao bay thẳng về phương tây, hình như tấm lụa.

Tháng 4 nhuận, sai bọn Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng và Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân đốc lĩnh voi ngựa, quân lính đi đánh bè đảng Hào quận công nguỵ ở vùng Yên Dũng[2]. **[14a]** Các quân bị lam chướng phải trở về, người ngựa tổn hại nhiều.

Mùa thu, tháng 8, trời mưa vàng, hình như hạt gạo vàng, lại mưa gạo, như loại gạo đen, mưa rượu, như là rượu ngọt.

Tháng 9, bấy giờ có khí trắng như hình cái búa đứng thẳng, mỗi đêm hồi canh năm thường hiện ra ở phương đông nam, từ hạ tuần tháng ấy đến thượng tuần tháng 10 mới hết.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 4, Lại bộ tả thị lang Phú Xuân hầu Ngô Trí Hoà, Hộ bộ tả thị lang Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ cùng với bọn Phạm Trân dâng khải lên Bình An Vương rằng: Trộm thấy, hạ tuần tháng 9 năm nay có sao lạ mọc ở phương nam vào giờ Dần, dài đến hơn 1 trượng, lại có sấm động trái thời. Tháng trước lại mưa ra gạo đen, mưa ra **[14b]** cát vàng. Các việc ấy đều là quái dị, chắc là có quan hệ với chính sự hiện nay. Những việc trái lẽ hại đạo khó mà kể hết, xin trình bày sáu việc sau: 1- Xin sửa đức để cầu mệnh trời; 2- Ngăn quyền hào để nuôi sức dân; 3- Cấm phiền hà để dân sống được; 4- Cấm xa xỉ để của dân dồi dào; 5- Dẹp trộm cướp để dân an cư; 6- Sửa quân chính để bảo vệ dân. Bấy giờ vua trao hết mọi việc quốc gia cho Bình An Vương quyết định, cho nên khải trình lên là muốn để vương biết rõ mà giúp việc thi hành nhân chính.

Lại bộ hữu thị lang Nhân Lĩnh hầu Lưu Đình Chất dâng khải lên Bình An Vương rằng: "Trộm nghĩ, trời giáng tai dị hay ban điềm lành là do có đức hay không. Làm điều thiện thì hiện ra điềm lành, làm điều ác thì răn bằng tai dị. Song nhân tai dị mà sửa đức thì không **[15a]** tổn hại gì. Cho nên người xưa lấy trời để tự xử mà kính cẩn đối với mệnh trời. Hán Văn Đế biết thuận lòng trời mà biến dị đều hết, Tống Cảnh Công nói một câu lành mà sao xấu lui đi. Nhà nước ta từ khi khôi phục đến giờ, trời đất chưa ứng, điềm lành chưa đến, mà tai dị lại liên tiếp xảy ra. Như mùa thu năm nay, trời mưa xuống than đen thì đó là tai dị, nhưng đương thời tránh nói là tai dị, lại bảo là mưa gạo. Đâu phải đến mức khí hoà như đời Hoàng Đế mà trời mưa ra gạo? Trời mưa xuống cát vàng, đó là quái dị, mà thuật sĩ lại thích nói là điềm lành bảo là mưa vàng. Đâu phải là vận được hanh thông như đời Hạ Vũ mà trời mưa ra vàng? Hẳn là trời tỏ sự răn đe mà chưa biết tỉnh ngộ, nên hạ tuần tháng 9 qua đến thượng tuần tháng này, sao lạ hiện ra ở phương đông nam, ai trông thấy **[15b]** cũng phải sợ hãi, thực không phải là điềm lạ nhỏ. Có phải do đức chưa tu sửa, chính còn thiếu sót mà dẫn đến thế chăng? Nay chính sự thi hành không bằng năm trước, mệnh lệnh ban bố không thể theo ý khoan hồng của người trên, chỉ chăm làm điều hà khắc tàn ngược, vét hết tài sản của dân, những tiếng than sầu khổ cũng đủ cảm động đến trời mà trời răn bảo bằng điềm quái lạ, người làm chúa trông thấy thế cũng nên tự xét. Kính xin kính cẩn sự răn bảo của trời,

---

[1] Tức Mạc Kính Khoan.

[2] Yên Dũng: tên huyện, nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

thương nuôi dân mọn, một chút gì có lợi cho dân đều nên làm, một tệ gì có hại cho dân đều nên bỏ. Lại càng phải thi hành nhân chính đối với dân. Dân phố phường ở Kinh kỳ thực đáng thương xót, nên truyền lệnh các tướng cấm ngăn bọn cướp đoạt để mạnh gốc rễ của nước; dân Thanh Hoa tứ chiếng thực đáng thương xót, nên nhắc các tướng không được phiền nhiễu để làm vững **[16a]** nền móng của nhà nước. Như thế thì người gần đội ơn mà vui lòng, người xa thì nghe tiếng mà kéo đến. Thế là được lòng dân. Lòng dân vui ở dưới thì đạo trời ứng ở trên, sẽ thấy sao tai dị chuyển thành sao sáng lành, mưa tai dị chuyển thành mưa hoà thuận, các thức phúc đều đến cả và vương đạo đại thành vậy".

Các triều thần dâng tờ tâu đại lược nói: "Mối quan hệ giữa trời với người là đáng sợ lắm. Việc người không sửa thì trời lấy tai dị để răn bảo. Năm nay, từ hạ tuần tháng 9 đến thượng tuần tháng này, mỗi đêm vào hồi canh năm, sai tai dị hiện ra ở phương nam hình như mây trắng, hình như lụa trắng, như cái thoi nhọn, như cái mũi giáo, đầu đuôi nhỏ và nhọn, trông rất dễ sợ. Lại có mưa vàng như đất, mưa xuống gạo sắc đen, mưa xuống rượu vị **[16b]** ngọt, lại thêm sấm động trái thời, tai dị liên tiếp. Tai biến không phải bỗng dưng mà có, hẳn là bên trong có lỗi đức, bên ngoài có lỗi chính, kỷ cương lỏng lẻo, pháp lệnh trễ nải, quan lại hà khắc, dân chúng dao động, việc người có nhiều sự bất hoà mà đến thế chăng? Kính xét Chu thư có nói: "Vua thì xem vào sao Tuế, các khanh sĩ thì xem vào mặt trăng, thứ dân thì xem vào các sao", là nói việc người có điềm được mất, tốt xấu đều ứng hiện theo loại cả. Năm nay ban đêm hiện ra sao lạ, tai dị xảy ra luôn, đó là trời tỏ răn bảo, chính là lúc phải sợ hãi chăm lo. Thấy lòng trời nhân ái, thường ngụ trong việc răn trách thì xin sửa đúc để trừ đi là được. Xưa Tống Cảnh Thông nói một câu lành mà sau tai dị phải lui đi, Tống Thái Tông mở đàn trai nhưng mà sao Chổi tự nhiên lặn mất. Xét việc đời trước đã làm, có thể chứng nghiệm. Bọn thần **[17a]** cúi xin đức lớn cao sáng nhân có tai biến mà sợ hãi trách mình sửa nết, đặt đàn cầu trời, trai giới đảo ngầm, ngõ hầu lòng thành cảm thấu đến trời, hiện tượng huyền vi cũng ứng theo, sao tai dị lùi chỗ, khí hoà sinh điềm lành, âm dương điều hoà mà mưa gió phải thì, quần sinh hoà hợp mà muôn vật nảy nở, nhân dân được vui chiếu chăn êm ấm, nhà nước vững bền như bàn thạch, Thái Sơn, cơ nghiệp truyền nối từ nay được dài lâu, để phúc của tông miếu xã tắc kéo dài ức muôn năm không cùng". Vua xem tờ tâu, lưu lại trong cung.

Tháng 11, canh năm, sao Chổi mọc ở phương đông hơn một tháng mới lặn. Triều thần làm tờ khải với Bình An Vương rằng: "Năm nay, hạ tuần tháng 9 có sao lạ lại hiện ở phương đông nam; đêm ngày 11 tháng này lại có sao lạ xuất hiện. Tai dị thấy liền như vậy **[17b]** chắc là người trên đức chưa tu sửa, chính sự có chỗ sai lầm, hoặc mưu người có ý đồ khác mà đến thế chăng? Như nhà vua rủ áo khoanh tay ở trên, những người thân cận đều là ngay thẳng, mọi việc thi ành đều theo chính đạo, thỉnh thoảng vẫn có kẻ gian ra vào nội điện, xui giục làm càn; như việc tuyển bổ đã có Lại bộ mà lại có chức danh trái lệ, việc thuế khoá đã có Hộ bộ mà lại sai người ra dân thu tranh, việc kiện tụng đã có nha môn tra xét lại có khi nghe lời vu cáo, bắt người lấy của, việc quân đã có phủ, ty, vệ sở, lại có khi sai người đi bắt, quân dịch nặng nề, xin chép đủ ra để trừ bỏ tệ trước, chiếu theo đó mà làm. Kỷ cương pháp độ đã có phép cũ để lại, như tướng chỉ cho coi quân, không được coi dân, mà nay bọn cai quản lại chuyên coi dân, chuyên lấy của, chuyên giết người, lại tuyển riêng lấy thêm lính, một nhà đến 5, **[18a]** 6 người, thu thuế nặng nề, một thửa ruộng đến 2, 3 lớp tô; bọn cai tổng, xã trưởng thì bắt hỏi việc kiện tụng về hộ khẩu, hôn nhân, ruộng đất, trên đường bộ, đường thuỷ đặt riêng nha môn tuần ty, tuần sát. Xin hạ lệnh cho các tướng đình bãi hết thảy. Còn như kẻ nào ngầm có bụng khác, đó là kẻ mưu làm bậy, kính xin Vương tự xét định. Những việc tệ này là điều sao trời đã tỏ ý răn bảo. Nay chính là lúc phải sợ hãi tu chỉnh. Nên triệu các đại thần cùng các vương tử, dụ cho biết vương nghiệp gian nan, phải trừ bỏ mối tệ, cốt cho được lòng dân, ngõ hầu lòng người vui, ý trời thuận, sao tai dị chuyển thành sao lành, đời trị biến thành thịnh trị, thái bình đủ mười phần, con cháu truyền ức năm, cơ nghiệp nước nhà từ nay được lâu dài mãi mãi. Xin Vương lưu ý suy xét".

Kỷ Mùi, [Hoằng Định] năm thứ 20 [1619], (Từ tháng 6 trở đi là Thần Tông Vĩnh Tộ năm thứ 1; Minh Vạn Lịch năm thứ 47). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 16, **[18b]** giờ Mùi, cháy lớn, bắt đầu từ cửa Vương phủ, sau lan ra phố phường hai bên, cháy vào đến lầu cửa Đoan Môn của Triều đường và các nhà trực hai bên tả hữu đều cháy hết sạch.

Tháng 2, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Trần Hữu Lễ 7 người. Đến khi thi Điện, cho Nguyễn Lại đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Bùi Cầu 6 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 3, Bình An Vương đến lầu ở bến Đông xem đua thuyền. Khi về đến chỗ ngã ba, chợt có súng nấp bắn vào voi của Vương. Bắt được người bắn, tống giam tra khảo mới biết vua và vương tử Trịnh Xuân ngầm mưu giết Vương.

Mùa hạ tháng 4, Vương sai phó Thanh quận công Trịnh Tráng cùng nội giám Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm vào nội điện tra hỏi, biết hết tình trạng.

Tháng 5, ngày 12, bức vua thắt cổ chết. Sau truy tôn là Huệ Hoàng **[19a]** Đế, miếu hiệu là Kính Tông.

Tháng 6, hoàng tử lên ngôi ở điện Cần Chính, đổi niên hiệu là Vĩnh Tộ năm thứ 1. Đại xá.

Trước đây, Vạn quận công Trịnh Xuân ngầm mưu bắn vương phụ, đến đây, Lê Bật Tứ hặc tội, bị giam vào nội phủ.

Thần Tông Uyên Hoàng Đế (Thượng)

Tên húy là Duy Kỳ, con trưởng của Kính Tông, ở ngôi 25 năm, nhường ngôi 6 năm, lại lên ngôi 13 năm, thọ 56 tuổi thì mất, chôn ở lăng Quần Ngọc. Vua sống mũi cao, mặt rồng, thông minh học rộng, mưu lược sâu, văn chương giỏi, xứng đáng là bậc vua giỏi. Song chốn cung vì không có chế độ, mê hoặc Phật giáo, đó là chỗ kém.

Mẹ ngài là Đoan Từ Hoàng thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trinh, là con gái thứ của Thượng phụ An Bình Vương, sinh ra vua vào ngày 19 tháng 11 năm Đinh Mùi, Hoằng Định năm thứ 9 [1607], **[19b]** đến khi Kính Tông băng, Bình An Vương tôn lập làm vua. Lấy ngày sinh làm Thọ Dương khánh tiết.

Canh Thân, [Vĩnh Tộ] năm thứ 2 [1620], (Minh Vạn Lịch năm thứ 48). Vua Thần tông nhà Minh băng, thái tử Quang Tông lên ngôi, được 6 tháng thì băng. Hy tông liền lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Khải.

Sai hai sứ bộ gồm chánh sứ Nguyễn Thế Tiêu và Nguyễn Cung, phó sứ là bọn Bùi Văn Bưu, Ngô Nhân Triệt, Nguyễn Khuê, Nguyễn Tuấn sang tuế cống nhà Minh.

Tân Dậu, [Vĩnh Tộ] năm thứ 3 [1621], (Minh Hy Tông Thiên Khải năm thứ 1).

Mùa thu, tháng 8, phương đông có cầu vồng trắng, dài đến nửa trời.

Nhâm Tuất, [Vĩnh Tộ] năm thứ 4 [1622], (Minh Thiên Khải năm thứ 2). Mùa thu, tháng 8, trời mưa to, thành nội lở đổ đến 6, 7 chỗ, cộng hơn 30 trượng.

[20a] Quý Hợi, [Vĩnh Tộ] năm thứ 5 [1623], (Minh Thiên Khải năm thứ 3). Mùa xuân, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Phạm Phi Kiến 7 người.

Mùa hạ, tháng 4, thi Điện các cống sĩ. Bấy giờ người làng Nguyệt Viên, huyện Hoằng Hoá là Nguyễn Trật ngầm mượn người làm bài, việc phát giác. Vương không bằng lòng, cho nên khoa ấy không cho treo bảng vàng.

Tháng 5, giếng đá ở cửa chùa Báo Thiên bỗng dưng bị lấp hỏng.

Tháng 6, Bình An Vương bị cảm, bèn cùng với các quan văn võ bàn chọn thế tử.

Ngày 17, triều thần tâu xin lấy thế tử của Vương là Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng giữ binh quyền, lại lấy con thứ là Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân phụ giữ binh quyền.

Ngày 18, Trịnh Xuân tự đem quân lính, voi ngựa, súng đạn bản bộ dàn bày ở xứ Đình Ngang, sai bọn Điện quận công, Bàn quận công đem quân phá vào Nội phủ, cướp đoạt voi ngựa, vàng bạc, của cải, bức **[20b]** Vương dời ra ngoài thành, rồi phóng lửa đốt cháy tràn lan các xứ trong Kinh kỳ.

Lúc ấy, chưởng giám là Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm thấy việc biến, liều mình phò Vương trong lúc nguy nghi.

Ngày hôm ấy, Vương thế tử Trịnh Tráng họp bàn với các quan, sai em là Thái bảo Dũng quận công Trịnh Khải đón thánh giá và theo hầu hộ vệ. Vương thế tử Trịnh Tráng hội các quan văn võ ở chợ Nhân Mục, huyện Thanh Trì bàn việc hành quân. Bấy giờ Bình An Vương xiêu giạt ra xứ Quán Bạt, xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì, sai Bùi Sĩ Lâm hộ vệ vào dinh của em ruột là Phụng quốc công Trịnh Đỗ, dụ Trịnh Xuân vào để trao cho đại quyền. Xuân ngậm cỏ, phủ phục ở sân. Vương kể tội của Xuân là kẻ loạn thần tặc tử, rồi truyền Sĩ Lâm sai người chặt chân Xuân cho chết.

Bấy giờ, Trịnh Đỗ sai con trai của mình là Thạc quận công **[21a]** (không rõ tên) đi đón thế tử Trịnh Tráng tới bản doanh. Thế tử Trịnh Tráng bèn cùng với quận Thạc cưỡi chung một con voi mà đi. Bấy giờ Lưu Đình Chất biết rõ cha con Trịnh Đỗ ngầm mưu làm phản, liền rảo bước đuổi kịp can rằng: "Quận Thạc là tên nghịch tặc, minh công không nên đi cùng với nó". Tráng mới tỉnh ngộ, bèn bảo quận Thạc cứ trở về dinh, rồi chỉnh đốn binh mã về đóng ở Ninh Giang.

Ngày 20, Sĩ Lâm hộ vệ Vương đến quán Thanh Xuân, huyện Thanh Oai. Vương mất ngày 25, Thế tử Trịnh Tráng đón đem về Ninh Giang phát tang, rồi sai Trị quận công (không rõ tên) sắp sửa 13 chiếc thuyền rước linh cữu thuận đường thuỷ đem về chôn, rồi thân đem các quan văn võ và các dinh cơ trong nước cùng rước Hoàng thượng theo đường tắt, từ xã Bất Đoạt, huyện Kim Bảng ra đường chính trở về Thanh Hoa để lo việc **[21b]** dẹp loạn.

Mùa thu, tháng 7, vua tiến phong Vương thế tử Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng làm Hiệp mưu đồng đức công thần đô tướng tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiểm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự Thái uý Thanh quốc công, trao cho xử quyết mọi chuyện.

Bấy giờ Mạc Kính Khoan tiếm hiệu là Long Thái, chiếm cứ Cao Bằng đã lâu, nghe tin trong nước có biến, mới tập hợp bọn manh lệ chốn núi rừng, nhân lúc sơ hở tiến thẳng tới Gia Lâm, đóng quân ở vùng Đông Dư, Thổ Khối. Bọn hùa theo hưởng ứng có đến hàng vạn, lòng người rối động, dân trong vùng không được yên ổn.

Tháng 8, Tiết chế Thái uý Thanh quốc công Trịnh Tráng vâng mệnh hoàng thượng, thân đem các quân tiến phát.

Ngày 21, đánh phá giặc Xuân Quang[1] ở Châu Cầu, quân giặc thua chạy.

Ngày 26, **[22b]** đại binh tiến đến sông Nhị, quân thuỷ, quân bộ ứng tiếp nhau, phá tan quân Mạc Kính Khoan ở vùng Gia Lâm, chém giết rất nhiều. Kính Khoan chỉ chạy thoát được một mình trốn vào rừng núi. Từ đấy, nhân dân trong nước lại được yên ổn như cũ. Kinh thành, cung cấm do đó đều được yên lặng.

Tiết chế Thái uý Thanh quận công Trịnh Tráng thấy trong nước đã yên, mới sai Bồi tụng Hộ bộ tả thị lang Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ cùng với bọn Chưởng giám Thái bảo Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm về Thanh Hoa đón rước thánh giá ngự ra Kinh thành. Các quan đều chầu mừng. Từ đấy, trong nước yên tĩnh, không xảy ra việc gì nữa.

Mùa đông, tháng 11, ngày 11, sách phong Tiết chế Thái uý Thanh quốc công Trịnh Tráng làm Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương.

Lời kim sách viết: Đức trời mở vận trung hưng, tất sinh người hiền để giúp **[22b]** xã tắc. Làm vua công bằng giữ đạo, phải ban tước hậu để tỏ công lao. Chọn được ngày tháng tốt lành, khắc chữ sách vàng rực rỡ. Nay Hiệp mưu đồng đức công thần đô tướng tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự Thái uý Thanh quốc công Trịnh Tráng, đức nghiệp giống như người trước, anh hùng hơn hẳn đời xưa. Khi cầm quân thì trăm trận ra oai, dẹp yên bờ cõi; lúc lập kế thì lòng người đều phục, dựng lại nước nhà. Xiêm quẻ Khôn[2] thêm rạng vẻ người, mệnh quẻ Sư[1] ban

---

[1] Giặc Xuân Quang: có lẽ chỉ đảng của Trịnh Xuân.

[2] Hoà lục ngũ, quẻ Khôn trong Kinh Dịch có câu: "Hoàng thượng nguyên cát" nghĩa là xiêm màu vàng rất tốt. Vì quẻ Khôn chỉ đạo làm tôi, hào ngũ là tượng vua, mà vàng là sắc ở giữa, xiêm là vật trang phục ở dưới, nên ý câu này là vua đối đãi rất tốt với người dưới.

cho tước sủng. Đặc sai Lại bộ thượng thư chưởng lục bộ sự kiêm Ngự sử đài đô ngự sử thiếu phó Lễ quận công Nguyễn Văn Giai mang sách vàng tiến phong làm Nguyên soái Thống quốc chính Thanh Đô Vương, và ban mũ, miện, quyển phục, lại ban ngọc khuê, ruộng đất. Mong rằng tuân pháp độ, giữ công danh, thận trọng giữ chức, kính theo **[23a]** lời huấn trước dốc lòng trung hưởng tước lộc, đáng bậc Vương sách phúc với nước nhà. Vương hãy kính theo đấy!".

Giáp Tý, [Vĩnh Tộ] năm thứ 6 [1624], (Minh Thiên Khải năm thứ 4). Truy phong Bình An Vương làm Cung Hoà Khoan Chính Triết Vương.

Lời kim sách viết: "Vương là bậc khôi phục cơ đồ, mở mang nghiệp trước. Triều đình đặt ra lễ hậu, nêu bật công to. Chọn được ngày tháng tốt lành, khắc chữ vàng rực rỡ. Nhớ Nguyên soái tổng đốc quốc chính thượng phụ Bình An Vương xưa thông minh dĩnh đạt, trí dũng anh hào, lấy lòng nhân nghĩa, cứu vớt sinh linh, giữ yên xã tắc, xoay lại đất trời, giúp vầng nhật nguyệt, công đức cao dày. Yên con nối để lại mưu kế sâu xa, đáp công to ban phong danh hiệu tốt đẹp. Đặc sai quan đem sách vàng truy phong làm Cung Hoà Khoan Chính Triết Vương. Mong rằng: yên vui phu thoả, giúp rập phù trì, để con cháu được hưởng phúc thừa, dòng dõi ức năm dài mãi mãi. Hãy kính **[23b]** theo đấy".

Ất Sửu, [Vĩnh Tộ] năm thứ 7 [1625], (Minh Thiên Khải năm thứ 5). Mùa thu, tháng 8, bắt đầu sai quan khảo xét các cống sĩ có đức vọng trong nước, lấy bọn Nguyễn Nghi 27 người bổ nhiệm các chức.

Bính Dần, [Vĩnh Tộ] năm thứ 8 [1626], (Minh Thiên Khải năm thứ 6). Sai chánh sứ là Nguyễn Tiến Dụng là Trần Vĩ, phó sứ là bọn Đỗ Khắc Kính, Nguyễn Tự Cường, Bùi Tất Thắng, Nguyễn Lại, chia thành hai sứ bộ sang tuế cống nhà Minh.

Đinh Mão, [Vĩnh Tộ] năm thứ 9 [1627], (Minh Thiên Khải năm thứ 7). Mùa xuân, sai quan mang sắc dụ Thái bảo Thuỵ quận công Nguyễn Phúc Nguyên rằng: "Bậc nhân tài hào kiệt, có thể cùng nhau mưu việc lớn lao; đấng trượng phu lập chí, quý ở chỗ biết rõ thời thế. Đậu Dung từ đất Hà Tây về hàng, nổi tiếng ở đời Hán; Điền Hưng đem đất Nguỵ Bác quy thuận, công lao ở đời Đường. Từ xưa, các hiền nhân, quân tử, trí sáng hiểu **[24a]** thời, mới dựng nên công nghiệp ở trên đời, để lại tiếng thơm cho hậu thế.

Nước nhà ta, ứng ý trời, thuận lòng người, thừa thời cơ, mở vận lớn. Thái Tổ Cao Hoàng Đế lấy vũ công bình định thiên hạ, thực nhờ ở công thần giúp đỡ, các vua thánh lấy văn giáo làm nên thái bình, cũng nhờ đại thần cũ khuông phù. Cho nên mới giữ nước được lâu dài. Nào ngờ nửa đường vận bĩ, nguỵ Mạc tiếm ngôi. May mà vận trời chưa thay đổi, lòng người theo triều xưa. Trang Tông Dụ Hoàng Đế nổi dậy ở đất miền Tây, tổ của người là Chiêu Huân Tĩnh Công[2] hiệp sức với Minh Khang Thái Vương[3] xoay chuyển đất trời, sử xanh để tiếng. Vận trời trở lại hanh thông, nước nhà một phen tái tạo. Thế Thông Nghị Hoàng Đế về ngự ở Trung Đô, cha của người là Cẩn Nghĩa Công giúp Thượng phụ Bình An Vương[4] ngày ngày dự bàn việc nước, lo kế dẹp yên thiên hạ, sử sách còn ghi công. Chỉ vì kẻ nghịch thần là bọn Ngạn, Khuê dám bất trung chống lại, nổi quân **[24b]** làm phản, trong nước rối động.

Cha con ngươi có ý muốn giữ trọn thân danh, thân thế bỏ về trấn cũ. Khi ấy nhờ được Đô nguyên soái tổng quốc chính Thượng phụ Bình An Vương trung thành vì nước, nhân nghĩa ra quân, dẹp hết nghịch tặc, thiên hạ nhờ đó lại được bình yên, đến gần 30 năm. Không ngờ tên phản nghịch Xuân, bản chất như sài lang, lòng dạ tựa muông thú, dùng răng chuột để khoét vách, đem nọc độc ra hại quân, khiến cho lòng người dao động. Nhờ được Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương[5] tư chất nhân hậu, chí khí anh hùng và các đại thần thân huân văn võ, đồng lòng hiệp sức, cứu tai nạn của vua cha, giúp gian nguy xã tắc, quét sạch bọn Mạc, khôi phục Đô thành, trong ổn ngoài yên, gần vui xa

---

[1] Quẻ Sư trong Kinh Dịch có câu "Vương tam tích mệnh" nghĩa là vua ban mệnh tới ba lần, tỏ ý đặc biệt yêu quý.

[2] Tức Nguyễn Kim.

[3] Tức Trịnh Kiểm.

[4] Tức Trịnh Tùng.

[5] Tức Trịnh Tráng.

phục. Hiện nay, thời buổi có nhiều việc đáng làm, dân chúng đều trông mong thịnh trị. Nếu người biết nghĩ đến nghĩa vua tôi trên dưới, nhớ tới công cha ông cần lao, mà suy xa, xét kỹ, **[25a]** kính cẩn trung thành, quy phục triều đình thì Trẫm sẽ đối đãi bằng lễ đặc biệt; phong cho tước thượng công. Ngươi gắng giúp nhà ta, để nhà vua được mạnh, thì thân danh của ngươi cùng vinh hiển với nước, đời đời hưởng tước lộc, đời đời là trung trinh, khoán thư chứa vào hòm vàng, nhà đá, lưu truyền tới khi sông cạn, đá mòn, mãi mãi không bao giờ cùng vậy! Ngày nào nhận được dụ này, người hãy chỉnh đốn tướng sĩ, voi ngựa, thuyền ghe, tới Kinh sư để lạy chào cho hợp với nghĩa làm tôi. Nhược bằng vẫn chấp nê, đem quân chống mệnh, thì oai trời giáng xuống, chỉ trong chớp mắt, núi cao cũng biến thành đất bằng. Theo mệnh thì lành, trái mệnh thì dữ, ngươi hãy suy nghĩ". Khi tờ dụ đưa tới, Phúc Nguyên chống mệnh không theo. Bấy giờ mới bàn định việc đi đánh phương Nam[1].

Tháng 2, Thanh Đô Vơng hộ vệ thánh giá thân chinh. Quân đến cửa biển Nhật Lệ, giặc dựa vào thế hiểm chống lại, đại quân **[25b]** mấy lần giao chiến không lợi, liền chỉnh đốn lại quân ngũ trở về.

Mùa thu, tháng 8, thi Hương sĩ nhân các xứ.

Hy Tông nhà Minh băng. Em là Do Kiểm lên ngôi, đổi niên hiệu là Sùng Trinh.

Mùa đông, tháng 10, Binh bộ thượng thư, Thiếu phó Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ chết. Tặng tước quận công, ban thuỵ hiệu là Hoà Nghĩa.

Mậu Thìn, [Vĩnh Tộ] năm thứ 10 [1628], (Minh Sùng Chinh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, Lại bộ thượng thư kiểm chưởng lục bộ sự, kiêm Ngự sử đài đô ngự sử, thái phó, Lễ quận công Nguyễn Văn Giai chết. Tặng Tư đồ, ban thuỵ hiệu là Cẩn Độ (Văn Giai người ở Phù Lưu Trường, huyện Thiên Lộc[2]).

Tháng 2, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Giang Văn Minh 18 người.

Mùa hạ, tháng 4, thi Đình. Vua thân ra đầu đề văn sách, hỏi việc thiên hạ và chính sách của triều đình. Cho Giang Văn Minh đỗ tiến sĩ cập **[26a]** đệ đệ tam danh, bọn Dương Cảo 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Đặng Phi Hiển 14 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Kỷ Tỵ, [Vĩnh Tộ] năm thứ 11 [1629], (Từ tháng 4 trở đi đổi là Đức Long năm thứ nhất; Minh Sùng Trinh năm thứ 2). Mùa xuân, xuống chiếu cho các quan văn võ và dân chúng rằng; Viên nhân nào vào năm Quý Hợi [1623] có đủ cả hai công là đi theo và tiến phát về kinh[3], thì được gia thăng chức tước, vinh phong cho chữ công thần.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán. Đổi niên hiệu là Đức Long năm thứ 1. Đại xá.

Đói to.

Tháng ấy, xuống chỉ rằng: Hễ các dinh cơ đội nào đi theo đánh giặc Mạc ở Cao Bằng có quân công thì nên gia thăng chức tước.

Mùa đông, tháng 10, tiến phong Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương là Đại nguyên soái thống quốc chính sư phụ Thanh Vương.

Lời sách văn viết: "Dựng đạo trung ban phúc **[26b]** tỏ ra thường lý công bằng, định đại lễ đền công, nên ban ân điển tôn quý. Ngày tháng tốt lành đã hợp, sách vàng rực rỡ ban ra. Nay Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương Trịnh Tráng, trung hậu nếp nhà, trí năng yên nước, uy vũ vang lừng trăm trận, công tái tạo đã nên; văn giáo thấm khắp bốn phương, vận trị bình lại tới. Trong ngoài đều tin

---

[1] Theo Cương mục q.31 và Đại Nam thực lục tiền biên thì lần ra quân này, Trịnh Tráng sai Nguyễn Khải và Nguyễn Danh Thế đem 5000 quân đi tiên phong, còn mình thì đem đại quân thuỷ, bộ tiến sau, đem cả vua Lê cùng đi. Chúa Nguyễn sai Nguyễn Hữu Dật đem bộ binh ra chống cự và hoàng tử Trung đem thuỷ binh tiếp ứng. Quân Nguyễn phản công rất mạnh, quân Trịnh bị tổn hại nhiều. Lại có tin đồn rằng ở Bắc, bọn Trịnh Gia và Trịnh Nhạc sắp làm loạn. Trịnh Tráng phải rút quân về.

[2] Huyện Thiên Lộc sau là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

[3] Chỉ sự kiện năm 1623, Trịnh Xuân mưu phản bị giết, Trịnh Tùng chết, cha con Trịnh Đỗ mưu phản, Trịnh Tráng dẫn vừa rút về Thanh Hoá, sau lại đánh ra Thăng Long khôi phục cơ nghiệp.

người đức vọng, chức vị đáng đứng đầu các quan. Đặc sai quan mang phù tiết, sách vàng, ấn ngọc tiến phong làm Hiệp mưu đồng đức công thần Đại nguyên soái thống quốc chính sư phụ Thanh Vương. Đã ban của báu làm ngọc khuê, lại cho ruộng đất để mở mang bờ cõi. Vương hãy lấy nghĩa thân cận, làm người giúp thẳng, phúc thượng đế sẽ dành ban cho, trau dồi lấy đức, giữ gìn lấy dân, nghiệp thế vương càng thêm dài mãi. Hãy kính theo đấy!".

Tháng ấy, thăng xá nhân trưởng vệ quan Ngọc Lâm hầu Lê Phúc Lai làm Thượng bảo tự khanh Cống quận công, **[27a]** sai đốc coi 4 ty xá nhân (Phúc Lai người xã Sơn Trai, huyện Nông Cống).

Canh Ngọ, [Đức Long] năm thứ 2 [1630], (Minh Sùng Trinh năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 5, vua lấy con gái của Vương là Trịnh Thị Ngọc Trúc, lập làm hoàng hậu.

Trước đây, Ngọc Trúc đã lấy bác họ vua là Cường quận công Lê Trụ sinh được 4 con. Khi ấy, Lê Trụ bị giam trong ngục. Vương đem Ngọc Trúc gả cho vua, vua lấy vào cung. Triều thần là bọn Nguyễn Thục, Nguyễn Danh Thế nhiều lần dâng sớ can. Vua không nghe và nói rằng: "Xong việc thì thôi, lấy gượng vậy". Từ hôm ấy trở đi, trời mưa dầm ngày đêm không ngớt.

Tháng 6, nước to đổ về, sông Nhị đầy tràn, ngập vào đường phố. Cửa Nam nước chảy như thác, phố phường nhiều người bị chết đuối. Lại đê điều ở các xã Yên Duyên, Khuyến Lương huyện Thanh Trì bị vỡ, thóc lúa hoa tổn, nhân dân **[27b]** đói kém.

Mùa thu, tháng 8, mở khoa thi Hương cho sĩ nhân các xứ.

Tháng 9, vua làm 3 toà cung điện và 10 gian hành lang.

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh sai hai sứ bộ sang đòi lễ cống. Ban yến cho xứ thần ở bến Đông Hà. Vương thân đến lầu Giảng Võ, trưng bầy các đồ cống hiến cho sứ thần nhà Minh xem, nhân thể dàn bày nhiều thuyền ghe, voi ngựa ở bờ sông để khoe binh uy, tỏ ra là cường thịnh.

Ngày Nhâm Tuất 17, có nguyệt thực.

Sai quan đi duyệt tuyển.

Bấy giờ bọn khâm sai võ tướng phần nhiều cậy thế thân cận có công, không theo chiếu lệnh, lấy lạm của dân, công nhiên hối lộ, thải người già, miễn bắt lính, điên đảo bất công, nhiều lần bị chất vấn, quở trách, mà quan duyệt tuyển ở Thanh Hoa là bọn Thái Bá Kỳ càng quá lắm. Duy có bọn Cao Ty, Trần Vỹ, Lã Thì Trung, Nguyễn Quang Minh, Nguyễn Tài Toàn, Nguyễn Khắc Văn, Nguyễn Trừng là thận **[28a]** trọng giữ phép, không phạm pháp, được lòng dân nhiều, dân đều ca ngợi.

Giám sát ngự sử đạo Hải Dương là Dương Thuần vì việc xét kiện, bị vu cáo phải mất quan.

Sai bọn Công bộ thượng thư Truyền quận công Nguyễn Duy Thì, Binh khoa đô cấp sự trung Giang Văn Minh, cấp sự trung Lê Khả Trù, Hàn lâm viện hiệu thảo Thân Khuê lên cửa quan đợi mệnh.

Mùa đông, tháng 11, sai chánh sứ là Trần Hữu Lễ và Dương Trí Trạch, phó sứ là bọn Nguyễn Kinh Tế, Bùi Bỉnh Quân, Nguyễn Nghi, Hoàng Công Phụ chia làm hai sứ bộ sang tuế cống nhà Minh.

Nhớ lại các công thần. Sai triều quan đem khám chủ của bọn Tĩnh quốc công Phạm Đốc, Hậu Trạch công Đặng Huấn, Vinh quốc công Hoàng Đình Ái, Dương quốc công Nguyễn Hữu Liêu thờ phụ vào cung miếu ở các xứ Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, bốn mùa phối hưởng.

[28b] Tân Mùi, [Đức Long] năm thứ 3 [1631], (Minh Sùng Trinh năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, tượng thần Lý Ông Trọng đền Thuỵ Hương[1] đổ mồ hôi.

Ngày mồng 6, có gió to từ phương đông bắc, làm gãy cây, đổ nà, nhiều thuyền bị đắm.

Hiến sát phó sứ Thuận Hoá là Vũ Chân trở về triều đình.

---

[1] Đền Thuỵ Hương: tức đền Chèm, ở huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

Chân người xã Bình Lãng Thượng, huyện Thiên Lộc. Trước đây bị Nguyễn Hoàng ngăn trở, trải 18 năm, đến nay mưa với Mậu Lương hầu Bùi Văn Tuấn đi đường tắt về triều. Vương hỏi việc phiên trấn xa, ban thưởng rất hậu, rồi cho Chân làm phủ doãn phủ Phụng Thiên, ban cho mũ, đai, triều phục. Cho Văn Tuấn tước Mậu quận công (Văn Tuấn người xã Bái Nại, huyện Tống Sơn).

Đá núi Hoàng Sơn[1] huyện Nông Cống bị lở.

Đá núi Kẽm Trống huyện Gia Viễn bị đổ.

Bồi đắp đê điều các xứ.

Tháng 3, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Minh Triết 6 người.

Khi ấy **[29a]** có Nguyễn Văn Quang người xã Đặng Xá, huyện Cẩm Giàng thiếu điểm lại được đỗ, sai xoá tên đi. Trước đó, vua coi thi, thấy mặt trời có quầng, mống đỏ vây bọc xung quanh, lại có mống trắng xuyên vào giữa mặt, mọi người cho là ứng vào điềm ấy.

Ngày thi Đình, vua thân ra đầu đề văn sách. Cho Nguyễn Minh Triết đỗ tiến sĩ cập đệ tam danh, bọn Lê Biện 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Danh Thọ 3 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Xứ Hải Dương có mưa đá, hòn thì như đá lớn, hòn thì như đầu ngựa, người và vật bị hại.

Chính phi của Vương là Nguyễn Thị Ngọc Tú chết. Phi là con gái Nguyễn Hoàng.

Mùa hạ, tháng 4, ngày Ất Mão, sét đánh núi Mã Yên ở Tây Kinh, đất nứt đến 5 trượng.

Ngày Kỷ Mùi 16, có nguyệt thực, gặp lúc trời mưa gió tối trời, không trông thấy.

Chó ngao đá ở điện Tây Kinh nứt vỡ, gãy ngang lưng rơi xuống đất.

Giếng đá ở xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì kêu vang **[29b]** như sấm.

Tháng 5, mống đỏ mọc ngang trời, một khắc mới tan.

Tháng 6, Vương thân ngự ở Đông lâu, sai đào sông cho thuyền đánh nhau và tập bắn. Bấy giờ, có lửa cháy từ đầu sông, cháy lan đến cửa tả vương phủ, phố phường hai bên và các nhà Triều Nguyên, Triều Đường trong thành nội. Vua tránh ra nhà Hoa Dương hầu (không rõ tên) 4 ngày mới về cung.

Mùa thu, tháng 8, ngày 29, ở vực Rồng xã Lai Duệ, huyện Thuỵ Nguyên có những vật nổi lên mặt nước trông như đầu trâu, đầu ngựa, đầu người, đầu rắn, không biết bao nhiêu mà kể.

Tháng 9, ngày mồng 3, gió to làm gãy cây, tốc nhà. Từ ngày mồng 4 đến ngày mồng 6, mưa như trút, nước sông Nhị dâng to, điện đình trong ngoài nước ngập sâu đến 1 thước.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, có nhật thực. Vua cho là bản mệnh cùng hợp với ngày ấy và năm ấy, chỉ trai giới mà không hô cứu mặt trời.

Lấy Hữu thị lang **[30a]** Nguyễn Tuấn, Bùi Bỉnh Di, Nguyễn Tự Cường làm Tả thị lang; Thiêm đô ngự sử Trần Vĩ làm Phó đô ngự sử; Tự Khanh Đỗ Khắc Kính, Nguyễn Lại làm Hữu thị lang.

Đổi ngang chức cho Trần Nghi làm tham chính xứ Sơn Tây; đưa Phạm Phúc Khánh ra làm hiến sát sứ Lạng Sơn; Đặng Phi Hiển làm hiến sát sứ xứ Tuyên Quang, Lê Phan Lân làm hiến sát sứ xứ Yên Quảng, vì bọn Nghi làm quan không giữ gìn cẩn thận.

Ngày rằm, có nguyệt thực.

Tháng 11, sai Bắc quân đô đốc phủ tả đô đốc phó tướng Tây quận công Trịnh Tạc thống lĩnh tướng sĩ bản bộ và các dinh cơ dưới quyền quan binh châu Bố Chính trấn giữ xứ Nghệ An; lấy Thái bộc tự khanh Giang Văn Minh làm đốc thị. Lại sai Thái bảo Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm trấn thủ xứ Thanh Hoa, **[30b]** lấy Tự khanh Nguyễn Khắc Văn làm đốc đồng. Đều vâng mệnh ra trấn. Đi đến đâu ban hành lệnh cấm, trong cõi yên lặng.

---

[1] Núi Hoàng Sơn: tức núi Nham Cát, huyện Nông Cống, Thanh Hoá.

Núi xã Đa Giá, huyện Gia Viễn đá lở xuống hơn 17 trượng.

Nhâm Thân, [Đức Long] năm thứ 4 [1632], (Minh Sùng Trinh năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Kỷ Hợi, truy tôn Hoàng khảo Giản Huy Đế làm Kính Tông Huệ Hoàng Đế, rước thần chủ vào Thái miếu để thờ.

Tháng 2, gia phong mỹ tự sách vàng cho Thái Vương, Triết Vương và sách bạc cho Hậu Trạch công[1].

Ngày 21, giờ Tỵ, có hai cái mống, một cái đỏ, một cái trắng vòng vào mặt trời, một khắc mới tan.

Sai bọn Lễ bộ thượng thư, Thiếu uý Lan quận công Nguyễn Thực cầm phù tiết, mang sách vàng, ấn bạc, phong Tả tiệp quân dinh Thái phó Sùng quận công Trịnh Kiều làm Khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự **[31a]** phó chưởng quốc chính thái uý Sùng quốc công, mở phủ gọi là phủ Hùng Uy. Lại sai chia quân cầm phù tiết, mang sách bạc và ấn phong Hiệp nghĩa dinh Thái uý Tung quận công Trịnh Văn là Tung Nhạc công, mở phủ gọi là phủ Hiệp Nghĩa; phong Phù nghĩa dinh thái uý Dũng quận công Trịnh Khải làm Dũng Lễ công, mở phủ gọi là phủ Phù Nghĩa; phong Thắng nghĩa dinh Thái phó Quỳnh quận công Trịnh Lệ làm Quỳnh Nham công, mở phủ gọi là Thắng Nghĩa. Lại lấy bọn thái bảo Phụ quận công Nguyễn Hắc và Binh bộ thượng thư Thái bảo Đăng quận công Nguyễn Khải làm thái phó. (Hắc là con Nguyễn Hoàng).

Tháng 3, ngày 16, giờ Dậu, có nguyệt thực.

Cho bọn Lễ bộ thượng thư Lan quận công Nguyễn Thực, Binh bộ thượng thư Nguyễn Khải đều lấy danh nghĩa quốc lão tham dự triều chính.

Mùa hạ, tháng 4, bãi tước của Nguyễn **[31b]** Tuấn, Nguyễn Lại. Bấy giờ, bọn Lại bộ tả thị lang Nguyễn Tuấn, hữu thị lang Nguyễn Lại tuyển bổ các chức phần nhiều nhũng lạm. Quan triều đường là bọn Nguyễn Thực, Nguyễn Khải hặc tội, bị bãi chức. Lại giữ trách nhiệm tuyển bổ, lấy nhiều của đút, có người làm câu hát rằng: "Các chức vị viên, lưỡng Bột tận điền" [Các chức bổ đủ người, hai làng Bột[2] hết ruộng].

Gia thăng Lễ bộ thượng thư kiêm Hàn Lâm viện thị độc chưởng Hàn lâm viện sự, Đông các học sĩ, quốc lão tham dự triều chính. Thiếu uý Lan quận công Nguyễn Thực làm thái bảo; Công bộ thượng thư kiêm Quốc tử giám tư nghiệp Tuyền quận công Nguyễn Duy Thì làm thiếu phó. Lấy bọn Việt quận công Trịnh Trình, Luân quận công Trịnh Thức, Đức quận công Trịnh Hàng, Lăng quận công Trịnh Bảng, Diên quận công Trịnh Nha, Hồng quận công Trịnh Lựu làm thái bảo; bọn Lan quận công Hoàng Nghĩa Phỉ, Phù quận công Trịnh Lịch, Tây quận công **[32a]** Trịnh Tạc làm thiếu uý.

Tháng 5, triều đình nghị bàn, muốn bào cử Hộ bộ tả thị lang Mai Khê hầu Nguyễn Tiến Dụng làm Lại bộ tả thị lang. Thái phó Nguyễn Khải hặc Dụng trước làm đề điệu trường Thanh Hoa, cố tình lấy người nọ bỏ người kia, không đáng được chức ấy. Bèn cho Phó đô ngự sử Trần Vỹ làm Lại bộ tả thị lang; Lễ bộ hữu thị lang Đỗ Khắc Kính làm Lại bộ hữu thị lang; Lại khoa đô cấp sự trung Nguyễn Duy Hiểu làm thiêm đô ngự sử.

Chia sai bọn Trần Vỹ, Nguyễn Quang Minh, Lê Kính, Thân Khuê đi khám hỏi tình hình siêng năng hay lười biếng, liêm khiết hay tham nhũng của các viên coi đê điều và quan lại các thừa ty.

Tháng 6, ngày mồng 1, mưa to đến 3, 4 ngày không ngớt. Sân trong cung và các điện, nước ngập vài tấc.

---

[1] Hậu Trạch công: là tước phong của Đặng Huấn. Đặng Huấn có con gái là Đặng Ngọc Vũ làm thái phi của Trịnh Tùng, sinh ra Trịnh Tráng (theo Bdc).

[2] Nguyên văn "lưỡng Bột": tức hai làng Bột: Bột Thượng và Bột Hạ. Làng Bột Thượng là quê của Nguyễn Lại. Ý nói Lại bộ thuyên đủ các chức, thì Lại được nhiều tiền đút lót, đủ để mua hết ruộng đất hai làng Bột.

Ngày mồng 5, mưa như trút, nước sông Nhị dâng cao. Vương nhân đó thân **[32b]** đem Thái uý Sùng quốc công Trịnh Kiều và các dinh cơ đi thuyền thuận dòng xuống đoạn đê các xã Thám Đương, Yên Duyên, Khuyến Lương huyện Thanh Trì để coi hộ đê. Nước lại dâng tràn, liền trở về. Lại sai thu số tiền của các viên quan coi đê đã lấy lạm của dân để sung công.

Mùa thu, tháng 9, ngày rằm, giờ Mão, có nhật thực.

Quý Dậu, [Đức Long] năm thứ 5 [1633], (Minh Sùng Trinh năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, núi Long Tuyền[1] bị lở.

Cho bọn Thái phó Phụ quận công Nguyễn Hắc, Thái bảo Quảng quận công Trịnh Hàng, Lăng quận công Trịnh Bảng, Hồng quận công Trịnh Lựu, được tham dự triều chính.

Sai thái bảo Quảng quận công Trịnh Hàng cùng với bọn Ngô Nhân Triệt, Nguyễn Quang Minh, chiếu bổ hạng nhân các phủ, vệ.

Tháng 3, núi đá Đa Bút[2], huyện Vĩnh Phúc bị lở. Hai núi bên cạnh giếng Âm Dương, huyện Phụng Hoá[3] lở **[33a]** xuống lấp cả đường đi, người ngựa không thể đi lại được.

Sai bọn Trần Vỹ, Nguyễn Tiến Dụng, Nguyễn Thọ Xuân, Thân Khuê lên cửa quan đợi mệnh, đón tiếp sứ thần về nước, và sai Thái bảo Quảng quận công Trịnh Hàng thống lĩnh voi ngựa, quân lính các cơ đội đi hộ vệ.

Ngày 20, bồi thần của bọn Trần Hữu Lê, Dương Trí Trạch, Nguyễn Kinh Tế, Nguyễn Nghi, Hoàng Công Phụ về đến Kinh sư vào lạy chào. Phó sứ Bùi Bỉnh Quân chết bên Minh.

Ngày 22, thần vị của Lý Thái Tông bỗng dưng xê đi chỗ khác. Sai nội thần là Phái quận công (không rõ tên) đến tế. Được 6, 7 ngày, thần vị lại dời về chỗ cũ.

Đoạn sông Nhị ở địa phận xã Yên Duyên, huyện Thanh Trì ban đêm cạn nước đến hơn một khắc, thậm chí có người đốt đuốc để bắt cá.

Sai hơn 80 chiếc thuyền của thuỷ quân đến xứ Sơn Nam, ngầm vào huyện Gia Viễn **[33b]** đánh dẹp con của Hiền quận công nguỵ trước.

Ngày 23, giờ Tỵ, có gió từ phương bắc thổi tới, đầm xã Thịnh Liệt[4] nước cạn hơn một khắc. Nước sông Nhị sóng động mạnh, thuyền ghe bị đắm vỡ, người người bị chết đuối.

Triều thần hặc tội tham nghị xứ Hưng Hoá[5] là Trương Vũ làm quan không thận trọng, để dân kêu kiện, và Nguyễn Hàng làm tri huyện chưa đầy một lần khảo, chưa hết hạn để tang[6] đã ngầm đem vàng bạc tâu bậy xin làm chức lăng phó ở điện Tây Kinh, vượt mặt quá lắm. Vua giao xuống xét tội Trương Vũ và thu lại sắc mệnh của Nguyễn Hàng.

Vương thân đem tướng sĩ các dinh đi đánh Thuận Hoá, không được lại trở về[7].

Giáp Tuất, [Đức Long] năm thứ 6 [1634], (Minh Sùng Trinh năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, ngày rằm, có nguyệt thực.

---

[1] Theo Cương mục Q.31, núi Long Tuyền thuộc huyện Đồng Hỷ, trấn Thái Nguyên.

[2] Núi Đa Bút: núi thuộc xã Đa Bút, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá ngày nay.

[3] Huyện Phụng Hoá: sau là huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

[4] Đầm xã Thịnh Liệt tức là Đầm Sét.

[5] Bản dịch cũ chép là xứ Thanh Hoa.

[6] Nguyên văn là "Đinh ưu vị tất". Đinh ưu chỉ việc để tang cha mẹ.

[7] Theo Cương mục và Đại Nam thực lục tiền biên thì lần tiến quân này, Trịnh Tráng được Nguyễn Phúc Á là con thứ 3 của Nguyễn Phúc Nguyên hứa làm nội ứng. Nhưng quân Trịnh đợi hơn 10 ngày, không có tin của Phúc Á, sau sinh trễ nải. Quân Nguyễn do Nguyễn Văn Thắng và Nguyễn Hữu Dật chỉ huy, tung quân ra đánh, quân Trịnh thua to.

Tháng 3, ngày mồng 1, có nhật thực.

Thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Nhân Trứ 5 người. Đến khi thi Điện, **[34a]** vua thân ra đầu đề văn sách, cho Vũ Bạt Tuỵ đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Nhân Trứ 4 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa hạ, đại hạn, lúa má khô héo, nhân dân đói kém. Đến mùa thu mới mưa.

Thăng Lễ bộ thượng thư kiêm Hàn lâm viện thị độc, chưởng hàn lâm viện sự.

Đông các học sĩ quốc lão tham dự triều chính; Thái bảo Lang quận công Nguyễn Thực thăng Hộ bộ thượng thư thái phó, trí sĩ. Từ khi bản triều khôi phục đến đây, thượng thư quốc lão về trí sĩ bắt đầu từ Thực.

Ất Hợi, [Đức Long] năm thứ 7 [1635], (Từ tháng 10 trở đi đổi thành Dương Hoà năm thứ 1; Minh Sùng Trinh năm thứ 8). Mùa hạ, tháng 6, có lệnh chỉ gồm 12 điều, cấm các quan cai trị hà khắc và răn cấm các nha môn tra xét để đọng việc kiện tụng, cho ban bố thi hành.

Mùa đông, tháng 10, đổi niên hiệu là Dương Hoà năm thứ 1. Đại **[34b]** xá.

Đinh Sửu, [Dương Hoà] năm thứ 3 [1637], (Minh Sùng Trinh năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, có nhật thực.

Mùa đông, tháng 10, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Xuân Chính 20 người. Đến khi thi Đình, vua thân ra đầu đề văn sách, cho bọn Nguyễn Xuân Chính, Nguyễn Nghi, Nguyễn Thế Khanh đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Hữu Thường 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Cổn 15 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 11, quan trí sĩ Nguyễn Thực chết, tặng thái tể, ban thuỵ hiệu là Trung Thuần, thọ 83 tuổi. (Thực là người xã Vân Điềm, huyện Đông Ngàn).

Tháng 12, ngày 30, có nhật thực.

Sai chánh sứ Nguyễn Duy Hiểu và Giang Văn Minh, phó sứ là bọn Nguyễn Quang Minh, Trần Nghi, Nguyễn Bình, Thân Khuê gồm 2 sứ bộ sang tuế cống nhà Minh. Sai bọn Trần Hữu Lễ, Dương Trí Trạch, Nguyễn **[35a]** Thọ Xuân, Phạm Phúc Khánh, Nguyễn Quang Nhạc lên cửa quan đợi mệnh.

Mậu Dần, [Dương Hoà] năm thứ 4 [1638], (Minh Sùng Trinh năm thứ 11). Vương thân đem các quân đi đánh giặc Mạc ở đất Cao Bằng. Thuộc tướng là Hạ quận công (không rõ tên) bị giặc bắt; Lâm quận công (không rõ tên) đương đánh trận sợ chạy, bị giết.

Mùa đông, tháng 12, định hành nghi của các quan văn võ, cho rõ cấp bậc.

Kỷ Mão, [Dương Hoà] năm thứ 5 [1639], (Minh Sùng Trinh năm thứ 12). Mùa hạ, tháng 4, định rõ lại về việc kiện tụng nhân mạng theo như quy chế năm Cảnh Thống thứ 6[1]: Phạm nhân chỉ bị tịch thu ruộng đất, tài sản của bản thân và của vợ con thôi. Nếu không đủ, thì cho khai lấy ruộng đất, tài sản của cha mẹ, anh em làm tiền đền mạng, không được bắt cả đến họ hàng, làng xóm, coi đó là điều luật lâu dài.

Sai Công bộ **[35b]** thượng thư, Thiếu phó Tuyền quận công Nguyễn Duy Thì cùng bọn Nguyễn Thọ Xuân, Nguyễn Xuân Chinh, Nguyễn Quang Nhạc, Phạm Phúc Khánh lên cửa quan đợi mệnh đón sứ thần về nước.

Mùa đông, tháng 12, Thái uý Sùng quận công Trịnh Kiều vâng chỉ của vương, nhắc rõ lại 12 điều nghiêm răn các quan giữ phép để thi hành, đại khái lấy việc hiểu rõ chức vụ và được lòng dân làm gốc.

Canh Thìn, [Dương Hoà] năm thứ 6 [1640], (Minh Sùng Trinh năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng nhuận, thi Hội các nhân sĩ trong nước. Lấy đỗ bọn Phí Văn Thuật 22 người. Đến khi thi Đình, vua

[1] Cảnh Thống là niên hiệu của Lê Hiến Tông (1498 - 1504). Năm Cảnh Thống thứ 6 là năm 1503.

thân ra đầu đề văn sách, cho bọn Phí Văn Thuật 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Hoàng Vinh 20 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Nhâm Ngọ, [Dương Hoà] năm thứ 8 [1642], (Minh Sùng Trinh năm thứ 15).

Mùa thu, tháng 9, Thái uý Sùng quốc công Trịnh Kiều chết. Tặng **[36a]** thượng tể, thượng tướng, ban thuỵ hiệu là Hùng Độ.

Vương bàn với các quan gúp việc, cho là hiện nay kỷ cương của thiên hạ cốt ở việc công bằng khám xét kiện tụng và dẹp bắt trộm cướp, bèn sai quan chưa đi trị các xứ. Lấy Phó đô tướng Thái bảo Tây quận công Trịnh Tạc trấn giữ xứ Sơn Nam, Thái thường tự khanh Phạm Công Trứ làm tán lý; Thái bảo Phù quận công Trịnh Lịch trấn giữ xứ Sơn Tây, Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Trừng làm tán lý; Quỳnh Nham công Trịnh Lê trấn giữ xứ Kinh Bắc, Công bộ hữu thị lang Nguyễn Bình làm tán lý; Thiếu uý Hoa quận công Trịnh Sầm trấn giữ xứ Hải Dương, Hộ khoa đô cấp sử trung Nguyễn Nhân Trứ làm tán lý. Đều cùng với thừa ty sửa đổi tệ trước, vỗ yên dân địa phương.

Quý Mùi, [Dương Hoà] năm thứ 9 [1643], (Từ tháng 10 trở đi là Chân Tông Phúc Thái năm thứ 1; Minh Sùng Trinh năm thứ 16). Mùa xuân, tháng 2, sai thái bảo Tây **[36b]** quận công Trịnh Tạc và Quỳnh Nham công Trịnh Lệ cùng với bọn tán lý hữu thị lang Nguyễn Quang Minh, tự khanh Phạm Công Trứ, Nguyễn Danh Thọ thống lĩnh đại quân đi đánh Nguyễn Phúc Lan ở Thuận Hoá. Đánh úp tỳ tướng giặc Thắng Lương hầu ở xã Trung Hoà, bắt được đem chém, bắt được viên thư ký là Văn Toàn tử giải nộp ở cửa dinh. Rồi tiến quân thẳng tới cửa biển Nhật Lệ.

Tháng 3, Vương hộ vệ xa giá, tiến vào châu Bố Chính, đóng tại xã An Bài, liệu định quân cơ, trao phương lược cho các tướng. Bấy giờ các dinh của thống lĩnh đều nghiêm trận chờ đợi. Gặp có chỉ của Vương, cho là phương Nam khí nóng nực, khó ở lâu, bèn chỉnh đốn đại quân rút về[1].

Cho Hộ bộ tả thị lang kiêm Huy văn viện thiêm sự Thiếu phó Nhân quận công Doãn Hy về trí sĩ.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu truyền ngôi cho Hoàng thái tử **[37a]** Duy Hựu. Duy Hựu lên ngôi hoàng đế ở điện Cần Chính, đổi niên hiệu là Phúc Thái năm thứ nhất. Đại xá thiên hạ gồm 27 điều. Tôn vua làm Thái thượng hoàng, Hoàng hậu Trịnh Thị làm Hoàng thái hậu.

Thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Lê Trí Trạch 9 người.

Tháng 12, thi Điện, cho bọn Nguyễn Khắc Thiệu 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Lê Đình Dự 7 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Chân Tông Thuận Hoàng Đế

Tên húy là Duy Hựu, con trưởng của Thần Tông, 13 tuổi được truyền ngôi, ở ngôi 7 năm, thọ 20 tuổi thì băng, táng ở lăng Hoa Phố. Vua tính trời trầm tĩnh, khoan dung phúc hậu, có đức của người làm vua. Trong khoảng 6, 7 năm, liền năm được mùa. Nếu trời cho sống lâu thì cũng được đông người, giàu của như tiếng tốt của Văn Đế nhà Hán vậy.

Giáp Thân, [Phúc Thái] năm thứ 2 [1644], (Minh Sùng Trinh năm thứ 17). Mùa hạ, tháng 4, sao Thái Bạch đi ngang trời.

Tháng ấy, **[37b]** sai quan khảo hạch các cống sĩ trong nước, người nào có đức vọng bổ làm các chức phủ, huyện.

---

[1] Theo Cương mục Q.31 và Đại Nam thực lục tiền biên thì cánh quân Trịnh Lệ tiến vào Nam Bố Chính, giết được trấn thủ của chúa Nguyễn là Bùi Công Thắng. Trịnh Tráng đem đại binh tiến vào Bắc Bố Chính, đóng ở xã An Bài (sau là xã Thuận Bài, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình) sai Trịnh Đảo đánh Trung Hoà (sau là xã Mỹ Hoà, huyện Quảng Trạch), nhưng thất bại.

Mùa đông, tháng 12, sai Thái bảo Tây quận công Trịnh Tạc cùng Đốc thị Dương Trí Trạch, Tán lý Phạm Công Trứ đi dẹp đất Cao Bằng, tiến quân đặt phục, chém được một viên tỳ tướng của giặc, bắt được đảng giặc rồi về.

Ất Dậu, [Phúc Thái] năm thứ 3 [1645], (Minh Long Vũ năm thứ 1; Thanh Thuận Trị năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 4, ngày 19, sao Huỳnh Hoặc đi vào phần sao Quỷ, phạm vào sao Tích Thi.

Tiên phong phó đô tướng Thái bảo Tây quận công Trịnh Tạc làm Khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh chưởng quốc quyền binh tả tướng Thái uý Tây quốc công, mở phủ Khiêm Định, mọi công việc của nhà nước đều giao cho xử quyết.

Ngày tháng 5, Vương bị cảm. Thái bảo Phù quận công Trịnh Lịch, Thái phó Hoa quận công Trịnh **[38a]** Sầm, hận vì bất đắc chí, liền nổi quân làm loạn. Thái uý Tây quốc công Trịnh Tạc vâng chỉ nghị bàn với các quan văn võ tâu lên vua biết và tế cáo trời đất, tông miếu.

Ngày mồng 2, ra quân, đánh bắt được chính tên nghịch Lịch, còn nghịch Sầm thì trốn vào Ninh Giang[1]. Sai Thái bảo Khê quận công Trịnh Trượng đốc quân đuổi theo, đuổi kịp ở Chúc Sơn[2], bắt được dâng nộp, đều đem chém cả. Khi ấy Tán lý Phạm Công Trứ, Võ tướng Đào Quang Nhiêu cũng dự phần công bàn mưu, đánh dẹp.

Xá một nửa tiền thuế đinh trong nước. Lại cấm nhân dân không được làm thư nặc danh lưu truyền chuyện không đâu làm mê hoặc lòng người.

Tháng 6, nhắc rõ lại điều luật xét kiện để khuyến khích người làm quan thanh liêm, chăm việc, trừ bỏ thói kiện cáo gian lận của bọn tiểu thương.

Mùa thu, tháng 7, cấm các nhà quyền quý và **[38b]** các nha môn cùng quan hai ty không được lấy tiền của các hộ dân xa, quan huyện cũng không được thu lạm tiền của dân. Còn tiền gạo của các kỳ tế lễ đều theo xã lớn, xã vừa, xã nhỏ mà đóng theo mức độ khác nhau để bớt phí tổn cho dân.

Bính Tuất, [Phúc Thái] năm thứ 4 [1646], (Minh Long Vũ năm thứ 2; Thanh Thuận Trị năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 22, mưa đá, chim muông bị hại nhiều.

Tháng 2, Kinh sư mưa đá.

Năm ấy được mùa to.

Sai chánh sứ Nguyễn Nhân Chính, phó sứ là bọn Phạm Vĩnh Miên, Trần Khái, Nguyễn Cổn cùng với sứ thiên triều là Đô đốc Lâm Sâm vượt biển sang Phúc Kiến cầu phong với nhà Minh. Khi ấy vua Minh lên ngôi, bị người Thanh đánh phá. Bề tôi nhà Minh lại tôn lập Vĩnh Lịch Hoàng Đế. Nhà Minh sai bọn Hàn lâm Phan Kỳ mang sắc thư, cáo mệnh và ấn bạc mạ vàng sang **[39a]** nước ta, phong cho Thái thượng hoàng làm An Nam quốc vương. Sứ Minh cùng với bọn Nhân Chính đi đường bộ theo cửa Trấn Nam quan mà về.

Bấy giờ nước Minh loạn to. Thủ lĩnh Long Châu là Triệu Hữu Kinh bị người anh họ là Triệu Hữu Đào giết. Con Kinh là Hữu Khải cầu cứu, bèn sai Quỳnh Nham công Trịnh Lệ tiến quân lên Thái Nguyên, đánh Cao Bằng, bắt được Triệu Hữu Đào và cả gia thuộc đem về Kinh sư, dụ bảo phải hoà mục với nhau rồi cho về bản châu.

Mùa đông, tháng 10, thi Hội sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Đăng Cảo 17 người.

Tháng 12, thi Điện. Vua đích thân ghi cho Nguyễn Đăng Cảo đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh, Nguyễn Viết Cử đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Phạm Văn Đạt 15 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

[39b] Đinh Hợi, [Phúc Thái] năm thứ 4 [1647], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 1; Thanh Thuận Trị năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 5, bọn Nguyễn Nhân Chính đón sứ Minh đem sắc phong và ấn đến cửa quan.

---

[1] Ninh Giang: khúc sông Đáy ở khoảng xã Minh Sơn, gần chùa Trầm, ở phía tây Hà Nội.

[2] Chúc Sơn: tên xã, thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

Bèn sai Lễ bộ thượng thư Thiếu bảo Dương quận công Nguyễn Nghi cùng với bọn Hộ bộ tả thị lang Nguyễn Thọ Xuân, Thiêm đô ngự sử Đồng Nhân Thái, Hộ khoa đô cấp sự trung Nguyễn Sách Hiển, Đề hình Trương Luận Đạo, Lại khoa cấp sự trung Nguyễn Văn Quảng đón tiếp về Kinh.

Sứ Minh làm lễ ban phong, tuyên đọc lời thề rằng: "Trẫm nghĩ, đế vương dấy lên, trước hết vỗ yên ngoài cõi; Xuân Thu nghĩa lớn, riêng lo tưởng lệ tôn vương. Xưa Hoàng tổ ta mở mang bờ cõi, chân trời, góc biển, đều thuộc bản đồ. Nước An Nam người riêng hưởng thanh giáo, lễ nhạc y quan dần dần quen nếp, chịu ơn nhà nước trăm đời, để phúc cháu con mấy kiếp. Đô thống ty Lê **[40a]** Hựu sớm tỏ tài lành, một niềm cung thuận, nêu đức hay chinh phục cõi hoang, mà tiếng tốt thấu vào cửa khuyết. Đương khi Long Vũ Hoàng Đế ta ngự ở đất Mân[1], một mình nước ngươi vượt biển sang triều cống. Tuy nhà nước không quý vật xa, nhưng làm tôi dâng cống, lòng thành thờ nước lớn thực đáng khen. Nghĩ cõi xa cũng là con đỏ, ta ban đất chia phong, chính là vỗ yên người xa bằng đức. Trẫm là cháu đích tôn của Thần Tông Hoàng Đế, được thần dân trong nước suy tôn, nối giữ nghiệp lớn, cai trị muôn phương, xa thì hâm mộ truyền thống hoà hiệp của Đường đế Nghiêu, gần lại nhớ tới oai thanh gồm trị của Hán Tuyên Đế. Nay loài hôi tanh làm phản, bị cả bốn biển cùng thù. Tráng sĩ Sở Thục nổi như mây, cờ nghĩa Ngô Việt đều hưởng ứng. Tiêu diệt giặc Hồ, dẹp yên bốn cõi. Khen ngươi trung thành, trẫm rất yêu mến. Vì thế, sai quan Hàn lâm Phan Kỳ, quan Khoa đài Lý Dụng Tiếp đem **[40b]** phù tiết phong ngươi làm An Nam quốc vương. Ôi! Đồ phẩm phục vâng tự mệnh trời, ngọc khuê bích truyền tới con cháu. Làm vua nước ngươi, chăn nuôi dân ngươi, việc nông tang cũng thuộc đức đế; cõi xa về chầu, trấn phiên tới cống, ngọc cung cầu chớ biếng chức xưa. Trẫm nghĩ, cột đồng nhà Hán dựng lên, cõi Nam yên mãi, vua Hạ hội ở Đồ Sơn, lại thấy Trung Nguyên. Hãy kính theo!".

Tháng 6, sai quan tuyển, thảy binh lính.

Mùa thu, tháng 7, sai quan tuyển duyệt binh dân các xứ, chia thành từng hạng để định ngạch quân.

Mậu Tý, [Phúc Thái] năm thứ 6 [1648], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 2; Thanh Thuận Trị năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 5, cấm dân gian không được mạo nhận càn chức tước để trốn binh dịch[2].

Kỷ Sửu, [Phúc Thái] năm thứ 7 [1649], (Từ tháng 10 trở đi, Thần Tông lại lên ngôi, Khánh Đức năm thứ 1; Minh Vĩnh Lịch năm thứ 3; Thanh Thuận Trị năm thứ 5). Mùa thu, tháng 8 **[41a]**, vua băng, không có con nối.

Mùa đông, tháng 10, Vương uỷ cho Thế tử Tây quốc công Trịnh Tạc và các quan văn võ cùng bàn tâu xin Thái thượng hoàng lại lên ngôi, đổi niên hiệu là Khánh Đức năm thứ 1.

Thần Tông Uyên Hoàng Đế (Hạ)

Canh Dần, [Khánh Đức] năm thứ 2 [1650], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 4; Thanh Thuận Trị năm thứ 4). Mùa đông, tháng 10, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Khương Thế Hiền 8 người.

Tháng 12, thi Điện, cho Khương Thế Hiền đỗ tiến sĩ cập đệ tam danh, Nguyễn Văn Lễ đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Trịnh Cao Đệ 6 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tân Mão, [Khánh Đức] năm thứ 3 [1651], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 5; Thanh Thuận Trị năm thứ 7). Mùa xuân, sao Chổi mọc ở phương đông.

Tháng 2, bấy giờ **[41b]** vua Minh chạy xuống đóng quân ở Nam Ninh[1], có sắc dụ cho Vương cấp binh tượng, lương súng để giúp việc đánh dẹp.

---

[1] Đất Mân thuộc tỉnh Phúc Kiến của Trung Quốc. Nhà Minh khi ấy bị quân Thanh đánh, phải chạy xuống miền nam, đóng ở Phúc Kiến.

[2] Theo Cương mục Q.32 và Đại nam thực lục tiền biên thì tháng 2 năm này (1648) Trịnh Tráng huy động số quân thuỷ bộ vào đánh chúa Nguyễn Phúc Lan.

Mùa thu, tháng 9, Lại bộ thượng thư chưởng lục bộ sự kiêm Quốc tử giám tế tửu, Hàn lâm viện sự, Thái phó Tuyền quận công Nguyễn Duy Thì chết, tặng Thái tể, ban thuỵ hiệu là Hành Độ.

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh sai quan mang sắc và ấn sang phong Thanh vương làm Phó quốc vương.

Lời sắc viết: "Trẫm nghĩ, tổ tông dựng nên bờ cõi, thanh giáo rộng ban; lấy lễ, tín đối đãi ngoại phiên để mở rộng dậu phên cho nhà nước. An Nam vương họ Lê nước ngươi, xa ở cõi Nam, đời đời thần phục, đội đức giữ trung, luôn kính theo lệnh. Xét nguyên do được như thế, là do công của ông cha phụ quốc chính Trịnh Tráng ngươi, trước sau cùng đức khuông phù, công lao giúp dập được ghi chép **[42a]** lưu truyền, sớm tỏ lòng trung gian với nước. Truyền đến Tráng ngươi, công danh rực rỡ, dân chúng xiêu lòng, giúp vua đỡ dân, làm tròn chức phận, trẫm đã biết rõ. Mới rồi, trẫm đóng tại Việt Tây[2], mưu việc khôi phục, sớm khuya lo nghĩ đã 5 năm nay. Nay các bề tôi huân cựu ở Xuyên Sở[3] lũ lượt vào giúp, đại quân đến đâu, muôn bếp khói tụ, thế quân lừng vang. Những người đem quân hộ vệ từ trước, đã lần lượt đi cả, mà Trịnh Tráng ngươi dâng biểu nộp cống, từ mùa xuân đến mùa thu, vất vả theo gót, không dám bỏ thiếu, trẫm rất khen ngợi. Tuy có nhiều kẻ chê gièm, trẫm cũng không có lòng ngờ vực. Vậy đặc ban ân điển riêng, tấn phong ngươi làm An Nam phó quốc vương, ban cho sắc, ấn, ngươi kính nhận lấy. Ôi, triều đình đặt phiên trấn bên ngoài, cốt để vỗ yên cõi xa, mở rộng phên dậu. Lúc yên bình thì thấm **[42b]** nhuần đức giáo, khi đánh dẹp thì giúp đỡ minh uy. Đã là cánh, là thành, thì trong, ngoài không có khác. Ngươi nhận được mệnh ban tôn quý, phải gắng trung trinh, giúp đỡ họ Lê, giữ bền chức cống, làm phên dậu cõi Nam cho trẫm, giữ mãi đời đời. Hãy kính theo".

Nhâm Thìn, [Khánh Đức] năm thứ 4 [1652], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 6; Thanh Thuận Trị năm thứ 8). Mùa xuân, tháng 3, Hoàng Nhân Dũng mưu nổi loạn, bị giết.

Nhân Dũng là tên hoạn quan được yêu, làm đến chức chưởng Tư lễ giám, thiếu bảo, tước quận công, được ban họ tên là Trịnh Lãm. Quyền lộc to quá, ngày càng kiêu căng phóng túng, ngầm mưu với thủ hạ là Trần Nhân Liễn nuôi giấu người có yêu thuật là Tuyên Đức để xướng loạn. Việc bị phát giác, đưa xuống triều thần xét tội. Nhân Dũng bị chém bêu đầu, bọn Nhân Liễn, Tuyên Đức đều bị lăng trì, thị chúng.

Lấy Đương quận công Đào Quang Nhiêu là đô đốc, Hà quận công Lê Yến là đề đốc, **[43a]** bọn Đinh Văn Tả, Vũ Văn Doãn làm tham đốc vì có công biết được âm mưu phản nghịch của bọn Nhân Dũng và tố cáo trước.

Tháng ấy, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Đình Chính 9 người.

Tháng 4, thi Điện. Vua thân ra đầu đề văn sách, hỏi về chính sự hay dở. Cho bọn Phùng Viết Tu hai người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Hồ Sĩ Dương 7 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Các quan triều đường xin tiến phong tước vương cho thế tử của Vương là Tây quận công Trịnh Tạc để hợp với thịnh điển nếp nhà.

Mùa thu, tháng 8, tiến phong Thái uý Tân quốc công Trịnh Tạc là Nguyên soái chưởng quốc chính Tây Định Vương.

Lời sách phong viết: "Trời yêu trao cho mệnh lớn, sinh người hiền để giúp trị công; vua trọng người có công to, ban điển lễ để tỏ tôn quý. Chọn được ngày tốt, ban cho sách vàng. Xét nghĩ: **[43b]** Dực vận tán trị công thần, đặc tiến khai phủ khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh chưởng quốc quyền bính tả tướng Thái uý Tây quốc công Trịnh Tạc, thông minh tính trời, nếp nhà đức vọng. Xưa Thành Tổ nối ngôi Thái Vương giúp Tiên hoàng sửa sang nghiệp lớn, xoay chuyển càn khôn. Nay sư phụ nối chí cha xưa, giúp trẫm khôi phục cơ đồ, công trùm vũ trụ. Văn võ được từ nhà dạy dỗ; trách nhiệm riêng việc nước đảm đương. Đánh dẹp các phương, yên thiên hạ có nhiều công sức; lo toan mọi việc,

[1] Nam Ninh: tên phủ, thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[2] Việt là đất Lưỡng Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây) của Trung Quốc, ở đây chỉ Quảng Tây.

[3] Xuyên, Sở là vùng phía nam Trung Quốc.

vững xã tắc lập nhiều công lao. Đức vọng khắp bốn biển thoả lòng, chức vị đầu trăm quan mới xứng. Đặc sai Lễ bộ thượng thư tri kinh diên sư, kiêm Quốc tử giám tế tửu, Thiếu bảo Dương quận công Nguyễn Nghi, cầm phù tiết, mang sách vàng, ấn vàng vinh phong làm Nguyên soái chưởng quốc chính **[44a]** Tây Định Vương. Mong rằng: chịu ơn trọng đãi, kính giữ tiếng hay. Trung hiếu đủ mười phần, gắng giữ tròn một đạo. Thọ khang gồm năm phúc; ngôi vương dài ức năm. Giúp cho hoàng gia bền vững lâu dài, giữ cho tông xã vô cùng tốt đẹp. Vương hãy kính theo".

Quý Tỵ, [Khánh Đức] năm thứ 5 [1653], (Từ tháng 2 trở đi đổi là Thịnh Đức năm thứ 1; Minh Vĩnh Lịch năm thứ 7; Thanh Thuận Trị năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 2, sao Chổi mọc ở phương đông. Đại xá, đổi niên hiệu là Thịnh Đức năm thứ 1.

Mùa hạ, tháng 6, định kiểu y phục trong nước, dài rộng theo thứ bậc khác nhau. Quan văn từ chức khoa, đạo, quan võ từ tước quận công được mặc áo thanh cát, đều có lá phủ đằng sau, ngoài ra, không được tiếm lạm.

Giáp Ngọ, [Thịnh Đức] năm thứ 2 [1654], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 8; Thanh Thuận Trị năm thứ 10). Bấy giờ, bộ Lại thuyên bổ các chức trong ngoài, giao xuống cho triều thần nghị bàn. Những người dự khoa sĩ vọng đỗ ba trường **[44b]** và con cháu công thần đều được lục dụng. Nếu có người lạm vượt, chưa đủ lệ thi Đình bãi cả.

Ất Mùi, [Thịnh Đức] năm thứ 3 [1655], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 9; Thanh Thuận Trị năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, bọn bồi tụng Lễ khoa đô cấp sự trung Quế Hài tử Lê Sĩ Triệt, Công khoa cấp sự trung Thọ Quế nam Phan Kiêm Toàn xin đặt thêm quan đốc đồng ở hai trấn dinh tả hữu để coi giữ miền biên giới và bàn cấp lương thực cho quân lính.

Tháng 3, cho Hồng lô tự khanh Quế Lâm nam Trần Ngọc Hậu làm đốc đồng tả trấn quân dinh, Lễ khoa cấp sự trung Đông Hà nam Vũ Lương làm đốc đồng hữu trấn quân dinh.

Mùa hạ, tháng 4, Nguyễn Phúc Tần ở Thuận Hoá tự xưng là Thái uý Dũng quốc công, sai bè đảng là bọn Thuận Nghĩa, Chiêu Vũ đánh úp, phá được viên thuộc tướng tả trấn **[45a]** là Mậu quốc công Phạm Tất Toàn ở châu Bố Chính. Tất Toàn đem châu ấy đầu hàng giặc. Bọn giặc lại thừa thắng tiến đánh bọn Tả trấn Tiến quận công Lê Văn Hiểu, Hữu trấn Đông quận công Lê Hữu Đức ở miền Hà Tây, huyện Kỳ Hoa[1]. Văn Hiểu đem quân bản bộ liều sức đánh, chân trúng đạn, thế không địch nổi, cùng với Hữu Đức rút chạy. Ngày hôm ấy, Văn Hiểu, Hữu Đức và thuộc tướng hai dinh chạy ra An Trường[2] huyện Chân Phúc[3]. Bọn giặc lấn vào đất Thạch Hà. Hôm sau, Văn Hiểu và Hữu Đức lại đem thuộc tướng tiến vào đóng quân ở xã Đại Nại, huyện Thạch Hà để làm kế chống giữ.

Tháng 5, cho gọi Lê Văn Hiểu, Lê Hữu Đức và các thuộc tướng về Kinh. Đi được nửa đường, Văn Hiểu bị đau vì vết thương mà chết.

Tháng 6, xét tội thua trận, **[45b]** truy thu lại sắc ấn và binh dân của Lê Văn Hiểu, giáng Lê Hữu Đức làm đô đốc thiêm sự, bọn thuộc tướng Lê Thì Hiến, Trịnh Bính đều bị bãi chức tước và thu hồi dân lộc, bọn Lê Văn Hy, Vũ Bách Phúc bị truất làm binh lính, Lê Văn Dương bị sung quân. Giáng Đốc đồng Trần Ngọc Hậu làm Thượng bảo tự khanh, Vũ Lương làm Công khoa cấp sự trung Giám hộ Vũ Tự Khoát làm tham nghị xứ Nghệ An. Người châu Bố Chính là Nguyễn Tất Thú không theo Phạm Tất Toàn hàng giặc, giữ bền tiết làm tôi, cho thăng chức tước.

---

[1] Huyện Kỳ Hoa: sau là huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Cương mục Q.32 và Đại Nam thực lục tiên biên đều chép là bọn Lê Văn Hiểu đóng ở Hà Trung (bấy giờ Hà Trung là trấn lỵ của Nghệ An). Toàn thư chép là Hà Tây là lẽ lầm.

[2] An Trường: tên xã, nay là khu vực thành phố Vinh.

[3] Chân Phúc: sau là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Tháng ấy, sai Thái bảo Khê quận công Trịnh Trượng làm thống lĩnh, bồi tụng Lại bộ tả thị lang Diễn Thọ bá Nguyễn Văn Trạc làm đốc thị, Lại khoa đô cấp sự trung Nghĩa Giang nam Nguyễn Tính làm phó đốc thị, đem 18 viên thuộc tướng đến thẳng đất Nam Hà[1] xứ Nghệ An tiến đánh Thuận **[46a]** Hoá.

Bấy giờ có thanh gươm Công Nguyên sắc bạc, biến thành sắc đồng. Phạm Công Trứ dâng tờ khải rằng: "Đó là việc lạ, không thể coi thường mà không chú ý. Nay trong nước quen thói tô điểm văn chương. Quân sĩ đói khát mà không biết xót thương, chỉ biết đem vàng bạc mà trang sức quân khí, chuyên chuộng xa hoa, đến nỗi gươm biến thành sắc đồng. Có lẽ đó là lòng trời răn bảo, cho chóng sửa đổi để làm những việc thực sự chăng. Kính xin nhân việc này mà sửa đổi, bỏ trang sức bằng bạc, dùng bạc làm lương quân, chỉ dùng đồng hay sơn cho đồ binh khí được bền chắc, cũng có thể để ứng với điềm ấy mà làm tốt việc binh, chấn hưng việc võ bị".

Mùa thu, tháng 8, Trịnh Trượng đem đại binh tiến đến huyện Kỳ Hoa, đóng tại miền Hà Tây rồi lui về xã Lạc Xuyên[2]. Quân giặc bức sát, các quân thua chạy, vứt bỏ hết các thứ quân nhu, khí giới. Thuyền giặc vào cửa biển Kỳ La[3]. Vũ Văn Thiêm **[46b]** dời thuyền ra đóng ở cửa biển Đan Nhai[4]. Thuyền giặc vào cửa biển Nam Giới[5], Nguyễn Hữu Sắc nghe tin bỏ chạy, Lê Nhân Hậu vừa đánh vừa lùi. Trịnh Trượng cùng các tướng chạy đến đất An Trường, huyện Chân Phúc đóng dinh. Lại chia quân đóng đồn ở Bắc Hà[6] từ Nghĩa Liệt[7] đến cửa biển Đan Nhai để ngăn giặc. Khi ấy, con Đặng Minh Chế là Đặng Minh Tắc đầu hàng giặc, giặc mới thừa thế tiến đến đất Bân Xa huyện Thiên Lộc[8]. Miền Nam Hà vì thế rối loạn.

Tháng ấy, Vương tâu vua sai Tây Định Vương Trịnh Tạc đích thân đem tướng sĩ các dinh tiến đánh bọn giặc.

Tháng 9, đại binh tiến đến xứ Nghệ An, đóng tại xã An Trường, huyện Chân Phúc.

Xét tội thua trận ở Lạc Xuyên. Xử chém La Đức Đại, Nguyễn Hưng Nhượng; thắt cổ giết Tạ Thế Bảo, bãi chức tước của Trịnh Bá, Lê Hữu Lễ, giáng Trịnh Trụ làm đô đốc **[47a]** đồng tri. Lại vì xá lại là Đỗ Công Khôi và Trần Hữu Tài quan sát chiến trận lại thiên vị, lấy lỗi làm công, đều xử chặt ngón tay. Lại xét công tội của quân thuỷ. Lấy Vũ Văn Thiêm làm tả đô đốc, phục lại chức tước cho Trương Đắc Thọ là Trình quận công, biếm chức tước của Nguyễn Hữu Sắc.

Mùa đông, tháng 10, sai Tả đô đốc Ninh quận công Trịnh Toàn[9] làm thống lĩnh, Bồi tụng thiêm đô ngự sử Phụng Trì nam Lê Đình Dự làm đốc thị, Giám sát ngự sử Trịnh Thế Tế làm phó đốc thị, Đô đốc đồng tri Đương quận công Đào Quang Nhiêu làm đốc suất; Bồi tụng Hộ khoa đô cấp sự trung Thọ Lĩnh bá Phan Hưng Tạo làm đốc thị, Giám sát ngự sử Nguyễn Tá Tướng làm phó đốc thị, Đô đốc thiêm sự Đông quận công Lê Hữu Đức làm đốc suất, Bồi tụng Công khoa cấp sự trung Thọ Quế nam Phan Kiêm Toàn làm **[47b]** đốc thị. Lại sai Tả đô đốc Lũng quận công Vũ Văn Thiêm đốc suất thuỷ quân, lấy Lại bộ hữu thị lang Thọ Lâm nam Dương Hồ làm đốc thị, chia đường đánh giặc. Khi tiến đến đất Kỳ Hoa thì quân giặc tự rút lui.

---

[1] Nam Hà: chỉ miền phía nam sông Lam.

[2] Lạc Xuyên: tên xã, thuộc huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh.

[3] Kỳ La: cửa biển thuộc huyện Cẩm Xuyên, còn gọi là cửa Nhượng Ban.

[4] Đan Nhai: tức cửa Hội Thống hay Cửa Hội, cửa sông Lam đổ ra biển.

[5] Nam Giới: tức cửa Sót, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

[6] Bắc Hà: chỉ vùng đất phía bắc sông Lam.

[7] Nghĩa Liệt: tên xã ở chân núi Lam Thành (còn gọi là rú Thành) khi ấy là trấn thị của xứ Nghệ An.

[8] Thiên Lộc: sau là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

[9] Trịnh Toàn: là con út của Trịnh Tráng.

Tháng 11, bọn Trịnh Toàn, Đào Quang Nhiêu, Lê Hữu Đức rút quân về An Trường. Tây Định Vương hạ lệnh cho các tướng đem quân về Kinh, lưu lại Vũ Văn Thiêm làm trấn thủ, Dương Hồ làm đốc thị, Đào Quang Nhiêu làm đồn thú, Phan Hưng Tạo làm đốc thị, lĩnh các tướng dưới quyền đóng dinh ở An Trường, huyện Chân Phúc. Lại sai thuộc tướng là Đề đốc Nam quận công Thân Văn Quanh, tham đốc Lại quận công Mẫn Văn Liên, cai đội là bọn Nguyễn Văn Khuê, Lê Văn Tiến, Lê Văn Hy đóng đồn ở Tiếp Vũ (tên xã), Lăng quận công Lại Thế thì đóng đồn ở Minh Lương (tên xã)[1] để chống giữ bọn giặc.

[48a] Tháng 12, lấy Trịnh Toàn làm thiếu bảo, mở dinh gọi là Tả dực nội quân, ban cho ấn của dinh.

Bính Thân, [Thịnh Đức] năm thứ 4 [1656], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 10; Thanh Thuận Trị năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, bọn Thân Văn Quanh, Mẫn Văn Liên, Nguyễn Như Khuê, Lê Văn Tiến, Lê Văn Hy bị giặc đánh úp thua chạy. Bọn giặc thừa thắng lại ra sông Tam Chế[2] giáp đánh thuỷ quân. Vũ Công Quang xông lên trước giáp trận, liều sức phá giặc. Lê Sĩ Hậu tiếp cứu; dồn sức bắn trúng voi giặc. Vũ Văn Thiêm sai Phạm Công Thắng lên bờ bắn kẹp vào, chém được ngà voi giặc. Tháng ấy, xét công. Cho Sĩ Hậu làm đề đốc, Công Quang làm tham đốc, Trình Phú hầu.

Sai Thiếu bảo Trịnh Toàn thống lĩnh các tướng trấn giữ Nghệ An, bọn Vũ Văn Thiêm, Đào Quang Nhiêu đều thuộc dưới quyền. Lấy Lại khoa đô cấp sự trung Ngô Sĩ Vinh và Binh khoa cấp sự trung Vũ Vinh Tiến **[48b]** làm đốc thị.

Mùa hạ, tháng 5, giặc vào cửa biển Nam Giới đánh úp. Bọn Lê Sĩ Hậu, Nguyễn Hữu Sắc, Bùi Sĩ Lương, Thái Bá Trật đều thua chạy, bỏ cả thuyền ghe, súng đạn, khí giới. Giặc lại vào cửa biển Đan Nhai. Bọn Văn Thiêm sức không địch nổi cũng bỏ thuyền chạy. Giặc ập tới vây Đào Quang Nhiêu ở xã Hương Bộc, huyện Thạch Hà, Trịnh Toàn đốc các tướng tiến lên, bày trận ra sức đánh. Thấy thế giặc đương hăng, Toàn lấy cờ bản mệnh trao cho Đốc thị Dương Hồ. Hồ sôi sục lòng trung nghĩa, cưỡi voi lên trước, vẫy các quân thẳng tiến. Toàn đốc thúc quân kỵ xông lên đánh. Thế là bọn Quang Nhiêu mở toang cửa luỹ ra đánh. Giặc thua chạy. Quan quân đánh kẹp vào đất Đại Nại (Đại Nại là tên xã, thuộc huyện Thạch Hà), đuổi giết rất nhiều giặc, thu được voi ngựa, khí giới, súng đạn nhiều không kể xiết. Toàn lại đem **[49a]** thuộc tướng về đóng ở An Trường[3].

Tháng [5] nhuận, xét công thắng trận ở Đại Nại. Phong Trịnh Toàn làm khâm sai tiết chế thuộc thuỷ bộ chư dinh kiêm hành hạ phủ trị Nghệ An đạo phó đô tướng thái uý Ninh quốc công, mở phủ Dương Uy; Đốc thị Dương Hồ làm Công bộ tả thị lang Thọ Lâm bá, Ngô Sĩ Vinh làm Quang lộc tự khanh, Lý Hải hầu, Phạm Hưng Tạo làm Thái bộc tự khanh Thọ Lĩnh hầu, Vũ Vinh Tiến làm Hộ khoa đô cấp sự trung Lệ Hải tử. Thăng Đào Quang Nhiêu làm thiếu bảo, Lê Thì Hiến làm đô đốc đồng trị, Nguyễn Nghĩa Chẩn, Mẫn Văn LIên làm đô đốc thiêm sự; Đặng Thế Công, Hoàng Nghĩa Giao, Đinh Văn Tả, Lê Văn Tiến, Đào Thế Tiên, Lê Văn Long, Mai Văn Hiếu làm đề đốc; Ngô Văn Sĩ, Lê Đăng **[49b]** Nhiệm, Lê Công Triều làm tham đốc. Cho Nguyễn Hữu Tá tước quận công. Lấy Dương Quỳnh, Nguyễn Thế Tế, Nguyễn Tiến Kiên làm thự vệ sự.

Lại xét tội thua chạy. Giáng Vũ Văn Thiêm làm hữu đô đốc, Nguyễn Văn Yến làm tham đốc, đều thu lại một nửa số binh dân. Bãi chức tước của Nguyễn Hữu Sắc. Bọn Lê Sĩ Hậu, Trương Đắc Thọ, Nguyễn Đức Dương, Đỗ Lễ vì liều sức đánh lâu, nhưng quân trơ trọi không chống lại được nên được miễn tội. Truy xét những người chết trận. Tặng Doãn Năng là đô đốc đồng tri Táo quận công, cấp ruộng tế, dâng lộc, cho lập đền thờ. Tặng Bùi Sĩ Lương làm tham đốc Thọ quận công; Thái Bá Đào làm thự vệ sự Diễn quận công; Nguyễn Văn Tú là đề đốc Thông quận công, đều cấp ruộng tế và dâng lộc để thờ.

Lấy thế tử của Tây Định Vương là Trịnh Căn làm phó đô tướng thái bảo Phú quận công, mở **[50a]** dinh gọi là Tá quốc dinh ban ấn Tá Quốc tướng quân; con thứ là Trịnh Đống làm thiếu phó Vũ quận công, mở dinh gọi là Trung khuông quân, ban ấn của dinh; Trịnh Kiều làm thiếu bảo Văn quận

[1] Các xã Tiếp Tu và Minh Lương thuộc huyện Thiên Lộc, nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Sông Tam Chế: khúc sông Lam chảy qua xã Tam Chế, huyện Nghi Xuân.

[3] Sử nhà Nguyễn như bộ Đại Nam thực lục tiền biên miêu tả trận này như một thắng lợi của chúa Nguyễn.

công. Cho Trịnh Lệ làm phó đô tướng thái bảo Thọ quận công, Trịnh Tu làm phó tướng thiếu uý Tấn quận công.

Tháng 6, sai Tá quốc dinh phó đô tướng Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn thống lĩnh các tướng đến xứ Nghệ An hiệp đồng với Ninh quốc công Trịnh Toàn đánh giặc.

Ngày 18, tiến đến An Trường đóng dinh. Cho Thái bộc tự khanh Phan Hưng Tạo và Lễ khoa cấp sự trung Dũng Xuyên nam Trần Văn Tuyển làm đốc thị.

Tháng 9, sai Thái bảo Thọ quận công Trịnh Lệ làm thống lĩnh, Hình khoa cấp sự trung, Hộ khoa cấp **[50b]** sự trung Phùng Viết Tu làm đốc thị, đều đem sở thuộc đến Nghệ An tiếp ứng.

Mùa đông, tháng 10, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Đình Trụ 6 người.

Tháng 11, các quân đồn trấn đều tiến qua Nam Hà. Ninh quốc công Trịnh Toàn đóng quân ở Quảng Khuyến, Thái bảo Phú quốc công Trịnh Căn đóng quân ở Bạt Trạc (Quảng Khuyến và Bạt Trạc là tên hai xã thuộc huyện Thiên Lộc), đều sai các quân đào hào đắp luỹ, chia giữ các nơi hiểm yếu, bí mật sai người đi dò thám tình hình giặc để biết rõ hư thực. Khi ấy, Tiết chế Trịnh Toàn cậy công tự phụ, ngầm có ý khác, ngày đêm vỗ nuôi tướng sĩ, phân phát bạc vàng, không có hạn độ, rồi tự tiện đem quân về Trường An. Thống lĩnh quan phó đô tướng Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn dò biết ý Toàn, cũng đem các quân về Phù Long (tên xã, thuộc huyện Hưng Nguyên) sửa sang **[51a]** dinh luỹ để xem động tĩnh.

Tháng 12, thi Điện, cho bọn Nguyễn Đình Trụ đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Đinh Dậu, [Thịnh Đức] năm thứ 5 [1657], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 11; Thanh Thuận Trị năm thứ 13). Mùa hạ, tháng ?, ngày 16, Đại nguyên soái thống quốc chính thượng chủ sư phụ công cao thông đoán nhân thánh Thanh Vương mất. Truy tôn phong làm Nghị Vương, thuỵ hiệu là Long Tự.

Bấy giờ Trịnh Toàn âm mưu phản nghịch đã lộ. Thủ hạ là Trịnh Bàn, Trương Đắc Danh sợ vạ đến mình, trốn trước đầu hàng giặc, do đó, quân lính tan rã, các thuộc tướng đều hướng theo dinh Tá quốc cả. Toàn không biết làm thế nào, mới sai người mang voi ngựa khí giới bản bộ dâng tại cửa quân và có ý xin đoái thương. Quan thống lĩnh là Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn nhân lấy lẽ thuận nghịch xưa nay **[51b]** dụ bảo và nói: "Việc đã như thế, phải tự mình về cửa khuyết đợi mệnh". Toàn nghe nói, trong lòng sợ hãi, tự liệu không thể khỏi tội, mới miễn cưỡng về Kinh. Bèn giao xuống cho đình thần xét hỏi, rõ hết tội trạng. Vương cho Toàn là người chí thân, không nỡ giết, bèn tâu xin an trí trong ngục.

Trước đó, Trịnh Toàn ngầm mưu làm loạn ở trong, lại có giặc Nguyễn xâm lấn ở ngoài, lòng người nao núng, vận nước gian truân. Bấy giờ Thống lĩnh quan phó đô tướng Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn giỏi mưu hùng đoán, trấn phục lòng người, cho nên ngăn chặn ác nghịch lúc manh nha, tiêu diệt giặc cướp khi hung dữ, khiến cho lòng người không lay, nước nhà yên tĩnh. Thế thái sơn, bàn thạch từ đây càng thêm vững vàng.

Tháng 5, lấy Lê Thì Hiến làm hữu đô đốc và bãi chức tước của Ngô Sĩ Vinh, vì Thì Hiến biết **[52a]** bỏ Trịnh Toàn về với dinh Tá quốc trước, còn Sĩ Vinh làm đốc thị mà không tố cáo trước.

Lấy Hoàng Nghĩa Chẩn làm đô đốc đồng tri. Tháng ấy cho thống lĩnh quan phó đô tướng thái bảo Phú quận công Trịnh Căn kiêm phủ trị xứ Nghệ An, thiêm sai Phạm Kiêm Toàn làm đốc thị.

Tháng 6, Thống lĩnh quan phó đô tướng Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn sai bọn Lê Thì Hiến, Hoàng Nghĩa Giao, Đặng Thế Công đều đem các quân chia đường vượt sông. Thì Hiến ra quân theo đường chính, bên tả thì Nghĩa Giao, bên hữu thì Thế Công, đều tiến quân đánh giặc ở đất Nam Hoa (Nam Hoa là tên xã, thuộc huyện Thanh Chương)[1]. Thì Hiến và Nghĩa Giao mới đánh một trận đã phá được luỹ giặc. Các quân tranh nhau lập công tiến sâu vào, hàng ngũ lộn xộn, tự động vỡ chạy. Giặc thừa thế đuổi đến bờ sông. Thống lĩnh quan phó đô tướng Thái bảo **[52b]** Phú quận công Trịnh Căn sai lính

---

[1] Xã Nam Hoa sau là xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

nội hầu bắn vào, giặc vì thế phải rút lui. Đặng Thế Công ở chi bên hữu bắn ngang vào cự chiến. Bọn Mai Văn Hiếu, Lê Sĩ Hậu cũng sai thuỷ quân lên bờ ứng cứu. Giặc phải thua chạy.

Mùa thu, tháng 7, xét công thắng trận ở Nam Hoa. Cho thăng chức tước theo thứ bậc. Lấy Đặng Thế Công làm hữu đô đốc, Mai Văn Hiếu làm đô đốc đồng tri, Nguyễn Thụ, Cao Tài, Lê Sĩ Hậu đều làm đô đốc thiêm sự; Ngô Văn Sĩ, Nguyễn Tiến Kiên, Nguyễn Đức Dương làm tham đốc. Cho Lê Công Triều tước Bạt quận công. Đàm Cảnh Đề tước Tiến quận công, Nguyễn Như Khuê tước Bá quận công. Phục lại tước cũ Phố quận công cho Trịnh Bính. Cho Lê Phái làm đề đốc, Bùi Sĩ Trinh làm thự vệ sự.

Tháng 9, mưa gió to, bật cây đổ nhà. Nhân dân các huyện ở Thanh Hoa và miền dưới Sơn Nam **[53a]** bị hại, lúa má bị đổ cả.

Lại bộ thượng thư tri kinh diên sư kiêm Quốc tử giám tế tửu Thiếu phó Dương quận công Nguyễn Nghi chết, tặng thái phó, ban thuỵ hiệu là Cung Ý. Nghi cùng cha là Thục được tiến cử cùng một lúc, làm quan trong sạch, thận trọng, trải các chức quý hiển mà chỉ chuộng thanh liêm, giản dị, chăm lo việc bồi dưỡng nhân tài. Người đương thời ai cũng kính trọng.

Mùa đông, tháng 10, gia phong Thống lĩnh quan phó đô tướng, Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn làm thái phó; Trịnh Đống làm thiếu uý.

Tháng 11, gia ân cho các quan văn võ điều được thăng chức 2 bậc, tước 1 bậc.

Mậu Tuất, [Thịnh Đức] năm thứ 6 [1658], (Từ tháng 2 trở đi đổi là Vĩnh Thọ năm thứ 1; Minh Vĩnh Lịch năm thứ 12; Thanh Thuận Trị năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Nguyễn Tích làm tham thị ở Tá quốc dinh, Trịnh Đăng Đệ làm phó tham thị, cùng với Trần Văn **[53b]** Tuyển, Phan Kiêm Toàn đều hiệp đồng bàn giúp việc quân.

Tháng 2, đổi niên hiệu, lấy năm ấy làm Vĩnh Thọ năm thứ 1. Đại xá.

Mùa hạ, tháng 5, bấy giờ tiền bạc thường dùng trong nước, quan dân phát, nộp, mua bán, quen thói theo nhau kén chọn quá lắm, đến đây mới cấm: từ nay không được kén chọn. Người mua hàng cũng không được dùng lẫn tiền kẽm, tiền thiếc hay tiền gãy sứt. Từ đấy tiền hàng lưu thông, công tư điều tiện.

Khi ấy, dùng binh lâu ngày, tiêu dùng tốn kém. Hạ lệnh trong nước ai nộp thóc thì tuỳ theo số thóc nộp nhiều ít mà bổ quan chức theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 6, viên quan lang ở sách Trọng Hợp, huyện Quỳnh Lưu là Công Cẩn ngầm có lòng khác, lẻn đưa bọn giặc đi tắt theo chân núi đến xã Dương Hiệp, huyện Đông Thành. Dân địa phương rối động. Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn sai bọn Lê Văn Hy và Lưu Thế Canh đánh tan. Công Cẩn sau **[54a]** lại dồn tụ lại. Lại sai bọn Phạm Thạnh, Đàm Cảnh Khải đem quân đánh bắt được, đóng cũi giải về Kinh sư.

Mùa thu, tháng 7, giặc vượt sông, xâm lấn xã Mỹ Dụ, huyện Hưng Nguyên, Nguyễn Hữu Tá vì quân trong trại ít, không địch nổi, thua chạy. Lê Thì Hiến đem tướng hiệu sở thuộc hợp sức đánh, quân giặc lui về; bị chết đuối rất nhiều. Bèn bãi chức tước của Nguyễn Hữu Tá.

Tháng 8, xét công thắng trận ở Dương Hiệp. Cho Lê Văn Hy tước Hải quận công. Lấy Lưu Thế Canh và Lê Khắc Tông làm tham đốc, Phạm Thạnh làm đề đốc, Đàm Cảnh Khải làm tham đốc.

Tháng ấy, giặc vượt sông qua xã Bạch Đường, huyện Nam Đường[1], Đào Quang Nhiêu đem quân chống giữ. Khi ấy Hoàng Nghĩa Chẩn đi đánh giặc ở Đông Thành, trở về gặp giặc mà không biết ứng cứu, xử tội thắt cổ chết.

Mùa đông, tháng 10, sai quan khảo hạch các cống sĩ có đức vọng trong nước. Lấy đỗ hạng ưu bọn Nguyễn Thạnh, Đặng **[54b]** Duy Tinh, Nguyễn Duy Đoán 3 người, hạng trung bọn Hoàng Trực 19 người, đều ban cho bạc và áo, bổ nhiệm các chức trong ngoài theo thứ bậc khác nhau.

---

[1] Huyện Nam Đường: nay là huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ Tĩnh.

Tháng 11, sai Bồi tụng Nguyễn Năng Thiệu làm tham thị ở dinh Tá quốc.

Tháng 12, Thống lĩnh quan Thái phó Phú quận công Trịnh Căn sai đốc suất Đào Quang Nhiêu đem bọn Lễ Thì Hiến, Đặng Thế Công cùng với Phó tham thị Trịnh Đăng Đệ chia đường tiến đánh giặc ở xã Tuần Lễ, huyện Hương Sơn. Các đạo quân mở cờ dong trống mà tiến, giao chiến với giặc. Bọn giặc thua chạy, thu được thắng lớn. Đặng Thế Công chậm chạp ở sau, không được gì cả.

Kỷ Hợi, [Vĩnh Thọ] năm thứ 2 [1659], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 13; Thanh Thuận Trị năm thứ 15). Mùa xuân, tháng giêng nhuận, xét công thắng trận ở Tuần Lễ. Lấy Đào Quang Nhiêu làm phó tướng, thiếu uý, mở dinh gọi là Tả khuông quân, ban cho ấn dinh; **[55a]** Trịnh Đăng Đệ làm Hồng lô tự khanh, Lễ Phái tử; Lê Thì Hiến làm thiếu bảo; Đinh Văn Tả, Đàm Cảnh Kiên, Đào Thế Tiên, Lê Văn Đăng đều làm đô đốc đồng tri. Ngoài ra đều được thăng chức theo thứ bậc khác nhau. Giáng Đặng Thế Công làm đô đốc thiêm sự, vì cớ rụt rè không biết ứng cứu tiếp chiến.

Tháng 2, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Lê Thức 20 người.

Mùa hạ, tháng 4, thi Điện. Cho bọn Nguyễn Quốc Trịnh, Nguyễn Văn Bích, Nguyễn Văn Thực 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Mai Trọng Hoà 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Phạm Duy Chất 15 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 6, Nguyễn Đức Dương có tội bị giết. Đức Dương đóng đồn ở bờ sông, thông đồng mua bán với giặc, việc bị phát giác, xử tội chém.

Tháng 9, ngày mồng 2, tôn phong Nguyên soái chưởng **[55b]** quốc chính Tây Định Vương làm đại nguyên soái chưởng quốc chính Thượng sư Tây Vương.

Lời sách văn viết: "Kính cẩn như Ngu Thuấn để lo nghĩ sự cơ, mong đến thái hoà thịnh trị; thể theo sách Chu Quan mà ban cho sắc mệnh, lấy nghĩa quý trọng mà tôn sùng. Chọn được ngày lành, ban xuống sắc mệnh. Kính nghĩ. Dực vận tán trị công thần nguyên soái chưởng quốc chính Tây Định Vương Trịnh Tạc, anh hùng hơn đời cổ, trung hậu theo nếp nhà. Khiến ta nay khôi phục cơ đồ, trong sửa chính sự, ngoài dẹp di địch, là nhờ có chủ soái giúp yên xã tắc. Công trùm vũ trụ, đức sánh đất trời. Danh vọng đã khắp đến nhân dân, tước vị nên ở bậc Vương thượng. Đặc sai đặc tiến Kim tử vinh lộc đại phu Công bộ thượng thư Dĩnh Xuyên hầu Nguyễn Hậu Quyến cầm phù tiết mang sách vàng, ấn vàng tiến tôn làm Dực vận tán trị công thần đại nguyên soái chưởng quốc chính Thượng **[56a]** sư Tây Vương. Mong rằng: Nhận được ân hậu, kính giữ tiếng hay, giúp đỡ nhà vua muôn năm bền mãi. Lâu dài nghiệp chúa, muôn thuở khôn cùng. Vương hãy kính theo".

Mùa đông, tháng 10, vua đích thân hỏi thi khoa Đông các. Lấy đỗ bọn Nguyễn Đăng Cảo, Hồ Sĩ Dương, Nguyễn Thiêm, Phạm Duy Chất, Bùi Đình Viên 5 người, bổ làm các chức Đông các đại học sĩ, học sĩ, hiệu thư.

Canh Tý, [Vĩnh Thọ] năm thứ 3 [1660], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 14; Thanh Thuận Trị năm thứ 16). Mùa hạ, tháng 4, cấm các đại thần văn võ và tướng sĩ các dinh cơ không được thác cớ bắt người trong Kinh kỳ.

Tháng 5, có chiếu sửa duyệt hộ tịch.

Bọn Tham tụng Dương Trí Trạch, Phạm Công Trứ dâng sớ nói về việc thuế khoán làm trường và cung đốn các thứ cho trường thi Hương, nên đơn giản kiệm ước, để bớt phí tổn cho dân. Lại dâng sớ nói rằng: **[56b]** Thuật trị nước là có văn, có võ, đạo trí trị phải thưởng phạt công minh. Các võ tướng phải xông pha chống giặc, bảo vệ nước nhà, nếu biết ước thúc nghiêm minh liều mình gắng sức, để làm nên sự nghiệp công lao thì tuỳ theo mức độ công lao mà xét thưởng. Nếu có kẻ dùng dằng nhát sợ, hành quân trái luật thì trị tội theo quân pháp. Luật khuyến khích, răn trừng như vậy, thật đã rất nghiêm. Còn văn thần thì phải giúp vua, thương dân, để tô điểm thái bình. Nếu biết thận trọng thanh liêm, chăm việc, ngay thẳng, công bằng, xứng với chức vụ thì tuỳ theo chính tích tốt đẹp ra sao mà khen thưởng. Nếu có ai thừa hành công việc hoặc xét hỏi kiện tụng mà không sửa đổi lỗi trước, lại bẻ cong luật pháp, ăn của đút lót, để chậm quá kỳ hạn, xét xử không đúng, vào bè kết đảng, vì ân nghĩa riêng mà nhận lời thỉnh

thác, làm nhiều điều nhũng nhiễu, đến nỗi nát chính hại dân, **[57a]** tội nhẹ thì xử giáng bãi chức, tội nặng thì xử theo quân pháp, để trừ bỏ thói tệ, giữ nghiêm phép nước. Vua[1] nghe theo.

Tháng ấy, cấm lấy người nhỏ yếu để tăng quân. Giảm bớt các khoản biểu, bài thuộc hộ khẩu.

Mùa thu, tháng 8, Nguyễn Phúc Tần ở châu Hoá sai bè lũ là bọn Thuận Nghĩa, Chiêu Vũ vượt sông xâm phạm Mỹ Dụ (tên xã, thuộc huyện Hưng Nguyên).

Trịnh Kiêm thua chạy, Trịnh Lương chỉnh đốn binh mã chống đánh. Em Lương là Trịnh Đường chết tại trận. Giặc nhân thế bức tới Hoa Viên (tên xã)[2]. Thống suất Trịnh Đống sai bọn Hoàng Nghĩa Giao tiếp chiến, phá được. Giặc bị chết đuối rất nhiều, lui về chiếm giữ Nam Hà.

Tháng ấy, sai bọn Mẫn Văn Liên, Trịnh Liễu, Trịnh Thế Khanh đều đem quân bản bộ vào xứ Nghệ An thuộc Thống lĩnh quan sai phái đi đánh giặc.

Bấy giờ, thế giặc hung dữ, cách sông đối luỹ với quan quân. Thống lĩnh quan Phú quận công **[57b]** Trịnh Căn nghĩ ra một kế dành thắng lợi. Trước hết dàn bày thế trận cho giặc không biết phòng bị mặt nào.

Tháng 9, ngày 11, sai thuộc tướng là Lê Thì Hiến và Hoàng Nghĩa Giao cùng bọn tham thị Trần Văn Tuyển, Phan Kiêm Toàn đều đem tướng hiệu chia làm hai đường: Bọn Hoàng Nghĩa Giao từ Âm Công (tên xã, thuộc huyện Hưng Nguyên) vượt sông mà tiến; bọn Lê Thì Hiến qua cửa biển Hội Thống mà tiến, đồng thời ước hẹn đến nửa đêm thì tiến đánh. Mờ sáng, Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn thân đem đại binh lên núi Dũng Quyết[3], chỉnh bày thế trận, đường đường uy vũ hiên ngang, xem xét quân cơ, chia sai quân tiếp chiến.

Bấy giờ bọn Nghĩa Giao và Kiêm Toàn vượt sông trước, chia sai tướng dưới quyền là bọn Nguyễn Đức Trung, Đàm Cảnh Khải tiến đánh tướng giặc Chiêu Vũ, cầm cự nhau ở xứ Hối Giang, tự đem tướng hiệu đánh phá luỹ giặc, đến thẳng núi An Lạc. **[58a]** Tiên phong Trần Công Bách liều sức đánh bị chết. Bọn Vũ Bách Phúc, Lê Văn Hy, Lưu Thế Canh thấy thế lùi chạy. Đinh Đức Nhuận, Nguyễn Đức Nhuận, Nguyễn Hoàng chết tại trận. Giặc thừa thế vây kín bốn mặt. Bấy giờ Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn vội sai thuộc tướng là bọn Trần Tiến Triều, Ngô Đình Xuân, Đỗ Lịch, Cao Huân đem lính nội hầu dưới quyền mình tiến đánh. Lại sai các đội thuỷ binh tiến qua bờ sông, hướng vào giặc bắn liên tiếp từ giờ Tỵ đến giờ Thân. Bọn giặc thua chạy. Khi ấy, bọn Thì Hiến, Văn Tuyển qua cửa biển Hội Thống, từ Tả Ao (tên xã) huyện Nghi Xuân tiến đánh gấp quân giặc. Thuộc tướng Mẫn Văn Liên chết trận. Bọn Mai Văn Hiếu, Trịnh Liễu, Phạm Thanh, Dương Quỳnh, Trịnh Thế Khanh lùi dần.

Bọn Thì Hiến, Văn Tuyển thúc quân thẳng tiến, phá được luỹ mạnh của giặc, phóng lửa đốt cháy doanh trại địch, **[58b]** đuổi đến xã Hoa Viên (thuộc huyện Nghi Xuân). Bọn giặc thấy bóng là tan vỡ. Bắt được voi ngựa, khí giới nhiều không kể xiết. Giặc thu tàn quân lui về giữ Nghi Xuân (tên huyện)[4].

Tháng ấy, truy tặng Mẫn Văn Liên làm thiếu bảo, Trần Công Bách làm hữu đô đốc, Đặng quận công; Đình Đức Nhuận làm đề đốc Dực quận công; Nguyễn Đức Nhuận làm đề đốc Ân quận công; Nguyễn Hoàng làm tham đốc Kiên Vinh hầu, đều truy phong làm phúc thần, lập đền thờ để nêu công chết trận. Giáng Mai Văn Hiếu làm đô đốc đồng tri, Trịnh Liễu làm đề đốc, Phạm Thạnh làm tham đốc, Dương Quỳnh làm thự vệ sự. Bãi chức tước của Trịnh Thế Khanh, Lê Văn Hy, Lưu Thế Canh. Chém Vũ Bách Phúc. Đều là trị tội họ lùi chạy mà Bách Phúc tội nặng hơn.

Trước đó, đảng giặc đương hăng, quan quân cầm cự với giặc đã lâu. **[59a]** Đến đây, thống lĩnh quan Phủ quận công Trịnh Căn hội các tướng bàn rằng: "Ta là gốc của nước, nhận uỷ thác chuyên việc

---

[1] Nguyên văn là chữ "thượng"; có thể hiểu là vua, cũng có thể hiểu là chúa (Trịnh Tạc).

[2] Nay là xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

[3] Núi Dũng Quyết: tức núi Quyết ở Bến Thuỷ, thị xã Vinh, tỉnh Nghệ An.

[4] Về trận này, Đại Nam thực lục tiền biên chép chi tiết hơn.

đánh dẹp, việc nhà quyền nước đều là trách nhiệm của mình, đến nay đã 6 năm mà chưa dẹp yên được, lòng ta rất hổ thẹn. Các ngươi có kế sách gì hãy trình bày cả ra".

Các tướng đều nói: "Minh công ra lệnh thế nào, chúng tôi đâu dám không tuân theo. Song cho được vạn toàn, không gì bằng mưu tất thắng của minh công".

Được một lát, các tướng đều lui ra. Còn một mình Công Bách ở lại sau, lại xin vào gặp. Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn cho gọi vào nhà riêng. Bách nhân đó nói: "Nay muốn phá giặc, nếu không xông vào nơi nước sôi lửa bỏng, ra vào chỗ nguy hiểm thì sao giành được chiến công toàn thắng? Nếu chỉ người này người kia nói khoe lời hão thì rất ít thành được việc".

Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn nói: "Ý ngươi muốn thế nào?".

Bách trả lời: "Lập Sơn (ở huyện Nghi Xuân) là **[59b]** chỗ phải cố tranh lấy, lấy được Lập Sơn trước thì phá giặc dễ thôi!".

Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn nói: "Ta từng lên núi Dũng Quyết xem kỹ hình thế, vẫn chú ý đến núi ấy. Nay những điều người nói chính là chữ "hoả" trong bàn tay của người xưa"[1].

Bách nhân đó xin làm tiên phong. Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn khen chí của Bách và cho làm. Đến khi đại quân qua sông, Bách một mình đến Lập Sơn trước. Giặc thấy ít quân, đem hết quân tới vây. Bách xông pha trong đám gươm giáo, quyết chí đánh, rồi bị hại. Bách là người nghiêm khắc, cương chính nhưng khảng khái có đảm lược, người đương thời ai cũng tiếc (Bách người xã Thiêm Lộc, huyện Ý Yên, nguyên họ Trần, được ban họ Trịnh).

Mùa đông, tháng 10, sai Trịnh Kiểm cùng với bọn Trần Lương Nho, Lê Tôn, Trịnh Phác, Trịnh Uy, Phạm Phúc Thiêm, Trịnh Tuyên, Cao Diên đến Nghệ An, biên thuộc vào Tá quốc dinh của Thống lĩnh quan, cho sai đi đánh giặc. Sai Lê Sĩ **[60a]** Triệt làm tham thị ở Tá quốc dinh, Trịnh Thế Tế làm phó tham thị, Hồ Sĩ Dương làm đốc thị ở Trung khuông quân dinh, Thân Toàn làm đốc thị ở Tả nội quân dinh (Trung khuông là dinh hiệu của Trịnh Đống, Tả nội là dinh hiệu của Trịnh Kiền).

Hạ lệnh trong nước đắp đường thiên lý để tiện việc đi lại.

Tháng 11, ngày 17, Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn sai bọn thuộc tướng Lê Thì Hiến, Hoàng Nghĩa Giao; tham thị Lê Sĩ Triệt, Nguyễn Năng Thiệu chia đường đi đánh giặc. Thì Hiến, Sĩ Triệt từ bờ biển qua đất Cương Gián (tên xã, thuộc huyện Nghi Xuân) tiến đi; bọn Nghĩa Giao, Năng Thiệu theo đường bộ qua các nơi Lũng Trâu, Mạn Trường (tên xã, thuộc huyện Thiên Lộc) tiến đi. Lại hạ lệnh cho thống suất và đốc suất các đạo điều chỉnh bị quân dưới quyền, ngày đêm cố sức đánh công kích bốn mặt. Tiếng thanh la và tiếng trống vang trời. Thế giặc rối loạn lung tung không biết trở tay ra sao.

[60b] Ngày 18, bọn Thì Hiến, Sĩ Triệt phá được quân giặc ở đất An Điềm (tên xã, thuộc huyện Thiên Lộc).

Ngày 19, bấy giờ, bọn Thì Hiến, Sĩ Triệt, Nghĩa Giao, Năng Thiệu hội quân tiến đánh, lại phá được giặc ở Phù Lưu Thượng (tên xã, thuộc huyện Thiên Lộc). Tướng sĩ thừa thắng đánh dấn, lại cả phá quân giặc, chém được rất nhiều thủ cấp giặc, thu được voi ngựa, khí giới của giặc nhiều không kể xiết. Giặc thua to chạy trốn, ta thu phục được hết 7 huyện Nam Hà. Hôm ấy, Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn cho chạy ngựa về dâng tờ báo tin thắng trận, đại lược nói: Nay trên nhờ uy trời, tuân theo mưu lược của miếu đường, ngày 17 tháng này, chia sai tướng sĩ do hai đường tiến đánh. Ngày 19, đánh nhau to với giặc ở đất Thiên Lộc, ba quân cố sức tranh lên trước, bọn giặc thấy bóng là vỡ chạy. Ta chém thủ cấp giặc, bắt sống binh sĩ giặc, thu được **[61a]** voi ngựa, khí giới của giặc dâng trước cửa quân nhiều không kể xiết. Hiện nay đương đem đại binh thắng tiến, thừa thắng ruổi dài, xin tâu trước tin thắng trận.

---

[1] Tào Tháo đem trăm vạn hùng binh tiến công nước Ngô. Tướng Ngô là Chu Du dựa vào sông Trường Giang, lập phòng tuyến Xích Bích để chống giữ, Chu Du cho mời Gia Cát Lượng, khi ấy là sứ thần của Lưu Bị vào hỏi kế phá quân Tào. Gia Cát Lượng thưa: "Tôi và tướng quân đều viết vào lòng bàn tay xem kế sách có giống nhau không". Kết quả là cả Chu Du và Gia Cát Lượng đều viết vào lòng bàn tay mình một chữ "hoả" nghĩa là dùng hoả công. Câu này ý nói mưu kế của hai bên trùng hợp nhau.

Tin thắng trận đưa về, Vương mừng lắm, tâu cho vua biết. Các quan đều vào chầu mừng.

Ngày 21, Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn đích thân chỉ huy các viên thống suất, đốc suất và quân các đạo thẳng tiến ruổi dài, đến tận cửa biển Nhật Lệ, cho quân nghỉ, hồi đồng các tướng, bàn xét các cấp chiến công, làm bản dâng lên[1].

Truy xét công những người chết trận. Tặng Đô đốc thiêm sự Quảng quận công Đào Thế Tiên làm thiếu bảo, cấp ruộng thờ[2], cho dân lập đền thờ (Thế Tiên người xã Ngọc Trục, huyện Từ Liêm).

Tháng 12, sai bọn Nguyễn Quốc Khôi, Nguyễn Công Bích, Phạm Duy Chất, Nguyễn Tông Lễ mang sách vàng tới trong quân, phong Thống lĩnh quan phó đô tướng Thái phó Phú quận công **[61b]** Trịnh Căn làm Khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiểm tổng chính bính Thái uý Nghi quốc công, mở phủ Lý Quốc, ban ấn bạc.

Lời kim sách viết: "Lên ngôi vua để coi dân, rộng mở vận thái bình thịnh trị; theo phép vua mà ban lệnh, kính xét nghĩa quý trọng tôn vinh. Chọn ngày tháng tốt, ban sắc mệnh lành. Nghĩ rằng: Phụng sai Thống lĩnh phó đô tướng Thái phó Phú quận công Trịnh Căn, bản tính nhân hậu, tài lược anh hùng. Nay ta nhờ chủ soái, trên giúp đức, dưới vì dân, giữ nước nhà thêm cơ nghiệp; khen người dòng nhà vương, văn người theo, võ giặc sợ, yên xã tắc thực nhiều công lao. Đức vọng đã thoả lòng dân khắp nước, tước vị phải đứng trên cả các quan. Đặc sai Tham tụng Lễ bộ thượng thư Yên quận công Phạm Công Trứ cầm phù tiết, mang sách vàng, ấn bạc, gia **[62a]** vinh phong làm Lý Quốc phủ khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bổ chư dinh kiêm tổng chính bính thái uý Nghi quốc công. Ngươi hãy kính theo thành mệnh, lập nhiều công to. Trông coi việc nước, thống lĩnh các quân, việc lớn nhỏ kính vâng xử quyết; quả quyết một lòng, giúp vua rèn đức, nền trị bình tới khắp trong ngoài. Để đáp lại lòng ta tin dùng, cho thoả lòng vương phụ uỷ thác. Cho cơ đồ nhà vua dài mãi, để sự nghiệp nhà vương lớn thêm. Ngươi hãy kính theo!".

Tân Sửu, [Vĩnh Thọ] năm thứ 4 [1661], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 15; Thanh Thuận Trị năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, Tiết chế thái uý Nghi quốc công Trịnh Căn đem quân về Kinh, lưu lại Đào Quang Nhiêu làm trấn thủ, Lê Sĩ Triệt, Hồ Sĩ Dương, Trịnh Thì Tế làm đốc thị, đem các tướng đóng ở đất Hà Trung, huyện Kỳ Hoa.

[62b] Tháng 3, ngày 18, Tiết chế thái uý Nghi quốc công Trịnh Căn tiến đến phủ Đại Khánh, trấn Thanh Hoa, thấy gần đến kỳ thi Hội, sai trước thuộc tướng là Lê Thì Hiến, Hoàng Nghĩa Giao cùng với bọn Tham thị Phan Kiêm Toàn tiến về Kinh trước để kịp theo hầu kỳ thi.

Ngày 28, Thái uý Nghi quốc công Trịnh Căn về đến Kinh sư, tới điện đình lạy chào. Vua vui mừng ân cần khen ngợi, uý lạo. Đến khi vào phủ lạy chào vương phụ, Vương mừng lắm, yên ủi về việc xông pha sương tuyết lâu năm, tiễu trừ nghịch tặc, thu phục bờ cõi, không phụ lòng uỷ thác.

Thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Trần Xuân Bảng 13 người. Đến khi thi Điện, cho Đặng Công Chất, Đào Công Chính, Ngô Khuê 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân; Trần Xuân Bảng, Lê Trí Bình 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Lê **[63a]** Nhân Kiệt 8 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa hạ, tháng 4, xét công dẹp giặc thu lại bờ cõi. Thăng Lê Thì Hiến làm phó tướng thiếu uý, mở dinh gọi là Tả trung quân, ban ấn dinh; Hoàng Nghĩa Giao làm phó tướng tả đô đốc. Lại cho bọn Trần Văn Tuyển, Nguyễn Năng Thiệu, Phan Kiêm Toàn có công bàn mưu bày kế, thăng Văn Tuyển làm Ngự sử đài đô ngự sử Xuyên quận công, Năng Thiệu làm Ngự sử đài phó đô ngự sử Dương quận công, Kiêm Toàn làm Lại bộ hữu thị lang Thuỵ quận công. Lại cho Lê Sĩ Triệt làm tham thị có công, thăng làm Hộ bộ tả thị lang Quế Hải hầu. Ngoài ra còn 26 viên thuộc tướng khác là bọn Lê Văn Long, Lê Văn Tiến, Lưu Thế Canh, Trần Công Vệ đều được thăng chức tước và thưởng cấp dâng lộc theo thứ bậc khác nhau. Lại cho là Trịnh Đống, Trịnh Kiền **[63b]** được sai đi thống suất chia giữ chỗ hiểm yếu có công, thăng cho Trịnh Đống là thái phó, Trịnh Kiền làm thiếu uý.

---

[1] Theo Đại Nam thực lục tiền biên: thì trong chiến dịch này, tướng Nguyễn là Nguyễn Hữu Tiến thấy quân Trịnh phản công thắng lợi, nhân bất hoà với Nguyễn Hữu Dật, bèn quyết định rút quân về.

[2] Nguyên văn là "cấp tự sự". Chữ "sự" có lẽ là do chữ "điền" viết lẫn.

Tháng 6, gia phong Hộ bộ thượng thư kiêm Hàn lâm viện thị giảng chưởng Hàn lâm viện sự Thiếu bảo Bạt quận công Dương Trí Trạch làm Lại bộ thượng thư quốc lão thái bảo cho về trí sĩ.

Sai triều thần định lại chế độ phẩm phục, hành nghi, đồ dùng của tước công và các quan văn võ.

Tháng 10 nhuận, Thượng sư Tây Vương cho là giặc Phúc Tần tuy bị thua tan trốn chạy về, nhưng vẫn chưa chịu đầu hàng, nộp cống, bèn đích thân phù đại giá của hoàng thượng đi đánh. Ủy cho Tiết chế thái uý Nghi quận công Trịnh Căn đốc quân đến thẳng cửa biển Nhật Lệ, sai Phó tướng thiếu uý Đào Quang Nhiêu làm thống suất, bọn phó tướng thiếu uý Lê Thì Hiến, Tả đô đốc Hoàng Nghĩa Giao đều làm thống suất, bọn bồi tụng Lê Sĩ Triệt, Trịnh **[64a]** Thì Tế, Thân Toàn làm đốc thị, chia ba đường tiến đánh.

Nhâm Dần, [Vĩnh Thọ] năm thứ 5 [1662], (Từ tháng 9 trở đi là Vạn Khánh năm thứ 1; Minh Vĩnh Lịch năm thứ 16; Thanh Khang Hy năm thứ 1). Mùa xuân, nước đầm xã Thịnh Liệt cạn khô đến hơn một khắc.

Tháng 2, xuống chiếu đem quân về. Khi ấy, Nguyễn Phúc Tần dựa vào thế hiểm cố thủ. Đại binh đến đóng lâu ngày, lương thực rất thiếu, hơn nữa, khí nóng đương dữ, ở lại lâu không tiện, bèn dụ các tướng đem quân trở về.

Tháng 3, xa giá về đến Kinh sư. Lại thấy giặc Mạc ở Cao Bằng đóng quân ở huyện Thất Tuyền làm náo động dân địa phương, bèn sai Phó tướng thiếu uý Vân quận công Trịnh Kiền làm thống lĩnh, Thiêm đô ngự sử Phùng Viết Tu làm đốc thị đem quân tiến đánh. Bọn giặc nghe tin chạy trốn.

Đông các đại học sĩ Nguyễn Đăng Cảo bị bãi chức. Cảo nổi tiếng về văn chương, nhưng tính hạnh khác thường, làm quan hay lập dị **[64b]** không thận trọng giữ chức, vì thế phải bãi chức.

Mùa hạ, tháng 5, sai Tham tụng Lễ bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ thiếu bảo Yên quận công Phạm Công Trứ trông coi dân tạo lệ của Quốc tử giám để phục dịch. Bấy giờ điện đường và cung tường trong ngoài của nhà Quốc học nhiều chỗ dột nát, hoang rậm, Công Trứ sửa sang thêm, nên quy mô chế độ dần dần lại lộng lẫy. Lại cứ đến ngày mồng một và ngày rằm hàng tháng, thì đại hội các học trò để học tập. Từ đấy, nho phường được thêm dóng dả, nhân tài nhiều người thành đạt.

Phó tướng tả đô đốc Hoàng Nghĩa Giao chết. Nghĩa Giao là bậc tướng giỏi, con nhà gia thế, trung nghĩa trí dũng, vâng mệnh đi đóng giữ lâu ngày, nhiều lần phá trận giặc; có công với nước. Đến đây chết, thọ 40 tuổi, tặng thái bảo, ban thuỵ hiệu là Dũng Lược, được phong làm phúc thần, lập đền thờ cúng. (Nghĩa Giao người xã Hoàng Vân, huyện Kim Động).

Sai bọn Bồi tụng Hồ Sĩ Dương **[65a]** lên cửa quan đón tiếp sứ thần phương Bắc.

Mùa thu, tháng 7, quan trí sĩ Dương Trí Trạch chết, tặng thái tể.

Tháng 8, trời mưa lâu không ngớt.

Tháng 9, vua nhiễm bệnh ung thư, xuống chiếu đổi niên hiệu là Vạn Khánh năm thứ 2. Đại xá.

Khi ấy, vua chưa khỏi bệnh, nhân có chỉ dụ Thượng sư Tây Vương rằng: "Ngày trước, vì con nối chưa có, nên lấy người họ khác là Duy Tào lập làm hoàng thái tử. Nay nhân lo việc về sau, trên sợ anh linh của thánh tổ thần tông ở trên trời, không dám đem ngôi lớn khinh suất phó thác cho người khác. Duy Tào hãy phế đi, cho theo về họ mẹ. Nay con đích là Duy Vũ 9 tuổi, dần đã trưởng thành, mong nhờ Vương giúp đỡ nên người để nối nghiệp lớn, yên lòng thần dân.

Vương cho là việc này rất hệ trọng, liền sai các quan văn võ đều vào thềm son đợi mệnh, rồi uỷ cho bọn Tham tụng Lễ bộ **[65b]** thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ thiếu bảo Yên quận công Phạm Công Trứ, Hữu đô đốc kiêm thái giám Bái quận công Lê Viết Đăng. Hằng quận công Lê Đăng Tiến vào chỗ vua nằm để trực tiếp nhận cố mệnh. Vua khẩn khoản hiểu dụ hai ba lần, như lời dụ trước. Bọn Công Trứ đem lời vua dặn nói lại cho Vương biết. Thế rồi Vương và các quan tôn lập hoàng tử Duy Vũ làm hoàng thái tử, phế Duy Tào làm thứ nhân theo về họ mẹ.

Lại sai Hồ Sĩ Dương cùng với bọn Hàn lâm đãi chế Nguyễn Danh Thực lên cửa quan đợi mệnh.

Ngày 22 vua băng.

Thiêm đô ngự sử Phùng Viết Tu bẻ cong phép nước, ăn của đút lót. Việc phát giác, xử tội thắt cổ chết. Thừa chính sứ Sơn Tây Quách Đồng Đức cũng vì tội hối lộ bị bãi chức. Án có liên quan đến đồng tri phủ Trương Văn Lĩnh, khi còn trị nhậm ở phủ Quốc Oai có nhận của đút, phải xử **[66a]** tử. Văn Lĩnh đã ngoài 70 tuổi cũng đem hành hình, người đương thời ai cũng thương.

Mùa đông, tháng 11, hoàng thái tử lên ngôi hoàng đế. Đại xá. Lấy năm sau làm Cảnh Trị năm thứ 1.

Ban chiếu rằng: "Ta nghe: đạo trời vận chuyển ở trên, phải phát ra khí âm, móc nhuần để muôn loài tươi tốt; làm vua lên ngôi buổi mới, tất ban xuống phúc lành, ơn rộng, cho tỏ khắp gần xa. Chốn chốn hiểu thông, nơi nơi nghe biết. Nước nhà ta, dựng nước lấy nhân, được dân có đạo. Thái Tổ Cao Hoàng Đế lấy võ dẹp loạn, lấy văn giữ nước, nhờ hiền thần mà mở rộng quy mô sáng nghiệp; liệt thánh hoàng đế, dùng nhân cố kết, lấy lễ duy trì, dựa đức lớn mà giữ vững cơ đồ đã sẵn. Dẫu nhất thời gặp ách gian truân, song vận cả trùng hưng lại tới. Trang Tông Dụ Hoàng Đế, Trung Tông Vũ Hoàng **[66b]** Đế dấy quân khởi nghĩa, thu phục Kinh thành, mà tôn lập nhà vua đều do Thế Tổ Thái Vương mưu thần kế giỏi, Thế Tông Nghị Hoàng Đế, Kính Tông Huệ Hoàng Đế hoàn thành nghiệp lớn, đóng tại Trung Châu, mà phù trì chính thống dựa nhiều Thành Tổ Triết Vương đức thánh công cao. Quy mô sáng hơn cả người xưa, cơ nghiệp truyền mãi cho con cháu. Đến hoàng phụ ta, vâng chịu mệnh cả, nối giữ nghiệp to. Trên theo quy mô của thánh tổ thần tông sáng nghiệp thủ thành, kính tuân cương kỷ; trước nhờ công lao của Văn Tổ Nghị Vương giữ gìn giúp đỡ, dấy vận trị bình. Đức trung chính muốn cương kiện tiến lên; học cao minh mong bồi dưỡng thêm tốt. Thực nhờ Đại nguyên soái chưởng quốc chính Thượng sư Tây Vương hun đúc đào tạo nên đức tốt tinh thuần và Khâm sai tiết chế các xứ **[67a]** thuỷ bộ chư dinh kiêm tổng chính bính Thái uý Nghi quận công giúp rập khuyên can mà nên chính trị tốt đẹp. Bốn mươi tư năm, vô tri mà trị, ức triệu dân đều sống thoả lòng. Nay vừa khi tuổi già sức mỏi, lo việc lớn ký thác con côi. May nhờ Đại nguyên soái chưởng quốc chính Thượng sư Tây Vương đức trung thành đã rõ, công giúp sức có nhiều, y lời khải của phủ Tiết chế, theo lời xin của đại thần văn võ trăm quan, tôn lập trẫm lên ngôi hoàng đế. Trẫm đương có tang, tự nghĩ tuổi nhỏ khó gánh vác nổi. Song lại nghĩ tới ngôi lớn của tông miếu, gánh nặng của xã tắc, không thể từ chối, phải kính cẩn tôn thừa. Nên ngày tháng này, năm này đã lên ngôi hoàng đế, đại xá, đổi niên hiệu, lấy năm Quý Mão sang năm làm Cảnh Trị năm thứ 1. Mong nhờ đại thần văn võ trăm quan sửa sang giúp đỡ, cho nên **[67b]** đức tốt, để giữ trọng trách của trời đất tổ tông phó thác, để thoả lòng thần dân trong ngoài trông mong. Ôi, lên ngôi báu, nay ban chính lệnh sáng tươi; trải ức năm, cơ nghiệp lâu dài còn mãi. Bố cáo gần xa, thảy đều nghe biết".

Sai Hồ Sĩ Dương, Nguyễn Danh Thực cùng với bọn Hộ khoa cấp sự trung Gia Thọ nam Nguyễn Đình Chính lên cửa quan đón tiếp sứ thần và nhận lĩnh các thứ bạc lụa ban thưởng và tờ sắc dụ của Bắc triều. Tháng 12, đem về đến Kinh sư.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Tục Biên

Quyển XIX

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Huyền Tông Mục Hoàng Đế

Tên húy là Duy Vũ, con của Thần Tông, em của Chân Tông, ở ngôi 9 năm, thọ 18 tuổi thì băng, táng ở lăng Quả Thịnh. Vua tính trời nhân hậu, vẻ người đoan nghiêm, những năm ở ngôi, trong nước yên trị, thóc lúa đượa mùa, cũng đáng gọi là bậc vua hiền vậy. Nhưng ở ngôi không được lâu, thực đáng tiếc!

Quý Mão, [Cảnh Trị] năm thứ 1 [1663], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 17; Thanh Khang Hy năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, bấy giờ, vua còn nhỏ tuổi, Vương sai Tả đô đốc Trạc quận công Trịnh Kiêm, Hữu đô đốc Phổ quận công Hoàng Sĩ Khoa, Đô đốc đồng tri Cường quận công Nguyễn Thụ, Đô đốc thiêm sự Giao quận công Trịnh Doanh vào coi quân bốn vệ để thị vệ.

Tháng 2, lấy Hồ Sĩ Dương làm Đông các đại học sĩ, thăng tước tử, Nguyễn Danh Thực thăng tước nam, Nguyễn Đình Chính thăng tước tử, **[1b]** vì có công lên cửa quan tiếp nhận sắc dụ và bạc lụa của Bắc triều ban thưởng.

Sai bọn Hồ Sĩ Dương, Nguyễn Danh Thực, Nguyễn Đình Chính lên cửa quan đợi mệnh.

Tặng đô đốc đồng tri Thao quận công Mạc Kính Môn làm tả đô đốc. Kính Môn là họ hàng nguy Mạc, trước đã đổi lòng quy thuận, được phong chức tước rồi lại trốn về Cao Bằng, sau lại về làm tôi dưới cửa khuyết. Vương đức lớn bao la, lại bao dung trọng đãi. Đến đây chết, lại được tặng.

Tháng 3, cấm quan lại và nhân dân trong nước không được đánh bạc.

Tháng ấy, ngày 15, con vua là Lê Duy Cáp sinh.

Mùa hạ, tháng 4, gia thăng Thiếu phó Hộ quận công Vũ Công Thiêm làm chưởng Tư lễ giám tổng thái giám kiêm các giám ty sự.

Tháng 5, có lệnh chỉ rằng: Ngự sử đài khám xét kiện tụng phải theo pháp lệnh, giữ đức liêm khiết, cần mẫn. **[2a]** Lại có sắc lệnh răn bảo giám sát ngự sử 13 đạo phải nhất luật tuân hành, không được để đọng án trái cách.

Có lệnh chỉ cho hai ty Thừa Hiến các xứ tra xét các quan phủ huyện sở thuộc, viên nào hết lòng vỗ về dạy bảo dân trong hạt, công minh, chính trực, liêm khiết, chính sự hay, xử kiện đúng; viên nào không biết hết lòng thương dân, chỉ làm điều hà khắc tham lam thô bỉ, hối lộ, lười bỏ chính sự, thì đều kê tên tâu lên để thăng hay truất.

Tháng 6, sai chánh sứ Lê Hiệu, phó sứ Dương Hạo và Đồng Tôn Trạch sang tuế cống nhà Minh, nhân tiện tạ ơn và báo tang. Nước lớn tràn ngập cả lúa đồng và nhà cửa của dân. Vùng Khoái Châu và Thường Tín bị hại nhiều nhất.

Có lệnh chỉ cho trấn thủ các xứ rằng: Các phạm nhận trốn tránh thì phải tróc nã, giao cho xét lại để thi hành án. Lại răn các quan xét kiện trong ngoài rằng những phạm nhân nào không **[2b]** thuộc diện "bát nghị" thì cứ theo tội nặng hay nhẹ mà xử án, không được cho chuộc tội.

Mùa thu, tháng 7, nhắc lại 47 điều giáo hoá, đại ý nói: Làm tôi hết lòng trung, làm con giữ đạo hiếu, anh em hoà thuận, vợ chồng kính yêu nhau làm điều nhân, cha mẹ sửa mình để dạy con, thầy trò đối xử với nhau bằng đạo, gia trưởng dạy người bằng lễ, con em cung kính cha anh, vợ không được trái chồng, đàn bà chồng chết không con được chuyển riêng của cải đi, ở làng xóm thì người lớn nhỏ phải kính yêu nhau, cùng nhau làm lợi trừ hại; không được cậy mạnh mà lấn áp kẻ yếu; không được gây kiện tụng để kiếm lợi riêng; hào cường không được xét kiện, trai gái không được bừa bãi thói dâm; người làm chứng việc kiện phải nói thực, không được ham tiền của nói sai; nhà trọ nên đề phòng kẻ gian nhưng không được cự tuyệt người đến ngủ trọ; không được chiếm đường đi làm vườn **[3a]** tược, không được lấn khe ngòi làm hồ ao, mối lợi của rừng núi sông chằm mọi người đều cùng hưởng, người đứng đầu phường, xã, thôn, trang chọn người tốt mà làm; sinh nghiệp phải siêng năng, hưởng ẩm nên tiết kiệm; không được cậy quyền thế mà gửi gắm việc kiện tụng, không được cố ý đem người già yếu mà gieo vạ cho người lương thiện; không được giả cách làm sư sãi để tránh sai dịch; không được xui người kiện tụng để lấy tiền của, người đi thưa kiện không được thêu dệt mà vu cho người; kẻ buôn bán không được tụ họp bè đảng mà làm trộm cướp; cầu cống đường sá chỗ nào hỏng nát thì sửa đắp kịp thời; sổ sách việc quan không được điên đảo; đền mộ lăng miếu không được lấn phá; con trai, con gái không được làm phường đồng cốt, nhà có tang không được hát xướng trong lễ Trung nguyên; không được ngạo mạn với người quan trưởng; không được dụ dỗ đem người đi bán; lấy nhau nên phân biệt tộc loại, không được đòi tiền của; tang lễ phải tuỳ giàu nghèo **[3b]** không được yêu sách ăn uống; cấy ruộng xâm canh không được đòi nhau tiền thóc, cùng ở một làng không được cướp đoạt tài vật của nhau. Những điều trên đây, ban bố khắp nước, các nha môn Thừa Hiến các xứ và phủ, châu, huyện đều phải làm sao thành một bản treo ở nơi coi việc và chuyển gửi tới các xã sở thuộc, mỗi xã đều viết ra bảng treo ở đình, cho các quan viên, giám sinh, sinh đồ, xã trưởng, cứ đến ngày có việc làng thì hội họp đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ đến giảng giải hiểu thị, để được tai mắt thấm nhuần, biết sự khuyên răn. Từ đây lòng người dần dần theo về tục thiện.

Tháng 8, có lệnh chỉ cho thừa ty các xứ xét dân trong hạt nếu có người khách nước ngoài trú ngụ thì phải khai trình lên, tuỳ nghi khu xử để phân biệt phong tục.

Tháng 9, lấy Nguyễn Công Bích làm tham chính xứ Kinh Bắc, Nguyễn Thiềm là tham chính xứ Hải Dương. **[4a]** Nguyễn Danh Thực là Hình khoa đô cấp sự trung, Lê Công Triều làm giám sát ngự sử đạo Thanh Hoa.

Sửa điện Chiêu Sự ở đàn Nam Giao. Trước đây, đàn Nam Giao đã có điện, nhưng quy mô còn nhỏ hẹp. Đến đây Vương sai làm thêm. Nhà chính điện thì cột vuông, lát nền bằng đá, trong sàn ngoài sàn đều xây đá, cột, rường, hoành, rui đều sơn son thếp vàng, quy mô chế độ mới mẻ rực rỡ. Vương lại sai từ thần là bọn Hồ Sĩ Dương làm văn khắc vào đá để ghi lại việc này.

Mùa đông, tháng 10, cấm người trong nước học đạo Hoa Lang[1]. Trước đây, có người nước Hoa Lang vào ở nước ta, lập ra đạo lạ để lừa phỉnh dân ngu. Bọn đàn ông, đàn bà ngu dốt nhiều kẻ tin mộ. Trường giảng đạo người ở hỗn tạp, trai gái không phân biệt. Trước đã đuổi người giảng đạo đi rồi mà **[4b]** sách đạo và nơi giảng hãy còn, thói tệ chưa đổi. Đến đây lại nghiêm cấm.

Lấy Nguyễn Viết Nhiệm làm thừa chính sứ xứ Thái Nguyên, Phạm Duy Chất làm tham chính xứ Sơn Tây.

Tháng 11, giảm xá tiền thuế đinh cho dân bốn trấn có mức độ khác nhau, vì nước lụt tổn hại lúa má.

Thi Hương các sĩ nhân trong nước.

Tháng 12, lấy Vệ quận công Trịnh Bệ làm đô đốc đồng tri.

Giáng Phạm Lập Lễ làm Binh khoa đô cấp sự trung, vì Lập Lễ làm tham chính xứ Hải Dương khám xét đê điều không đúng sự thực.

---

[1] Đạo Hoa Lang: tức đạo Gia Tô.

Lấy Đô đốc đồng tri Lộc quận công Đinh Văn Tả hành chức đô tổng binh xứ Yên Quảng.

Sai quan Kinh đi hai xứ Thanh Hoa và Nghệ An làm sổ khai lệ[1].

Giáp Thìn, [Cảnh Trị] năm thứ 2 [1664], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 18; Thanh Khang Hy năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, tham chước điều lệ thi Hội, **[5a]** từ đó, dùng làm quy chế lâu dài.

Vua gia tôn Vương theo điển lễ đặc biệt, hiểu dụng các quan văn võ rằng:

"Trẫm nghe, dựng nên cơ nghiệp vô cùng, tất để tiếng tốt vô cùng, đã có công lao đặc biệt, phải đãi bằng lễ đặc biệt. Khắc vào bia đá, muôn thuở còn ghi. Nước nhà ta thừa thời mở vận, ứng trời thuận người. Thái Tổ Cao Hoàng Đế khởi nghĩa bình Ngô, khi ấy, phần nhiều nhờ ở hiền thần ra sức mà nên công khai sáng. Đai mũ áo xiêm vì thế lại chính đính, cương thường giềng mối nhờ đó lại rõ ràng. Công to đức lớn, kể cũng hiếm có. Liệt thánh hoàng đế nối nghiệp xưa, theo phép tổ, bấy giờ thực nhờ có huân thần giúp đỡ mà giữ được nghiệp nhà. Kỷ cương pháp độ, không gì không đủ, hiểu lệnh điển chương rực rỡ đáng êu. Công cao nghiệp lớn, tốt đẹp bội phần. Nhưng từ khoảng năm Quang Thuận, Thống Nguyên[2] **[5b]** bị kẻ gian thần họ Mạc manh tâm cướp ngôi như Nghệ Trạc trong khoảng 6 năm không còn nhà Hạ nữa[3]. May sao thời mở vận trung hưng, sinh ra tiên tổ họ Trịnh là Thế Tổ Thái Vương[4], Thành Tổ Triết Vương[5] dấy lên từ người áo vải, xướng xuất nghĩa quân lo việc trừ tàn bạo cho thiên hạ, giữ yên xã tắc, tôn lập Hoàng tổ ta là Trang Tông Dụ Hoàng Đế[6], Trung Tông Vũ Hoàng Đế[7]. Cơ nghiệp trung hưng bắt đầu từ đó. Đến khi Anh Tông Tuấn Hoàng Đế[8] nối ngôi, có bọn tiểu nhân Cảnh Hấp, Đình Ngạn gièm pha, gây ra việc bất bình. Lúc ấy Thành Tổ Triết Vương lâm cảnh nguy nghi mà không ngại, chịu trách nhiệm lớn mà chẳng từ, tôn lập Thế Tông Nghị Hoàng Đế lên ngôi ở điện hành tại Vạn Lại và đem đại quân quét trừ nguỵ Mạc, thu phục kinh thành. Anh hùng đều trong vòng sai khiến, thiên hạ **[6a]** đã trong lòng tay. Lại dốc nghĩa tôn vua, kính rước thánh giá tiến về thành Thăng Long. Vật cũ lấy lại, xã tắc thêm tươi. Thánh đức văn công đã sáng soi trời đất, vỗ yên nhà nước như bàn thạch, thái sơn, dẫu bài thơ trung hưng, văn bia trung hưng cũng không thể hình dung được muôn một. Tiếp đến Kính Tông Huệ Hoàng Đế trị nước mong lâu dài phúc tốt, kết thân nên nghĩa cả vợ chồng[9], ngờ đâu thông đồng với mưu gian của nghịch Xuân[10], đến nỗi xảy ra hấn khích không tốt. Lúc ấy Thành Tổ Triết Vương không chút bợn lòng, không lấy thiên hạ làm của riêng, lại tôn lập Hoàng khảo ta là Thần Tông Uyên Hoàng Đế, vâng chiếu mệnh lớn nối giữ nghiệp cả, nào điển lễ, nào chế độ, đều nhờ công đào tạo của Văn Tổ Nghị Vương cả. Nay Đại nguyên suý chưởng quốc chính Thượng sư Tây Vương giúp đỡ **[6b]** hoàng gia, vỗ yên trong ngoài, lòng trung ái đăm đăm, trước sau không đổi. Lại chuyên uỷ vương thế tử là khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiêm tổng chính binh thái uý Nghi quận công Trịnh Căn, bên trong giúp đỡ chính quyền, bên ngoài ra oai vũ vệ, trừng trị giặc Ô Châu[11] không dâng cống, lấy lại bờ cõi cũ trong bản đồ[12]. Công trùm vũ trụ, đức khắp sinh linh, thiên hạ nhờ đó được bình

[1] Sổ khai lệ tức là sổ hộ khẩu, mỗi năm khai một lần.

[2] Quang Thuận (1516 - 1522): là niên hiệu của Lê Chiêu Tông (Lê Ý); Thống Nguyên (1522 - 1527): là niên hiệu của Lê Cung Hoàng (hoàng đệ Xuân).

[3] Nghệ Trạc: là truyền thuyết Trung Quốc. Nghệ là Hậu Nghệ, vua nước Hữu Cùng, cướp ngôi nhà Hạ, Trạc là vua nước Hà, giết Hậu Nghệ lên thay làm vua. Sau Thiếu Khang lại giết Trạc để khôi phục nhà Hạ.

[4] Tức Trịnh Kiểm.

[5] Tức Trịnh Tùng.

[6] Tức Lê Duy Ninh.

[7] Tức Lê Huyên.

[8] Tức Lê Duy Bang.

[9] Lê Kính Tông lấy con gái Trịnh Tùng là Trịnh Thị Ngọc Trinh.

[10] Trịnh Xuân, con Trịnh Tùng, mưu cướp quyền của cha, nổi loạn, sau bị giết.

[11] Giặc Ô Châu: chỉ chúa Nguyễn ở Đàng trong.

[12] Chỉ việc Trịnh Căn thu phục được 7 huyện ở phía nam sông Lam (Kỳ Hoa, Thạch Hà, Thiên Lộc, Nghi Xuân, La Sơn, Hương Khê và Thanh Chương) trước đây bị quân Nguyễn xâm chiếm.

yên, mà nhà ta truyền nối được lâu dài, hưởng nền thịnh trị đến vô cùng đều là công sức của nhà Vương khuông phù mới được như thế. Đến khi Hoàng khảo ta mỏi mệt chầu trời, trong lúc nguy nghi, đều nhờ Thượng sư Tây Vương đảm đương việc ký thác con côi, cho phủ tiết chế và đại thần văn võ trăm quan tôn lập ta lên ngôi hoàng đế nối nghiệp lớn. Đã có công vì dạy bảo từ bé[1], được hưởng phúc vì thuận theo người hiền[2]. Công ơn sửa sang tin cậy **[7a]** như thế, so với công đức của đời trước lại càng to hơn. Từng nghe, lễ kính đại thần đời xưa, có người được kính trọng mà không phải xưng tên, có người được kính trọng mà không phải lạy. Huống chi nay Thượng sư Tây Vương có huân lao to lớn với thiên hạ, công đức bao la như trời, lòng trung thấu tới vầng nhật, so với đời trước chưa từng có ai, xét trong sử xưa cũng chưa từng nghe thấy. Nếu không biểu dương cho thực rõ, sao xứng được với văn công thánh đức của Vương, thoả lòng trông cậy của trẫm? Từ nay trở đi, nên tôn bằng lễ không xưng tên, không phải lạy, khi vào chầu thì đặc cách đặt giường gỗ bên tả ngự điện để tỏ ra điển lễ đặc biệt. Trẫm tuổi trẻ nối ngôi, tuy chưa biết hết được ngọn nguồn lai lịch, song thường được nghe lời cố mệnh, không thể không tuyên dụ khắp thiên hạ, để biết công đức lớn của nhà Vương. Bọn các ngươi hãy kính theo!".

[7b] Tháng 3, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Vũ Duy Đoàn 13 người.

Lấy Nguyễn Nhuận là Hình bộ tả thị lang, Nguyễn Quốc Khôi làm Hình bộ Hữu thị lang, Hoàng Vinh là Đại lý tự khanh.

Mùa hạ, tháng 4, sai Phó tướng thiếu phó Tông quận công Trịnh Hoành và Bồi tụng Lễ bộ tả thị lang Phong Lộc tử Ngô Tuấn phúc khảo sinh đồ các xứ ở bãi cát sông Nhị.

Trước đây, phép thi lỏng lẻo, còn cho mang sách. Từ năm Canh Tý đến nay, tuy đã cấm chỉ, nhưng vẫn chưa được chặt chẽ, người thi đỗ phần nhiều dốt nát, nhờ người làm bài, dư luận xôn xao. Đến đây, sai quan phúc khảo sinh đồ ba khoa Đinh Dậu, Canh Tý và Quý Mão. Đề thi dùng một bài thơ Đường và một bài ám tả chính văn kiêm đại chú trong Kinh Truyện. Người nào đỗ vẫn được là sinh đồ, người nào hỏng phải ở lại 3 năm [8a] học tập, cho miễn tạp dịch. Nếu thi lại lần nữa vẫn không đỗ mới trở về làm dân, chịu tạp dịch. Bấy giờ người hỏng đến quá nửa.

Tháng 5, lúa chiêm được mùa to.

Cấm tự tiện cho chức tước. Khi ấy những kẻ được tin yêu, nhiều người xin bừa chức tước và phong tặng, đến nỗi có nhiều chức tước nhũng lạm, cho nên có lệnh cấm.

Lập năm thứ đồ đong thóc gạo: thược, cáp, thăng, đấu, hộc[3], phỏng theo 6 ống luật Hoàng Chung[4] làm chuẩn, ban cho các nha môn trong ngoài nhất luật tuân hành.

Tháng 6, thi Điện. Cho Nguyễn Viết Thứ đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Lương Mậu Huân 12 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Lấy Nguyễn Năng Thiệu làm Lại bộ tả thị lang, Vũ Vinh Tiền làm phó đô ngự sử, Nguyễn Danh Thực làm tham chính xứ Thanh Hoa, Lê Công Triều làm hiến sát sứ xứ Thanh Hoa.

Giáng Hữu đô đốc Lai quận công Trịnh Bách làm đô đốc đồng tri, Đô đốc **[8b]** đồng tri Toản quận công Trịnh Sâm làm đô đốc thiêm sự. Bấy giờ Trịnh Bách và Trịnh Sâm cùng làm đề lĩnh, không biết cấm giữ thủ hạ, thả sức nhũng tệ, ăn đút vàng bạc nên bị giáng chức.

Tháng 6 nhuận, Hữu đô đốc Toàn quận công Trịnh Đệ chết, tặng thiếu bảo.

---

[1] Câu này lấy điển ở quẻ Mông của Kinh Dịch: "Mông dĩ dưỡng chính, thánh công đã" nghĩa là dạy bảo theo chính đạo từ nhỏ, có thể nên công của bậc thánh.

[2] Câu này lấy điển ở quẻ Thái của Kinh Dịch: "Đế Ất quy muội, dĩ chí nguyên cát" nghĩa là vua Đế Ất gả em gái xuống thì được phúc tốt. Ý nói vua biết nhún nhường thuận theo hiền thần thì được phúc tốt.

[3] Thược, cáp, thăng, đấu, hộc: 2200 hạt thóc là 1 thược; 10 thược là 1 cáp, 10 cáp là 1 thăng, 10 thăng là 1 đấu, 10 đấu là 1 hộc.

[4] Hoàng Chung: 1 trong 12 luật, tục gọi là ống luật. Lấy độ số của ống luật làm độ số đo lường để tính toán.

Lập điều lệ trưng thu tiền bồi thường và tiền phạt. Đại khái định rằng: Ở các xã dân có kẻ nào gian phi hung bạo, mà người cùng họ, cùng xã ngày thường không biết răn dạy, đến lúc việc xảy ra, lại không biết bắt nộp thì đều phải phạt 50 quan tiền. Còn tiền bồi thường của cải, tính mạng thì thu ở phạm nhân, không được bắt lây người khác. Nếu phạm nhân túng quẫn không có thì cho phép lấy tiền phạt mà cấp cho người bị hại để chôn cất.

Từ đấy, các ty xét kiện tuân theo làm lệ thường.

Mùa thu, tháng 7, nhắc lại lệnh cấp y phục vượt quy chế. Bấy giờ y phục của quan viên và dân chúng phần nhiều không may theo mực thước quy định, đến đây nhắc lại lệnh cấm.

[9a] Tháng 8, lấy Phạm Chất là Hình khoa đô cấp sự trung.

Mùa đông, tháng 10, Hình bộ thượng thư tri sĩ là Quế Đường hầu Văn Doãn Hoàng chết, tặng tước quận công.

Tháng 11, ngày Mậu Tý mồng 1, có nhật thực.

Ngày Kỷ Sửu, sao Chổi mọc ở phương đông nam, vùng sao Dực và sao Chẩn, đuôi trỏ về sao Trương, dài 5 trượng. Vua và Vương đều xét mình răn sửa, lánh cung điện, giảm món ăn, bỏ ca nhạc. Đòi các quan văn võ vào bàn điều hay dở của chính sự, triệt bỏ ngay các sở tuần ty thuỷ, bộ không có trong hạn ngạch, gồm 13 xứ[1] (như tuần ty Chính Đại, tuần ty Mộ Chu, ...). Lòng người mừng vui, từ đấy sao Chổi tan dần.

Bấy giờ, những phạm nhân đã xử án, nhiều kẻ chạy trốn. Có lệnh chỉ cho ra tự thú, tội nặng được giảm, tội nhẹ thì được tha, kẻ nào không ra thú thì bắt tội.

Đặt quan chưởng và thự của 5 phủ. **[9b]** Gia phong Thái phó Khê quận công Trịnh Trương làm Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc chưởng phủ sự, Thái phó Lý quận công Trịnh Đống là Đông quân đô đốc phủ tả đô đốc chưởng phủ sự, Thiếu uý Văn quận công Trịnh Kiền làm Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc thự phủ sự, Thiếu phó Điện quận công Trịnh Ốc làm Bắc quân đô đốc phủ tả đô đốc thự phủ sự.

Đặt đủ viên số thượng thư sáu bộ. Lấy Tham tụng Phạm Công Trứ làm Lại bộ thượng thư, Bồi tụng Trần Đăng Tuyển làm Hộ bộ thượng thư, Nguyễn Năng Thiệu làm Lại bộ thượng thư, Vũ Duy Chí là Binh bộ thượng thư, Phan Kiêm Toàn là Hình bộ thượng thư. Lại lấy Lê Sĩ Triệt làm Ngự sử đài đô **[10a]** ngự sử.

Xét công đi sứ. Lấy Lễ bộ hữu thị lang Phương Quế bá Lê Hiệu làm Công bộ thượng thư, thăng tước hầu; Quốc tử giám tư nghiệp Diên Lộc tử Dương Hạo là Công bộ tả thị lang, thăng tước bá; Hình khoa đô cấp sự trung Nghĩa Lĩnh nam Đồng Tồn Trạch làm Hộ bộ hữu thị lang, thăng tước tử. Lại thấy Nguyễn Thế Tân, thông hiểu tiếng phương Bắc, theo sứ thần làm được việc, thăng làm tham chính xứ Kinh Bắc, tước bá.

Lấy Đại lý thiếu khanh Hướng Trạch tử Vũ Phương Trượng làm Thái bộc tự khanh, Thái thường thiếu khanh Liêm Dũng tử Trần Đăng Doanh làm Thượng bảo tự khanh vì cớ theo Lý Quốc phủ từng đi đánh dẹp có công.

Lấy con gái thứ của Vương là Trịnh Thị Ngọc Áng làm chính cung.

Có lệnh chỉ cho Thừa ty các xứ phải sao gửi cho các huyện quan sở thuộc rằng: Hàng năm cứ đến **[10b]** kỳ tháng 10, đi khám đê điều ở dân gian, chỗ nào nên sửa đắp thì kê thực tâu lên. Chỗ nào công trình nhỏ thì chiếu bổ cho các xã dân những nơi thế nước có thể chạy đến nhận sửa đắp riêng do huyện quan đốc thúc; chỗ nào công trình to lớn thì đợi sai quan đốc làm. Hạn đến ngày mồng 10 tháng giêng khởi công, trung tuần tháng 3 phải làm xong. Lấy đó làm quy định lâu dài.

---

[1] Theo Lịch triều hiến chương loại chí thì 13 xứ tuần ty là: Chính Đại (huyện Tống Sơn, Thanh Hoa), Liên Hinh (huyện Quảng Xương, Thanh Hoa), Mộ Chu (huyện Bạch Hạc), Lục Đầu (huyện Thanh Lâm, Hải Dương), Vạn Phai (huyện Thanh Lâm), Hoàng Giang (huyện Thư Trì), Thụ Mệnh (huyện Thuỵ Nguyên, Thanh Hoa), Tru Hựu (huyện Bảo Lộc, Kinh Bắc), Nga Tư (huyện Nga Sơn, Thanh Hoa), Vân Sàng (huyện Yên Khang, Ninh Bình), Ngã ba Am Thầy (huyện Đông Lan, Tuyên Quang), Tuần Lạch Giang (Mộc Châu), Tuần Tam Kỳ (xã Trạm Nội, huyện Phượng Nhỡn, Kinh Bắc).

Tháng 12, nhà Thanh sai chánh sứ Ngô Quang và bọn phó sứ Chu Chí Viễn sang dụ tế Thần Tông Uyên Hoàng Đế.

Lời văn tế viết: "Phương xa dãi lòng thành mộ nghĩa, làm phên chấn, giúp công lao. Quốc gia rộng ơn vỗ người xa, tặng lời viếng, tỏ thương xót. Quốc vương An Nam ngươi, thành tâm quy thuận, theo hoá dốc lòng. Dâng tai giặc bắt nộp nguỵ vương, giúp quân lính diệt trừ giặc Đặng. Lòng trung đã rõ, **[11a]** công lao rất nhiều. Đương định ban ân sủng khác thường, ngờ đâu đã vội sa sương sớm. Nay nghe cáo phó, hết sức xót thương. Đặc ban nghi lễ phúng thăm để tỏ tình nhớ tiếc. Than ôi! Cõi Nam ngọc cung cầu tiến cống, dốc chí trung thành; hồn âm vẻ hoa cổn điểm tô, rạng nơi chín suối. Nếu tinh linh sáng suốt, mong kính nhận ơn ban".

Điện Nam Giao làm xong.

Ất Tỵ, [Cảnh Trị] năm thứ 3 [1665], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 19; Thanh Khang Hy năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 3, cho các chức trong ngoài được thăng cấp. Lấy Hàn lâm viện thị giảng Đặng Công Chất làm Công bộ hữu thị lang, Lê Đức Vọng làm thừa chính sứ xứ Hải Dương, Nguyễn Vỹ làm thừa chính sứ xứ Yên Quảng, Phạm Duy Chất làm Đông các đại học sĩ, Nguyễn Vĩnh làm tham chính xứ Nghệ An, Phạm Lập Lễ làm tham chính xứ Sơn Tây, Bùi Định Viên làm Đông các học sĩ, Nguyễn Công Bích **[11b]** làm Thái đường tự khanh, Nguyễn Đình Chính làm Phụng Thiên phủ doãn, Phạm Chất, Lê Đắc Toàn, Uông Nhuệ, Lương Nghị, Lê Vinh, Hoàng Đức Đôn đều làm đô, cấp sự trung; Nguyễn Vinh Thịnh, Vũ Bật Hài làm đề hình giám sát ngự sử; Đỗ Thiện Chính, Nguyễn Công Bật, Vũ Cầu Hối, Lê Chí Đạo, Lê Nhân Kiệt, Đàm Đặng Dụng đều làm cấp sự trung; Lại Đăng Tiến, Lê Trí Bình, Mai Trọng Hoà, Phi Đăng Nhiệm đều làm hiến sát sứ; Vũ Công Bình, Ngô Sách Dụ làm Hàn lâm viện hiệu thảo; Nguyễn Đình Trụ, Nguyễn Quang Thiện, Lê Thức, Nguyễn Sĩ Giáo, Nhữ Tiến Dụng, Lương Mậu Huân, Vũ Trác Lạc, Nguyễn Viết Dương, Nguyễn Tiến Tài, Bùi Tông đều làm giám sát ngự sử. Lại lấy Kinh lịch Nguyễn Quang Nhạc làm tư nghiệp, Nguyễn Đăng Minh làm hiến sát sứ xứ Hưng Hoá; Trương Luận Đạo, Lê Thuần Phỉ, Ninh Đạt, Lê Liêu, **[12a]** Nguyễn Cung đều làm giám sát ngự sử. Khi ấy, bọn Quang Nhạc, Đăng Minh Nguyên trước bị giáng bãi, đến đây cho thăng cấp, cho nên lại được bổ dùng. Có lệnh chỉ cho Ngự sử đài khảo xét công việc đã làm của quan lại các nha môn trong ngoài. Quan thì chia thành ba bậc, lại thì chia thành hai bậc, cứ cuối năm thì kê ra từng loại tâu lên để xét việc thăng giáng, từ đấy lấy làm lệ thường.

Mùa hạ, tháng 4, gia phong phiên thần Lạng Sơn Nguyễn Đình Kế tước Hoằng quận công vì đã dụ được thổ tù Bế Công Lượng và Bế Quốc Tế quy thuận.

Lấy Tham nghị Phạm Công Kiêm làm tham chính xứ Sơn Nam.

Lễ bộ tả thị lang Từ Liêm hầu Nguyễn Khả Trạc vì tuổi già xin trí sĩ, vua y cho. Gia thăng Công bộ thượng thư Từ quận công, lại cấp cho điền lộc để dưỡng già.

Có lệnh chỉ **[12b]** nhắc lại lệnh cấm chọi gà, đánh cờ, đánh bạc và các việc đồng cốt, sư sãi.

Có lệnh chỉ cho các ty xét kiện trong ngoài rằng: nếu xét kiện có xử án người nào thì kê rõ từng loại tâu lên, tội đến xử tử thì giao xuống xét lại rồi mới thi hành. Tội chặt chân, phạt trượng thì được tuỳ tiện thi hành, không được để án đọng lại.

Mùa thu, tháng 7, Lễ bộ tả thị lang Phong Lộc tử Ngô Tuấn tuổi 70, xin về trí sĩ. Vua y cho. Gia thăng Công bộ thượng thư, tước bá, lại cấp cho lộc điền và người hầu để dưỡng già.

Tháng 8, sách lập chính cung Trịnh Thị Ngọc Áng làm hoàng hậu.

Tôn mẹ thân sinh ra vua là Phạm Thị Ngọc Hậu là Hoàng thái hậu (Thái hậu người làng Quả Nhuệ, huyện Lôi Dương).

Mùa đông, tháng 11, sai quan khảo xét công việc đã làm của các ty trong ngoài. Giáng Hộ bộ thượng thư Xuyên quận công Trần Đăng Tuyển là Hộ bộ tả thị lang; Lễ bộ **[13a]** thượng thư Dương quận công Nguyễn Năng Thiệu là Lễ bộ tả thị lang; Lại bộ tả thị lang Đạo Giang tử Nguyễn Tông Lễ làm Lễ bộ hữu thị lang; Đô ngự sử Quế Hải hầu Lê Sĩ Triệt làm Hình bộ tả thị lang; Phó đô ngự sử Lệ Hải tử Vũ Vịnh Tiến làm thái bộc tự khanh; Thiêm đô ngự sử Cảo Xuyên nam Trịnh Thì Tế làm Hồng lô tự khanh; Hình bộ thượng thư Thuỵ quận công Phan Kiêm Toàn làm Hộ bộ hữu thị lang, vì bọn Đăng Tuyển

làm ngự sử khi trước và bọn Sĩ Triệt đương làm ngự sử xét việc kiện tụng bỏ chậm quá kỳ hạn, mà Kiêm Toàn giữ bộ Lại khi trước đã thuyên bổ vượt cấp. Trước đó, Công Kiêm con Lại bộ thượng thư Phạm Công Trứ từ chức tham nghị được thăng tham chính, triều thần cho là không được, rủ nhau cố ngăn. Vương không bằng lòng, lập tức sai Công Trứ **[13b]** và Lê Hiệu tra xét công việc các ty đã làm, cho nên đều bị giáng truất.

Định điều lệ phẩm thứ bổ dùng. Nếu ai có quân công, trước đã được trao chức và thêm tư, lại được chiếu theo thứ bậc về công trạng và theo phẩm cấp mà thăng bổ.

Có lệnh chỉ cho Thừa ty các xứ chọn kỹ người các huyện xã trong hạt, người nào hiếu thảo liêm khiết thì kê tên tâu lên, sai quan duyệt tuyển, tuỳ tài mà bổ nhiệm.

Nhắc lại các điều về hành nghi, phẩm phục và đồ dùng.

Tháng 12, lấy Thân Đức Tài làm tham đốc Hán quận công.

Gia thăng Binh bộ hữu thị lang Nhuận Duệ tử Hồ Sĩ Dương tước bá, vì nhiều lần lên cửa quan đợi mệnh tiếp sứ thần được việc.

Lấy Hộ bộ hữu thị lang Nghĩa Lĩnh tử Đồng Tồn Trạch làm Công bộ tả thị lang.

Gia thăng Đề hình giám sát ngự sử Vũ Bật Hài tước Thư Trạch nam, Hình **[14a]** khoa cấp sự trung Lê Nhân Kiệt tước Lăng Khuê nam, đều vì được sai đi công vụ ở Yên Quảng nên đặc cách cho thăng.

Lấy Trần Tiến Triều làm quan đốc Kiêm quận công.

Có lệnh chỉ rằng từ nay trở đi, các ty xét kiện đã xét xử đúng lẽ, mà người kiện xin bậy xét lại, thì tuỳ theo việc kiện lớn hay nhỏ, chiếu theo quan phẩm cao hay thấp, bắt phải nộp tiền tạ theo mức độ khác nhau.

Đông các đại học sĩ Phạm Duy Chất chết, tặng Công bộ hữu thị lang.

Bính Ngọ, [Cảnh Trị] năm thứ 4 [1666], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 20; Thanh Khang Hy năm thứ 5). Bấy giờ con cháu họ Mạc là Kính Vũ[1] chiếm cứ Cao Bằng, làm hại dân địa phương. Phiên tướng Thái Nguyên là Thông quận công Hà Sĩ Tứ đem quân bản xứ đi đánh, bị giặc bắt được. Tin báo về, Vương sai Thái phó Lý quận công Trịnh Đống làm thống lĩnh, Thiếu uý Hào quận công Lê Thì Hiến làm phó, Hồng lô tự khanh Cảo Xuyên nam Trịnh Thì Tế, Lại khoa cấp sự trung Đỗ Thiện Chính làm đốc thị, **[14b]** đem các quân tiến đánh, Kính Vũ bèn giết. Thông quận công Hà Sĩ Tứ, bỏ sào huyệt trốn vào rừng núi. Thế là quan quân phóng lửa đốt cháy chỗ ở của Kính Vũ rồi về.

Tháng 2, thăng Tham chính Thanh Hoa là Nguyễn Danh Thực làm Hồng lô tự khanh, thưởng cho 100 quan tiền. Bấy giờ có Giám sát Ngự sử Lê Liêu vốn cùng đỗ một khoa sĩ vọng với Danh Thực, vốn quen biết nhau. Đến khi Liêu có tang cha, về để tang, làm nhiều điều trái lẽ, phi pháp, có người kiện đến cửa quan. Danh Thực xét được tội trạng, xử theo lẽ công, kính phải lên xin bắt tội. Vương thượng khen là không thiên vị người thân quen, nên đặc cách thăng thưởng.

Mùa hạ, tháng 4, có lệnh chỉ truyền cho các tướng hiệu cai quản phải chăm sóc quân lính, nếu có người đau ốm thì cấp cho thuốc thang nuôi nấng, **[15a]** hàng năm lấy đó làm quy định chung.

Lấy Uông Nhuệ làm tham chính xứ Thanh Hoa.

Tháng 5, nhà Thanh sai Phạm Thành Công và Mã Văn Bích mang sắc dụ đến cửa Nam Quan, bảo bắt giải lũ giặc biển Dương Nhị, Dương Tam. Sai Đông các học sĩ Bùi Đình Viên, Hàn lâm thị thư Đào Công Chính lên cửa quan tiếp nhận đưa về Kinh.

Ngày rằm Giáp Ngọ, có nguyệt thực.

---

[1] Mạc Kính Vũ là con Mạc Kính Khoan, chiếm giữ đất Cao Bằng, xưng niên hiệu là Thuận Đức (1638 - 1677).

Có lệnh chỉ cho các nha môn xét kiện rằng: các việc kiện tụng phải xét, nếu có đơn nên nhận mà không nhận, đến khi người kiện khiếu khống vượt cấp thì phải xử phạt theo mức độ khác nhau.

Tháng 6, ngày mồng 1 Canh Tuất, có nhật thực. Đại xá một phần mười thuế đinh trong nước, dân rất vui lòng.

Có lệnh chỉ cho các viên nội giám, người nào có con cháu nuôi được nhiêu ấm thì hạn theo chức phẩm cao thấp khác nhau.

Mùa thu, tháng 8, ngày mồng 9 có sao sa như mưa.

Tháng 9, Vương đi kinh **[15b]** lý thăm xét phong tục của dân. Đi đến cửa biển Diêm Hộ (Diêm Hộ là tên xã, thuộc huyện Thuỵ Anh)[1] thăm hỏi các trưởng lão trong dân gian, ban cho tiền, người 80 tuổi trở lên mỗi người được 3 quan, 70 tuổi trở lên mỗi người được 2 quan, lòng dân vui mừng. Lại sai dàn thuyền ghe trên mặt biển, chở binh mã, tập chiến trận, để phô trương uy vũ. Lại đi đến miền Ngũ Mạn, ban cho các trưởng lão cũng như ở Diêm Hộ, rồi về Kinh sư.

Lấy Vũ Thiêm làm tham chính xứ Sơn Tây, Nguyễn Đình Chính làm tham chính xứ Kinh Bắc, Nguyễn Công Bích làm tham chính xứ Hải Dương, Đào Công Chính làm Phụng Thiên phủ doãn.

Tháng 12, cho Thừa chính sứ xứ Yên Quảng Thuần Lễ bá Nguyễn Vỹ thăng Công bộ hữu thị lang, tước hầu, về trí sĩ. Vỹ khi ấy đã 77 tuổi.

Điều ngang chức cho tham chính xứ Kinh Bắc Quảng Lâm bá Nguyễn **[16a]** Thế Tân làm tham chính xứ Thái Nguyên vì Tân khảo khoá không đúng sự thực.

Đinh Mùi, [Cảnh Trị] năm thứ 5 [1667], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 21; Thanh Khang Hy năm thứ 6). Mùa xuân, tháng 2, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Hữu Đăng 3 người.

Tháng 3, nhà Thanh sai chánh sứ Trình Phương Triều, phó sứ Trương Dịch Bí đem sách văn sang phong vua làm An Nam quốc vương. Sai Đông các học sĩ Bùi Đình Viên, Lại khoa cấp sự trung Đỗ Thiện Chính đi đón tiếp về Kinh làm lễ kính nhận.

Lời sách văn viết: "Đến triều cận, dâng tiến cống, cõi xa thờ nước lớn, giãi tỏ lòng thành; ở đất vua, làm tôi vua, triều đình yêu người xa, có đủ đạo nghĩa. Nết giống ông cha, tôn người đức tốt, điển chương đã chép từ xưa; nối chức người trước, thờ phụng tổ tiên, sùng mệnh ban ra buổi mới. Người con nối của An Nam quốc vương họ Lê, cõi Nhật Nam dựng thành, ngôi Thần bắc hướng lòng. Ngọc Khuê bích rạng vẻ mình, lễ nghĩa thấm nhuần từ trước; **[16b]** vượt biển non sửa chức cống, thanh giáo ngưỡng mộ đến xa. Vừa rồi, nộp ấn nguỵ để tỏ lòng thành, trả sắc nguỵ để xin ra sức. Xét ngươi, trung trinh mấy đời dốc chí, tiếng tốt xưa thường vẫn nối noi; nên khen chưa tỏ ơn minh, sắc mệnh mới ngày nay ban xuống. Đặc sai Nội quốc sử viện thị độc học sĩ chi bổng tòng tam phẩm là Trình Phương Triều, Lễ bộ Nghi chế ty lang trung Trương Dịch Bí sang phong cho người làm An Nam quốc vương. Coi giữ thuộc quân, vỗ yên cõi xưa. Giữ chức giúp mưu, cùng được dài lâu như sông núi; giữ tiết, kính phép, những mong báo đáp lại quân thân. Hãy kính theo, chớ trái mệnh trẫm".

Mùa hạ, tháng 4, thi Điện. Cho bọn Nguyễn Quán Nho 3 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Có lệnh chỉ cho nhân dân các huyện xã vùng Nam Hà[2] xứ Nghệ An rằng người nào có công giữ bền tiết nghĩa được ban sắc mệnh, chỉ được cho bản thân mình, **[17a]** còn con cháu thì cũng giống như dân thường.

Gia phong Binh bộ thượng thư Phương Lĩnh hầu Vũ Duy Chí tước Phương quận công, Hộ bộ tả thị lang Nghĩa Xá hầu Bùi Đĩnh tước Nghĩa quận công, vì hai người theo hầu lâu ngày từ khi Vương còn ở tiềm để[3] nhiều lần theo đi đánh dẹp có công.

---

[1] Nay thuộc huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình.

[2] Vùng Nam Hà ở đây là chỉ các huyện phía Nam sông Lam của Nghệ An.

[3] Tiềm để: nơi của vua hay chúa ở khi chưa nối ngôi.

Có lệnh chỉ cho quan khai lệ sửa đúng các điều về số ruộng công, suất lính và suất người ngụ cư ở Thanh Hoa và Nghệ An.

Tháng 5, lấy cháu Vương là Vinh Hương hầu Trịnh Vịnh làm phó tướng đô đốc đồng tri Lương quận công.

Có lệnh chỉ răn cấm quan quản binh không được đục khoét, bạo ngược đối với binh dân.

Sai quan Kinh chia đi bốn trấn duyệt tuyển dân đinh, lấy người mạnh khoẻ làm lính, đưa về đội ngũ để thường xuyên luyện tập, đợi sai đi đánh dẹp.

Sai Binh bộ hữu thị lang. Nhuận Duệ bá Hồ Sĩ Dương, Đông các học **[17b]** sĩ Bùi Đình Viên lên cửa quan đợi mệnh.

Tháng 6, xứ Thanh Hoa vỡ đê, nước lũ tràn ngập đồng ruộng của dân.

Mùa thu, tháng 7, sai chánh sứ Nguyễn Nhuận và bọn phó sứ Trịnh Thì Tế, Lê Vinh sang tuế cống nhà Thanh. Lại sai chánh sứ Nguyễn Quốc Khê và Nguyễn Công Bích sang tạ ơn nhà Thanh.

Có lệnh chỉ rằng các quan quản binh không được giữ binh lính ở nhà để xoay lấy tiền của.

Lấy thự vệ sự Lũng quận công Phạm Viện làm đô đốc thiêm sự vì có công theo hầu lâu ngày khi Vương còn ở tiềm để.

Tháng 8, có bọn nguỵ vô lại tụ họp ở các vùng Vĩnh Lạc, Thuỵ Anh, tiếm hiệu là Ứng Thiên. Khi ấy, huyện thừa huyện Thuỵ Anh là Đỗ Văn Hợp cùng với người xã Hội Am, huyện Vĩnh Lại là bọn Đào Thế Tướng đem dân trong hạt bắt được đóng cũi giải về Kinh sư đem chém. Bọn Văn Hợp, Thế Tướng đều được gia **[18a]** thăng chức tước theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 9, đem đại quân lên đánh Cao Bằng. Bấy giờ đất Cao Bằng còn bị Mạc Kính Vũ chiếm cứ, chống lại triều đình không chịu làm tôi, uỷ cho Tiết chế phủ Thái uý Nghi quận công Trịnh Căn thống đốc các tướng tiến theo đường Thái Nguyên, sai bọn Thái phó Lý quận công Trịnh Đống, Thiếu uý Vân quận công Trịnh Kiền, Thiếu uý Hào quận công Lê Thì Hiến, Thiếu phó Điện quận công Trịnh Ốc, Đô đốc đồng tri Lộc quận công Đinh Văn Tả, Lập quận công Lê Châu làm thống lĩnh, đốc xuất. Lấy bọn Lễ bộ tả thị lang Dương quận công Nguyễn Năng Thiệu, Hình bộ tả thị lang Quế Hải hầu Lê Sĩ Triệt, Công bộ tả thị lang Diên Lộc bá Dương Hạo, Binh bộ Hữu thị lang Nhuận Duệ bá Hồ Sĩ **[18b]** Dương, Hồng lô tự khanh Hải Sơn nam Nguyễn Danh Thực, Giám sát ngự sử Trương Luận Đạo làm đốc thị, chia đường tiến thẳng đến Cao Bằng. Kính Vũ nghe tin đại binh đến, bèn cùng với bè đảng chạy vào châu Trấn Yên[1] nhà Thanh. Các đạo quân truy đuổi tiểu nã, bắt sống được trai gái họ hàng họ Mạc cùng đồ đảng và người, vật, khí giới của cải nhiều không kể xiết. Những người đầu hàng sau càng nhiều hơn. Vương thể theo đức lớn hiếu sinh, đối với những người đầu hàng đều gia ơn khoan hồng, những kẻ bị ép theo giặc đều tha cho cả. Lại ban bố hiểu dụ rõ ràng, chiêu tập vỗ yên dân trong châu cho trở lại nghiệp cũ, tuân theo giáo hoá của triều đình. Dân chúng một phương đều thoả lòng trông đợi.

Mùa đông, tháng 10, ngày rằm Bính Tuất, có nguyệt thực.

Đô đốc thiêm sự Dĩnh quận công Trịnh Lương chết ở trong quân, tặng tả đô đốc.

[19a] Mậu Thân, [Cảnh Trị] năm thứ 6 [1668], (Thanh Khang Hy năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Kỷ Sửu, có sao Thiên Bồng mọc ở phương tây bắc, dài nửa trượng, hình như sao Chổi.

Tháng 2, Vương đại thắng đem quân về, lưu Đô đốc đồng tri Đinh Văn Tả ở lại trấn giữ châu Thất Tuyền, lấy Hồng lô tự khanh Nguyễn Danh Thực làm đốc đồng. Vương về đến Kinh sư, cáo yết Thái miếu dâng tin thắng trận. Những tên đầu sỏ họ Mạc đều trị theo quốc pháp. Còn lại đều tha cả.

Tháng 4, vua cho là Vương phục được thù nước, có công lớn, bèn tôn phong làm Đại nguyên soái chưởng quốc chính Thượng sư thái phụ đức công nhân uy minh thánh Tây Vương.

---

[1] Châu Trấn Yên: Cương mục, q.33 chép là châu Tiểu Trấn Yên, nhà Thanh, sau đổi là phủ Trấn Yên, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Lời sách phong viết: "Trẫm nghĩ, trời sinh tài thánh hiền cốt để giúp nước, vua đặt lễ tôn quý, dùng để báo công. Điềm sáng đã hợp sách vàng khắc ban. Nay Đại nguyên soái **[19b]** chưởng quốc chính Thượng sự Tây Vương, anh hùng cái thế, trung hậu nếp nhà. Xưa Thành Tổ[1] nối công lớn của Thế Tổ[2], tôn lập đấng Tiên quân giúp nên công khôi phục, bình định. Nay Huân Vương[3] nối nghiệp của Nghị Vương[4] giúp đỡ ta tuổi trẻ, nhờ nhiều ơn phù tá tác thành. Mưu chính sự mà triều đình vững, xã tắc bền, ra oai vũ mà nước nhà yên, người ngoài sợ. Thân đem ba quân tiến đánh Cao Bằng trừ giặc Mạc, sào huyệt quét sạch không; đưa về một mối, hợp vào đất cũ của Tiên vương, cõi bờ lấy lại hết. Xét đức lớn, công lao đã rõ rệt, thực lễ kỳ, số lạ đáng gia phong. Đặc sai đặc tiến kim tử Vinh Lộc đại phụ bồi tụng Công bộ thượng thư Phương Quế hầu Lê Hiệu mang sách vàng tấn tôn làm Đại nguyên soái chưởng quốc chính Thượng sư Thái phụ đức công nhân uy minh thánh **[20a]** Tây Vương. Vương hãy nhận danh hiệu vẻ vang, chịu sủng mệnh lâu dài quý mến; giữ cõi bờ yên vững, cho cuộc thế sáng nền trị bình. Để sự nghiệp nhà Vương nối dõi vô cùng, cho cơ đồ nhà vua hưởng phúc mãi mãi. Hãy kính theo".

Hạ lệnh cho dân xã thôn các xứ rằng: Nếu xã thôn nào có lệnh phú dịch nặng thì khai lên, giao cho quan giám đốc bình lệ[5] xét thực, sẽ lượng giảm bớt cho, chia san cho các xã trong huyện cùng chịu, để việc phú dịch được công bằng.

Tháng 6, lấy Đô đốc Lộc quận công Đinh Văn Tả là tả đô đốc, Đô đốc thiêm sự Toản quận công Trịnh Sâm và Đề đốc Yên quận công Trịnh Liễu[6] đều làm đô đốc đồng tri, Binh bộ tả thị lang Diên Lộc bá Dương Hạo làm Lại bộ tả thị lang, Lập quận công Lê Châu làm đô đốc thiêm sự, Mai Thế Khang làm tham đốc Hoằng quận công, Đề đốc Phương Nham hầu Đào Quang Quảng, **[20b]** Tham tán Dương Lâm hầu Lưu Thế Canh đều thăng chức quận công; Giám sát ngự sử Thái Nguyên Mai Lâm tử Trương Luận Đạo làm Đông các hiệu thư, Thiêm thái giám Tài Kiêm hầu Đặng Sĩ Vinh làm thái giám, vì đều có công theo đi đánh giặc ở Cao Bằng.

Mùa thu, tháng 7, đô đốc thiêm sự Thông quận công Trịnh Cơ chết, tặng hữu đô đốc.

Tham chính xứ Sơn Nam Phạm Công Kiêm bị bãi chức vì đốc thúc làm đê giả dối và để chậm kỳ hạn.

Tháng 8, Lễ bộ tả thị lang Dương quận công Nguyễn Năng Thiệu chết. Năng Thiệu là người chất phác, ngay thẳng, làm quan thanh bạch, trong việc đi đánh Nam Hà[7] có công bàn giúp việc quân. Đến đây chết, tặng Lễ bộ thượng thư, ban thuỵ hiệu là Trung Túc (Năng Thiệu người xã Hoằng Liệt, huyện Thanh Trì).

Tước bỏ quan tước của Nguyễn Đức Trung. Đức Trung người làng Quế Ổ, huyện Quế Dương, **[21a]** con của Thiếu bảo Hào quận công Nguyễn Đức Nghiệp, từng theo đi đánh dẹp, quả cảm thiện chiến, làm quan đến chức đô đốc đồng tri, tước Thuỵ quận công. Vương đem con gái thứ là Trịnh Thị Ngọc Lanh gả cho. Nhưng Trung tính người tàn nhẫn, cậy công kiêu ngạo, ngang tàng, phủ đệ lộng lẫy, tiếm lạm. Cha con Trung lại ngầm chứa khí giới, lén phát cho dân, âm mưu làm điều phi pháp. Việc phát giác, giao xuống cho đình thần xét tội, dấu vết làm phản đã rõ. Vương thương có công đánh giặc, chỉ tước bỏ quan tước, tha tội chết, nhưng giết ba người con là bọn Nguyễn Đức Kiêm.

---

[1] Tức Trịnh Tùng.

[2] Tức Trịnh Kiểm.

[3] Tức Trịnh Tạc.

[4] Tức Trịnh Tráng.

[5] Bình lệ: Phép khai theo lối quân bình; khai một lần, sau dù có sinh thêm ra, hay chết bớt đi cũng không kể. Trái với phép khai lệ là khai từng năm một.

[6] Bản dịch cũ: Trịnh Điềm và chú theo Cương mục là con cháu Đặng Huấn.

[7] Tức đánh chúa Nguyễn ở vùng phía Nam sông Lam, Nghệ An.

Tháng 9, ngày Giáp Thìn, trên mặt trời có một quầng ôm lấy và một quầng trái lại hiện ra ở phương đoài[1] vào độ của sao Cang.

Cho Quốc tử giám tư nghiệp Tuy Lộc bá Nguyễn Quang Nhạc thăng Hàn lâm viện thị độc, về trí sĩ.

Mùa đông, tháng 12, Tham tụng lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ thiếu bảo Yên quận công Phạm Công Trứ tuổi **[21b]** già xin nghĩ việc. Vương thượng uý lạo, dụ ở lại. Công Trứ khẩn thiết cố xin, Vương mới cho, gia thăng quốc lão thái bảo tham dự triều chính trí sĩ.

Cho Hộ khoa cấp sự trung Khánh Đường nam Nguyễn Công Bạt thăng chức Lại khoa đô cấp sự trung, tước tử, trí sĩ.

Kỷ Dậu, [Cảnh Trị] năm thứ 7 [1669], (Thanh Khang Hy năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Thanh sai Nội bí thư viện thị độc Lý Tiên Căn và Binh bộ lang trung Dương Triệu Kiệt đem chỉ dụ sang bảo ta trả lại cho họ Mạc bốn châu[2] ở Cao Bằng. Bấy giờ đình thần giải thích, biện bác với sứ Thanh, đi lại đến vài bốn lần, sứ Thanh nhất định không nghe, Vương thượng cho là thờ nước lớn phải kính theo mệnh lệnh, sai hãy tạm theo họ.

Ngày 14, thái phi của Văn Tổ Nghị Vương là Trần thị mất. Khi ấy, sứ Thanh là bọn Dương [Triệu Kiệt], Lý [Tiên Căn] sai tiền lộ là bọn Lý Đường Dận, Triệu Quang Húc, Nguỵ Tượng Hiền sửa lễ nghi tế phúng.

[22a] Tháng 2, bọn sứ thần Nguyễn Quốc Khôi, Nguyễn Công Bích, Lê Vinh về nước. Lệ cũ, 3 năm một lần sang tiến cống, quà cáp tiễn đưa phiền phức. Đời Vạn Lịch nhà Minh đã cho phép cứ 6 năm cống gộp cả hai lần. Đến đây, muốn lại theo như lệ cũ của nhà Minh, liền soạn bản tâu, sai bọn Quốc Khôi sang nhà Thanh tâu xin một thể. Vua Thanh y cho. Từ đấy về sau theo đó làm thường lệ.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, có nhật thực, mặt trời bị che hết.

Năm ấy hạn.

Tháng 5, Thái bộc tự khanh Lệ Hải tử Vũ Vinh Tiến chết.

Khi ấy, Vinh Tiến vâng mệnh làm đốc trấn Cao Bằng, gặp nhà Thanh sai sứ sang tuyên chỉ dụ đem bốn châu ở Cao Bằng trả lại cho họ Mạc, bèn trở về Kinh sư, về đến nửa đường thì ốm chết, tặng Binh bộ hữu thị lang, tước bá, sai quan tới phúng tế.

Tháng 6, lấy Vũ Duy Chí Lễ bộ thượng thư, Trần Đăng Tuyển làm Binh **[22b]** bộ thượng thư, Lê Hiệu làm Hình bộ thượng thư, đều gia thăng tham tụng tể tướng.

Lấy Bùi Đĩnh làm Công bộ thượng thư, Đồng Tồn Trạch làm Đô ngự sử, Nguyễn Tông Lễ làm Hộ bộ tả thị lang, Phan kiểm Toàn làm Hình bộ tả thị lang, Đặng Công Chấp làm Lại bộ hữu thị lang, Nguyễn Mậu làm Hộ bộ hữu thị lang, Nguyễn Danh Thực làm phó đô ngự sử, Ngô Khuê làm thiêm đô ngự sử.

Xét công đi xứ. Lấy Nguyễn Quốc Khôi làm Lễ bộ tả thị lang Ngọc Trì tử, Nguyễn Công Bích làm Hình bộ hữu thị lang Gia Xương nam. Lại nghĩ đến Nguyễn Nhuận và Trịnh Thì Tế đều chết bên nhà Thanh, truy tặng Nguyễn Nhuận làm Công bộ thượng thư, tước bá; Trịnh Thì Tế làm Công bộ tả thị lang, tước tử, và cấp cho dân lộc và ruộng tế để thờ cúng.

Lấy Lê Châu làm đô đốc đồng tri, Phùng Ân Nghĩa **[23a]** làm tham đốc vì hai người hoàn thành việc hộ tống chôn cất thái phi của Văn Tổ Nghị Vương.

Mùa thu, tháng 7, Đô đốc đồng tri Lai quận công Trịnh Bách chết, tặng Tả đô đốc.

Tháng 8, lấy Hồ Sĩ Dương làm Lại bộ hữu thị lang.

---

[1] Phương đoài: phương Tây.

[2] Bốn châu đó là Thạch Lâm, Quảng Yên, Thượng Lang, Hạ Lang. Họ Mạc ở đây chỉ là Mạc Kính Vũ.

Tháng 9, lấy Tước quận công Lê Đình Kiên làm đề đốc. Bấy giờ Đình Kiên làm lưu thủ Sơn Nam, cai trị thanh liêm, công bằng, trộm cướp bị dẹp, nhân dân yên ổn, cho nên được đặc cách thăng hai bậc (Đình Kiên người Bái Trại, huyện Yên Định).

Có chỉ truyền rằng khi trưng thu tiền thuế, hoặc vâng mệnh đi mua hàng hoá để cung dụng, không được yêu sách ngoài lệ và mua hiếp giá rẻ để dẹp lòng dân.

Trước kia, Gia quốc công Vũ Văn Mật ở dinh Yên Bắc xứ Tuyên Quang, trong thời kỳ khôi phục đất nước, đã đem quân theo nghĩa, có nhiều công lao. Các triều trước vẫn để trấn giữ đất Tuyên Quang và cho đời đời truyền nối. Con Mật là Thái **[23b]** phó Nhân quận công Vũ Công Kỳ, cháu là Thái bảo Hoà quận công Vũ Đức Cung đều biết nối theo chí người trước, kính giữ chức làm tôi. Đến cháu ba đời là Thiếu phó Tòng quận công Vũ Công Đức cậy sông núi hiểm trở xa cách, ngầm nuôi chí làm phản, tiếm xưng tước vương, lập triều ban nguỵ, lại câu kết với bè đảng họ Mạc, nhiều lần có thư từ giao thiệp qua lại, dấu vết đã lộ rõ. Vương thượng cho là con cháu công thần, vẫn dung thứ chưa nỡ hỏi tội. Đến đây, Công Đức vì có việc bất bình với thủ hạ là Ma Phúc Trường, trong lòng hoài nghi lo sợ, về Kinh để tự bày tỏ. Đi đến tuần Đông Lan[1], nửa đêm bị người giết. Việc đến tai Vương thượng. Vương cho là Công Đức tuy lỗi đạo làm tôi, song nghĩ đến ông cha Công Đức có công lao to, nghĩa không thể dứt, mới lập con Đức là Vũ Công Tuấn nối nghiệp, cho làm đô đốc thiêm sự, ban tước Khoan quận công, ban cấp dân **[24a]** lộc để giữ việc thờ cúng. Các con trai, con gái của Công Đức đều được vỗ về yên ủi. Lại cho là Ma Phúc Trường là kẻ bất trung, đem giam vào ngục.

Mùa đông, tháng 10, bàn định mệnh làm chính sự tốt, bỏ tập tục xấu, gồm 18 điều.

1- Những đền thờ đế vương đời trước và các thần, từ trước vẫn có tạo lệ, nay giao cho Lễ bộ tra xét thực thi hành.

2- Việc tế lễ ở đền miếu đều giao cho các quan phủ huyện y lệ tuân hành, quan lại ở hai ty không được can dự.

3- Năm trước các sinh đồ không hợp cách và các sĩ nhân bổ lính, nếu đã về làm ruộng, thì đều cho đi thi.

4- Phân biệt xá lại người liêm khiết công bằng hay kẻ tham lam những nhiễu để định thưởng phạt.

5- Phân biệt lại viên người chăm chỉ được việc hay kẻ giảo hoạt quỷ quyệt để định thăng hay thải.

6- Các thứ tiền chuộc tội và tiền phạt mà chưa thu được tiền tha miễn cả.

7- Tù nhân giam trong ngục, người nào đói khát thì được cấp nuôi thường xuyên.

[24b] 8- Các hình án nặng nhẹ đều giao cho Hình bộ xét lại.

9- Chọn các con em nhà lương thiện làm xã trưởng để dạy bảo xã dân hiểu biết lễ nghĩa.

10- Các chỗ bến đò, tuỳ theo nước nông hay sâu mà lấy tiền công chở đò, không được yêu sách quá đáng.

11- Những kẻ có tội trốn đi thì cho trấn thủ nã bắt.

12- Về lệ sát việc kiện tụng thì cho quan xét lần trước chưa rõ sự việc, đợi quan xét sau soát ghi xuống dưới.

Còn 6 điều nữa đều nhắc rõ việc xét kiện. Ban bổ ra thiên hạ, xa gần ai cũng vui mừng.

Lệ bình bổ thuế đinh ở bốn trấn đã định xong. Trước đây nước nhà mới bắt đầu khôi phục, thuế khoá vẫn theo như cũ, nên nặng nhẹ không đều. Mới rồi, Vương sai quan chia đi khắp nước, chiếu theo tài sản của dân nhiều hay ít, ruộng đất tốt hay xấu mà bình bổ ngạch thuế đinh theo mức độ khác nhau.

---

[1] Tuần Đông Lan: ở khoảng đò sông Chảy, huyện Đoan Hùng, tỉnh Vĩnh Phú.

Đến đây đã làm xong **[25a]** liền ghi rõ lệnh lệ, ban cho quan và dân, mỗi bên giữ một bản để theo đó làm bằng cứ, coi là quy chế thường xuyên lâu dài.

Cấm quan khuyến nông và quan hà đê đòi tiền của dân. Bấy giờ người giữ chức ấy không lo khám xét khuyên bảo, chỉ chăm đòi lễ mừng của dân, nên nghiêm cấm.

Tháng 11, phong cháu Vương là Trịnh Duyên làm phó tướng Khiêm quận công.

Cho Tham chính Lê Đắc Toàn tước tử, Tham đốc Thao quận công Phạm Thanh là đề đốc, Thự vệ sự Khuông Vũ hầu Phạm Lục làm tham đốc, vì Đắc Toàn khi được sai làm đốc thị Nghệ An đã trù tính, điều quân bắt được tên giặc Trương Phúc Lý, mà Thanh và Lục cũng tham gia việc sai đi nã bắt có công.

Lấy Nguyễn Danh Thực làm Binh bộ hữu thị lang.

Tháng 12 nhuận, cho Hồ Sĩ Dương tước hầu, bọn Bùi Đình Viên, Đỗ Thiện Chính tước nam, vì chờ mệnh **[25b]** đón tiếp sứ thần có công.

Có chỉ truyền về lệ soát kiện cuối năm. Hàng năm, cứ đến tháng 10, Ngự sử đài sức cho ngự sử các đạo chuyển cho các nha môn trong ngoài, kê khai đủ các án kiện đã xét và chưa rõ sự do, nộp cho các quan xét lần sau, đợi soát xong thì theo thứ tự chuyển nộp lên Ngự sử đài. Ngự sử đài cũng kê khai các việc kiện tụng do bản nha môn đã xét và kê cả hồ sơ lần trước chuyển nộp lên, đợi chỉ xét định, để tiện việc thăng giáng.

Canh Tuất, [Cảnh Trị] năm thứ 8 [1670], (Thanh Khang Hy năm thứ 9).

Mùa xuân, tháng 3, sao Hoả mọc vào cung độ sao Nam Đẩu.

Mặt trăng đi vào cung độ sao Nam Đẩu, sắc đỏ.

Sao Kim mọc vào cung độ sao Thái Vi.

Sai bọn Tham chính Sơn Nam Bích Giang tử Lê Đắc Toàn[1] và Hình khoa đô cấp sự trung Trần Xuân Bảng mang tờ dụ vào dụ họ Nguyễn ở Thuận Quảng. Bấy giờ bọn Đắc Toàn vâng mệnh vào tới cửa biển Nhật Lệ châu Bố Chính, **[28a]** sai hành nhân đưa giấy qua cửa ải để thông báo. Lại trao đổi thư từ qua lại vài bốn lần, nhưng họ Nguyễn chống mệnh không cho vào cửa ải. Bọn Đắc Toàn lại trở về Kinh.

Mùa hạ, tháng 4, giáng Hiến sát xứ Sơn Nam là Lê Trí Bình làm giám sát ngự sử đạo Hải Dương, vì cứ đốc suất đắp đường đê tính việc chưa được rõ ràng, nên bị giáng chức.

Sai bọn Lễ bộ tả thị lang Nguyễn Quốc Khôi, Lại bộ hữu thị lang Đặng Công Chất vào hầu kinh điện.

Tháng 5, trời không mưa, nhân dân nhiều người mắc dịch bệnh. Vương thượng thành tâm tạ đảo cầu trời mưa.

Có chỉ truyền rằng người được cấp ruộng công chỉ được cấy trồng 10 mẫu ở quê mình, còn thì chiếu thu tiền thuế, không được cấy quá lạm.

Tháng 6, lấy Đề đốc Tấn quận công Trịnh Kỳ làm đô đốc thiêm sự, Tả hiệu điểm Trinh Tường hầu Lê Thì Thực làm tham đốc (Kỳ là con Đào Quang Nhiêu, được ban họ Trịnh, **[26b]** Thì Thực là con Lê Thì Hiển).

Giám Tham chính Sơn Tây Vũ Kiêm làm Hộ khoa cấp sự trung, vì kê khai việc đắp đường đê chậm hạn.

Sai Thiếu uý Hào quận công Lê Thì Hiến làm thống suất, Lại bộ hữu thị lang Nhuận Duệ hầu Hồ Sĩ Dương làm đốc thị đem quân đi dẹp miền Tuyên Quang. Khi ấy, ở Tuyên Quang, con Ma Phúc Trường là Huệ Đĩnh Ma Phúc Lan và em là Sấn Thắng Ma Phúc Điện tụ họp bè lũ đi cướp bóc, dân miền đó rối

---

[1] Đại Nam thực lục tiền biên chép là Lê Đắc Đồng.

động. Vương sai Thì Hiến cùng với bọn tham đốc Vịnh quận công Nguyễn Đức Triêm chia đường đi đánh, bắt được Phúc Lan đem chém, Phúc Điện chạy vào nội địa[1]. Bọn Thì Hiến chiêu an dân châu đó rồi về.

Mùa thu tháng 7, lấy Trần Hưng Học làm tham đốc Triều Nhuận hầu, Trần Hưng Nhượng làm thự vệ sự Triều Hiến hầu vì đã đốc suất **[27a]** hương binh đánh úp đảng giặc, sau lại theo quân đánh giặc, nên được xét có công giữ bền tiết nghĩa và được thăng.

Tặng Công bộ thượng thư Phái quận công Nguyễn Đạo An làm thiếu bảo, để nhớ lại công chầu hầu giảng học khi Vương còn ở tiềm để. (Đạo An người Phú Diễn, huyện Từ Liêm).

Tháng 9, thi Hương sĩ nhân các xứ.

Có chỉ truyền về lệ phân bổ cung đốn cho trường thi Hương. Huyện nào có xã dân nào đáng được trừ, thì cho hai ty chiếu theo các huyện trong xứ mình san bổ cùng chịu để vệc lực dịch được quân bình.

Mùa đông, tháng 11, thi Hội các cống sĩ trong nước. Lấy đỗ bọn Trần Thế Vinh 31 người.

Có chỉ truyền cấm thông đồng với người nước ngoài bán trộm súng.

Định lệnh thưởng cho người cáo giác hay bắt kẻ cướp. Từ nay về sau, nếu ai bắt được kẻ cướp hoặc dò được bọn trộm cướp giết người, án nặng thì thưởng cho quan trước, án nhẹ **[27b]** thì thưởng cho tiền bạc, hoặc miễn trừ việc quan. Kẻ nào chứa giấu cho chúng ở thì khép vào tội trộm cướp mà trị tội; nếu phạm nhân đang trốn tránh, kẻ nào biết mà nuôi chứa thì bị xử theo pháp luật.

Tháng 12, lấy thự vệ sự Thư Thái hầu Nguyễn Sĩ Kiện làm tham đốc, Công khoa đô cấp sự trung Lê Công Triều làm Lễ khoa đô cấp sự trung, vì cớ vâng mệnh sai đi làm việc khai lệ được dân bảo cử.

Tân Hợi, [Cảnh Trị] năm thứ 9 [1671], (Thanh Khang Hy năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, thi Điện. Cho Lưu Danh Công đỗ tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh, Thiều Sĩ Lâm đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh, Lê Hữu Danh và Vũ Đình Lâm đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Lê Hùng Xứng 27 người đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 2, sai quan đi duyệt tuyển binh lính trong bốn trấn, bổ vào đội ngũ, thường xuyên **[28a]** tập luyện để đợi sang năm đại cử binh.

Mùa hạ, tháng 4, Binh bộ thượng thư Dĩnh quận công Nguyễn Để về trí sĩ, gia tăng thiếu bảo. Khi ấy Dĩnh đã 78 tuổi.

Mùa thu, tháng 7, sai triều thần tiến cử người mình biết. Những người có học vấn, đức hạnh, thuật cai trị, có thể làm được chức thú lệnh thì cho quan nhị phẩm tiến cử bốn người, quan tam phẩm đến ngũ phẩm tiến cử 3 người, quan từ lục phẩm đến bát phẩm tiến cử 2 người, kể tên từng người dâng lên, giao lại cho Lại bộ thuyên bổ nhậm chức. Ai tiến cử người giỏi thì được xét khen thưởng, nếu thấy người nào không xứng với lời mình tiến cử, bậy bạ tham ô thì cho trình bầy trước, khỏi phải tội lây, nếu che giấu không tâu trình lên thì tội cũng như kẻ đó.

Tháng 8, ngày mồng 1 Kỷ Dậu, có nhật thực.

Bình Tây thân vương nhà Thanh vâng chỉ uỷ cho Trấn tiêu du kính phủ Khai Hoá là họ Tào và tri phủ là họ Lưu giải kẻ có tội chạy trốn là Ma Phúc Điện **[28b]** và vợ con của nó đến chỗ giáp biên giới. Bèn sai quan nhận đem về, đều đem giết với Ma Phúc Trường.

Tháng 9, sai bọn Binh bộ tả thị lang Lê Sĩ Triệt và lại bộ Hữu thị lang Đặng Công Chất khảo xét các nha môn trong ngoài. Bấy giờ Đồng Tồn Trách một mình làm đô ngự sử khám xét kiện tụng có nhiều án để quá kỳ hạn vì thế bị bài chức.

[1] Chỉ đất Trung Quốc.

Mùa đông, tháng 10, ngày 15, vua băng. Các quan dâng tôn hiệu là Khoát Đạt Duệ Thông Cương Nghị Trung Chính Ôn Nhu Hoà Lạc Khâm Minh Văn Tứ Doãn Cung Khắc Nhượng Mục Hoàng Đế, miếu hiệu là Huyền Tông.

Tháng 11, ngày 13 rước linh cữu Huyền Tông Mục Hoàng Đế về chôn ở lăng Quả Thịnh, lập điện Càn Long để thờ theo về quê hương của hoàng thái hậu.

Trước đây, khi Thần Tông băng, hoàng thứ tử Duy Cối mới lên 2 tuổi, Vương và chính phi Trịnh Thị **[29a]** Ngọc Lung nuôi ở trong phủ, chăm sóc dạy dỗ nên người. Đến đây, Huyền Tông băng, không có con nối, Vương bèn xuống chỉ dụ cho Tiết chế phủ và các đại thần văn võ trăm quan rằng:

"Ta nghe: Thiên hạ là thiên hạ của Thánh tổ Thần tông hoàng triều. Trước đây gặp vận nước nửa chừng suy đốn, đến nỗi kẻ gian thần họ Mạc tiếm ngôi. Khi ấy, tổ tiên ta dấy nghĩa quân, suy tôn giúp đỡ liệt thánh hoàng đế diệt trừ họ Mạc, thu phục kinh thành, mở mang bờ cõi, thế nước vững yên, thông hiếu nước phương Bắc, được tấn phong tước vương. Nay ta kế thừa công đức của tổ tông để lại, giữ việc ký tác của xã tắc sinh dân, dốc tiết trung trinh, tỏ lòng trinh bạch, nối sửa nghiệp trước, giữ yên hoàng gia. Khi Thần Tông Uyên Hoàng Đế còn trị vì thì cùng nhau cung kính, sửa sang chính sự, khuya sớm lo toan, để gây dựng thái bình **[29b]**. Đến khi Thần Tông Uyên Hoàng Đế băng hà thì mưu tính cho qua buổi truân chuyên nguy hiểm, giúp rập tả hữu, để giữ nước cho khỏi cơn hoạn nạn gian nan, tôn lập Đại Hành Hoàng Đế[1] khi còn ít tuổi lên ngôi, hun đúc thánh đức, luyện rèn học thuật, thanh danh xa khắp phương ngoài. Tín nghĩa vừa lòng thượng quốc, ân sủng được phong tước vương, vinh dự ban ấn vàng, ở ngôi được gần 10 năm, thời tiết hoà thuận, liền năm được mùa, dân mạnh của giầu, hiệu lệnh điển chương rõ ràng đầy đủ.

Hơn nữa, bên trong bốn biển bình yên, bên ngoài các man sợ phục. Đất đai rộng, nhân dân đông, so với thời trước thực là khác hẳn. Ngờ đâu ngày 15 tháng 10 năm nay, Đại Hành Hoàng Đế chầu trời, mà chưa có con nối. Ta nghĩ: "Ngôi báu cực kỳ quan trọng, chỉ có con của Tiên quân có hiền đức mới đương nổi mà thôi. Nay hoàng đế Lê Duy Cối, là **[30a]** thứ của tiên đế Thần Tông Uyên Hoàng Đế, khi tiên đế mất, mới lên 2 tuổi. Ta vâng lời ký thác, chăm nom nuôi dưỡng trong phủ, giúp đỡ dậy bảo, nghe lời ngay, theo đạo chính, hàng ngày cho nghe cho làm việc nước. Nay 11 tuổi, tuổi đã lớn, đức đã thành, sớm nổi tiếng hiền tài hiếu thảo, có thể nối được nghiệp lớn, nên tôn lập lên ngôi hoàng đế để thoả lòng trông đợi của thần dân trong nước. Tiết chế phủ và các quan đại thần văn võ nên thể theo chí ý của ta, đồng lòng giúp đỡ, khuya sớm kính chăm, mỗi người hãy làm hết chức phận, để hoàn thành công nghiệp trị bình, để hướng tới phúc lớn dài lâu, để giữ vững nghiệp đế, nghiệp vương mãi mãi".

Tháng ấy, ngày 19 Bính Dần, Vương thân đem Tiết chế phủ và các quan đại thần văn võ, tôn lập hoàng đệ Duy Cối lên ngôi hoàng đế, **[30b]** lấy năm sau làm Dương Đức năm thứ 1. Đại xá. Tôn chính phi của Vương là Trịnh Thị Ngọc Lung làm Quốc thái mẫu.

[30b] Gia Tông Mỹ Hoàng Đế

Tên húy là Duy Cối, con thứ của Thần Tông. Khi xưa, Thần Tông băng, vua mới 2 tuổi, Vương sai chính phi Trịnh Thị Ngọc Lung nuôi ở trong cung. Huyền Tông băng, không có con nối, bèn lên ngôi báu. Ở ngôi 4 năm thì băng, thọ 15 tuổi, chôn ở lăng Phúc An. Vua tướng mạo anh vĩ, tính thời khoan hoà, có đức độ của người làm vua, tiếc rằng ở ngôi không lâu, chưa thấy sự nghiệp gì.

Nhâm Tý, [Cảnh Trị] năm thứ 1 [1672], (Thanh Khang Hy năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, vẫn cấp ruộng tế cho công thần khai quốc Lê Lai, để lại cho con cháu giữ, đời đời thờ cúng[2].

---

[1] Tức Huyền Tông Lê Duy Vũ.

[2] Bấy giờ giảm bỏ ruộng lộc của các công thần trước. Duy Lê Lai vì có lời thề của Lê Lợi khi xưa, nên con cháu vẫn được cấp ruộng để thờ.

Tháng 3, lấy Dương Hạo làm Ngự sử đài đô ngự sử, Nguyễn Tông Lễ làm mệnh triều đình đã lâu, hiểm trở không chịu thuần phục, bèn tế cáo trời đất, thần kỳ, kể tội tiến đánh.

Sai Phó đô tướng Thái phó Lý quận công Trịnh Đống làm thống lĩnh, đi trước đến đóng ở Nghệ An, hiệp đồng với thống suất thiếu uý Đương quận công Đào Quang Nhiêu trù tính bố trí để khống chế nơi biên giới![1]. Lấy Phạm Chất làm Đại lý tự khanh.

Tháng 5, trấn thủ xứ Nghệ An, kiêm trấn châu Bố Chính, Thống suất quan Tả khuông quân dinh phó tướng Thiếu uý Đương quận công Đào Quang Nhiêu chết. Quang Nhiêu theo hầu Vương lâu ngày, từ khi còn ở tiềm để, nhiều lần đánh giặc, yên trong dẹp ngoài, có nhiều công lao. Ở trấn được 18 năm, mệnh lệnh được thi hành, lệnh cấm được thực hiện, trộm cướp im hơi, cõi biên thuỳ yên lặng, thọ 71 tuổi, chết ở trấn, tặng thái tể, ban thuỵ hiệu là Thuần Cẩn Bao **[31b]** phong làm phúc thần, lập đền thờ. (Quang Nhiêu người xã Tuyền Cam, huyện Thanh Oai).

Tháng 6, Vương thân phò hoàng thượng ngự giá đi đánh, uỷ cho Tiết chế thái uý Nghi quốc công Trịnh Căn nắm cả đại binh tiến thẳng đến đất Quảng Nam, Thuận Hoá. Khi ấy, ngự giá đi đánh phương nam, Khoan quận công Vũ Công Tuấn ở Kinh sư trốn về Tuyên Quang đánh cướp dân châu đó. Lưu thủ kinh thành là Thiếu phó Điện quận công Trịnh Ốc sai quân đuổi theo giết chết, bắt hết bè lũ rồi về[2].

Phó tướng Thiếu uý Mỹ quận công Trịnh Hoàn chết, tặng thái bảo.

Công bộ thượng thư Thiếu bảo Cẩm quận công trí sĩ Nguyễn Hậu Quyến chết, thọ 95 tuổi, gia tặng Hộ bộ thượng thư, ban thuỵ hiệu là Văn Đẩu. (Hậu Quyến người xã Lạc Sơn, huyện Chí Linh).

Mùa thu, tháng 8 nhuận, đại quân tiến đến châu Bố Chính. Sai các tướng chia đường tiến đánh. Tiết chế Thái uý Nghi quốc công **[32a]** Trịnh Căn thân đem đại binh qua sông, ban hiểu dụ cho nhân dân hai xứ Thuận Hoá và Quảng Nam rằng:

"Đánh kẻ có tội để cứu dân là nghĩa dấy binh của bậc vương giả. Nhân dân hai xứ các ngươi vốn là nhân dân ở đất Thánh tổ Thần tông hoàng triều, không phải do họ Nguyễn khai thác mà có. Nhờ được Tiên thánh vương ta[3] nghĩ tới tình thân họ ngoại, tâu với Tiên hoàng đế chuẩn cho Đoan quốc công trấn thủ hai xứ này, cung nộp cống thuế để chi dùng vào việc nước. Đoan quốc công đã thề với trời đất, hứa trước sau trọn tiết làm tôi. Lúc ấy Tiên thánh vương đang dốc chí khôi phục hoàng gia, tiễu trừ giặc Mạc, Đoan quốc công ở tại trấn ngoài, không có một chút công lao khó nhọc gì. Đến khi thiên hạ đã dẹp yên, mới về Kinh lạy mừng. Tiên thánh vương lượng cả bao dung, không kể đến có công hay không, chỉ vì tình nghĩa thân thích, vẫn tâu cho thăng **[32b]** chức tước, hưởng bổng lộc ưu hậu, địa vị đứng đầu các đình thần. Không ngờ trái với lời thề ước, ngầm mưu phản trắc, và năm Canh Tý [1600], dụ dỗ bọn gian thần làm loạn[4] rồi tự tiện trốn về [Thuận Hoá]. Đã lỗi đạo làm tôi, đáng trị theo phép nước. Nhưng Tiên thánh vương vẫn thương xót bao dung, khoan tha tội lỗi ấy. Thế mà khi triều đình sai quan đem sắc thư dụ bảo sự tình, lại đốt phá sứ quán, mưu cướp sắc thư, làm nhục sứ thần. Tâm địa chống đối đã manh nha từ ấy. Từ đó về sau, quen thói càn bậy, không cần phải kể ra nữa. Năm trước sai quan mang dụ vào bảo nghĩa lớn vua tôi, vạch cho đôi đường hoạ phúc, muốn cho nó đổi lòng quy thuận, để nhân dân các người tránh khỏi nạn can qua, cùng hưởng phúc thái bình. Nào ngờ giống ác kia không biết tỉnh ngộ, lại nói năng hỗn xược, ngăn giữ người hành nhân vâng mệnh không cho đi. Cái tội bạo nghịch bất kính **[33a]** thực không gì to bằng. Ôi, đất là đất của vua, dân là dân của vua, kẻ kia liều chiếm cứ chỗ đất này, không biết danh hiệu gì, mà đào hào sâu luỹ cao để chống mệnh, vét sưu cao thuế nặng để hại

---

[1] Đây là chỉ miền đất giáp với vùng chúa Nguyễn chiếm giữ.

[2] Theo Cương mục, Q.33, thì Vũ Công Tuân chạy vào đất nhà Thanh. Năm Chính Hoà 10 (1689), người Thanh bắt và trao trả cho họ Trịnh.

[3] Tức Trịnh Kiểm.

[4] Chỉ việc Nguyễn Hoàng ngầm xui bọn Phan Ngạn, Ngô Đình Nga, Bùi Văn Khê chống lại Trịnh Tùng. Xem sự kiện năm Canh Tý, Thận Đức năm thứ 1 (1600).

dân? Bắt các ngươi phải cầm giáo, cầm gươm, có gì là ban liên chức trật[1], để các người bỏ học thư lễ, còn gì là khoa mục công danh? Xét những việc làm, vừa cậy hiểm làm phản, vừa chống cự triều đình, lại tàn hại phương dân. Tội ác kia như thế, có thể bỏ mà không hỏi đến ư? Dân bị điêu đứng như thế có thể điềm nhiên không cứu vớt ư? Việc bởi không thể dừng, quân đáng đem đến đánh.

Nay ta kính vâng lệnh của Đại nguyên soái chưởng quốc chính Thượng sư thái phụ đức công nhân uy ninh thánh Tây Vương, dực phù hoàng thượng ngự giá thân chinh, chuyên uỷ cho ta nắm cả đại binh, chỉ huy các **[33b]** tướng chia đường tiến đánh, hẹn phải thắng lợi trọn vẹn, giết hết bọn phản nghịch mới thôi. Bọn dân hai xứ các ngươi, nếu biết chỗ tối quay về nơi sáng, theo điều nhân tránh kẻ bạo tàn, hoặc quay ngược giáo mà đầu hàng, hoặc tới cửa quân mà thú tội, thì kẻ danh mục sẽ được tha tội thưởng công, bọn tiểu dân sẽ được bớt nhẹ phú dịch. Còn như dân chúng xứ khác sợ tội trốn đi, bị giặc dụ dỗ, nương náu ở đây, nếu thấy đại binh tiến đến mà tới quy thuận trước cũng được tha tội bổ dùng. Nếu mê muội không tỉnh ngộ, thì khi lửa thiêu núi Côn Cương, ngọc hay đá đều cháy cả. Đến lúc ấy, bọn các ngươi sẽ chạy đi đàng nào? Vậy có lời dụ".

Mùa đông, tháng 11, Thống suất Lê Thì Hiến đốc quan quân bản đạo tiến thẳng đến luỹ ngoài của giặc, sai thuộc hạ Thiêm Chưởng hầu Lương Đăng Quang, Trinh Tường hầu Vũ Tuấn Tài nhân đêm đánh chiếm lũ giặc **[34a]** ở xứ Đa Lận, đốt phá trại giặc, chém được đầu giặc, thu được cờ xí khí giới của giặc đem đến cửa quân dâng nộp.

Lấy Lương Đăng Quang làm tham đốc, Vũ Tuấn làm đề đốc để thưởng công xông lên trước phá giặc.

Phó tướng đô đốc đồng tri Vệ quận công Trịnh Bệ chết, tặng thiếu bảo.

Tháng 12, Vương thấy đất Thuận Quảng ẩm thấp, lại gặp giữa đường đông giá rét, quân lính khó lòng ở lại lâu ngày được, bèn tâu cho vua biết rồi đem quân về. Người của giặc bắt được, từ trai gái già trẻ đều cấp cho tiền gạo tha về.

Sai phó tướng thái uý Hào quận công Lê Thì Hiến trấn giữ xứ Nghệ An, kiêm trấn châu Bố Chính, Bồi tụng Binh bộ tả thị lang Quế Hải hầu Lê Sĩ Triệt làm đốc thị, Bồi tung Binh bộ hữu thị lang Hải Sơn nam Nguyễn Danh Thực làm phó đô đốc thị, **[34b]** khống chế biên thuỳ, giữ yên dân một phương.

Truy tặng chức tước và điền lộc cho các tướng sĩ Nam chính chết trận theo thứ bậc khác nhau.

Quý Sửu, [Dương Đức] năm thứ 2 [1673], (Thanh Khang Hy năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, xa giá về đến Kinh sư.

Sai bọn Nguyễn Đình Chính, Bùi Đình Viên, Lê Công Triều lên cửa quan đợi mệnh.

Tháng 3, sai chánh sứ Nguyễn Mậu Tài và Hồ Sĩ Dương, phó sứ là bọn Đào Công Chính, Vũ Công Đạo, Vũ Duy Hài chia thành hai sứ bộ sang tuế cống nhà Thanh, nhân thể báo tang.

Cho Tham đốc Giao Toàn hầu Đào Đăng Dung tước quận công.

Lấy Phan Kiêm Toàn làm Lại bộ tả thị lang. Nguyễn Quốc Khôi làm Hộ bộ hữu thị lang, Phạm Chất làm phó đô ngự sử, Thân Toàn làm Lại bộ hữu thị lang, Vũ Lương làm Hình bộ hữu thị lang. Bùi Đình Viên làm Công bộ hữu thị lang.

Lấy Đồng Tồn Trạch làm Binh bộ hữu thị lang. Trước đó, Tồn Trạch giữ Ngự sử đài, xét kiện để chậm quá hạn, bị bãi chức, đến đây lại dùng.

Mùa thu, tháng 7, khởi phục Tham tụng Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ quốc lão tham dự triều chính Thái bảo Yên quận công trí sĩ Phạm Công Trứ vào triều giữ việc sáu bộ, tham tán cơ vụ.

[1] Ban liên chức trật: Ban là thượng ban, trung ban, hạ ban; liên là thượng liên, trung liên, hạ liên; chức là chức tước, trật là phẩm trật, chỉ chung cấp bậc, ban bệ trong quan chế.

Hạ lệnh cho các quan văn vào Nội các của Vương phủ để nghị bàn việc nước. Việc chầu hầu ở Nội các bắt đầu từ đấy.

Tháng 9, Đào Quang Huy có tội bị giết. Quang Huy là con Quang Nhiêu, nhờ công ấm của cha, được phong chức tước quyền lộc, lấy quận chúa. Nhưng Huy kiêu lộng rông càn, làm nhiều việc bội nghịch vô đạo, lại ngầm làm **[35b]** nhà ở chỗ đất cấm. Có người tố cáo, việc bị phát giác, giao cho đình thần xét hỏi, biết được hết tình trạng, khép vào tội bêu đầu để giữ đúng pháp luật. Vương nghĩ đến cha hắn có nhiều công lao với nước, giảm tội cho thắt cổ chết và giết bọn đồng đảng là Kiêm Lộc hầu Trịnh Khuê.

Thi Hương nhân các xứ.

Bấy giờ tham chính xứ Thanh Hoa Vũ Cầu Hối nhận nhiều tiền bạc, gửi gắm học trò làm kỳ đệ tứ. Phủ doãn Phùng Thiên Ngô Sách dụ làm việc trong trường thi đã mang giấu sách vở vào trường. Ngầm sai gia nhân làm thay quyển thi đưa lẫn vào chấm lấy đỗ, xoay lấy tiền của. Việc phát giác, cả hai đều bị tội đồ. Tham chính xứ Sơn Tây Lê Chí Đạo lén chấm bài sai cho học trò, lại ở trong trường đem hai quyển không đỗ ghi là đỗ và gửi gắm nhiều sĩ nhân làm kỳ đệ sứ, bị xử bãi chức. Học quan phủ huyện nào khai các sĩ nhân **[36a]** đúng thì được khen thưởng, khai không đúng thì phải giáng phạt, tuỳ theo mức độ khác nhau.

Mùa đông, tháng 11, thi Hội các cống sĩ trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Công Vọng 5 người. Đến khi thi Điện, cho bọn Bùi Quang Vận đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 12, thi Sĩ vọng trong nước. Lấy bọn Nguyễn Hành 30 người bổ nhiệm các chức trong ngoài.

Bãi chức tước của bọn tham tụng tể tướng Hình bộ thượng thư Phương Quế hầu Lê Hiệu và Đông các hiệu thư Mai Lâm tử Trương Luận Đạo. Giáng Lại bộ hữu thị lang Thuỵ quận công Phan Kiêm Toàn làm Thái thường tự khanh, tước hầu, Binh bộ hữu thị lang Quế Hải hầu Lê Sĩ Triệt làm Hiến sát sứ xứ Lạng Sơn, tước bá, vì bọn họ tự tiện cho sắc chỉ và cấp bằng phê cho lại điển các nha môn làm việc có chỗ thêm bớt.

Lấy Nguyễn Quốc **[36b]** Khôi làm Lại bổ tả thị lang, Nguyễn Viết Thứ làm Lại khoa đô cấp sự trung.

Tham tụng tể tướng Binh bộ thượng thư Xuyên quận công Trần Đăng Tuyển chết. Đăng Tuyển là người trầm nghị đứng đắn, học thức sâu rộng, trong cuộc Nam chinh bàn giúp việc quân, có công trù hoạch. Đến đây chết, tặng Hộ bộ thượng thư, thiếu bảo, ban thuỵ hiệu là Nhã Lượng (Đăng Tuyển người xã Hoàng Mai, huyện Yên Dũng).

Bồi tụng Binh bộ thượng thư Thiếu bảo Dĩnh quận công trí sĩ Nguyễn Để chết, tặng Hộ bộ thượng thư, thiếu phó, ban thuỵ hiệu là Huệ Ngu (Để người Hoà Trường huyện Ngọc Sơn).

Giáp Dần, [Dương Đức] năm thứ 3 [1674], (Từ tháng 10 trở đi đổi là Đức Nguyên năm thứ 1; Thanh Khang Hy năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 2, có lệnh chỉ răn dạy các chức ty, đại lược nói: Chức vụ của tể tướng là ở chỗ tiến cử người hiền, gạt bỏ kẻ xấu, phải tuỳ tài mà trao quan chức, xét đức mà định tước vị, để các khanh đại phu từng người đều được xưng chức, không **[37a]** được lấy lòng riêng tư mà tự chuyên. Chức vụ của Lại bộ là ở chỗ cân nhắc nhân vật, phải xét lời nói và việc làm, phải xem tài năng và kiến thức, người nào đáng làm quan Kinh thì cho làm quan Kinh, làm được thú lệnh thì bổ làm thú lệnh, không được theo ý riêng mà lấy người nọ bỏ người kia. Quan xét lại án của Hình bộ, nếu thấy án nặng thì giao xuống bàn lại, phải công đồng thẩm xét, cốt rõ được thực tình là gốc, không được để chậm trễ quá hạn. Ngự sử là chức tai mắt của triều đình cốt để chấn chỉnh kỷ cương và giữ nghiêm phong thái. Hễ chức tể tướng có lỗi, tướng thần có sai, các quan trái phép, thời chính thiếu sót, đều cho phép hặc tôi tâu bày. Đề hình giám sát ngự sử thì chuyên giữ các việc can bàn, thẩm xét, xử đoán, củ hặc, xét ghi, soi soát. Giám sát ngự sử thì giữ việc đàn hặc. Nếu thấy thời chính có thiếu sót, các quan có lỗi lầm thì phải trình bày hặc tội. Lại khoa thì **[37b]** có trách nhiệm biện bác lại. Nếu thấy Hình bộ thẩm xét không công bằng cũng bác đi và gửi trả về. Chức đề lĩnh giữ việc sửa chữa cầu cống đường sá, khai ngòi tháo nước, cứu hoả phòng gian ở trong Kinh kỳ. Phủ doãn là quan đàn hặc, trấn áp, nếu thấy các nhà thế gia

quyền quý, các viên nhân bất đẳng, kiêu túng du đãng, không theo pháp chế, thì cho được chủ hặc trừng trị. Chức trấn thủ, lưu thủ thì chuyên nã bắt, đàn áp bọn trộm cướp, phòng ngừa kẻ gian phi, phải giữ yên dân trong hạt, không được tự tiện đặt ra chức danh phi pháp để nhiễu hạt dân. Chức chưởng của Hiến ty là nếu thấy trong xứ có tai biến khác thường lũ lụt hạn hán thì phải tâu bày hết thảy; thừa ty phủ, huyện ngang ngược phi pháp, trấn thủ, lưu thủ không cấm gian phi, đều cho phép tâu bày, đàn hặc; lại phải tuần hành trong hạt, dò hỏi **[38a]** nỗi đau khổ [của dân], tra xét các vụ kiện nhà quyền thế ức hiếp, bắt người. Thừa ty thì đảm nhiệm kỳ thác quan trọng ở địa phương, như thấy quan ty sở thuộc, người nào chính tri công bằng, thì nên bảo cử lên, người nào làm không đúng phép thì xét tâu lên. Quận thú là thầy, là tướng của dân, như thấy huyện quan trong sở thuộc, người nào có thành tích cai trị xứng với chức vụ thì bảo cử lên, người nào không xứng chức thì xét hặc lên. Huyện lệnh là quan thân cận với dân, phải để lòng chăm sóc dân, khuyên bảo dân làm ruộng trồng dâu, làm điều lợi, trừ việc hại, lưu ý dạy bảo dân để thành tục nhân ái nhường nhịn, bỏ thói gian phi kiện cáo. Những người vợ tiết nghĩa, con hiếu thảo cũng nên chuyển đạt lên để nêu khen cho phong tục thuần hậu. Các quan nha môn trong ngoài hễ thấy lại điển ở bản nha, người nào công tâm giữ phép, liêm khiết, siêng năng, thạo việc, làm việc lâu năm không có tội lỗi gì thì bảo cử lên, kẻ nào bậy bạ tham nhũng, chỉ lo xoay tiền, lười biếng bỏ việc, có tội lỗi thì **[38b]** lập tức hặc tội đuổi đi.

Tháng 3, lấy cháu đích của Vương là phó tướng Trịnh Vĩnh làm tả đô đốc.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng 9, Bồi tụng Lại bộ hữu thị lang Liên Trì tử Nguyễn Quốc Khôi chết. Quốc Khôi là người khảng khái dám nói. Tin cáo phó đến, Vương thượng thương tiếc lắm, tặng Binh bộ thượng thư Trì quận công, ban thuỵ hiệu là Cương Trung. (Quốc Khôi người xã Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì).

Lấy Lê Hiệu làm Binh bộ hữu thị lang. Phan Kiêm Toàn làm Hình bộ hữu thị lang. Lê Sĩ Triệt làm Công bộ hữu thị lang. Trước đó, bọn Hiệu vì can việc phải giáng bãi. Đến đây được dùng.

Tháng 6, ngày mồng 6, sao Thái Bạch mọc ban ngày, chọi ánh sáng.

Tháng 6, ngày mồng 6, sao Thái Bạch mọc ban ngày, chói ánh sáng với mặt trời.

Cho Thạc Trung hầu Lê Thì Hải tước quận công.

Mùa thu, tháng 7, ngày 18, vua cho là Vương thế tử thiết chế Thái uý Nghi quốc công Trịnh Căn công lao nhiều, uy vọng lớn, **[39a]** tấn phong làm Nguyên soái điển quốc chính Định Nam Vương.

Lời kim sách viết: "Trời sinh tài thánh hiền, để vững nền thịnh trị, vua đãi lễ tôn quý, để rạng ngời công to. Đã chọn ngày tháng tốt lành, ban xuống sách vàng rực rỡ. Đặc tiến khai phủ khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiêm tổng chính binh Thái uý Nghi quốc công Trịnh Căn anh hùng nhất nước, khí độ hơn người. Tiên quân xưa khôi phục cõi bờ, nhờ nhiều ở sức tiền vương xoay chuyển vận truân chuyên thành hanh thái; đến trẫm nay nối chịu mệnh lớn, đều dựa ở công sư phụ gây dựng nuôi dưỡng từ thuở ấu thơ. Giữ nước nhà được bền vững cơ đồ, truyền con cháu có mưu xa yên ổn. Chăm lo vương tự, giúp đỡ hoàng gia. Đi đánh dẹp thì phía Nam diệt trừ giống Nguyễn, phía Bắc quét tan lũ Mạc, công ngất cao vũ trụ; nắm chính quyền thì trong nước đều được lặng yên, người xa đều phải thuần phục **[39b]**, đức rực sáng đất trời. Uy vọng thực thoả lòng bốn biển, vị thứ phải đứng đầu trăm quan. Vậy đặc sai đặc tiến kiêm tử Vinh lộc đại phu tham tụng Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ quốc lão tham dự triều chính chưởng Lục bộ sự Thái bảo Yên quận công Phạm Công Trứ mang sách vàng ấn ngọc tấn phong làm Nguyên soái điển quốc chính Định Nam Vương, vinh ban ngọc báu, mở rộng ấp phong. Mong rằng nhận mệnh mới, hưởng phúc lành, giữ đạo thường, kính chức vị. Làm chính sự theo điển chương pháp đô, kính giữ phép xưa, có đức lớn được vị lộc thọ danh, còn nhiều sủng mệnh. Giúp nhà vua lâu dài mãi mãi, giữ nghiệp chúa bền vững vô cùng. Vương hãy kính theo".

Có chỉ quy định: Từ nay về sau, Vương phủ ban ra mệnh lệnh gì thì gọi là "lệnh dụ"; thần dân dâng khải thì nói là "cẩn khải văn"; phủ phó vương ban ra lệnh gì thì **[40a]** gọi là "lệnh chỉ", ai dâng khải lên thì nói là "cẩn khải".

Tháng 8, Vương dụ Định Nam Vương rằng:

"Bậc vương giả sáng nghiệp, truyền dòng, tất mưu hay để lại; phận đích trưởng nối chí, giữ nếp, phải theo phép tốt lành. Nay ta thừa kế nghiệp cũ của nhà, nắm giữ quyền lớn của nước, sửa nghiệp vương nối cơ đồ tích luỹ của tiên vương; dóng dả công lớn trị bình, kế hay dẹp yên thiên hạ, giúp nhà vua giữ đại thống nối truyền của liệt thánh. Bờ cõi yên lặng, nhà nước vững bền. Giữ nghiệp lớn vững như Thái Sơn, giúp con nối có mưu xa rộng. Vào năm Canh Tý, người đã được gia phong, mở phủ ly, uỷ cho thâu tóm chính quyền. Xét ra, biết trung ái với quần thần, biết học tập mọi công việc. Coi giữ các việc thì lệnh nghiêm giảm, trong ngoài đều vui theo; đánh dẹp bốn phương thì oai lẫy lừng, phiên hầu phải quy phục. Có nhiều công lao với xã tắc, đáng giữ trách nhiệm coi sinh dân. Ta đã tâu lên hoàng thượng biết, vâng theo **[40b]** sắc chỉ. Tấn phong tước vương, trao cho trông coi bốn biển. Chức vị rất cao, rất trọng, mưu lược phải theo, phải làm. Nay hãy: Giữ nghiệp đã thành, lo việc chớ lãng; phòng điều sai, nén dục vọng, chính tâm sửa mình. Mỗi lời nói, mỗi việc làm, phải học đức tốt của tổ tông mỗi chính sách, mỗi mệnh lệnh, phải theo phép xưa của tông tổ. Hàng ngày cùng với thân huân đại thần, trăm quan văn võ đồng tâm hiệp sức để tìm đạo trị nước, khu xử việc đời, để tiến lên thái bình. Bổ quan thì tuỳ tài năng, xét công trạng để các quan đều xứng chức; tìm người thì xem ngôn hạnh, thử chính sự, để người hiền đều vào triều. Coi tướng thì dùng cả ân uy, để các tướng đều vui lòng làm việc; thương dân thì nhẹ bớt phú dịch, để dân đều sống thảo vui. Thưởng phạt quyền ở tay mình phải công bằng, **[41a]** tín thực; lễ nhạc là gốc của giáo hoá, phải đầy đủ, rõ ràng. Như thế thì chính sự mới được sửa sang, kỷ cương mới được chấn chỉnh. Văn đức thấm khắp mà vũ công hoàn thành; trong nước bình yên mà rợ ngoài sợ phục. Cơ đồ thống nhất, tông xã lâu dài, để vương nghiệp truyền đến ức muôn năm. Mong ngươi hãy kính theo để đáp lại lòng uỷ nhiệm truyền thụ của ta. Nay dụ".

Vua tôn phong mẹ sinh là Lê Thị Ngọc Hoàn làm Chiêu Nghi.

Mùa đông, tháng 10, đổi niên hiệu là Đức Nguyên. Đại xá.

Có chỉ ban ơn, cho võ ban được thăng bậc. Bọn Thái phó Khê quận công Trịnh Đống đều thăng làm thái tể; bọn Thiếu uý Liên quận công Trịnh Trượng, Bỉnh quận công Trịnh Khê, Lý quận công Trịnh Kiền, Hào quận công Lê Thì Hiến đều thăng làm thái phó; bọn Thái uý An quận công Trịnh Thiện, Kiêm quận công Trịnh Thụ, Thiếu phó Điện quận công **[41b]** Trịnh Ốc đều thăng làm thái bảo; Ân quận công Trịnh Miên làm thiếu uý, Tả đô đốc phó tướng Lương quận công Trịnh Vĩnh làm thiếu phó, bọn Trạc quận công Trịnh Kiêm, Lộc quận công Đinh Văn Tả đều làm thiếu bảo; bọn Vịnh quận công Đàm Cảnh Kiên, Toản quận công Trịnh Sâm, Yên quận công Trịnh Liễu đều làm hữu đô đốc; Phó tướng Phái Trạch hầu Trịnh Du làm đô đốc đồng tri, tước quân công; phó tướng Khiêm quận công Trịnh Duyên làm đô đốc thiêm sự.

Số còn lại đều được thăng chức tước theo thứ bậc khác nhau.

Phế Phan Kiêm Toàn làm dân thường, đưa về ở tại trấn Thanh Hoa vì Toàn làm nhiều việc can phạm. Lại thấy bọn Lê Hiệu, Lê Sĩ Triệt cùng đảng với Kiêm Toàn, giáng Hiệu làm tham chính xứ Hưng Hoá, Sĩ Triệt làm hiết sát sứ xứ Thái Nguyên.

Tháng 12, bọn Lại bộ hữu thị lang **[42a]** Thân toàn bổ nhiệm các chức trong ngoài đến 1.239 viên danh.

Biếm Tham chính xứ Nghệ An Lương Thực làm Đông các hiệu thư, vì Thực lấy ức tiền bạc của sĩ nhân.

Ất Mão, [Đức Nguyên] năm thứ 2 [1675], (Thanh Khang Hy năm thứ 14). Mùa xuân, tháng 3, bọn sứ thần Nguyễn Mậu Tài, Hồ Sĩ Dương về nước.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 3, vua băng. Các quan dâng tôn hiệu là Khoan Minh Mẫn Đạt Anh Quả Huy Nhu Khắc Nhân Đốc Nghĩa Mỹ Hoàng Đế, miếu hiệu là Gia Tông.

Xét công đi xứ. Lấy Nguyễn Mậu Tài làm Hình bộ thượng thư, tước sử, Hồ Sĩ Dương làm Công bộ thượng thư, tước quận công; Đào Công Chính làm Hình bộ hữu thị lang, Vũ Công Đạo làm Công bộ hữu thị lang, đều tước nam; Vũ Duy **[42b]** Hài làm Đông các đại học sĩ, tước tử.

Tháng 6, rước linh cữu gia Tông Mỹ Hoàng Đế về chôn ở lăng Phúc An[1], lập điện Thiên Ninh để thờ theo về quê của mẹ sinh là Chiêu Nghi. Khi ấy, Vương và chính phi thân đến làm lễ viếng, khóc rất thương xót. Định Nam Vương cũng thân đi đưa đến bến sông làm lễ rất thương kính. Các quan văn võ trông thấy đều chảy nước mắt.

Tháng 12, Hoàng đệ là Duy Cáp lên ngôi hoàng đế.

Trước kia, khi Thần Tông sắp băng, dặn lại Vương rằng: Cung nhân Trịnh Thị Ngọc Trúc[2] có thai mới được khoảng 4 tháng, chưa biết là con trai hay con gái, nhờ Vương trông nom giúp cho. Đến khi vua sinh ra, hình dáng kỳ vĩ, khi lên 9 tuổi, Vương nuôi ở trong phủ. Đến đây, Vương đích thân dìu lên điện, lên ngôi hoàng đế. Đổi niên hiệu, lấy tháng giêng năm sau làm Vĩnh Trị năm thứ 1. Đại **[43a]** xá.

Quy định công việc sáu bộ: Bộ lại giữ các quan tước, phong tặng, tuyển bổ khảo xét, thăng giáng và các việc bổ sung, chu cấp. Bộ hộ giữ các việc đất đai, nhân dân, kho tàng, tiền tệ, lương thực, vận chuyển và các việc bổng lộc, thuế khoá, cống nộp, muối mắm, gang sắt. Bộ lễ giữ các việc lễ nghi, cúng tế, chúc tụng, yến ẩm, học đường, các nghi thức về áo mũ, ấn phù, chương biểu, cống sứ, triều cận, kiêm coi các việc về thiên văn, thuốc men, bói toán, và tăng đạo, giáo phường, đồng văn, nhã nhạc. Bộ hình giữ các việc binh nhung, cấm vệ, xe ngựa, nghi trượng, khí giới và các việc về biên cương, trấn thủ, nhà trạm, nơi hiểm yếu, việc khẩn cấp. Bộ hình giữ các việc luật lệnh, hình pháp, xét xử ngục tụng, xử tội về ngũ hình[3]. Bộ Công giữ các việc về thành trì, cầu cống, đường sá, việc thổ mộc, thuyền thợ và các công việc về xây dựng, sửa chữa, **[43b]** các điều cấm về núi rừng, vườn tược, sông chằm.

Mùa thu, tháng 7, lấy Vũ Duy Chí làm Hộ bộ thượng thư, Nguyễn Mậu Tài làm Binh bộ thượng thư, Thân Toàn làm Ngự sử đài đô ngự sử, Đặng Công Chất làm Lại bộ tả thị lang, Lê Vinh làm Hộ bộ hữu thị lang, Nguyễn Công Bích làm Lễ bộ tả thị lang, Đồng Tồn Trạch làm Công bộ tả thị lang, Nguyễn Danh Thực làm Lại bộ hữu thị lang, Vũ Duy Hài làm Binh bộ hữu thị lang, Bùi Đình Viên làm Hình bộ hữu thị lang.

Tháng 9, trấn thủ xứ Nghệ An kiêm trấn châu Bố Chính thống suất quan Tả trung quân dinh phó tướng Thái phó Hào quận công Lê Thì Hiến chết. Thì Bà này người làng Đông Khôi, huyện Gia Định (sau đổi là Gia Bình). Bà không phải là con Trịnh Tráng cũng tên là Trịnh Thị Ngọc Trúc, hoàng hậu của Thần Tông.

Hiến là người trí lược dũng cảm có tài cơ biến, coi quân thì hiệu lệnh nghiêm túc, mỗi khi đi đánh dẹp, thường lập công to, thọ 66 tuổi, **[44a]** chết tại trấn. Tặng thái tể, ban thuỵ hiệu là Nghiêm Trí, bao phong làm phúc thần, lập đền thờ (Thì Hiến người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương).

Sai Hữu đô đốc Yên quận công Trịnh Liễu trấn thủ xứ Nghệ An kiêm trấn châu Bố Chính.

Sai Nguyễn Công Bích và Đào Công Chính vào hầu kinh diên.

Giáng Thiêm đô ngự sử Đỗ Thiện Chính làm Hộ Khoa đô cấp sự trung vì Chính xử kiện không đúng.

Mùa đông, tháng 10, Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ quốc lão tham dự triều chính Chưởng Lục bộ sự thái bảo Yên quận công Phạm Công Trứ chết. Công Trứ là người sâu sắc, điềm tĩnh, giản dị, chắc chắn, làm việc có mưu thuật, giúp Vương từ tiềm để, mưu tính nhiều việc, giúp việc nước lâu ngày luật pháp, chế độ có nhiều đổi mới, thọ 76 tuổi: tặng Thái tể ban thuỵ hiệu là Trung Cần (Công Trứ người làng Liêu Xuyên, huyện Đường Hào)[4].

[44b] Tháng 11, thi Hương sĩ nhân các xứ.

---

[1] Lăng Phúc An: hay lăng Phúc Lộc, huyện Thuỵ Nguyên, quê của bà Chiêu Nghi Lê Thị Ngọc Hoàn.

[2] Cương mục, Q.33, chép là Ngọc Tấn, chú thêm có sách chép là Ngọc Trúc.

[3] Ngũ hình: chỉ năm thứ hình phạt là: đánh bằng roi (xuy), đánh bằng gậy (trượng), khổ sai (đồ), đầy đi xa (lưu), giết (tử).

[4] Huyện Đường Hào: sau là huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

Tháng 12, hạn hán.

Lấy Phạm Chất làm Hình bộ tả thị lang. Vũ Duy Hài làm Ngự sử đài đô ngự sử, Nguyễn Viết Thứ làm thiêm đô ngự sử. Thiểu Sĩ Lâm làm Lại Khoa đô cấp sự trung.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Tục Biên

Quyển XX

[1a]

Kỷ Hoàng Triều Nhà Lê

Kính Tông Huệ Hoàng Đế
Thành Tổ Triết Vương[1]

Tên húy là Duy Tân, là con thứ vua Thế Tông. Mẹ là hoàng thái hậu Ý Đức họ Nguyễn người xã Duy Tinh, huyện Thần Lộc[2]. Vua ở ngôi 20 năm, thọ 32 tuổi. Vua nối thể thống, giữ nghiệp đã thành, nhờ sức nhà Chúa, bình định bọn phản nghịch, thân đưa đến cảnh thái bình. Nhưng lầm nghe mưu gian ngầm bội bạc người sư phó không được, phải chết ở chốn lưu đày[3]. Nhưng nối giữ nghiệp, lòng tôn trọng tin theo không thể chê trách, [chúa] là ông ngoại, nắm chính quyền, tình nghĩa khuông phò lại càng dốc hết, có quyền biến mà không bỏ mất đạo thường. Càng thấy rõ cái đức tuyệt vời của nhà Chúa.

Canh Tý, Thận Đức năm thứ nhất [1600], (từ tháng 10 trở về sau là Hoằng Định năm thứ nhất. Minh Vạn Lịch năm thứ 28).

Mùa xuân, lập bà phi họ Trịnh **[1b] l**àm hoàng hậu[4]. Bà là con gái của Bình An Vương [Trịnh Tùng][5].

Tháng 4, ngày 27 tướng thuỷ quân là Kế quận công Phan Ngạn, Mỹ quận công Bùi Văn Khuê, Tráng quận công Ngô Đình Nga, làm phản ở Sơn Nam. Sai thái uý Nguyễn Hoàng đem quân đi đánh. Hoàng trốn đi[6].

Tháng 5, ngày 7, xa giá đến Thanh Hoa. Hoàng lúc mới từ Thuận Hoá vào chầu[7], nhiều lần được sai đi chinh phạt, cha con cùng gắng sức, hoàn toàn không có ý gì khác. Bọn bất lương thường cho rằng ông có công lớn, dễ bị nghi ngờ đố kỵ, mà kích động, và cho rằng Hoành Sơn là nơi xa xôi hiểm trở để xúi bẩy, chí của Hoàng bèn thay đổi. Vì cớ bọn Phan Ngạn ba tướng đều là bộ hạ ngầm dụ dỗ làm phản. Chúa đang bàn đánh dẹp, Hoàng xin đi, chúa bằng lòng. Hoàng bèn cùng với con trai thứ năm là Thuỵ quận công Phúc Nguyên, thứ nữa là bọn Văn quận công Phúc Hiệp, Thạch quận công Phúc Trạch, đem đại quân bản bộ gồm 2 vạn lính, 300 chiến thuyền xuống Sơn Nam **[2a]** đi tắt ra cửa bể Đại An, dương buồm chạy đi. Bấy giờ Hoàng đã 76 tuổi. Tin báo đến nơi, triều đình chấn động. Chúa lo Hoàng vào

---

[1] Toàn bộ phần mở đầu kỷ Kính Tông ở bản Lê Hy (BK13-1a) chép giản lược và không có mục đài chữ lớn niên hiệu của Trịnh Tùng (Thành Tổ Triết Vương) như ở đây. Các chú thích so sánh ở đây khi nhắc tới bản Lê Hy là đều thuộc quyển 18 phần Bản kỷ tục biên.

[2] Nay là xã Văn Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Nguyên văn: Tổ vu Đồng Cung là nơi tể tướng Y Doãn đày vua Thái Giáp nhà Hạ.

[4] Tên là Trịnh Thị Ngọc Trúc.

[5] Bản Lê Hy [1a] lược bớt nhiều.

[6] Bản Lê Hy [1a] hơi khác.

[7] Bản Lê Hy [1a] lược bớt nhiều.

chiếm cứ Thanh Hoa, lập tức quyết định giúp vua hồi loan, để giữ vững chỗ căn bản. Sai tướng sĩ các doanh, bá quan văn võ đều hộ tùng. Quan Thái Bảo, Thượng thư bộ Hộ là Đỗ Uông can ngăn, xin lưu lại ở kinh đô. Khi xa giá đã đi rồi, ông bị loạn binh giết chết.

Con trai thứ của chúa là Trấn Trung hầu Trịnh Lâm làm cầu phao ở xã Tiên Sài huyện Yên Sơn để quân đi qua, thưởng cho 10 lạng vàng.

Khi xa giá về đến nửa đường, thấy con trai thứ ba của Hoàng là Cẩm quận công Nguyễn Phúc Hải và cháu nội là Phụ quận công Nguyễn Hắc đón đường lạy chào, nói rằng Hoàng tuổi già muốn trở về nơi trấn sở, không kịp xin mệnh vua, đã trở về Thuận Hoá rồi, cho con và cháu ở lại làm con tin, để tỏ lòng trung. Vua uý lạo họ, lòng người mới yên.

Cho Tả thị lang bộ Hộ, tước Bàng Phú tử Bùi **[2b]** Khắc Nhất làm Thượng thư bộ Hộ tước Văn Phú bá, gia phong là Hiệp mưu tán lý công thần (Khắc Nhất người ở Bột Thái đất Thanh Hoa)[1].

Bọn Phan Ngạn đã làm phản, dùng niên hiệu nguỵ Mạc là Càn Thống sai người chiêu an thành thị. Ngạn nghi Văn Khuê có chí khác, xin hội ở giữa sông, đánh giết y, rồi tự xưng là Tiết chế Sính quốc công, cho em làm Thái bảo Quỳnh quận công. Đình Nga tự xưng là Thái bảo Hoa quốc công. Vợ của Văn Khuê là Nguyễn Thị Niên khóc lóc, bảo với quân của y rằng: "Ai có thể báo thù cho chồng tôi, giết được Phan Ngạn thì tôi trọng thưởng". Quân chúng đều cảm động hăng hái. Phan Ngạn nghe tin, tức giận. Ngày 1 tháng 6, Ngạn đem quân đến Hoàng Giang. Vợ Văn Khuê đem quân ra nghênh chiến, bắt giết được Ngạn, đem đầu Ngạn để tế chồng. Đồ đảng của Ngạn cũng tan vỡ.

Bác của vua là Thái uý Bản quốc công Lê Bách theo xe vua không kịp, bị giặc giết hại **[3a]**, tặng hàm Tư đồ[2].

Hạ lệnh: các thần liêu tướng sĩ hỗ tùng vua tới Yên Trường đều được phong là công thần, quan võ thì phong là Đôn hậu Uỷ dũng, quan văn thì phong là Kiệt tiết Tuyên lực, đều hai chữ. Tiến phong Hoàng Đình Ái chức Thái tể, gia phong là Suy trung Dực vận công thần. Tặng Đỗ Uông hàm Thái bảo[3].

Sai Thiêm đô ngự sử Lê Nghĩa Trạch (người ở Cổ Đôi huyện Nông Cống) đem sắc đi uý lạo lão tướng Nguyễn Hoàng, nhận cho ông vẫn lưu trấn hai xứ Thuận Quảng trưng thu cống phủ để giúp cho sự chỉ dụng của nhà nước. Chúa gửi thư riêng cho ông ta, rằng: "đại thần cùng với nước phải cùng chung vui buồn. Cậu đối với nước mà nói, thì là kẻ bề tôi huân cựu mấy đời, đối với nhà mà nói thì là tình nghĩa rất thân thuộc. Mới rồi vì nguỵ Mạc tiếm nghịch, vận nước gặp lúc bĩ, tiên tổ là thái tể Hưng quốc Chiêu Huân Tỉnh công đầu tiên khởi xướng đại nghĩa, giúp hoàng đế Trang Tông trong lúc gian nan, danh phận **[3b]** lại được chính. Khi tiên tổ qua đời, tiên khảo cháu là Minh Khang Thái Vương giữ trọng trách của nước, thấy cậu là người thân ruột thịt, uỷ cho trị nhậm hai xứ Thuận Quảng. Cậu từ khi nhận mệnh lệnh, vỗ yên dân địa phương, thực là có công. Tiên khảo cháu chầu trời, cháu giữ binh quyền, vẫn để cậu giữ chức cũ. Nhiều lần gửi thư giục cậu đốc thu tiền thuế, vận tải lương thực để giúp việc chi dùng của nước. Cậu thường lấy cớ là đường biển gian hiểm mà từ. Đến khi kinh thành đã khôi phục, thiên hạ đã yên, cậu mới ung dung theo đạo nghĩa. Triều đình ưu đãi cho quản một phủ Hà Trung, và một dải 7 huyện miền thượng trấn Sơn Nam, trao cho chức Hữu tướng là có ý muốn cho cậu và Tả tướng Hoàng Đình Ái phù trì hai bên tả hữu, để giúp nghiệp thịnh trị, để yên nhân dân nước Nam. Mới rồi nghịch thần là bọn Phan Ngạn, Bùi Văn Khuê, Ngô Đình Nga manh tâm phản bội, nổi quân làm loạn. Cháu đang cùng cậu lo liệu **[4a]** viện binh, đuổi đánh bọn nghịch. Không ngờ cậu chẳng đợi mệnh, tự tiện bỏ về, làm cho lòng dân địa phương náo động. Không biết đó là bản ý của cậu chỉ tiêu của nước. Thì lấy công trừ lỗi, triều đình đã có pháp điển, mà công lao ngày trước của cậu lại được vẹn toàn, huân danh sự nghiệp mấy đời mãi mãi không mất. Nếu không thế thì lấy thuận đánh nghịch, triều đình cất quân là có danh nghĩa rồi. Danh tiết của cậu rồi sẽ ra sao? Cậu trong khi làm việc binh vẫn thường **[4b]** lưu tâm kinh sử, xin hãy nghĩ kỹ, chớ để hối hận về sau".

---

[1] Bản Lê Hy lược bỏ.

[2] Bản Lê Hy [4a] lược bỏ.

[3] Bản Lê Hy [4a] lược bỏ.

Hoàng trở về trấn, đi đến dinh Cát, các tướng lại cũ và quân dân đều vui mừng, bèn sai con là Phúc Nguyên coi quản việc quân ở Thuận Hoá, Phúc Hiệp, Phúc Trạch trấn giữ Quảng Nam[1].

Lê Nghĩa Trạch đi đến cõi ấy, biết Hoàng vốn là người cơ mưu, bèn bí mật bỏ chiếu thư vào trong ống, giấu ở bụi rậm ở ngoài đồng nội, rồi sai xá nhân đi báo. Hoàng nghe tin, lập mưu làm nhục sứ mệnh, sai người ban đêm đến cướp quán trọ, tìm hết hòm xiểng, không thấy chiếu thư đâu, bèn đem đốt hết. Sáng hôm sau Hoàng thân dẫn tướng tá, chỉnh bị nghị vệ ra đón, thấy Nghĩa Trạch tay bưng chiếu thư trao cho. Hoàng kinh ngạc, quay lại bảo tả hữu rằng: "Trời sinh chủ tướng, triều đình có người giỏi". Bèn khoản đãi sứ giả của triều đình, dâng sớ tạ tội, và gửi thư cho nhà chúa, tự trách mình, nhận lỗi thành khẩn, và xin cho được hai trấn để dưỡng tuổi già, và dâng **[5a]** con gái làm phu nhân của vương tử Bình quận công, hẹn đến tháng 10 sẽ làm lễ đưa đến kinh đô, mãi mãi giữ vững tình nghĩa thông gia. Lại lưu con cháu ở lại để đi theo chầu hầu. Chúa ưng cho[2].

Vì thấy Hồng lô tự khanh Lương Trí là người có học vấn, đạo đức, cân nhắc lên làm Hữu thị lang bộ Lễ[3].

Bấy giờ đô thành trống rỗng, trộm cướp nổi lên. Con Nguyễn Miễn là Nam Dương hầu Nguyễn Nhậm tụ họp bè đảng, tự xưng là Nam quận công. Kỳ Huệ Vương nhà nguỵ Mạc tự xưng là Nam thổ tiết chế, nguỵ Uy Vũ hầu tụ tập 300 binh thuyền, tự xưng là Hải Dương đại tướng[4] rước mẹ Mạc Mậu Hợp là Bùi thị về kinh làm vua, tôn làm "Quốc mẫu". Các người tôn thất nhà Mạc trước đây ẩn trốn, nay đều ra theo. Bùi thị sai người đi rước Mạc Kính Cung ở Long Câu, phong thưởng tràn lan, quan dân không kể công lao mới hay cũ đều phong cho các chức đô chỉ huy sứ, đồng tri thiêm sự và tả hữu hiệu điểm **[5b]**.

Mùa thu, tháng 7, Mạc Kính Cung qua Nam Quan tiến đến Thị Cầu. Bọn Ngô Đình Nga đều dẫn lính huyện mình đi đón. Kính Cung cho chúng giữ nguyên chức tước, tiến vào chiếm giữ Đông Kinh, quân đông hàng vạn, sai quân đóng đồn ở Gián Khẩu đất Gia Viễn để ngăn chặn quân nhà vua[5].

Chúa xin vua ra quân, đem đại binh đánh giặc, đóng quân ở Bái Đính. Cho thự vệ Đăng quận công Nguyễn Khải làm tiên phong. Văn quận nguỵ tới đầu hàng, tha tội cho. Khải đánh nhau với quân giặc ở Gián Khẩu, phá tan được[6].

Tháng 8, đại quân ra Trường Yên, thuỷ bộ cùng tiến. Quân thuỷ vào sông Châu Xá, ngược dòng mà lên. Đến Hát Môn thì xuôi dòng xuống Bồ Đề. Quân Mạc bị thua to, bị giết và chết đuối vô số. Bắt được Bùi thị đem giết[7], bèn khôi phục kinh thành. Mạc Kính Cung trốn đi. Em Phan Ngạn là Quỳnh quận công nguỵ đến hàng, chúa tha tội cho. Bấy giờ những người tới hàng **[6a]** kế tiếp nhau. Sai quân đánh úp phá được tướng Tây đạo nguỵ là quận Nhai, quận Cao ở Nhật Chiêu thuộc Bạch Hạc[8] bắt được 40 chiếc thuyền và 7 con voi.

Ngày rằm tháng ấy, chúa sai báo tin thắng trận, đón rước xe vua. Sai sửa đường đê từ Chương Đức đến Mỹ Lương để đi lại[9]. Vương tử là Trịnh Lâm có nhiều chiến công, được thăng là Trấn quận công, sai đem quân về làm lưu thủ Thanh Hoa. Tướng dinh Yên Bắc ở Tuyên Quang là Hoà quận công Vũ Đức

---

[1] Bản Lê Hy lược bỏ.

[2] Bản Lê Hy lược bỏ.

[3] Bản Lê Hy lược bỏ.

[4] Bản Lê Hy lược bỏ.

[5] Bản Lê Hy [4a] lược bỏ câu cuối.

[6] Bản Lê Hy [4a] lược bỏ câu cuối.

[7] Bản Lê Hy lược bỏ.

[8] Bản Lê Hy không có chữ "Bạch Hạc".

[9] Bản Lê Hy chép việc sửa đường và đón xa giá vào tháng 5 năm 1601.

Cung cùng con là Thiếu bảo Thuỵ quận công Vũ Công Ứng sai người đem thư đến hành cung. Chúa tiếp đãi an ủi rất trọng hậu, hạ chỉ khen ngợi, và khiến đi bắt bọn con cháu giặc[1].

Tháng 9, vương tử là Bình quận công [Trịnh Tráng] sai quân đuổi bắt được Ngô Đình Nga ở bờ biển, đem về kinh giết chết, mà tha cho con y là Đình Nguyên (về sau Đình Nguyên ra sức lập công, được phong là Hoà quận công).

Thự vệ là Xuân quận công Nguyễn Đăng **[6b]** Ngạn (người ở Động Trung huyện Chân Định), trong dịp theo vua hồi loan, tự xin trở về làng quê, thu thập con em để giúp thêm quân. Vua ưng cho, sai đem theo vài mươi người vượt biển đến Chân Định. Nghe tin Nguyễn Nhậm đóng đồn ở Kỳ Bố, bèn đến thẳng đó đánh úp, bọn giặc bắt, ông cùng các tướng ở hạ lộ là bọn Tiên quận công gồm 18 người đều chết vì nạn nước.

Nguyễn Nhậm và Uy Vũ hầu nguỵ đem quân chúng có hai trăm thuyền từ Đông Đạo đi tắt sang, áp sát bến Ông Mạc thuộc Thanh Trì. Chúa sai các quân chỉnh tề bầy trận đợi đánh, cả phá được. Bọn Nhậm chạy về Sơn Nam hạ lộ.

Mùa đông, tháng 10, sai Hải quận công Nguyễn Đình Luân đánh Nguyễn Nhậm. Luân đến Hoàng Giang đánh địch, bị đại bại, chạy về kinh, bị mất hơn 40 chiếc [thuyền], chúa giận lắm, bãi chức của Luân.

Xe vua trở về kinh sư. Vua ngự ở chính điện nhận chầu mừng. Có rồng vàng hiện ở trước điện Kính Thiên **[7a]**[2]. Xuống chiếu đổi niên hiệu là Hoằng Định. Đại xá thiên hạ[3].

Bàn công đánh giặc, thăng Nguyễn Khải làm Tả đô đốc, phong làm Hiệp mưu dương vũ công thần; Tổng thái giám Triệu Lượng hầu Bùi Sĩ Lâm (người xã Lưu Vệ, huyện Quảng Xương) làm Thành quận công, phong làm Hiệp mưu đồng đức công thần. Ngoài ra đều được thăng chức có hơn kém[4].

Bắc cầu phao ở bến Ông Mạc.

Tháng 12, Mạc Kính Cung chạy về Kim Thành. Nguyễn Nhậm chiếm giữ Nam Xang, giết Uy Vũ hầu và đoạt luôn quân của y. Nguỵ Nhai, nguỵ Cao chạy lên Đại Đồng, Vũ Đức Cung giết chúng[5].

Tân Sửu, [Hoằng Định] năm thứ 2 [1601], (Minh Vạn Lịch năm thứ 29).

Mùa xuân, tháng giêng, chúa thân đem đại quân dẹp Nguyễn Nhậm, đánh nhau ở Lãnh Giang. Tướng tiên phong là Chấn quận công chết tại trận. Quan quân dốc sức xông pha, cả phá được giặc, chém được Nhậm và nguỵ Nga quận, bắt được chiến thuyền, khí giới **[7b]** trâu bò súc vật, kể có hàng nghìn. Bắt được em của Nhậm là quận Tào, quận Vị nguỵ, đem giết hết. Hạ lệnh chiêu an các huyện. Rút quân về kinh sư.

Cho Nguyễn Khải làm trấn thủ Sơn Nam[6].

Tháng 3, sai Hoàng Đình Ái đem quân bình định Hải Dương. Mạc Kính Cung bỏ binh mà trốn vào rừng núi. Đình Ái phá huỷ dinh trại địch, chiêu phủ nhân dân rồi về. Kính Cung chạy lên Lạng Sơn. Vùng Đông Nam bình định hết.

Tháng 4, trời mưa ra đá. Tháng 10, vì thấy viên hiệu thảo Nguyễn Danh Thế đang cư tang, mà biết ẩn tránh, không theo lệnh giặc, bèn thăng cho làm chức Hiến sứ Sơn Tây[7].

---

[1] Xem thêm đoạn dưới.

[2] Bản Lê Hy [5b] chép việc này vào tháng 8 năm 1601.

[3] Bản Lê Hy [6a] chép việc này vào tháng 11.

[4] Bản Lê Hy lược bỏ.

[5] Bản Lê Hy [5a] chép: Thổ quan đánh thuốc độc giết chết.

[6] Bản Lê Hy lược bỏ.

[7] Bản Lê Hy lược bỏ.

Tháng 11, thi hương.

Tháng 12, thăng cho Đô ngự sử Văn Trinh bá Lê Trạc Tú làm thượng thư bộ Lại, tước Văn Dương hầu, phong làm Hiệp mưu tá lý công thần.

Sai Nguyễn Khải đem quân lược định vùng Sơn Tây, Kinh Bắc, vỗ yên dân địa phương, vài tháng thì trở về.

[8a] Nhâm Dần, [Hoằng Định] năm thứ 3 [1602], (Minh Vạn Lịch năm thứ 30).

Mùa xuân, tháng 2, thi hội các cử nhân[1], lấy đỗ bọn Nguyễn Đăng 10 người. Thi Đình cho bọn Nguyễn Đăng 2 người, đỗ tiến sĩ xuất thân, và Nguyễn Cung 8 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Thăng thượng thư bộ Lễ, tước Mai Lĩnh hầu là Phùng Khắc Khoan làm thượng thư bộ Hộ, tước Mai quận công[2].

Tháng 2 nhuận, thổ tướng ở Đại Đồng là Thuần quận công về hàng.

Tháng 3, trời mưa đá.

Tháng 4, bắt được nguỵ Huệ Vũ Vương, đem giết.

Ngày rằm, nguyệt thực.

Cho Hữu thị lang bộ Lại tước Văn Thuần nam là Lương Chí bồi hầu kinh diên[3].

Mùa thu, tháng 8, chúa đại duyệt các quân ở Thảo Tân.

Mùa đông, tháng 10, triệu Nguyễn Danh Thế về, cho làm Đô cấp sự trung Hộ khoa, Bồi tụng phủ đường. Cho Đô cấp sự trung Hộ khoa Nguyễn Thực làm Hồng lô tự khanh[4].

[8b] Quý Mão, [Hoằng Định] năm thứ 4 [1603], (Minh Vạn Lịch năm thứ 31).

Mùa xuân, tháng 3, giữa mặt trăng có ba chấm đen (sử không ghi ngày).

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng một nhật thực.

Chúa ngờ Nguyễn Khải có bụng khác, sai Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm gông trói lại, xét nghiệm không có tang chứng, một năm sau mới thả ra.

Giáp Thìn, [Hoằng Định] năm thứ 5 [1604], (Minh Vạn Lịch năm thứ 32).

Mùa xuân, tháng 2, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Đặng Duy Minh 7 người.

Thi đình, cho bọn Nguyễn Thế Tiêu 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Đặng Duy Minh 5 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Gọi Ký lục trấn Thanh Hoa, Hữu thị lang bộ Hình là Ngô Trí Hoà về, cho làm Tả thị lang bộ Lại. Cho Tự khanh Nguyễn Thực làm Hữu thị lang bộ Lễ. Cho Đô cấp sự Nguyễn Danh Thế làm Thái bộc tự khanh[5].

Ất Tỵ, [Hoằng Định] năm thứ 6 [1605], (Minh Vạn Lịch năm thứ 33).

Tháng 10, giặc thổ ở Lộc Châu là Vi Đạt Lễ, xâm phạm châu Tư Lăng **[9a]** của Trung Quốc. Hoàng Đình Ái sai người bắt giết đi[6].

---

[1] Cử nhân ở đây và các đoạn sau chưa phải một học vị mà là danh từ chỉ chung những người thi hội.

[2] Bản Lê Hy lược bỏ.

[3] Bản Lê Hy lược bỏ.

[4] Bản Lê Hy lược bỏ.

[5] Bản Lê Hy lược bỏ.

[6] Bản Lê Hy lược bỏ.

Bính Ngọ, [Hoằng Định] năm thứ 7 [1606], (Minh Vạn Lịch năm thứ 34).

Mùa xuân, tháng giêng sang nước Minh, bọn Lê Bật Tứ, Nguyễn Dụng, Nguyễn Khắc Khoan sang tạ ơn nhà Minh đã ban sách phong cho vua. Bọn Ngô Trí Hoà, Nguyễn Thực, Phạm Hồng Nho, Nguyễn Danh Thế, Nguyễn Úc, Nguyễn Duy Thì, là hai sứ bộ đem cống vật.

Sai Hoàng Đình Ái và Trịnh Đỗ đem quân đi hộ vệ[1].

Tháng 3, ngày mồng 5, cháu chúa Trịnh Tạc ra đời, đó là con trai thứ của Bình quận công[2].

Tháng 12, lục dụng các con lớn của các trọng thần. Tiến phong con của Hoàng Đình Ái là thự vệ sự Lương Mỹ hầu, Hoàng Đình Thái làm Lương quận công, con của Nguyễn Hữu Liêu là Tham đốc Phù Lương hầu, Nguyễn Công Minh là Quế quận công[3].

Đinh Mùi, [Hoằng Định] năm thứ 8 [1607], (Minh Vạn Lịch năm thứ 35).

Mùa xuân, tháng 3, thi Hội các cử nhân. Lấy bọn Ngô Nhân Triệt **[9b]** 5 người. Thi đình, cho Lưu Đình Chất đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nhân Triệt 4 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân (Đình Chất là người xã Quỳ Chử huyện Hoằng Hoá).

Con của công thần Lâm quận công Đình Thưởng đã làm quan Lại khoa cấp sự trung, xin vào thi, được đỗ, thăng cho làm Đô cấp sự trung[4].

Tháng 11, ngày 15, Đồng bình chương sự tham dự triều chính thái tể vinh quốc công Hoàng Đình Ái mất. Ái là người có học thức, thông hiểu binh pháp, cầm quân nghiêm túc. Bên trong thì giúp về mưu mô, bên ngoài thì theo đi chinh phạt, thân trải qua mấy trăm trận đánh, tới đâu thắng đó. Ngôi kiêm cả tướng võ, tướng văn, vẫn không lấy quyền uy mà lên mặt, lại thường ưu đãi sĩ đại phu, và thận trọng giữ gìn pháp độ. Người đương thời đều ca ngợi tài đức của ông. Ông mất năm 81 tuổi. Được tặng chức Bình chương sự, tước Nhã đô Mậu Nghĩa quân, ban tên thuỵ là Hậu Đức. Mai táng ở sách Vân Lung huyện Thạch Thành, cấp tiền 1000 quan, dân tạo lệ là 10 **[10a]** xã. Sai Tả thị lang bộ Lễ là Nguyễn Lễ soạn bài bia thần đạo để ghi lại công lao của ông[5].

Ngày 19 hoàng trưởng tử là Duy Kỳ ra đời, do hoàng hậu sinh ra. Bách quan tới vương phủ lạy mừng[6].

Mậu Thân, [Hoằng Định] năm thứ 9 [1608], (Minh Vạn Lịch năm thứ 36).

Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 3, mặt trời có hai quầng.

Tháng 6, triều Minh sai quan ở Hồng lô tự mang sắc thư sang bao phong và ban cho lễ vật. Quan bạn tống sứ thần đến cửa Trấn Nam quan. Sai bọn Trịnh Đỗ, Lương Chí, Dương Tông Lễ tiếp lãnh, và lĩnh quả ấn bạc được đổi cấp trở về nước[7].

Tháng 12, bàn công đi sứ, cho Phú Lộc bá Ngô Trí Hoà làm Thượng thư bộ Hộ, Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ làm Tả thị lang bộ Hộ. Cho Nguyễn Thực làm Tả thị lang bộ Lễ. Nguyễn **[10b]** Danh Thế làm Hữu thị lang bộ Lại, Nguyễn Khắc Khoan làm Hữu thị lang bộ Công. Họ đều được tước tử. Hộ khoa cấp sự Nguyễn Duy Thì làm Thiêm đô ngự sử. Sau lại cho Ngô Trí Hoà kiêm chức Tế tửu Quốc tử giám[8].

---

[1] Bản Lê Hy [7a] bỏ chi tiết sau cùng.

[2] Bản Lê Hy bỏ toàn bộ.

[3] Bản Lê Hy bỏ toàn bộ.

[4] Bản Lê Hy [7a] bỏ chú thích về Dinh Chất từ chữ "Đinh Chất"... đến cuối đoạn.

[5] Bản Lê Hy bỏ việc này.

[6] Bản Lê Hy bỏ việc này.

[7] Bản Lê Hy lược bỏ.

[8] Bản Lê Hy lược bỏ.

Năm ấy hạn nặng, thóc đắt, dân đói.

Kỷ Dậu, [Hoằng Định] năm thứ 10 [1609], (Minh Vạn Lịch năm thứ 37).

Sai Tuấn Nghĩa dinh hội các cử nhân[1]. Lấy bọn Nguyễn Tiến Dụng 7 người. Thi đình, cho Nguyễn Văn Khuê đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Tiến Dụng 6 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Thăng Ngô Trí Hoà tước Phú Xuân hầu.

Tháng 10, Lê Bật **[11a]** Tứ dâng khải trình bày hai điều: Một là lập thế tử, giao trước binh quyền để cốt lòng người; hai là xử trí bọn phiên trấn mạnh để thống nhất chế độ: "Kể ra, bậc vương giả lấy thiên hạ làm một nhà, bên cạnh giường nằm không thể để người khác nằm mà ngáy được. Nay các xứ Thái Nguyên, Cao Bằng, Quảng Nam, Thuận Hoá vốn là bờ cõi của tiên vương, thế mà bao năm tích tệ để mặc cho họ dông càn. Nếu không xử trí, sợ thành mối lo về sau. Nay thánh thượng có chí anh hùng, trăm trận đánh trăm trận thắng nên có thiên hạ, tướng tá đông đúc, quân khoẻ nghề tinh, ngựa uống thì nước sông cạn; gươm mài thì đá núi mòn. Chiến thuyền hàng ngàn, voi mạnh hàng trăm. Tinh binh trong thiên hạ, tập hợp ở kinh sư. Thế mà nuông giặc không đánh, tức là nuôi hổ để xảy mối lo về sau vậy. Ngày xưa Đường Hiến Tông theo lời bàn của Hoàng Thường, lấp pháp độ mà **[11b]** kiềm chế các phiên trấn, cuối cùng làm nên công nghiệp trung hưng.

Từ đời Đường đến nay, há không có tệ phiên trấn chuyên cát cứ đất đai, nhưng pháp độ của triều đình đã dựng lên, thì kẻ kia không dám kiêu lộng nữa. Nay các bọn phiên trấn mạnh được dịp hoành hành, thế chúng đã thành, nên phải sớm lo ức chế. Đó chẳng phải lời nói trung thành để trình lên sao? Kính xin quyết đoán thi hành, thì cơ nghiệp của nhà nước ức muôn năm không cùng đều do ở đấy".

Bấy giờ Mạc Kính Cung, Kính Khoan trốn lủi trong núi rừng, không ra cướp phá. Nguyễn Hoàng tuy kêu già yếu không vào chầu nhưng vẫn cống nạp đầy đủ.

Các con của ông đều làm quan tại triều. Chúa coi việc dùng binh làm nặng nhọc, cho nên chưa rỗi mà lo tới[2].

Tháng 12, nhắc Nguyễn Thực lên tước Phương Lan hầu[3].

Tân Hợi, [Hoằng Định] năm thứ 12 [1611], (Minh Vạn Lịch năm thứ 39).

Tháng 8, ghi nhận cha con Hà Nhân Chính, Hà Thọ Lộc là người **[12a]** trung nghĩa có công lao, tiến phong cháu nội ông là Nhân Dương hầu Hà Mỹ Hiền làm Hào quận công[4].

Tháng 10, ngày mồng 6, núi Tản Viên bị sạt lở 12 trượng.

Ngày 18, ở huyện Yên Việt, trời mưa máu một ngày một đêm.

Nhâm Tý, [Hoằng Định] năm thứ 13 [1612], (Minh Vạn Lịch năm thứ 40).

Mùa xuân, tiến phong vương tử là Bình quận công[5], Trịnh Tráng làm Thanh quận công, gia chức Thái phó.

Mùa thu, tháng 8, nước lên to[6].

Thiêm đô ngự sử Phương Tuyền bá Nguyễn Duy Thì và Giám sát ngự sử 13 đạo là bọn Phạm Trân dâng khải nói:

---

[1] Bản Lê Hy không chép năm 1609.

[2] Bản Lê Hy bỏ đoạn này.

[3] Bản Lê Hy không chép việc này.

[4] Bản Lê Hy chép việc này.

[5] Bản Lê Hy không chép việc này.

[6] Bản Lê Hy chép việc này.

"Dân là gốc của nước, đạo trị nước là yêu quý dân mà thôi. Trời và dân theo một lẽ, lòng dân vui thích tức là được ý của trời. Vì thế, người giỏi trị nước phải yêu dân như cha mẹ yêu con, thấy dân đói rét thì thương, thấy dân khổ sở thì xót. Cấm **[12b]** sự hà khắc bạo ngược, ngăn sự đánh thuế bừa bãi, để cho dân được dễ sống, mà không có tiếng oán than. Thế mới là biết đạo trị nước. Nay thánh thượng để ý đến dân, một chính sự thì hành ra cũng cốt nuôi dân, một mệnh lệnh ban bố ra cũng ngăn sự nhiễu dân. Lòng yêu quý dân ấy thực là độ lượng của trời đất, cha mẹ vậy. Chỉ vì kẻ thừa hành chưa biết thể theo đức ý người trên, trăm làm sự hà khắc bạo ngược, đua đòi xa xỉ. Coi một huyện thì làm khổ dân một huyện, coi một xã thì làm khổ dân một xã. Phàm những việc nhiễu lạm, không việc gì là không làm, khiến cho dân trong nước, đàn ông không còn áo mặc, đàn bà không còn váy đeo. Tiệc hát xướng không còn, lễ cưới xin không đủ. Nuôi người sống, đưa người chết, chẳng đâu cho. Ăn uống chỉ dùng hàng ngày, chẳng đâu cấp. Dân mọn nghèo nàn cho đến côn trùng thảo mộc đều không được thoả **[13a]**. Vì thế, cảm động đến trời đất, đến nỗi lòng trời ở trên chưa thuận, tai hoạ lũ lụt quá mức thường, chắc là có quan hệ với chính sự hiện nay, há chẳng nên sợ hãi tu tỉnh, nghĩ đến cái lỗi làm nên thế sao? Tất phải làm chính sách giữ dân, thì dưới thuận lòng dân, trên hợp ý trời, mà chuyển tai biến làm điềm lành; thóc lúa được mùa, người người no đủ; trong nước thái bình, cơ nghiệp ức muôn năm của nước nhà cũng nhờ đó mà bền vững lâu dài vậy?". Chúa nghe lời.

Tháng 10, Thái phó Thanh quận công sai thuộc tướng là bọn Nguyễn Văn Huyên bắt được nguỵ Tiêu quốc [công] ở núi Thiên Kiện, đem giết (nguỵ Tiêu là người xã Bất Đoạt, huyện Kim Bảng).

Quý Sửu, [Hoằng Định] năm thứ 14 [1613], (Minh Vạn Lịch năm thứ 42).

Mùa xuân, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Bùi Tất Thắng 7 người. Thi đình cho bọn Nguyễn Tuấn 7 người đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 4 **[13b]** sai sứ sang nước Minh. Bọn Lưu Đình Chất, Nguyễn Đăng, Nguyễn Đức Trạch, Hoàng Kỳ, Nguyễn Chính, Nguyễn Sư Khanh làm hai sứ bộ sang cống hàng năm.

Tháng 5, ngày rằm có nhật thực[1].

Tháng 6, Nguyễn Hoàng kiêm trấn phủ 2 xứ Thuận Quảng, Hữu tướng thái uý, Chưởng phủ sự, tước Đoan quốc công mất. Hoàng là người đa trí, có uy vọng, cai trị khoan mà nghiêm, được lòng quân dân.

Trước sau vỗ trị hai xứ 56 năm. Khi mất 89 tuổi. Được sách tặng là Đạt Lý Gia Dụ Cẩn Nghĩa công, ban thuỵ là Cung Ý, ban cho được đưa vào thờ ở phủ từ bên ngoại. Sai con ông là Thuỵ quận công Phúc Nguyên nối nghiệp làm trấn phủ, gia cho hàm Thái bảo. Phúc Nguyên lúc đó 51 tuổi.

Mùa thu tháng 7, ngày rằm có nguyệt thực.

Tháng 8, sai Thanh quận công đem quân đi kinh lược vùng An Quảng, vỗ về nhân dân, để thuộc tướng ở lại trấn thủ rồi về.

Tháng 9, Thượng thư bộ Hộ là Mai quận công **[14a]** Phùng Khắc Khoan mất. Khắc Khoan tính người cương nghị, tinh anh, hầu trong màn trướng lâu dài, có tài tổng hợp chọn lựa, từ chương sâu rộng thanh cao. Có thi tập lưu hành ở đời. Mất năm 86 tuổi, tặng hàm Thái phó[2].

Tháng 11, sai triều thần chia nhau đi các xứ xét hỏi sự ốm đau cực khổ của dân. Người phiêu dạt thì tha tạp dịch 3 năm để họ được sống yên nghiệp.

Giáp Dần, [Hoằng Định] năm thứ 15 [1614], (Minh Vạn Lịch năm thứ 42).

Mùa xuân tháng giêng, Thượng thư bộ Binh trí sĩ lại gọi ra làm việc tước Văn Phong hầu Bùi Bỉnh Uyên mất, thọ 95 tuổi, tặng Thiếu bảo, ban thuỵ là Cung Ý.

[1] Bản Lê Hy chép là nguyệt thực.

[2] Bản Lê Hy bỏ việc này.

Bỉnh Uyên là con của Tả thị lang Bùi Vịnh, con rể Lê Bá Ly, đem cả tông tộc theo về chính nghĩa, làm quan đến chức Thượng thư. Con gái hầu trong vương phủ, phong đến chiêu dung, sinh được 14 vương tử, đều phong tước công. Con trai ông có 7 người thì người tước hầu, 3 người tước quận công. Cả nhà quý hiển, đứng đầu các vọng tộc ở Sơn Nam[1].

[14b] Mùa hạ, tháng 6, phong tước cho 8 người cháu nội của chúa: Trịnh Tạc làm Vinh quận công; Trịnh Trượng làm Liêm quận công; Trịnh Bảng làm Hội quận công; Trịnh Trăn làm Phổ quận công; Trịnh Thức làm Luân quận công; Trịnh Lệ làm Hoà quận công.

Tháng 9, phong vương tử là Trịnh Đệ làm Quỳnh quận công.

Ất Mão, [Hoằng Định] năm thứ 16 [1615], (Minh Vạn Lịch năm thứ 43).

Tháng 2, các quan triều đường là bọn Thượng thư bộ Hình Mỹ Khê hầu Nguyễn Lễ dâng khải trình bày các việc tệ hại đương thời gồm 8 điều. Chúa khen ngợi và chấp nhận, đặc biệt ban thưởng rất hậu.

Tháng 3, ngày mồng một nhật thực.

Ngày 28, giờ Thân, nước đầm ở xã Thịnh Liệt, Hoằng Liệt tự nhiên cạn đi, nửa giờ sau lại đầy như cũ.

Tháng 9, nhà Minh sai viên Quang Lộc tự thừa mang sắc thư bao phong mỹ tự, và ban cho lễ vật. Họ đưa sứ thần tới Nam Quan. Sai bọn Thiếu uý **[15a]** Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên, Thượng thư Nguyễn Lễ tiếp lĩnh về nước. Lấy đó làm lệ mãi[2].

Bính Thìn, [Hoằng Định] năm thứ 17 [1616], (Minh Vạn Lịch năm thứ 44).

Mùa xuân, tháng giêng, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Vũ Miễn 4 người, thi đình, cho bọn Lê Trí Dụng 4 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 2, cho Nguyễn Danh Thế làm Tả thị lang bộ Hộ, Nguyễn Khắc Khoan làm Tả thị lang bộ Hình, Nguyễn Duy Thì làm Phó đô ngự sử.

Bàn công đi sứ, thăng Tự khanh Nhân Lĩnh bá Lưu Đình Chất làm Hữu thị lang bộ Lại, Phúc Nham bá Nguyễn Đăng làm Hữu thị lang bộ Hộ, đều cho tước hầu, Tham chính Đường Xuyên tử Nguyễn Chính làm Thái bộc tự khanh, tước bá.

Tháng 3, thăng Thự vệ sự Đông Dương hầu Nguyễn Văn Tộ làm Miện quận công; Hoa Dương hầu Vương Miên làm Phó quận công (Châu người xã Bình Ngô huyện Gia Định) **[15b]**.

Trấn quận công Trịnh Lâm trấn giữ Thanh Hoa 17 năm cai trị khoan hoà giản dị, vỗ về thương xót quan dân, rất được lòng người. Đến đây gọi về, gia chức Thái bảo, cho hầu trong vương phủ, ngồi ở phủ đường bàn việc[3].

Tháng 9, tuyển bổ quân ngũ. Lê Bật Tứ, Lưu Đình Chất dâng khải nói:

"Lòng trời nhân ái, tất hiển hiện ra ở lời khiển trách cảnh cáo. Năm nay, khoảng tháng 5, tháng 6, đương mùa làm ruộng, trời làm hạn hán, dân cầy thất vọng. Nay ngày tháng 8, lúa má sắp được, trời lại đại hạn nắng nổ khắp nơi. Một năm hai lần đại hạn, tai dị thấy luôn. Dân thôn quê nhiều người ta oán; chẳng phải có liên quan đến chính sự hiện thời sinh ra như thế sao? Nay nghe có lệnh bắt các huyện, xã xứ Thanh Hoa, theo hạn tuyển thêm binh lính, e rằng lúc này chưa phải lúc tuyển duyệt. Nếu lệnh này thi hành, thì những kẻ quyền thế cai quản cũng theo thế mà bắt chước lại **[16a]** tuyển bổ thêm, dân chịu sao nổi. Kính xin lấy đức kính trời thương dân làm lòng, châm chước đình chỉ việc thêm binh, thi hành chính sách nhân ái. Như thế thì được lòng dân, hợp ý trời; khí hoà đem đến điềm lành,

[1] Bản Lê Hy bỏ việc này.

[2] Bản Lê Hy thiếu đoạn đầu và đoạn cuối.

[3] Bản Lê Hy bỏ.

mưa móc thuận thì lúa má tươi tốt, nhân dân no đủ, thế nước vững, mà con cháu hưởng phúc mãi vô cùng".

Tháng 11, Tả đô đốc Cẩm quận công Nguyễn Phúc Hải mất, Tặng Thái phó[1].

Đinh Ty, [Hoằng Định] năm thứ 18 [1617], (Minh Vạn Lịch năm thứ 45).

Mùa xuân, ghi công các văn thần trước sau giữ tròn tiết nghĩa: cho con Bùi Bỉnh Uyên là Lang trung Bùi Bỉnh Di làm Giám sát ngự sử đạo An Quảng, con Đỗ Cảnh là Lang trung Đỗ Thế Long làm Giám sát ngự sử đảo Quảng Nam.

Mùa thu, tháng 7, ngày rằm, có gió bão lớn, lũ lụt to, thóc lúa mất hết.

Gia phong Thượng thư bộ Lại, chưởng lục bộ sự **[16b]** kiêm Đô ngự sử, Lễ quận công Nguyễn Văn Giai làm làm Thiếu phó.

Truy tặng Thái phó Văn quận công Trịnh Vĩnh Thiệu làm Văn quốc công[2].

Tháng 9 có bão, nước biển dâng lên.

Xứ Sơn Tây có nhiều sâu lúa.

Mậu Ngọ, [Hoằng Định] năm thứ 19 [1618], (Minh Vạn Lịch năm thứ 46).

Mùa xuân, tháng 2, đánh nguỵ Khánh Vương Mạc Kính Khoan ở Cao Bằng. Chia binh làm hai đạo. Sai Thái phó Thanh quận công đem các thuộc tướng là Nguyễn Cảnh Kiên, Nguyễn Văn Giai, Phạm Doãn Sinh, Tạ Thế Phúc, Nguyễn Khải, Nguyễn Hắc và Đốc thị Nguyễn Thực, theo đường Lạng Sơn tiến sang. Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân đem thuộc tớng là Hoàng Đình Phùng, Trịnh Thức, Trịnh Căn, Trịnh Liêm và Đốc thị là Nguyễn Duy Thì theo đường Thái Nguyên tiến vào. Đảng giặc đều chạy trốn. Thanh quận công sai Phú Lộc hầu bắt được nguỵ Lập quận đem chém. Rồi rút **[17a]** quân.

Tháng 3, sai Thái bảo Trấn quận công Trịnh Lâm đem thuộc tướng là bọn Trịnh Bảng cùng Đốc thị là Nguyễn Khắc Khoan, đánh nguỵ đảng ở Võ Nhai. Sai thêm tướng sĩ mỗi doanh tả quân doanh, tiền quân doanh, đều có 1000 người, cùng tiến. Giặc đều tan chạy. Đánh tới sào huyệt, rồi về.

Tháng 4, được mùa lớn. Chia sai người bồi đắp đê đường các xứ.

Núi Đồng Cổ bị sạt. Sai quan đến tế.

Ngày 24, buổi sớm, sao chổi hiện ở phía tây nay, dài như tấm lụa trắng.

Tháng 4 nhuận, sai Thanh quận công và Vạn quận công Trịnh Xuân đánh nguỵ Hào quận công ở Yên Dũng. Sĩ mã ốm đau hao tổn, bèn trở về.

Mùa thu, tháng 8, mưa ra vàng như hạt gạo vàng. Lại mưa ra gạo như nếp đen; lại mưa rượu như rượu ngọt.

Tháng 9 hạ tuần, có khí trắng như hình cái búa đứng thẳng, mỗi đêm canh năm thường hiện ra ở phương đông nam dài hơn một trượng **[17b]**, đến thượng tuần tháng 10 mới mất.

Mùa đông tháng 10, bọn Ngô Trí Hoà, Lê Bật Tứ, Phạm Trân dâng khải trình bày 6 việc. Một là xin sửa đức chính để cầu mệnh trời; hai là xin nén bọn quyền hào để nuôi sức dân; ba là xin cấm phiền hà để đời sống dân khá lên; bốn là xin cấm xa xỉ để của cải dân giầu thêm; năm là xin dẹp trộm cướp để dân an cư; sáu là xin sửa quân chính để bảo hộ dân sinh. Chúa khen ngợi và chấp nhận.

Lưu Đình Chất dâng khải nói rằng:

"Trộm nghe trời giáng tai dị hay điềm lành là do sự có đức hay không. Làm thiện thì trời hiện ra điềm lành, làm ác thì trời răn bằng tai dị. Song nhận thấy tai dị mà sửa đức thì không có hại, cho nên

[1] Bản Lê Hy bỏ.

[2] Bản Lê Hy bỏ.

người xưa lấy trời để mà tự xử và rất cẩn thận đối với mệnh trời. Hán Văn Đế khéo thuận lòng trời mà tai biến tiêu đi hết. Tống Cảnh công có một câu nói thiện mà sao xấu lùi đi **[18a]**. Nhà nước ta từ khi khôi phục đến nay, trời đất chưa ứng, điềm lành chưa đến, mà tai dị chồng chất. Mùa thu năm nay, trời mưa xuống than đen, thế mà lúc ấy kiêng nói tai dị, lại gọi là mưa gạo. Có phải là mang đến khí hoà như thời Hoàng Đế mà trời mưa ra thóc đâu. Trời mưa ra cát vàng, mà thuật sĩ thích nói điềm lành, bảo là mưa vàng. Có phải vận được hanh thông như đời Hạ Vũ mà trời mưa ra vàng đâu! Hoặc là trời đã tỏ sự răn bảo mà chưa biết tỉnh ngộ, cho nên hạ tuần tháng 9, qua [thượng] tuần tháng này, sao lại hiện ở phương đông nam, ai trông thấy cũng phải sợ hãi. Đó không phải điềm lạ nhỏ bé, có lẽ là bởi đức chưa sửa lại, chính sự còn thiếu sót mà đưa đến như vậy chăng? Nay chính sự thi hành không bằng năm trước. Mệnh lệnh ban bố mà các tướng đều không theo ý khoan hồng của người trên, chỉ chăm lo điều tàn ngược **[18b]**, vét hết tài sản của dân. Những tiếng than sầu khổ cũng đủ để cảm động đến trời, mà trời răn bảo bằng điềm lạ, người làm chúa trông thấy thế phải nên tự xét. Kính xin kính cẩn sự răn bảo của trời, thương nuôi dân mọn, phàm một tí gì tiện lợi cho dân thì đều làm, một chút gì có hại cho dân thì đều bỏ. Lại càng phải thi hành nhân chính cho dân. Dân phố phường kinh thành là đáng thương xót, nên truyền lệnh các tướng cấm cướp đoạt. Dân Thanh Hoa và tứ chính là đáng thương xót, nên nhắc bảo các tướng không được quấy nhiễu. Như thế thì người ở gần được đội ơn trạch, người ở xa nghe tiếng mà đến. Thế là được lòng dân. Lòng người vui ở dưới, thì đạo trời ứng ở trên, sẽ thấy sao tai dị chuyển thành sao sáng lành; mưa tai dị chuyển thành mưa ngọt lành. Các thứ phúc đều đến hết, thế là vương đạo lại thành vậy".

Triều **[19a]** thần dâng sớ tâu, đại lược rằng:

"Quan hệ giữa trời với người là đáng sợ lắm. Việc của người không sửa, thì trời lấy tai dị để răn. Hạ tuần tháng 9 năm nay cho đến thượng tuần tháng này, mỗi đêm vào trống canh năm, sao tai dị hiện ra ở phương Đông Nam, hình như mây trắng, hình như dải lụa, như cái thoi nhọn, như cái mũi dáo đầu đuôi nhỏ và nhọn, trông thấy dễ sợ. Lại có mưa vàng, mưa gạo, mưa rượu, tiếng sấm động trái thì, tai dị hiện ra luôn. Biến cố ấy không phải vô cớ mà sinh ra. Hoặc giả bên trong có lỗi đức, bên ngoài có lỗi chính, kỷ cương buông lỏng, pháp lệnh trễ nải, quan lại hà khắc, dân chúng lao động, việc người có nhiều sự mất hoà mà đến thế chăng? Kính xét trong sách Chu thư có nói: "Vua thì xét ở sao Tuế, các khanh sĩ thì xem ở mặt trăng, thứ dân thì xem ở các sao" là nói việc người có đúng có sai, điềm tốt xấu theo loại mà ứng hiện. Năm nay **[19b]** ban đêm hiển hiện sao tai dị, tai biến xảy ra luôn; đó là trời tỏ răn bảo, chính là lúc phải sự hãi chăm lo. Thấy lòng trời nhân ái, luôn ngụ ở sự trách bảo, xin sửa đức để trừ đi là được. Xưa Tống Cảnh công nói ra một lời thiện mà sao tai dị phải lùi chỗ; Tống Thái Tông mở đàn trai nhưng mà sao chổi tự nhiên mất đi. Xem các việc đời trước đã làm, có thể chứng nghiệm. Bọn thần cúi xin đức lớn cao sáng thấy có tai biến mà lo sợ, trách mình sửa nết, đặt đàn cầu trời, trai giới mật đảo, may ra lòng thành cảm cách, hiện tượng huyền vi cũng ứng theo, sao dữ lùi chỗ, khí hoà sinh điềm lành; âm dương điều hoà mà mưa gió phải thì; quần sinh hoà hợp mà muôn vật nảy nở, nhân dân được vui chiếu chăn yên ấm, nhà nước bền vững như bàn thạch Thái Sơn. Cơ nghiệp truyền nối, từ nay được dài lâu, để cho phúc của **[20a]** tôn miếu xã tắc được dài mãi đến ức muôn năm...".

Nhà vua xem lời tâu, lưu lại ở trong cung.

Tháng 11, canh 5, sao chổi mọc ở phương Đông hơn một tháng mới tắt. Triều thần dâng khải nói:

Năm nay, hạ tuần tháng 9, có sao tai dị hiện ra ở phương đông nam, tháng này đêm hôm 11, lại có sao tai dị hiện rõ. Ý giả người trên đức chưa tu sửa, chính sự có nhiều chỗ sai lầm, mưu người hoặc có bụng khác mà đến thế chăng? Trộm nghe: nhà vua rủ áo khoanh tay ở trên, người thân đều là chính nhân, việc làm đều theo chính đạo, gián hoặc có kẻ gian nịnh ra vào nội điện, xui giục bậy bạ, như việc tu bổ đã có bộ Lại mà lại cho chức danh trái lệ, việc thuế khoá đã có bộ Hộ mà lại sai người ra dân thu tranh, việc kiện tụng đã có nha môn xét hỏi, lại gián hoặc nghe người vu cáo, bắt người lấy của; viện quân đã có **[20b]** phủ ty vệ sở, lại gián hoặc sai người lấy bắt quân dịch nặng nề, xin phép đủ ra để sửa bỏ tệ trước. Kỷ cương pháp độ đã có phép cũ để lại, như tướng chỉ cho coi quân, không được coi dân, mà nay bọn cai quản lại chuyên coi dân, chuyên lấy của dân, chuyên giết người, lại tuyển riêng lấy thêm người phục dịch, một nhà đến 5, 6 người, thu nặng thuế công, một mảnh ruộng đến hai, ba lớp tô; bọn cai tổng cai xã thì bắt xét các vụ kiện về hộ, hôn, điền thổ; đường thuỷ đường bộ thì đặt riêng nha môn

tuần ty tuần sát. Kính xin hạ lệnh cho các tướng đình bãi hết thảy. Còn như kẻ nào ngầm có bụng khác, đó là người mưu làm bậy, kính xin tự xét định. Các việc tệ ấy, tức sao trên trời cũng tỏ ra răn bảo. Nay chính là lúc phải sợ hãi sửa mình. Nên cho gọi các đại thần cùng các vương tử, bảo cho biết vương nghiệp gian nan, khiến đổi bỏ tệ chính, cốt phải được lòng dân **[21a]**. May ra lòng dân vui, ý trời thuận, thì sao tai dị sẽ chuyển thành sao lành, đời bình trị thành ra đời chí trị, thái bình đủ mười phần, con cháu truyền ức năm, cơ nghiệp nước nhà từ nay lâu dài mãi".

Tháng 12, cho Tả thị lang bộ Binh là Nguyễn Danh Thế là Đô ngự sử, Tả thị lang bộ Lễ Nguyễn Thực làm Thượng thư bộ Hình[1].

Kỷ Mùi, [Hoằng Định] năm thứ 20 [1619], (Từ tháng 6 trở về sau là niên hiệu Vĩnh Tộ thứ nhất đời vua Thần Tông, Minh Vạn Lịch năm thứ 47).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày 16, kinh thành cháy to, bắt đầu từ cửa sau sang vương phủ, lan ra phố phường, đến lầu cửa Đoan Môn của triều đường và các nhà trực hai bên tả hữu.

Tháng 2, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Trần Hữu Lễ 7 người. Thi đình cho Nguyễn Lại đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Bùi Cầu 6 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 3, con trai thứ của chúa là Vạn quận công Trịnh Xuân nổi loạn **[21b]**. Vì con trưởng của chúa là Tín Lễ công Trịnh Túc đã mất, theo thứ tự thì phải đến Thanh quận công [nối ngôi], còn Xuân thì không được nối; y bèn ngầm khuyên vua làm hại chúa, mà lập Xuân. Tháng 4, Xuân nghe tin chúa sẽ ra bến Đông Hà xem [đua thuyền]. [Xuân] sai thuộc hạ là Văn Đốc đặt địa lôi và phục súng ở cạnh ngã ba đường. Quả nhiên chúa có đến lầu ở bờ sông. Khi về, thường chúa cưỡi voi. Hôm ấy, chúa thấy trong lòng không yên, cho voi ngựa và nghi vệ đi trước, còn tự mình ngồi kiệu đi sau. Đến chỗ ngã ba, có tiếng súng nổ, bắn gãy cây lọng tía. Vội sai truy bắt, thì bắt được Văn Đốc cùng đồ đảng, đem về phủ tra hỏi, y khai là Nội điện [nhà vua] và Vạn quận công sai làm. Chúa sai Trấn quận công Trịnh Lâm và Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm vào điện xét hỏi tả hữu, thì biết hết sự trạng. Ngày 12 tháng 5, chúa ngự ra phủ đường, tập hợp bách quan. Chúa thân bưng mâm vàng trầu cau **[22a]** bước ra, khóc mà nói rằng: "Thời kỳ họ Mạc, nhà vua đã không còn thiên hạ. Cha tôi thân khởi nghĩa binh, đón tiên đế từ trong hang núi trở về, sáng lập triều đình. Tôi tôn phò ba triều, thân trải trăm trận đánh, thu phục giang sơn, tổn phí bao tâm lực, tuổi đã bảy mươi. Nay nhà vua nghe đứa con phản nghịch, nhẫn tâm làm việc này"...

Các thần liêu văn võ ai cũng phẫn uất. Nguyễn Danh Thế, Lê Bật Tứ, Nguyễn Duy Thì đều kiên quyết nói: "Con bất hiếu thì phải giết, vua vô đạo thì phải phế" và xin cho Xuân được tự tử. Lại theo việc trước đây Y Doãn Hoắc Quang đã làm [bắt giam vua]. Các triều thần đều theo lời bàn đó. Chúa nói: "Đây là việc lớn, các ông chớ nên khinh suất". Nguyễn Danh Thế xin bắt Trịnh Xuân, bãi hết quan tước, binh quyền, giam vào nội phủ. Chúa nghe theo. Giết nghịch đảng là bọn Văn Đốc. Nhà vua thì xấu hổ, nói với hoàng hậu rằng: "Ta còn mặt mũi nào mà gặp vương phụ nữa", bèn **[22b]** tự thắt cổ, rồi băng.

Chúa nghe tin rất sửng sốt, thương xót. Sớm hôm sau gọi các bề tôi vào nói: "Tai biến của trời không phải vô cớ mà sinh ra, không ngờ nay lại thấy việc này. Nên làm sao bây giờ?". Các quan đều nói: "Thánh thượng chí đức. Nhà vua làm điều vô đạo, tự dứt với mệnh trời, thì lễ tang tế nên tước giảm bớt đi". Chúa bảo: "Lòng ta không nỡ". Bèn sai vẫn dùng lễ đối với thiên tử. Triều đình bàn không nên đưa vào thờ ở thái miếu mà lập một điện riêng để thờ cúng, dâng thuỵ là "Giản Huy Đế" táng ở lăng Bố Vệ[2].

Tháng 6, hoàng tử Trương lên ngôi. Bấy giờ Giản Huy Đế đã mất, vua có người anh con nhà bác là Cường Quận công Lê Trụ, tư cách là con của Bản quốc công Lê Bách, là cháu đích tôn của vua Anh Tông, lại lấy con gái của vương tử Thanh quận công, nên cũng có ý ngấp nghé. Lại cũng có người khuyên nên lập ông ta lên ngôi. Chúa chưa nghe. Hoàng hậu thì ngày đêm khóc lóc nói: "Tiên quân có tội, chứ đứa con có tội gì? Sao lại bỏ con của con mà đi tìm người khác **[23a]**. Nếu phụ vương lập nó, thì đến muôn đời sau kẻ làm vua vẫn là con cháu của phụ vương vậy". Bấy giờ ý chúa mới quyết. Nhân

[1] Bản Lê Hy lược bỏ.

[2] Bản Lê Hy chép việc này rất đơn giản.

đấy sai đại thần và bách quan rước hoàng trưởng tử tới điện Cần Chánh lên ngôi. Bấy giờ vua mới 13 tuổi. Đại xá thiên hạ, đổi năm ấy là năm Vĩnh Tộ thứ nhất[1].

Tôn hoàng hậu làm hoàng thái hậu; lấy ngày sinh làm Thọ dương thánh tiết[2].

Tháng 11, Thái bảo Trân quận công Trịnh Lâm mất, tặng là Trấn quốc công, ban thuỵ là Nghị Triết[3].

[1] Việc lập vua mới, ở bản Lê Hy chép gọn có một dòng.

[2] Bản Lê Hy không chép.

[3] Bản Lê Hy không chép.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Tục Biên

Quyển XXI

[1a]

Kỷ Hoàng Triều Nhà Lê

Thần Tông Uyên Hoàng Đế

Vua húy là Duy Kỳ, là con trưởng của Kính Tông. Mẹ là Đoan Từ hoàng thái hậu, con gái thứ của Thành Tổ. Vua ở ngôi 25 năm, nhường ngôi 6 năm, lại trở lại ngôi 13 năm, thọ 56 tuổi. Vua sống mũi cao, mặt rồng, vẻ người thanh tú, thông minh học rộng, rất chuộng văn thơ. Vua với nhà chúa vui vẻ hoà hợp một nhà, dồi dào phong thái thuần hậu hòa mục; ung dung rủ áo chắp tay mà hưởng lộc trời. Thế chẳng tốt đẹp sao! Bốn lần xa giá xuất chinh, hai lần bước lên ngôi báu, đó cũng là điều xưa nay hiếm có.

[1b] Thành Tổ Triết Vương
Văn Tổ Nghị Vương

Húy là Tráng, là con thứ của Thành Tổ. Lúc đầu phong là Bình quận công, đổi phong là Thanh quận công, tiến phong là Tiết chế thái úy Thanh quốc công. Tôn phong là Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương, tiến tôn là đại nguyên soái thống quốc chính sư phụ Thanh Vương. Triều Minh sách phong là Phó quốc Vương. Gia tôn là Thượng chúa sư phụ công cao thông đoán Nhân Thánh Thanh Vương. Cầm quyền 35 năm, thọ 81 tuổi.

Chúa [Trịnh Tráng] tính trời hiếu thảo, thân ái mọi người, rộng lòng khoan thứ; khi mới cầm quyền, tuổi đã 47. Bình xong nội nạn, hòa hợp nhân dân, trong nước yên ổn, tín nhiệm nho thần, giảng cầu chính trị, chấn cử kỷ cương, mọi việc đều giao cho triều đường công luận, chúa cung kính khiêm nhường, cẩn thận giữ gìn pháp độ, ba lần đánh Thuận Hóa, chỉ dùng văn cáo để mở bảo, không muốn dụng binh đến cùng, lặn lội ở nơi xa. Tha Mạc Kính Khoan, cho đất Cao Bằng, khiến xưng thần, giữ chức cống. Cho nên cái phúc nuôi dưỡng yên ổn hòa bình thật là dày lắm. Võ liệt [2a] văn công đã làm sáng trưng đời trước, mở lối đời sau, xứng đáng được thiên triều sách phong làm Phó Quốc Vương. Chúa đông con cháu, tuổi đến thượng thọ. Sách nói rằng: "Người có đức lớn, ắt được ngôi vị, ắt được hưởng lộc, ắt được nổi danh, ắt được sống lâu". Câu ấy đáng tin thay!

Canh Thân, [Vĩnh Tộ] năm đầu [1620], (Minh Vạn Lịch năm thứ 48. Từ tháng 8 là Minh Quang Tông, Thái Xương năm đầu)[1].

Em của viên trấn phủ xứ Thuận Hoá Nguyễn Phúc Nguyên là Phúc Hiệp, Phúc Trạch giữ đất Quảng Nam, có thư bí mật xin hàng, xin ra quân để họ làm nội ứng. Sai Đăng quận công Nguyễn Khải

[1] Bản Lê Hy chữa lại là "Canh Thân Vĩnh Tộ năm thứ hai". Như thế đúng, vì bản Phạm Công Trứ cũng chép năm sau, Tân Dậu, là năm Vĩnh Tộ thứ ba.

đem quân đi đón họ. Bọn Phúc Hiệp sau bị lộ mưu, bị Phúc Nguyên bắt giết. Khải đi tới cửa bể Nhật Lệ rồi về. Phúc Nguyên từ đó sinh thù oán[1].

Mùa thu tháng 7, vua Minh mất, tên thuỵ là Thần Tông Hiển Hoàng Đế. Thái tử Thường Lạc lên ngôi, đổi niên hiệu là Thái Xương. Đến tháng 9, vua ấy lại mất, tên thuỵ là Quang Tông Trinh Hoàng Đế **[2b]**, con trưởng là Do Hiệu lên ngôi, đổi gọi năm sau là Thiên Khải.

Cho Lê Bật Tứ làm Thượng thư bộ Binh[2].

Tháng 12, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Nguyễn Thế Tiêu, Nguyễn Cung, Bùi Văn Bưu, Ngô Nhân Triệt, Nguyễn Khuê, Nguyễn Tuấn là hai sứ bộ tuế cống.

Tha tội cho Trịnh Xuân, khôi phục quan tước[3].

Tân Dậu, [Vĩnh Tộ] năm thứ ba [1621], (Minh Hy Tông Thiên Khải năm đầu).

Mùa xuân tháng giêng, sai Thái bảo Dũng quận công Trịnh Giai trấn thủ Yên Thế, đóng đồn ở Nhã Nam. Sai Nguyễn Danh Thế làm Đốc thị[4].

Mùa thu tháng 8, cầu vồng trắng hiện ở phương đông, dài tới nửa vòng trời.

Mùa đông tháng 10, ghi công những người xông pha đáng giặc ở trận Phấn Thượng. Phong bọn thự vệ Vân quận công Trịnh Văn Nghĩa làm Dương Vũ Uy Dũng công thần[5].

Tháng 11, tiến đánh Cao Bằng, sai Tả quân doanh Thái phó Thanh quận công làm **[3a]** Thống lĩnh, Nguyễn Danh Thế là Đốc thị, theo đường Lạng Sơn tiến lên. Tháng 12, đánh phá giặc ở Đèo Đang, Đèo Sắc, chém nguỵ An Phong hầu, bèn kéo vào sào huyệt giặc ở Vu Tuyền. Mạc Kính Khoan trốn xa. Đại quân tiến vào Đèo Hiên. Luỹ giặc rất hiểm vững, Thanh quận công chia quân làm 5 đạo tiến đánh, lấy được. Tiến tới Đèo Khôn ở Thông Nông thì đóng doanh. Bắt được nguỵ Hoa quận. Thái uý Phụng quốc công Trịnh Đỗ và thống lĩnh Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân do đường Thái Nguyên đi mặt sau tới đóng ở Cao Bằng, hơi có ý tranh công, rồi sinh ra hiềm khích. Thanh quận công bèn kéo quân về, đóng ở thành Phục Hoà, vượt qua cõi đất Long Châu của Bắc quốc, qua Bằng Tường, vào Trấn Nam quan, tới Lạng Sơn, rồi về kinh.

Thưởng cho hai đạo quân 1.000 lạng bạc trắng[6].

Nhâm Tuất, [Vĩnh Tộ] năm thứ 4 [1622], (Minh Thiên Khải năm thứ 2).

Mùa thu, tháng 8, mưa to, hoàng thành bị lở đổ hơn 30 trượng.

[3b] Quý Hợi, [Vĩnh Tộ] năm thứ 5 [1623], (Minh Thiên Khải năm thứ 3).

Mùa xuân, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Phạm Phi Kiến 7 người.

Tháng 4, thi đình, có viên mới đỗ tiến sĩ là Nguyễn Trật (người xã Nguyệt Viên huyện Hoằng Hoá) trong trường thi hội đã mượn người làm văn hộ mà đỗ, đến hôm này [thi đình] cáo ốm để giấy trắng. Vua không bằng lòng, sai y như bảng thi hội, không xướng danh và ban cho thứ bậc.

Tháng 5, giếng đá ở cổng chùa Báo Thiên bị lấp hỏng.

Tháng 6, chúa [Trịnh Tùng] bị bệnh lỵ rất nặng, mới cùng các quan văn võ mưu tính chọn thế tử. Ngày 17, triều thần đều tâu cho vương thế tử là Thanh quận công [Trịnh Tráng] nắm giữ binh quyền. Lại lấy con thứ là Vạn quận công Trịnh Xuân phó giữ binh quyền. Ngày 18, giờ Ngọ, Trịnh Xuân nổi loạn,

[1] Bản Lê Hy đã không chép sự kiện có ý nghĩa này.

[2] Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

[3] Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

[4] Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

[5] Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

[6] Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

bầy quân và voi ở Đình Ngang[1] rồi cùng bè đảng của y là Điện quận, Bàn quận đem quân vào phủ. Quân túc vệ kinh hãi chạy tan. Chúa thấy quân vào, thì trỗi dậy, dùng kim thương mà đâm bừa. Quân lính không dám đến gần.

Bèn vào kho vải, lấy vải **[4a]** vứt đầy trước mặt chúa[2] rồi đặt chúa lên võng đưa ra ngoài cửa phủ. Chúa trông thấy Xuân giận mắng rằng: "Mày sao nỡ làm thế, đạo làm con để đâu?"[3]. Xuân kinh sợ, rút quân ra ngoài thành, cướp lấy voi, ngựa, của báu, rồi nhân đó vung lửa đốt. Đô thành đại loạn. Bấy giờ hầu hạ và bảo vệ ở bên cạnh chỉ có Thái giám Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm, Văn Thuỵ hầu Phùng Văn Minh (người xã Ốc Trù huyện Yên Lạc) và Đường Thọ hầu, là ba người. Chúa bảo bọn Sĩ Lâm đưa mình ra khỏi kinh sư đóng ở xứ Quán Bạc xã Hồng Mai. Vương thế tử là Thanh quận công ở tả quân doanh nghe có loạn, không biết tin tức về chúa, bèn cùng với Đô ngự sử Nguyễn Danh Thế mưu tính. Ngày 19, ông sai em là Trịnh Giai rước nhà vua về tạm Ninh Giang, còn mình tự lưu lại ở Nhân Mục, hội họp các quan văn võ cùng bọn Nguyễn Văn Giai bàn bạc việc quân. Chúa ở Hồng Mai, sai Sĩ Lâm hộ vệ đưa vào dinh của em ruột là Trịnh Đỗ **[4b]**. Đỗ dâng cơm và thuốc, lại sai con là quận Thạc đi đón thế tử, nói là vâng mệnh truyền đến để dặn dò đa kế. Thế tử vừa mới ra, ngồi chung voi với quận Thạc mà đi, thì Lưu Đình Chất ngờ Đỗ có âm mưu gì, bèn chạy theo dâng lời nói rằng: "Bây giờ đang khi nguy hiểm, sao ngài lại ngồi chung voi với giặc". Quận Thạc bèn xuống từ tạ về dinh.

Đỗ lại sai quận Thạc đi dụ Xuân, nói rằng vâng mệnh gọi về trao cho đại quyền. Xuân thích lắm, lập tức cùng bọn tuỳ tùng thân cận vài mươi người vào yết kiến; miệng ngậm cỏ phủ phục ở sân. Đỗ sai dũng sĩ bắt lấy. Chúa gượng bệnh ngồi dậy, kể tội y, nhưng chưa nỡ giết, sai giam cùm lại để đợi giao cho luận tội. Đỗ lập tức chặt chân cho chết đi[4].Quân đi theo đều giải tán.

Chúa thấy Xuân chết, trong lòng xúc động. Ngày 20 Mậu Dần, buổi sớm, chúa bảo bọn Sĩ Lâm cáng võng đưa đi tìm thế tử. Quân đi theo Sĩ Lâm chỉ còn 60 người, cùng với Trịnh Đỗ bảo hộ **[5a]** chúa. Đi đến quán Thanh Xuân thì chúa mất, thọ 74 tuổi.

Chúa có 19 người con: Con trưởng là Tín Lễ công Trịnh Túc đã mất sớm. Thứ đến thế tử Thanh quận công, đó là Văn Tổ. Thứ nữa là nghịch Xuân. Thứ nữa là Mỹ Dự công Trịnh Lâm. Thứ nữa là Tung Nhạc công Trịnh Vân, Thuần Nghĩa công Trịnh Dương, Dũng Lễ công Trịnh Giai, Quỳnh Nham công Trịnh Đệ, Quảng quận công Trịnh Hàng, Tựu quận công Trịnh Triều, Lập quận công Trịnh Tuân, Hựu quận công Trịnh Điện, Thanh quận công Trịnh Bảng, Xuyên quận công Trịnh Quảng, Lập quận công Trịnh Trà, Diên quận công Trịnh Nha, Kiên quận công Trịnh Quân, Hào quận công Trịnh Quang, Nông quận công Trịnh Tương[5].

Khi chúa đã mất, Sĩ Lâm thủ hộ quan tài, sai Văn Thuỵ hầu, Đường Thọ hầu đi báo tin cho thế tử. Thế tử đã đi về Ninh Giang ở phía tây, sai quân nghênh tiếp. Ngày 24, phát tang, sai Hiệp[6] quận công **[5b]** chuẩn bị 13 chiếc thuyền hộ vệ, theo đường thuỷ về táng ở Thanh Hoa.

Vì nghịch Xuân tuy đã chết, nhưng lòng người còn rối động, nhân đó rước nhà vua đem bách quan và các quan theo bờ Ninh Giang mà xuống. Đến xã Bất Đoạt thuộc Kim Bảng, thì ra đường chính mà trở về Yên Trường, để giữ vững gốc rễ.

Trịnh Đỗ cũng đem quân bản doanh đi theo. Thế tử biết rõ Đỗ không có ý khác, sai Nguyễn Danh Thế điều hoà chỗ đó, hiềm nghi bèn giải, lại trở nên hoà hiếu.

---

[1] Nguyên văn là "Hoành Đình Xứ".

[2] Nguyên văn là "ngự tiền".

[3] Những chi tiết này không có trong bản Lê Hy.

[4] Bản Lê Hy lại chép rằng chính chúa truyền Sĩ Lâm sai người chặt chân Xuân cho chết đi.

[5] Bản Lê Hy không chép tên 19 con của Trịnh Tùng ở đây.

[6] Bản Nội các quan bản cũng chép là Hiệp quận công như bản Phạm Công Trứ, trong khi các bản Quốc tử giám tàng bản đều chép là Trị quận công.

Bấy giờ kinh thành rỗng không. Mạc Kính Khoan đóng đồn từ Cao Bằng đem đồ đảng xuống Gia Lâm, đóng đồn ở Đông Dư, Thổ Khôi. Bọn xấu hùa theo đông hàng vạn. [Kính Khoan] sai nguỵ Xuân Quang hầu (người xã Cổ Hiền huyện Thượng Phúc) chiếm cứ Châu Cầu, nguỵ Triều Kỷ hầu chiếm cứ Đồng Mỗ.

Mùa thu, tháng 8[1], ngày mồng 3 tiến phong vương thế tử Thái phó Thanh quận công làm Hiệp mưu đồng đức công thần đô tướng tiến **[6a]** chế các xứ thuỷ bộ chư doanh, kiêm Tổng nội ngoại Bình chương quốc trọng sự, Thái uý Thanh quốc công, giao cho quyết định mọi việc.

Ngày 17, tiết chế phủ theo mệnh vua đem các quân tiến đi. Sai Thắng quận công Trịnh Tông, cùng bọn Nguyễn Thực, Nguyễn Danh Thế, chia nhau đốc lĩnh quân thuỷ và bộ. Ngày 21, đánh tan giặc ở Châu Cầu. Xuân Quang chạy trốn. Ngày 26 tiến đến Nhị Hà, đại phá Mạc Kính Khoan ở Mạch Đỗ[2], chém giết rất nhiều. Kính Khoan chỉ thoát thân một mình, chạy về Cao Bằng. Tiết chế phủ sai Chưởng giám Nghiêm Lễ hầu Nguyễn Vĩnh Phó vào kinh đô, dẹp yên cung cấm. Sai Tham tụng thượng thư bộ Binh là Lê Bật Tứ và Thái bảo Bùi Sĩ Lâm đi Thanh Hoa rước xe vua.

Tháng 9, vua về kinh sư.

Sai Hiệp Nghĩa doanh Tung quận công Trịnh Vân làm thống lĩnh, Ngô **[6b]** Trí Hà làm đốc thị, lược định vùng Sơn Tây rồi về[3].

Gia phong [Trịnh] Vân làm Thiếu phó, [Ngô] Trí Hoà làm Thiếu bảo, phong là công thần. Gia phong [Bùi] Sĩ Lâm làm Thiếu bảo, bồi thị vương phủ, tham bàn việc nước. Phong Nguyễn Vĩnh Phó tước Nghiêm quận công[4].

Tháng 10 nhuận, Hữu đô đốc Diên quận công Đàm Cảnh Tường (người xã Vân Nhưng Thái, huyện Đông Sơn) vì phá giặc, bị trúng sang mà mất, được tặng Tả đô đốc[5].

Lấy đô ngự sử Nguyễn Danh Thế làm Thượng thư bộ Công, gia hàm là Dực vận tán trị công thần, phong là Thuỵ Dương hầu. Cho Tả thị lang bộ Hộ Lưu Đình Chất làm Đô ngự sử, Hữu thị lang bộ Hộ là Nguyễn Duy Thì làm Tả thị lang bộ Hộ, đều tước hầu[6].

Giáp Tý, [Vĩnh Tộ] năm thứ 6 [1624], (Minh Thiên Khải năm thứ 4).

Mùa xuân, truy tôn thuỵ hiệu cho Tiên [chúa] là Bình An Vương. Lời văn trong [kim] sách nói: "Vương giả khôi phục cơ đồ, mở rộng nghiệp trước; triều đình truy phong lễ lớn nêu rõ công to **[7a]**. Chọn được ngày tháng tốt lành, khắc chữ sách vàng rực rỡ. Đô nguyên soái tổng quốc chính thượng phụ Bình An Vương, thông minh đĩnh đạt, trí dũng anh hào, đem nhân nghĩa cứu sinh linh, giữ yên xã tắc, xoay trời đất, giúp nhật nguyệt, công đức cao đầy. Yên con nối để lại mưu kế sâu xa; đáp công to ban phong danh hiệu tốt đẹp. Đặc sai quan mang kim sách tiến phong là Cung Hoà Khoan Chính Triết Vương. Mong rằng yên vui phu thoả, giúp đỡ phù trì, để con cháu được hưởng phúc, dòng dõi ức năm dài mãi. Khâm theo đấy".

Tháng 10, tiến phong Tiết chế phủ [Trịnh Tráng] lên tước vương[7]. Lời sách phong rằng: "Trời mở vận trung hưng, tất sinh ra người hiền để giúp xã tắc. Làm vua giữ công quyền, tất ban cho tước hậu để giữ công lao. Chọn được ngày tháng tốt lành, khắc chữ sách vàng rực rỡ. Nay Hiệp mưu đông đức công thần đô tướng tiết chế các **[7b]** xứ thuỷ bộ chư doanh kiêm Tổng nội ngoại bình chương quân quốc

---

[1] Bản Lê Hy chép là tháng 7.

[2] Bản Lê Hy chép là Gia Lâm.

[3] Bản Lê Hy không chép những sự kiện này.

[4] Bản Lê Hy không chép những sự kiện này.

[5] Bản Lê Hy không chép những sự kiện này.

[6] Bản Lê Hy không chép những sự kiện này.

[7] Bản Lê Hy không chép việc này vào ngày 11 tháng 11 năm Vĩnh Tộ thứ 5 (1623) như vậy là phong cho con trước khi truy phong cho bố.

trọng sự thái uý Thanh quốc công Trịnh Tráng đức nghiệp giống người trước, anh hùng hơn đời xưa. Khi cầm quân, trăm trận ra oai, dẹp yên bờ cõi. Lúc sách lập, mọi người đều phục, dựng lại nước nhà. Xiêm quẻ Khôn[1] thêm rạng vẻ người; mệnh quẻ Sư[2] ban cho tước sủng. Đặc sai Thượng thư bộ Lại chưởng lục bộ sự, kiểm Ngự sử đài đô ngự sử thiếu phó Lễ quận công Nguyễn Văn Giai mang kim sách tiến phong làm Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương. Ban cho mũ miện y phục, lại ban ngọc khuê, ruộng đất. Mong rằng tuân theo pháp độ, giữ được công danh, cẩn thận chức vụ, kính theo lời huấn trước, dốc lòng trung, hưởng tước lộc, đáng bậc vương sách với nước nhà. Vương khâm theo đấy!

Tháng 11, ngày Bính Dần, đi đánh Cao Bằng. Sai con trưởng của chúa ở Tà Tiệp quân **[8a]** doanh là Sùng quận công Trịnh Kiều thống lĩnh các tướng theo đường Lạng Sơn tiến lên. Sùng quận công bấy giờ tuổi mới 24, anh dũng mưu trí, bắt được [vua] nguỵ Càn Thống là Mạc Kính Cung và nguỵ tướng là bọn Sùng Lễ, Tháo Thiết, đem về kinh sư giết chết. Nguỵ Long Thái là Mạc Kính Khoan trốn đi xa. Thống lĩnh doanh Thắng Nghĩa là Quỳnh quận công Trịnh Đệ, Đốc thị là Nguyễn Danh Thế theo đường Thái Nguyên tiến lên, qua các châu Bạch Thông, Cảm Hoá, vây bọc lấy phía sau Cao Bằng, đến đất Trung Quốc đuổi giặc. Viên thuộc tướng là Phụ quốc công Nguyễn Hắc[3] sợ núi hiểm lại cậy lạ người thân thích, đem quân về trước, Đệ bèn trở về[4].

Ất Sửu, [Vĩnh Tộ] năm thứ 7 [1625], (Minh Thiên Khải năm thứ 5).

Mùa xuân, Trịnh Đệ về đến Bắc Sơn, lại sai tới Lương Thượng, Lương Hạ thuộc Cảm Háo bắt nguỵ Vũ Ninh Vương. Dùng hoả công, phá được luỹ giặc. Tháng 2 thì kéo quân **[8b]** về[5].

Mạc Kính Khoan sai Danh Thọ đến xin hàng, xin bỏ nguỵ hiệu, xưng là phiên thần, xuống chiếu xá tội cho, phong y làm Thái bảo Thông quốc công, lệnh cho y hàng năm dâng cống[6].

Tháng 6, định quy mô cai trị thời bình, sai ban hành trong thiên hạ. Hàng năm ba lễ Thượng tiến, Thường tiên, Tiết liệu[7], mỗi tổng nộp tiền 5 mạch, gạo 100 bát. Các lễ Cung tiến, lễ Kỵ thời, lễ Sinh nhật[8], quan sở cai chiếu bổ các hạng mỗi xã 1 quan tiền. Các tiền thuế thân [tiền quý] do tứ trấn nộp; hạng lính không tòng chinh mỗi người nộp 3 quan mạch; hạng quân mỗi người nộp 1 quan 5 mạch; hạng dân mỗi người nộp 1 quan 2 mạch 30 đồng; sinh đồ, cựu tướng thần, xã trưởng, hạng lão, hạng dưới 18 tuổi, lệnh sử, điển lại, thông lại đang làm việc và nhà sư, đạo sĩ, giáo phường[9] mỗi người nộp 1 quan tiền, người tàn tật bất cụ nộp 8 mạch; tiền quý [thuế thân] của các hạng **[9a]** nói trên mỗi năm chỉ thu mỗi người 7 phần, miễn cho 3 phần. Các quan viên, giám sinh, lão nhiêu, đàn bà goá đều được miễn. Các ngạch thuế ruộng quan điền, ruộng cấp tứ, ruộng thế nghiệp, ruộng thông cáo, ruộng chiếm xạ, cùng là các thuế đất bãi dâu, đầm ao, đều giao cho bộ Hộ đòi hỏi quan huyện thu nộp, cũng chỉ thu 7 phần, tha cho 3 phần, để tỏ ý rộng rãi thương dân. Còn các thuế ở điện Huy Văn và tự Thái Bộc, giao cho quan coi ở đó trưng nạp. Cấm các quan phụ trách thu thuế ở trong ngoài không được lạm dụng tiền quí[10], không được tự tiện bắt xã dân phục vụ việc nhà. Cấm các tướng không được bắt ép cháu chắt các công thần làm lính.

---

[1] Xiêm quẻ Khôn: ý nói vua đối đãi tốt với bầy tôi.

[2] Mệnh quẻ Sư: ban cho tước mệnh.

[3] Nguyễn Hắc là cháu nội Nguyễn Hoàng, được lưu lại ở Đàng Ngoài.

[4] Bản Lê Hy không chép các sự kiện này.

[5] Bản Lê Hy không chép các sự kiện này.

[6] Bản Lê Hy không chép các sự kiện này.

[7] Thượng Tiến: lễ dâng vua; Thưởng Tiên: lễ cơm mới; Tiết liệu: lễ sắm tết.

[8] Cung tiến: lễ dâng lên chúa; Kỵ thời: ngày mất của vua, chúa; Sinh nhật: ngày sinh của vua, chúa.

[9] Giáo phường: phường hát.

[10] Cả đoạn này không có trong bản Lê Hy. Lịch triều hiến chương loại chí (Quốc dụng chí) của Phan Huy Chú có chép.

Tháng 8, sai quan khảo hạch sĩ vọng trong nước, lấy bọn Nguyễn Nghi 27 người, bổ nhiệm các chức cao thấp khác nhau[1].

Tháng 11, Thiếu bảo thượng thư bộ Hộ Phú Xuân hầu Ngô Trí Hào mất, tặng tước Xuân quận công.

Ghi công những người **[9b]** theo xe vua trong năm Quý Hợi [1623] và đánh dẹp mới rồi, phong Thiếu uý Nguyễn Văn Giai, Tả thị lang Nguyễn Duy Thì đều là Dực Vận Tán Trị công thần.

Quan Thiếu bảo trí sĩ, Thượng thư bộ Lễ, tước Tuyền quận công Nguyễn Lễ mất, thọ 83 tuổi, được tặng là Thiếu bảo.

Tháng 12, ghi công đánh Cao Bằng, gia phong Nguẫn Danh Thế làm Thiếu bảo.

Viên trấn phủ kiêm hai xứ Thuận Quảng là Nguyễn Phúc Nguyên nghe mưu của Đào Duy Từ, từ năm này không nộp cống phú và đắp luỹ ở bờ nam cửa bể Nhật Lệ để tự thủ. Duy Từ (người xã Vân Trai huyện Ngọc Sơn) có văn học; quan hữu ty cho rằng y là con nhà ca xướng, không cho đi thi. Y phẫn chí, vào Quảng Nam xin ra mắt Phúc Nguyên. Nói ra là hợp ý, y làm kẻ tâm phúc của Phúc Nguyên, từ đó ly gián triều đình, ngày đêm thuyết phục Nguyên tuyển binh, tích của, đóng cửa, chống mệnh. Y tiến cử đồng đảng là Thuận Nghĩa Nguyễn Hữu Tiến và Chiêu Vũ **[10a]** Nguyễn Hữu Dật làm vô tướng. Từ đó Thuận Hoá bắt đầu phản bội.

Bính Dần, [Vĩnh Tộ] năm thứ 8 [1626], (Minh Thiên Khải năm thứ 6).

Mùa xuân, tháng giêng, thăng Nguyễn Danh Thế lên Thiếu phó, Thượng thư bộ Hình sai ông cùng Thái bảo Ly quận công khám xử các việc kiện cáo trong nước[2].

Tháng 3, sách phong Phụng quốc công Trịnh Đỗ làm Dương Lễ công[3].

Cho Nguyễn Duy Thì làm Thượng thư bộ Công[4].

Tháng 5, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Nguyễn Tiến Dụng, Trần Vĩ, Đỗ Khắc Kính, Nguyễn Tự Cường, Bùi Tất Thắng, Nguyễn Lại, đi cống hàng năm.

Tháng 7, ngày Tân Mão, bàn việc kinh lược Thuận Hoá. Sai Tiền Nhuệ doanh Thiếu uý Nguyễn Khải, Thiếu Phó Nguyễn Danh Thế, đem bọn Hoà Nghĩa doanh là Hoa quận công, trước đến đóng đồn ở tổng Hà Tây thuộc Kỳ Hoa để phù liệu công việc[5].

Đinh Mão, [Vĩnh Tộ] năm thứ 9 [1627], (Minh Thiên Khải năm thứ 7).

Mùa xuân, tháng giêng, gọi Nguyễn Phúc Nguyên vào chầu. Sắc dụ rằng **[10b]**: "Những người hào kiệt có thể cùng nhau hoàn thành sự nghiệp. Kẻ trượng phu lập chí cần biết rõ thời thế. Đậu Dung đem đất Hà Tây về hàng, nổi tiếng ở đời Hán. Điền Hưng lấy đất Nguỵ Bác quy quận, công lao ở đời Đường. Từ xưa, các hiền nhân quân tử, trí sáng, biết đúng, mới dựng nên công nghiệp ở đương thời, để tiếng thơm cho hậu thế nước nhà ta, ứng trời thuận người, thừa thời mở vận. Thái tổ Cao Hoàng Đế lấy võ công bình định thiên hạ, là nhờ các công thần giúp đỡ; liệt thánh hoàng đế lấy văn giáo làm nên thái bình, cũng nhờ bậc huân cựu khuông phò, cho nên mới giữ nước được lâu dài. Chỉ về nửa chừng vận bĩ, nguỵ Mạc tiếm ngôi. May được mệnh trời chưa thay, lòng người nhớ cũ, Trang tông Dụ Hoàng Đế nổi dậy ở miền đất tây, tổ của người là Chiêu Huân Tĩnh công cùng với Minh Khang Thái Vương xoay lại trời đất, để tiếng sử xanh; vận trở hanh thông, nước **[11a]** nhà dựng lại. Thế tông Nghị Hoàng Đế và ngự Trung Đô; cha của ngươi là Cẩn Nghĩa công giúp đỡ thượng phụ Bình An Vương ngày ngày dự bàn quốc

[1] Trong năm Ất Sửu (Vĩnh Tộ thứ 7, 1627), bản Lê Hy chỉ chép sự kiện tháng 8 này, còn các sự kiện khác đều không chép.

[2] Bản Lê Hy không chép.

[3] Bản Lê Hy không chép.

[4] Bản Lê Hy không chép.

[5] Bản Lê Hy không chép.

chính, kế yên thiên hạ, công ghi sử xanh. Chỉ vì kẻ nghịch thần là bọn Ngạn, Khuê dám bất trung chống lại, đem quân làm phản, trong nước rối động.

Cha con ngươi có ý muốn bảo toàn, nhân thế bỏ về trấn cũ. Khi ấy nhờ được Đô nguyên soái tổng quốc chính thượng phụ Bình An Vương có lòng tinh trung vì nước, lấy điều nhân nghĩa ra quân, dẹp hết nghịch tặc, trong nước lại được bình yên, đến gần 30 năm. Không ngờ kẻ phản nghịch là Xuân, tính như sài lang, lòng như cưu cánh[1] khoét vách như răng chuột, hại quân như nọc trùng, làm cho lòng người dao động. Nhờ được Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương, tư chất nhân hậu, chí khí anh hùng, và các đại thần thân huân văn võ, cùng lòng cùng đức, giải nạn của vua cha, cứu nguy **[11b]** cho xã tắc, quét sạch giặc Mạc, khôi phục đô thành, trong yên ổn ngoài vỗ về gần vui, xa đến. Hiện nay, thời có thể làm, người mong bình trị. Nếu ngươi nghĩ đến nghĩa vua tôi trên dưới, nhớ đến công cha ông cần lao, nhìn xa nét kỹ, qui phục triều đình, thì trẫm đối đãi bằng lễ đặc biệt, phong cho tước Thượng công. Ngươi cố giúp nhà ta, để mạnh vương thất, thì thân danh của ngươi cùng nước vinh hiển, con cháu của ngươi cùng nước dài lâu, đời đời hưởng tước lộc, đời đời là trung trinh, khoán thư chứa vào hòm vàng nhà đá, lưu truyền đến khi sông cạn đá mòn, mãi mãi vô cùng vậy. Ngày nào nhận được dụ này, ngươi nên sắp sửa tướng sĩ voi ngựa thuyền ghe, đến kinh sư bái yết để hợp với nghĩa làm tôi.

Nếu vẫn chấp mê, đem quân chống mệnh, thì oan trời đến đâu, chỉ trong chớp mắt, núi cao cũng thành ra đất bằng. Theo **[12a]** mệnh thì tốt, trái mệnh thì hung, là tuỳ ở ngươi, ngươi hãy nghĩ lấy". Khi sứ đến, Phúc Nguyên không nghe mệnh.

Tháng 3, ngày Mậu Dần, xuống chiếu tuần thú Thuận Hoá, sai Nguyễn Khải đến trước châu Bố Chính. Ngày Ất Dậu, Khải đến cửa biển Nhật Lệ, Phúc Nguyên đã sai quân nghênh chiến, bắn đại bác, tiếng nổ vang trời. Quan quân lui tránh. Tiên phong là Lê Khuê cưỡi ngựa xông thẳng vào trận địch, các tướng cưỡi ngựa kế tiếp tiến vào, quân Thuận Hoá mới lui xuống thuyền. Khải nhân đó dựng doanh trại ở bờ phía bắc sông. Quan Phúc Nguyên đóng trại ở bờ nam. Đêm hôm đó, quân địch thừa cơ triều lên, dùng đại bác, đến gần bắn vào doanh trại. Quan quân chống giữ. Chúa đưa vua chỉ huy sáu quân, lấy danh nghĩa xem xét địa phương, quân thuỷ, quân bộ cùng tiến.

Ngày 12 tháng 4 ngày Mậu Tý, xa giá đến Nhật Lệ, hiệu lệnh các tướng đánh nhau với thuỷ quân của Phúc Nguyên ở cửa bể. [Hai bên] đều bắn đại bác, quân độ ở bờ bắc bắn **[12b]** vào cánh tả của thuỷ quân giặc. Quân giặc lui vào trong luỹ gỗ, chống giữ. Quan quân thừa thắng phá giặc. Quân bờ nam tranh nhau lấy của cải. Giặc cho quân voi xông ra đánh, tiền quân hơi phải lùi.

Đêm ấy, xa giá dừng lại ở cửa bể, dùng thuyền buồm lớn làm cầu phao, quân bộ đóng hai bờ, thuyền đỗ ở giữa sông để tính kế tiến đánh.

Ngày Canh Dần, chúa sai Nguyễn Danh Thế viết thư dụ Phúc Nguyên. Ngày Tân Mão sai quan vào dụ. Ngày Nhâm Thìn rút quân về[2].

Thượng thư bộ Hộ, Thiếu phó Lộc quận công Lưu Đình Chất mất, tặng hàm Thiếu sư[3].

Tháng 5, xa giá trở về kinh[4].

Tiến phong Nguyễn Thực làm Thiếu phó[5].

Mùa thu tháng 8, mới thi hương.

Sai bọn Nguyễn Thực đi hầu mệnh, đón sứ thần về nước[6].

---

[1] Cưu cánh: loài chim ác, ăn thịt mẹ cánh: loài thú ác, ăn thịt bố. Cưu cánh có nghĩa bóng là những người ác, quên ơn cha mẹ.

[2] Bản Lê Hy tóm tắt cuộc chiến tranh này trong vài dòng.

[3] Bản Lê Hy không chép.

[4] Bản Lê Hy không chép.

[5] Bản Lê Hy không chép.

[6] Bản Lê Hy không chép.

Vua Minh mất, tên thuỵ là Hy Tông Triết Hoàng Đế, em là Tín Vương Do Kiểm lên ngôi.

Mùa đông tháng 10, Thượng thư bộ Binh, Thiếu phó **[13a]** Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ mất, tặng Thái bảo Diễn quận công.

Tháng 11, cho Nguyễn Danh Thế kiêm chức Đô ngự sử[1].

Ghi công những người đi hầu mệnh, thăng Nguyễn Thực tước Lan quận công[2].

Mậu Thìn, [Vĩnh Tộ] năm thứ 10 [1628], (Minh Hoài Tông Sùng Trinh năm đầu).

Mùa xuân, tháng giêng, Thượng thư bộ Lại, chưởng lục bộ sự, Thái bảo Lễ quận công Nguyễn Văn Giai mất, tặng là Tư đồ, thuỵ là Cẩn Độ.

Tháng 2, thi hội các cử nhân. Lấy đỗ bọn Giang Văn Minh 18 người. Thi đình, cho Giang Văn Minh đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh, bọn Dương Cảo 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Đặng Phi Hiển 4 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Thái uý Chưởng phủ sự Dương Lễ công Trịnh Đỗ mất, tặng là Thái tể, thuỵ là Ý Thuần[3].

Tháng 9, sửa chùa Long Ân ở phường Quảng Bá. Chúa ghi công đức cho nhà ngoại là Chiêu Huân công[4], Cẩn Nghĩa công[5], sai Nguyễn **[13b]** Thực soạn văn bia[6].

Kỷ Tỵ, [Đức Long] năm đầu [1629][7], (Minh Sùng Trinh năm thứ 2).

Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu cho bách quan văn võ, những ai có đầy đủ hai công: theo xa giá đi trong năm Quý Hợi (1623) và tiến đánh giặc thì được gia thăng chức tước, và vinh phong là công thần có thứ bậc: quan võ từ quận công, quan văn từ khoa đạo trở lên, phong hai chữ Dực Vận và Tán Trị; quan võ từ tước hầu, quan văn từ bộ, tự, tham nghị, hiến phó trở xuống phong một chữ Tán Trị.

Mùa hạ tháng 4, tiến phong Nguyễn Danh Thế tước Đường quận công; Đặng Thế Tài tước Doanh quận công; Đặng Thế Khoa tước Liêm quận công; Thế Tài và Thế Khoa là con cháu của Nghĩa quốc công [Đặng Huấn][8].

Vì hạn hán, đói kém, đổi niên hiệu là Đức Long, đại xá cho thiên hạ. Tha thuế đinh thuế điền năm nay cho hai xứ Thanh Nghệ. Lòng dân vui thích.

Ghi công những người năm trước đi đánh Cao Bằng, gia thăng chức tước cho các tướng sĩ **[14a]**.

Tiến phong Chỉ huy sứ Vân Dương hầu Đỗ Vị làm Điện quận công (Vị là người xã Hoằng Liệt, huyện Thanh Trì). Ông là con của Thượng thư bộ Lại, Thái bảo Sầm quận công Đỗ Cảnh.

Quần thần tâu: chúa có đức lớn, công cao, xin tiến tôn tước vương một chữ. Vua bằng lòng. Chúa khiêm nhường, từ chối không nhận. Quần thần cố xin, chúa mới chịu nghe.

Mùa đông tháng 10, ngày Tân Dậu làm lễ sách phong. Lời sách nói: "Dựng ngôi chính trung ban phúc, tỏ ra đạo lý công bằng; định lễ trọng đại đền công, nêu ban ơn điển tôn quý. Ngày tháng tốt lành đã chọn, sách vàng rực rỡ ban ra. Nay Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương Trịnh Tráng,

---

[1] Bản Lê Hy không chép.

[2] Bản Lê Hy không chép.

[3] Bản Lê Hy không chép.

[4] Chỉ Nguyễn Kim.

[5] Chỉ Nguyễn Hoàng.

[6] Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

[7] Bản Lê Hy không chép là Vĩnh Tộ thứ 11, từ tháng 4 về sau là Đức Long năm đầu.

[8] Đặng Huấn sinh ra Đặng Thị Ngọc Dao là mẹ Trịnh Tráng (theo Đặng gia phả ký). Bản Lê Hy không chép việc này.

trung hậu nếp nhà, trí năng yên nước. Uy vũ vang lừng trăm trận, công lao tái tạo đã nên; văn giáo thấm khắp bốn phương, trị bình hùng cường đã đến.

Trong ngoài đều tin người đức vọng; chức vị đáng đứng đầu các quan. Đặc sai quan mang phù tiết **[14b]** sách vàng, ấn ngọc, tấn phong làm Hiệp mưu đồng đức công thần, Đại nguyên soái thống quốc chính sư phụ Thanh Vương. Đã ban cho của cải để làm ngọc khuê; lại cho ruộng đất để rộng khu vũ. Vương nên lấy nghĩa thân cận làm người trung thực giúp phò để kính nhận phúc lành thượng đế ban cho; trau dồi lấy đức, để bảo vệ dân, nối đời giữ lấy nghiệp vương dài mãi. Khâm theo đấy".

Thăng Xá nhân trưởng vệ quan Ngọc Lâm hầu Lê Phúc Lai (người xã Sơn Trai, huyện Nông Cống) làm Thượng bảo tự khanh, tước Cống quận công, sai quản đốc Xá nhận 4 ty.

Canh Ngọ, [Đức Long] năm thứ 2 [1630], (Minh Sùng Trinh năm thứ 3).

Mùa hạ, tháng 5, lập con gái của chúa, họ Trịnh làm hoàng hậu[1]. Trước kia bà được gả cho bác họ của vua là Cường quận công Lê Trụ, sinh được 4 con trai là bọn Lê Hoàn. Trụ can tội bắc thang vào điện mưu việc phản nghịch[2] bị hạ ngục mà chết. Chúa đem bà ta gả cho vua. Nhà vua nhận. Bọn Nguyễn Thực, Nguyễn Danh Thế nhiều lần dâng sớ can ngăn. Nhưng vua không nghe và nói rằng: "Trót đã lấy rồi". Từ hôm đó **[15a]** trời mưa dầm không ngớt.

Tháng 6, lũ lụt lớn. Sông Nhị nước dâng cao, tràn vào phố xá; ngoài cửa Nam, nước chảy như thác, ở trong phố phường mà phải đi thuyền, có nhiều người chết đuối. Đê Thanh Trì vỡ, lúa mất, dân đói.

Tháng 9, dựng ba toà nội điện, làm hành lang.

Mùa đông, tháng 10, qua bộ viện Lưỡng Quảng nhà Minh sai người giục cống nộp đến kinh sư. Ban cho ăn yến ở bến Đông Hà. Chúa ngự ở lầu Giảng Võ, bày đồ cống vật cho họ vào xem. Nhân đó duyệt quân thuỷ và bộ, bày thuyền ghe, voi ngựa để phô bày sự cường thịnh.

Ngày Nhâm Tuất, nguyệt thực.

Sai quan duyệt tuyển dân đinh các xứ. Bấy giờ các quan khâm sai là võ tướng phần nhiều cậy là huân cựu, riêng nhận hối lộ, tự ý thải người già, miễn đi lính, làm điên đảo bất công, nhiều lần bị quở trách; mà quan duyệt tuyển ở Thanh Hoa là Thái Bá Kỳ quá đáng nhất. Chỉ có các viên Cao Ty[3], Trần Vĩ, Lã Thì Trung, Nguyễn Quang Minh, Nguyễn Tài **[15b]** Toàn, Nguyễn Khắc Văn, Nguyễn Trừng, là người cẩn thận giữ phép, được lòng quân dân, người ta khen là công bằng.

Giám sát ngự sử Hải Dương là Dương Thuần, vì việc tra hỏi kiện tụng bị vu cáo, bãi quan.

Sai bọn Tuyền quận công Nguyễn Duy Thì đến cửa Nam Quan hầu mệnh.

Tháng 11, sai sứ sang nhà Minh, bọn Trần Hữu Lễ, Dương Trí Trạch, Nguyễn Kinh Tế, Bùi Bỉnh Quân, Nguyễn Nghi, Hoàng Công Phụ đi cống hàng năm. Bỉnh Quân mất giữa đường.

Đem các bậc công thần hàng đầu là Tĩnh quận công Phạm Đốc, Hậu Trạch công Đặng Huấn, Mậu Nghĩa công Hoàng Đình Ái, Phu Nghĩa công Nguyễn Hữu Liêu phối thờ ở cung miếu bốn trấn là Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương.

Truy tặng em chúa là Trịnh Lâm làm Đại tư mã [hiệu] Tuân Chính Duyệt Lễ Anh Uy Mỹ Dự công[4].

Tân Mùi, [Đức Long] năm thứ 3 [1631], (Minh Sùng Trinh năm thứ 4).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày Mậu Dần, thượng thần Lý Ông Trọng ở đền thờ tại Từ Liêm **[16a]** đổ mồ hôi.

---

[1] Tên là Trịnh Thị Ngọc Trúc.

[2] Bản Lê Hy chép Lê Trụ là chú họ vua, bị giam vào ngục, nhưng không nói là vì tội gì.

[3] Bản Nội các quan bản cũng chép là Cao Ty như ở đây, trong khi các bản Quốc tử giám tàng bản đều chép là Cao Khả.

[4] Bản Lê Hy không chép việc này.

Ngày Canh Thìn có gió to.

Hiến sát phó sứ Thuận Hoá là Vũ Chân (người xã Bình Lăng Thượng, huyện Thiên Lộc) từ năm Giáp Dần [1614] bị Nguyễn Phúc Nguyên ngăn trở, đã 18 năm. Đến nay ông cùng với Mậu Lương hầu Bùi Văn Tuấn (người xã Bái Nại, huyện Tống Sơn) đi theo đường tắt, trở về với triều đình. Chúa hỏi về việc ở biên phương, rồi thưởng rất hậu, cho Chân làm chức Phủ Doãn, thăng Văn Tuấn làm Mậu quận công.

Đá núi Hoàng Sơn ở Nông Cống lở.

Đá núi Lộng Điền ở Gia Viễn rơi xuống.

Tháng 3, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Nguyễn Minh Triết gồm 7 người. Có người tố cáo Nguyễn Văn Quang (người xã Đặng Xá, huyện Cẩm Giàng) thiếu điểm mà vẫn trúng tuyển, bèn bỏ tên đi. Thi đình, cho Nguyễn Minh Triết đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh; bọn Lê Biện 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Danh Thọ 3 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Xứ Hải Dương mưa đá, hòn to như đầu ngựa.

Ngày Bính Thân, chính phi của chúa [Trịnh Tráng] là Nguyễn Thị Ngọc Tú **[16b]** mất, tên thuỵ là Từ Thuận. Bà là con gái của Nguyễn Hoàng, sinh ra Sùng quận công Trịnh Kiều và hoàng hậu Ngọc Trúc. Bà có cô cháu gái, đó là con gái của anh bà là Nguyễn Hán, cô này cũng được vào hầu ở Đông cung.

Mùa hạ, tháng 4, ngày Ất Mão, sét đánh núi Mã Yên ở Tây Kinh, làm đất nứt 5 trượng. Ngày Kỷ Mùi, chó ngao đá ở xã Hoàng Mai huyện Thanh Trì phát ra tiếng kêu như tiếng trống.

Tháng 6, chúa ngự ở lầu phía đông, sai thuỷ quân tập bắn. Có lửa bốc lên ở đầu sông cháy lan ra phố phường ở hai bên trái cửa [vương] phủ và đến cửa Triều Nguyên của triều đình ở trong thành, rồi cháy vào nội điện. Nhà vua tránh lửa, chạy ra ở nhà Hoa Dương hầu, bốn ngày sau mới trở về cung.

Hạ lệnh chỉnh lý kỷ cương: các đại thần và bách quan, cứ ngày mồng một và rằm thì vào chầu nội điện. Đại thần văn võ các viên có văn phòng riêng (toạ đường chư viên) cứ mỗi tháng 10 phiên vào chầu **[17a]** ở phủ đường. Từ Đô đốc và Cai cơ, Cai đội trở xuống, hàng ngày vào phủ đường thị hầu[1].

Các nha môn trong ngoài theo như chức chưởng. Ai thanh liêm, công bằng, mẫn cán, hoặc mãn khảo [đủ nhiệm kỳ], mà lòng dân ái mộ, hoặc bản quan có khải bảo cử, thì nên xét thực, gia thăng cho một "thứ" và lưu nhiệm. Nếu không biết thận trọng giữ gìn, làm nhiều việc nhũng tệ, người nào nhẹ thì biếm bãi chức, đuổi về, người nào nặng thì sung làm quân[2].

Các quan sở cai cai quản dân, cốt phải vỗ về nuôi dưỡng dân. Nếu làm tệ nhiễu dân, để người ta kêu tố, tra xét đúng sự thực thì đình chỉ việc cai quản. Nếu thấy dân kêu cáo mà chặn đường ngăn trở và bắt giam, đánh đập nặng thì ghép vào phép nước, nhẹ hơn cũng bãi chức đình cai quản[3].

Mùa thu, tháng 3, ngày Canh Ngọ, vực Rồng ở xã Lai Duệ huyện Thuỵ Nguyên có vật gì nổi lên mặt nước như đầu người, đầu trâu, đầu ngựa, đầu rắn, nhiều vô số.

Mùa đông, tháng 10, ngày Tân Sửu là ngày mồng một có nhật **[17b]** thực.

Thăng Nguyễn Thực làm Thiếu uý[4].

Cho Hữu thị lang Nguyễn Tuấn, Bùi Bỉnh Di, Nguyễn Tự Cường là Tả thị lang, Thiêm đô ngự sử Trần Vĩ làm Phó đô ngự sử, Tự khanh Đỗ Khắc Kính, Nguyễn Lại làm Hữu thị lang.

Vì bọn Trần Nghi làm quan không thận trọng, cho ra làm Tham chính Sơn Tây, Phạm Phúc Khánh, Đặng Phi Hiển, Lê Phan Lâm làm Hiến sứ ở Lạng Sơn, Tuyên Quang, An Quảng.

---

[1] Bản Lê Hy không chép.

[2] Bản Lê Hy không chép.

[3] Bản Lê Hy không chép.

[4] Bản Lê Hy không chép.

Tháng 11, sai Bắc quân tả đô đốc phó tướng Tây quận công Trịnh Tạc thống lãnh tướng sĩ và doanh cơ thuộc sai của Đặng Thế Khoa, cùng với quan binh châu Bố Chính trấn giữ xứ Nghệ An. Đóng dinh ở Yên Trường huyện Chân Phúc, lấy Tự khanh Giang Văn Minh làm Đốc thị, Thái bảo Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm trấn giữ Thanh Hoa. Cho Tự khanh Nguyễn Khắc Văn làm Đốc đồng. Tây quận công ra lệnh răn cấm. Các [quan quân] dưới quyền đều nghiêm túc.

[18a][1] Núi xã Đa Giá ở Gia Viễn sạt lở 17 trượng.

Nhâm Thân, [Đức Long] năm thứ 4 [1632], (Minh Sùng Trinh năm thứ 5).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày Kỷ Hợi, truy tôn hoàng khảo Giản Huy Đế làm Hiển Nhân Dụ Khánh Tuy Phúc Huệ Hoàng Đế, miếu hiệu là Kính Tông.

Tháng 2, gia tôn kim sách mỹ tự cho Thái Vương [Trịnh Kiểm] và Triết Vương [Trịnh Tùng]. Truy phong ngân sách mỹ tự cho Hậu Trạch công [Đặng Huấn].

Sai Nguyễn Thực mang phù tiết, sách vàng ấn bạc tiến phong vương tử là Thái phó Sùng quận công Trịnh Kiều làm Khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bộ chư doanh, kiêm Tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, phó chưởng quốc chính thái uý Sùng quốc công. Mở phủ ở bên trái cửa Nam môn, gọi là phủ Hùng Uy, đặt quan thuộc, chia sai quan cầm cờ tiết, sách bạc, ấn đồng phong em chúa là Hiệp Nghĩa dinh thái uý Tung quận công Vân làm Tung Nhạc công. Mở phủ Hiệp Nghĩa. [Phong] Phù Nghĩa doanh thái uý Dũng quận công Trịnh Gia làm Dũng Lễ công, mở phủ Phù Nghĩa. [Phong] Thắng Nghĩa doanh thái phó Quỳnh quận công làm Quỳnh Nham công, mở phủ Thắng Nghĩa.

Sai Nguyễn Danh Thế làm Tham tụng, dự tán quốc chính, gia hàm Thái bảo. Nguyễn Hắc, Nguyễn Khải đều làm Thái phó. Lúc đó Khải đã đổi sang chức Thượng thư bộ Binh.

Tháng 3, sai Nguyễn Thực và Nguyễn Khải đều lấy tư cách quốc lão tham dự triều chính.

Mùa hạ, tháng 4, Hữu thị lang bộ Lại là Nguyễn Tuấn, Nguyễn Lại bị bãi (Lại là người xã Bột Thượng, huyện Hoằng Hoá). Bọn Tuấn tuyển bổ các chức phần nhiều nhũng lạm. Nguyễn Lại thì nhận nhiều của đút. Có câu ca dao rằng: "Các chức bị viên, lưỡng Bột tận điền" (nghĩa là: các chức mà bổ cho đủ người thì hai làng Bột hết ruộng). Nguyễn Thực và Nguyễn Khải tham hặc hai người ấy, nên bãi chức.

Gia phong Nguyễn Thực làm Thái bảo, Nguyễn Duy Thì làm Thiếu phó. Cho em chúa là Việt quận công Trình, Luân quận công Thức, **[19a]** Quảng quận công Hàng, Lăng quận công Bảng, Diên quận công Nha, Vương tử là Hồng quận công Lựu, đều làm Thái bảo. Vương tử là Tây quận công Tạc, Phù quận công Lịch và Lan quận công Hoàng Nghĩa Phì đều làm Thiếu uý.

Ghi công những người đi theo đánh dẹp ở Quảng Hoá. Gia phong Thiếu bảo Định quận công Hoàng Nghĩa Phúc làm Thiếu phó.

Tháng 5, các quan triều đình bàn muốn cử Tả thị lang Mai Khê hầu Nguyễn Tiến Dũng chuyển sang [làm Tả thị lang] bộ Lại. Nguyễn Khải nói: "Trước đây ông ấy làm Đề điệu trường Thanh Hoa, đã theo tình riêng mà lấy người này bỏ người kia không xứng đáng làm chức ấy". Bèn cho Phó đô ngự sử Trần Vĩ và Hữu thị lang bộ Lễ là Đỗ Khắc Kính làm Tả hữu thị lang bộ Lại[2]. Cất nhắc Đô cấp sự trung Lại khoa Nguyễn Duy Hiểu làm Thiêm đô ngự sử.

Sai Trần Vĩ, Nguyễn Quang Minh, Lê Kính, Thân Khuê chia nhau đi khám hỏi về các quan tổng cán đường đê và các quan lại Thừa ty các xứ, người nào chăm hay lười, làm **[19b]** hay tham ra sao. Tháng 6, ngày mồng một, mưa to liền 4, 5 ngày, nước sông Hồng đầy tràn. Chúa và Phủ tiết chế đem các quân, cưỡi thuyền đi xem đường đê ở các xã Thâm Dương, Yên Duyên, Khuyến Lương huyện Thanh Trì, chia nhau sai hộ trúc đường đê. Nước càng đầy tràn, phải trở về. Sai thu các tiền thu lạm của quan tổng cán đê sông các xứ nhập vào quỹ công.

---

[1] Tờ 18a và 18b ở bản in của Phạm Công Trứ bị mất do đóng lầm tờ 18a và 18b của quyển XXII vào. Vì vậy ở đây chúng tôi tạm lấy đoạn văn tương ứng ở một bản chép tay (ký hiệu A4 ở Viện Hán Nôm) thay thế vào; đến tờ 19a lại tiếp tục dịch theo bản in của Phạm Công Trứ.

[2] Bản Lê Hy chép rõ: Trần Vĩ làm Tả thị lang. Đỗ Khắc Kính làm Hữu thị lang.

Quý Dậu, [Đức Long] năm thứ 5 [1633], (Minh Sùng Trinh năm thứ 6).

Mùa xuân, tháng giêng, núi Long Tuyền bị đổ.

Sai Thái phó Hắc, Thái bảo Hàng, Bảng, Đương tham dự triều chính. Hàng cùng Ngô Nhân Triệt, Nguyễn Quang Minh chiếu bổ hạ hạng quân các phủ vệ.

Tháng 2, Nguyễn Phúc Nguyên sai quân đánh phá châu Nam Bố Chính, giết quan châu, lấy tiền của kho bắt hết dân đinh ở đó làm lính, đặt ra 24 đội thuyền.

Tháng 3, đá núi Đa Bút huyện Vĩnh Phúc bị sạt. Hai núi ở giếng Âm Dương huyện Phụng Hoá **[20a]** bị lở.

Sai bọn Trần Vĩ đi hầu mệnh, đón sứ thần về nước.

Ngày Quý Sửu, thần vị của vua Lý Thái Tông ở điện Cổ Pháp vô cớ dời đi chỗ khác. Sai nội thần là Phái quận công đến tế. Vài ngày sau [thần vị] lại trở về chỗ cũ.

Nước sông Cái (Đại Hà) ở xã Yên Duyên huyện Thanh Trì ban đêm khô cạn đi trong một khắc.

Ngày Giáp Dần, giờ Tỵ, có gió lớn từ phương bắc lại. Đầm Thịnh Liệt khô đi trong hơn một khắc. Sóng nước sông Nhị chồm lên, nhiều thuyền bị đắm. Triều thần hặc tội viên tham nghị xứ Hưng Hoá là Trương Vũ làm quan không cẩn thận, đến nỗi dân kêu tố và tri huyện Nguyễn Hàng chưa mãn đại tang mà ngầm đem vàng bạc tâu bậy xin làm chức Lăng phó ở điện [miếu] Tây Kinh. Vua giao xuống luận tội Trương Vũ và thu lại sắc mệnh của Hàng.

Mùa thu, tháng 8, Nguyễn Phúc Nguyên sai tướng lập dinh luỹ ở Thái Xá, Động Hải (Đồng Hới) để chống lại quan quân.

Bàn việc đi đánh Nguyễn Phúc Nguyên. Nguyễn **[20b]** Danh Thế ba lần can gián, xin hưu binh cho dân. Không nghe. Tháng 10, sai Tiết chế phủ đem quân đến đóng ở Vân Sàng thuộc Gia Viễn, trấn phủ Thanh Hoa, Sơn Nam, Hải Dương, An Quảng, Tung Nhạc công và Dũng Lê công trấn thủ kinh thành và trấn phủ Sơn Tây, Kinh Bắc, Lạng Sơn, Thái Nguyên.

Tháng 11, ngày Giáp Dần, chúa đem vua thân đi đánh, thuỷ bộ cùng tiến. Tháng 12, ngày Tân Dậu, đóng ở cửa bể Nhật Lệ. Ngày Kỷ Mão, đối diện chống nhau với quân Thuận Hoá. Ngày Tân Tỵ, tiền quân nghi ngờ hoảng sợ tự vỡ. Bèn rút quân[1].

Giáp Tuất, [Đức Long] năm thứ 6 [1634], (Minh Sùng Trinh năm thứ 7).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày Mậu Tý, là ngày mồng một xuống chiếu rút quân.

Tháng 2, ngày Tân Dậu, xa giá về tới kinh sư[2].

Tháng 3, ngày Đinh Hợi, là ngày mồng một, nhật thực.

Thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Nguyễn Nhân Trứ 5 người. Thi đình, cho Vũ Bạt Tuỵ đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Nhân Trứ **[21a]** 4 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân (Nhân Trứ người xã Nguyệt Viên huyện Hoằng Hoá). Mùa hè, đại hạn.

Cho Tam Dương hầu Đinh Thế Diên làm Dương quận công, gia hàm Thiếu uý. Thế Diên là cháu 7 đời của công thần Lê Liệt[3].

Mùa thu, tháng 8, thăng Nguyễn Danh Thế hàm Thái bảo[4].

---

[1] Bản Lê Hy chép tóm tắt việc đánh quân Nguyễn trong một câu.

[2] Bản Lê Hy không chép các sự kiện này.

[3] Bản Lê Hy không chép.

[4] Bản Lê Hy không chép.

Gia thăng Nguyễn Thực hàm Thái phó chức Thượng thư bộ Hộ về trí sĩ. Bấy giờ ông đã 80 tuổi. Từ khi Trung Hưng đến nay, mang chức Thượng thư về trí sĩ bắt đầu từ Nguyễn Thực.

Ất Hợi, [Dương Hoà] năm đầu [1635], (Minh Sùng Trinh năm thứ 8)[1].

Mùa hạ, tháng 6, ban lệnh chỉ cấm các quan lại hà khắc, và răn giới các quan cai khám để ứ đọng các án kiện, ban bố cho thi hành 12 điều. Mùa đông, tháng 10, đại xá, đổi niên hiệu là Dương Hoà.

Ngày Mậu Tý, Nguyễn Phúc Nguyên ở Thuận Hoá mất, thọ 73 tuổi. Con là Nhân quận công Phúc Lan nối chức, tự đặt tên thuỵ Thuỵ Dương Vương, gửi cáo phó **[21b]** về triều. Sai quan đi điếu phúng. Ban mệnh cho Phúc Lan làm trấn thủ Thuận Quảng. Năm ấy Thái bảo Nguyễn Hắc cũng mất, tặng Thái tể.

Bính Tý, [Dương Hoà] năm thứ 2 [1636], (Minh Sùng Trinh năm thứ 9).

Mùa xuân, sai làm thư đưa cho quan Tam ty ở Lưỡng Quảng, nhờ chuyển tờ tâu về xin phong cho vương một lần nữa. Người Minh không nghe[2].

Đinh Sửu, [Dương Hoà] năm thứ 3 [1637], (Minh Sùng Trinh năm thứ 10).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày Tân Sửu là ngày mồng một, nhật thực.

Tháng 3, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Nguyễn Duy Hiểu, Giang Văn Minh, Nguyễn Quang Minh, Trần Nghi, Nguyễn Bình, Thân Khuê sang cống hàng năm và cầu phong.

Mùa hạ, xứ Thuận Hoá đói to[3].

Mùa đông tháng 10, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Nguyễn Xuân Chính 20 người. Thi đình, cho Nguyễn Xuân Chính, Nguyễn Nghi, Nguyễn Thế Khanh đỗ tiến sĩ cập đệ. Bọn Nguyễn Hữu Thường 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn **[22a]** Cổn 15 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân (từ khi trung hưng tới khoa này mới lấy Tam khôi [Trạng nguyên, Bảng nhỡn, Thám hoa)[4].

Tháng 11, Thái phó trí sĩ Nguyễn Thực mất, thọ 83 tuổi, tặng Thái tể, thuỵ là Trung Thuần. Tháng 12, ngày Giáp Tý cuối tháng, có nhật thực.

Mậu Dần, [Dương Hoà] năm thứ 4 [1638], (Minh Sùng Trinh năm thứ 11).

Mùa xuân, tháng giêng, Mạc Kính Khoan, tước Thông quận công ở Cao Bằng mất. Con là Kính Vũ lại làm phản, tiếm đặt niên hiệu là Thuận Đức[5].

Tháng 3, sai Đặng Thế Tài lưu lại giữ kinh sư, Chúa thân đem quân đi đánh Cao Bằng. Quân tiến trước đánh bị thua, thuộc tướng là quận Hạ bị giặc bắt; quận Lâm ra trận sợ chạy bị tội giết. Bèn rút quân về. Cho Tả thị lang bộ Lễ là Trần Hữu Lễ làm Tả thị lang bộ Lại[6].

Tháng 11, sai Đặng Thế Khoa đem quân đi trấn thủ ở Lục Ngạn, Phượng Nhãn[7].

Tháng 12, ngày Canh Dần **[22b]** sai Tiết chế phủ đem quân đánh Cao Bằng, Nguyễn Danh Thế làm tham tán quân mưu, đánh bại đảng giặc ở Hạ Lan thuộc Cảm Hoá, phá 19 động Hoa Nê, An Lễ... Tướng tiên phong là Bật quận công đóng đồn ở Vân Tùng. Nguyễn Danh Thế xin chọn tướng khoẻ đem 3000 tinh binh đóng ở sau đội tiên phong; khi quân tiên phong đắc thắng thì quân sau liền tiến lên, đem

---

[1] Bản Lê Hy ghi năm này là Đức Long năm thứ 7 và chú thích là từ tháng 10 đổi niên hiệu là Dương Hoà.

[2] Bản Lê Hy không chép.

[3] Bản Lê Hy không chép.

[4] Bản Lê Hy chép sự kiện này nhưng không có đoạn chú thích.

[5] Bản Lê Hy không chép.

[6] Bản Lê Hy không chép.

[7] Bản Lê Hy không chép

theo 3 ngày lương khô, ngày đêm đuổi giặc, đại binh tiếp theo tiến lên, thì có thể thu được toàn thắng, không nhọc sức cất quân lần nữa; không để cho giặc lủi trốn vào rừng núi. Quan tiết chế không nghe.

Ngày Tân Sửu, tiến vào Cao Bằng, chia quân lược địch các châu Quy Thuận, Thượng Lang, Hạ Lang. Giặc đều tan chạy vào rừng núi, không để lại dấu vết. Quan quân lưu lại 10 ngày rồi rút về[1].

Qui định hành nghi phẩm phục của các quan để làm chính xác đẳng cấp.

Kỷ Mão, [Dương Hoà] năm thứ 5 [1639], (Minh Sùng Trinh năm thứ 12).

Mùa hạ, tháng 4, nhắc rõ lại lệ kiện về nhân mạng. Theo như chế độ năm Cảnh Thống **[23a]** thứ 6 (1503), chỉ tịch thu điền sản, vợ con, tài vật của bản thân người phạm tội, nếu không đủ thì cho phép cung khai điền sản của cha mẹ, anh em người ấy làm tiền bồi thường, không được bắt lây đến họ hàng làng xóm.

Tháng 6, nhắc bảo về kỳ hạn tiến quân. Đưa thư cho ty Hồ Nhuận doanh Quy Đạo thuộc Quảng Tây nước Minh, và quan các châu Yên Bình, Quy Thuận, Hạ Phiên, Hướng Vũ, hẹn hợp sức đánh Cao Bằng[2]. Mùa thu, sai Nguyễn Duy Thì lên cửa quan, đón sứ thần Nguyễn Duy Hiểu về nước. Duy Hiểu dâng sớ nói: "Đến Yên Kinh, dâng biểu cầu phong quốc vương, [vua Minh] giao cho bộ bàn, họ cho rằng không có văn bản cũ để lại có thể tra xét được, nên không cho. Chỉ ban sắc thư tưởng lệ thôi"[3].

Tháng 10, ngày Quý Tỵ, chúa [Trịnh Tráng] thân đi đánh Cao Bằng. Đóng quân ở thành Lạng Sơn. Quan thổ châu ở Trung Quốc đều đáp thư hứa theo lời ước. Nhân đó Chúa tiến lên đóng đồn ở Bắc Nẫm, chia sai bọn Đặng Thế Tài đánh Mạc Kính Vũ. Đánh ở Đà Dương **[23b]** Hoa Biểu, Trục Khâm, Vân Đô, đều thắng[4].

Tháng 12, rút quân về. Vì thuộc tướng Đỗ Hán Vân, ra trận xông lên trước, có công lớn, thăng là Hương quận công. Ngoài ra đều thăng thưởng có thứ bậc (Hán người xã Hoằng Liệt, huyện Thanh Trì, là con của Thượng thư Đỗ Cảnh)[5].

Ra lệnh chỉ nhắc bảo bách ty phải giữ đúng chức trách, làm dân vui lòng gồm 12 điều.

Canh Thìn, [Dương Hoà] năm thứ 6 [1640], (Minh Sùng Trinh năm thứ 13).

Tháng giêng nhuận, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Phí Vân Thuật 22 người. Thi đình, cho bọn Văn Thuật 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân. Bọn Hoàng Vinh 20 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân. Gia thăng cho Nguyễn Danh Thế giữ chức Đông các trì Kinh diên sự[6].

Nguyễn Phúc Lan ở Thuận Hoá sai quân đánh phá châu Bắc Bố Chính, bắt vợ con Hiền Tuấn hầu Nguyễn Khắc Loát chạy về Nghệ An, trấn thủ là Tào **[24a]** quận công. Ngô Phúc Vạn bắt giải về kinh, giam vào ngục. Phúc Lan sai người đến kinh trình bày tội lỗi. Xuống lệnh chỉ an ủi bảo ban, kể lại mối tình thân giao mấy đời, lại nói: thái uý và lệnh đệ là tình nghĩa ruột thịt, chí khí như nhau, sao có thể so hơn kém, nên sớm xử trí... Lại đưa tin của Công Khuê, trả lại cương thổ Quy Vấn, Phúc Lan vâng mệnh[7].

Nhâm Ngọ, [Dương Hoà] năm thứ 8 [1642], (Minh Sùng Trinh năm thứ 14)[8].

---

[1] Bản Lê Hy không chép.

[2] Bản Lê Hy không chép.

[3] Bản Lê Hy không chép là sớ của Nguyễn Duy Hiểu.

[4] Bản Lê Hy không chép.

[5] Bản Lê Hy không chép.

[6] Bản Lê Hy không chép.

[7] Bản Lê Hy không chép.

[8] Bản Lê Hy chép đúng là Minh Sùng Trinh năm thứ 15.

Mùa thu, tháng 9, Tiết chế thái uý Sùng quốc công Trịnh Kiều mất, thọ 42 tuổi, tặng là Thượng tể thượng tướng Sùng Nghĩa công, ban thuỵ là Hùng Độ. Chúa đã cao tuổi, nghĩ kế lớn cho xã tắc. Vì cháu đích tôn là Tông quận công Trịnh Hoành còn nhỏ, cho nên chưa định ngôi thế tử[1].

Tung Nhạc công Trịnh Vân mất, ban thụy là Trung Tín[2].

Chúa dụ các quan liêu rằng chỉnh lý kỷ cương cốt ở chỗ khám hỏi kiện tụng và dẹp tắt trộm **[24b]** cướp. Nên sai quan chia nhau đi trị nhậm bốn trấn. Cho Thái bảo Tây quận công Trịnh Tạc trấn trị Sơn nam, Thái thường tự khanh Phạm Công Trứ làm Tán lý, Phù quận công Trịnh Lịch trấn thị Sơn Tây, Hữu thị lang bộ Binh Nguyễn Trừng làm Tán lý. Quỳnh Nhạm công Trịnh Đệ trấn trị Kinh Bắc, Hữu thị lang bộ Công là Nguyễn Bình làm Tán lý, Thiếu Bảo Hoa quận công Trịnh Sầm trấn trị Hải Dương, Đô cấp sự trung Hộ khoa Nguyễn Nhân Trứ làm Tán lý. Đều cùng với Thừa ty trừ bỏ tệ trước, vỗ yên dân địa phương (Công Trứ là người xã Liêu Xuyên, huyện Đường Hào).

Cho Nguyễn Duy Thì làm Thượng thư bộ Binh[3].

Tháng 11, Hữu đô đốc Yên quận công Đào Quang Hoa mất, tặng Tả đô đốc (Quang Hoa người xã Tuyền Cam, huyện Thanh Oai)[4].

Quý Mùi, [Dương Hoà] năm thứ 9 [1643], (từ tháng 10 trở đi vua Chân Tông Phúc Thái năm đầu, Minh Sùng Trinh năm thứ 15)[5].

Mùa xuân, xuống chiếu đi kinh lược Thuận Hoá, sai **[25a]** Tây quận công, Quỳnh Nham công thống lĩnh đại quân cùng bọn Tán lý Nguyễn Quang Minh, Phạm Công Trứ, Nguyễn Danh Thọ đi trước đến châu Bố Chính, đánh úp giết tướng giặc là Thắng Lương hầu ở xã Trung Hoà. Bắt viên thư ký là Văn Toàn tử, tiến đóng ở cửa bể Nhật Lệ. Nguyễn Phúc Lan chia quân chống giữ.

Tháng 2, sai Kiên quận công Trịnh Quân cùng Nguyễn Danh Thế lưu lại giữ kinh sư và trấn phủ các xứ. Chúa đưa vua thân chinh Thuận Hoá[6].

Tháng 3, xa giá đóng ở xã An Bài thuộc châu Bố Chính, chỉ bảo phương lược cho các tướng. Tháng 4, vì Chưởng giám Tiến Lộc hầu Lê Văn Hiểu (người xã Hải Châu, huyện Ngọc Sơn) xông lên trước, phá được luỹ Trung Hoà, được thăng tước quận công[7].

Tháng 5, Chúa thấy trời nóng nực ra lệnh rút quân. Lưu Tá trấn doanh Tiến quận công Lê Văn Hiểu và Hữu trấn doanh Đông quận công Lê Hữu Đức chia nhau đóng đồn ở Hoà Trung **[25b]** thuộc Kỳ Hoa. Cho Mậu quận công Phạm Tất Toàn giữ châu Bắc Bố Chính[8].

Mạc Kính Hoàn cướp vùng Tây Cạn xứ Thái Nguyên. Lưu thủ Trịnh Quân sai quân cùng biên tướng đánh đuổi được[9].

Tả thị lang bộ Hộ kiêm Huy Văn viện thiêm sự Nhân quận công Doãn Hy về trí sĩ, thăng Thiếu bảo. Sau Hy mất, tặng là Thượng thư bộ Công (Hy người xã Cổ Định, huyện Nông Cống)[10].

Tháng 6, xa giá trở về kinh[1].

---

[1] Bản Lê Hy không chép.

[2] Bản Lê Hy không chép.

[3] Bản Lê Hy không chép.

[4] Bản Lê Hy không chép.

[5] Bản Lê Hy chép đúng là Minh Sùng Trinh năm thứ 16.

[6] Bản Lê Hy không chép.

[7] Bản Lê Hy không chép.

[8] Bản Lê Hy không chép.

[9] Bản Lê Hy không chép.

[10] Bản Lê Hy không chép đoạn cuối.

Mùa đông, tháng 10, ngày 13 là ngày Quý Dậu, [vua] sai Quỳnh công Trịnh Đệ mang tờ cáo nhường ngôi cho Hoàng thái tử Duy Hựu. Thái tử lên ngôi ở điện Cần Chính, lúc ấy mới 13 tuổi. Đại xá, đổi niên hiệu là Phúc Thái, tôn vua lên làm Thái thượng hoàng, tôn hoàng hậu Trịnh thị làm Hoàng thái hậu, ở cung Đức Thọ. Gia tôn Hoàng thái hậu họ Trịnh làm Thái hoàng thái hậu. Ngày Nhâm Ngọ, truy tôn miếu hiệu Thái Vương [Trịnh Kiểm] là Thế Tổ; miếu hiệu **[26a]** Triết vương [Trịnh Tùng] là Thành Tổ.

Ngày Ất Dậu, sai Đường quận công Nguyễn Danh Thế mang phù tiết bằng ngọc, và sách ấn vàng để gia tôn chúa [Trịnh Tráng] làm Đại nguyên soái thống quốc chính thái thượng sư phụ Thanh Vương.

Thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Lê Trí Trạch 9 người.

Tháng 12, thi đình cho bọn Nguyễn Khắc Thiệu 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Lê Đình Dự 7 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tả thị lang bộ Lại là Thọ Hải hầu Trần Hữu Lễ mất, tặng là Thượng thư bộ Công[2]. Lưu thủ Thanh Hoa là Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm mất, tặng Thái phó[3].

[1] Bản Lê Hy không chép.

[2] Bản Lê Hy không chép.

[3] Bản Lê Hy không chép. Quyển XXI bản Phạm Công Trứ kết thúc ở đây.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Tục Biên

Quyển XXII[1]

[**Ất Dậu,** Thịnh Đức năm thứ 3 [1655], (Minh Lịch năm thứ 9, Thanh Thuận Trị năm thứ 12)].

[18a] [Phạm Công] Trứ tiến cử Lê Thì Hiến có tài làm tướng, có thể đảm đương một phương diện, không nên vì thất bại trước mà bỏ ông ta[2]. Bèn dùng lại, sai theo đi đánh. Các tướng tiến đến Kỳ Hoa, quân giặc tự rút lui.

Tháng 11, [Trịnh] Toàn, [Đào] Quan Nhiêu, [Lê] Hữu Đức rút quân về Yên Trường. Tây Định Vương [Trịnh Tạc] rút quân về kinh sư; để [Vũ] Văn Thiêm ở lại làm trấn thủ, Dương Hồ làm Đốc thị, [Đào] Quang Nhiêu làm Đồn thủ, [Phan] Hưng Tạo làm Đốc thị, đều thống lĩnh quân sĩ sở thuộc đóng ở Yên Trường. Lại sai Nanh quận công Thân Văn Quanh, Lại quận công Mẫn Văn Liên, Cai đội Nguyễn Như Khuê, Lê Văn Tiến, Lê Văn Hy đóng đồn ở xã Tiếp Vũ huyện Thiên Lộc; Lăng quận công Nguyễn Thế Thì đóng đồn ở Minh Lương.

Tháng 12, gia phong Trịnh Toàn làm Thiếu Bảo, mở quân doanh Tả dực nội.

Bính Thân, [Thịnh Đức] năm thứ 4 [1656], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 10, Thanh Thuận Trị năm thứ 13).

Mùa xuân, tháng giêng, quân Thuận Hóa đánh úp đồn của Tiếp Vũ **[18b].** Bọn Thân Văn Quanh thua chạy. Giặc kéo ra sông Tam Chế, sáp vào đánh quân thủy.

Vũ Công Quang ra sức chống đánh, Lê Sĩ Hậu tiếp cứu, đánh phá được. Vũ Văn Thiêm sai Phạm Công Thắng lên bờ xáp đánh, chém được ngà voi. Bàn công, thăng Sĩ Hậu làm Đề đốc; Công Quang làm Tham đốc, tước hầu.

Sai Trịnh Toàn thống lĩnh các tướng, trấn giữ Nghệ An. Bọn Văn Thiêm, Quang Nhiêu đều thuộc dưới quyền. Lấy Đô cấp sự Ngô Sĩ Vinh, Cấp sự Vũ Vinh Tiến làm Đốc thị. Tháng 2, Tham tụng thượng thư bộ Binh là Liêm quận công Đặng Thế Khoa mất. Thế Khoa có văn học, mưu trí, giữ mình thanh liêm kiệm ước, cửa nhà không mảy may... (mất một chữ). Thọ 64 tuổi tặng Thiếu bảo, gia phong là Phúc thần[3]. Mùa hạ tháng 5, thuyền giặc vào cửa biển Nam Giới đánh úp thủy quân. Bọn Lê Sĩ Hậu, Nguyễn Hữu Sắc, Bùi Sĩ Lương, Thái Bá ...[4].

---

[1] Quyển XXII chỉ có tờ 18 bị đóng nhầm vào vị trí tờ 18 quyển XXI.

[2] Bản Lê Hy không chép, nhưng ý này có trong Lịch triều hiến chương loại chí (Nhân vật chí) của Phan Huy Chú, đoạn nói về Lê Thì HIến.

[3] Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

[4] Tờ 18b kết thúc giữa câu với từ Bá.